MỤC LỤC

ĐẤU TRANH VỚI CÁC BIỂU HIỆN SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG, CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, TỰ DIỄN BIẾN, TỰ CHUYỂN HÓA CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN 1

TS. Trần Mạnh Linh

Khoa Quản trị kinh doanh

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM TRONG PHÒNG CHỐNG THẤT THOÁT LÃNG PHÍ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN VỐN NSNN TẠI VIỆT NAM 9

TS. Hoàng Thị Thu Hà

Khoa Đầu tư

VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC-LENIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG BỐI CẢNH MỚI 23

ThS. Đào Bùi Kiên Trung

Khoa Toán Kinh tế

PHÁT HUY MẠNH MẼ BẢN SẮC NGOẠI GIAO CÂY TRE VIỆT NAM NHẰM BẢO VỆ LỢI ÍCH QUỐC GIA, DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP NGÀY NAY 29

TS. Lê Thị Hồng Thuận

Khoa Lý luận Chính trị

SV. Nguyễn Tuấn Kiệt, SV. Đặng Trần Lan Anh

Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

CÁC YÊU CẦU MỚI TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỚI BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP 42

TS. Lê Quỳnh Liên

Bộ môn Nguyên lý Kế toán, Viện Kế toán - Kiểm toán

PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU XÂY DỰNG NƯỚC VIỆT NAM NGÀY CÀNG GIÀU MẠNH, VĂN MINH, VĂN HIẾN, ANH HÙNG. 47

PGS.TS Phạm Trương Hoàng

Khoa Du lịch và Khách sạn

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHI BỘ KHOA DU LỊCH KHÁCH SẠN TRONG VIỆC TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG 56

Chi bộ Khoa Du lịch và Khách sạn

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

NHẬN THỨC MỚI VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH SAU 05 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 35-NQ/TW 62

ThS. Bùi Thị Quỳnh Trang

Viện Đào tạo Quốc tế

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI 74

ThS. Nguyễn Thị Thu Trang

Khoa Ngoại ngữ Kinh tế

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN ĐẢNG TRONG LỰC LƯỢNG ĐOÀN VIÊN SINH VIÊN HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN TRẺ, CÓ CHẤT LƯỢNG 86

TS. Phan Anh Tuấn

Khoa Bảo hiểm

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ ĐOÀN VIÊN SINH VIÊN CÓ LÝ TƯỞNG - CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHẤT LƯỢNG CAO CHO ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 99

TS. Nguyễn Thị Chính

Khoa Bảo hiểm

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÌNH HÌNH MỚI 110

ThS. Huỳnh Văn Khải

Khoa Marketing

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, BẢO VỆ LỢI ÍCH QUỐC GIA, BẢO VỆ TỔ QUỐC KHI NƯỚC CHƯA NGUY 114

PGS.TS Phạm Thị Huyền

Khoa Marketing

GIẢI PHÁP NÂNG CAO QUYỀN NĂNG CHÍNH TRỊ CHO 120
NỮ ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ 120

TS. Vũ Hoàng Linh

Khoa Marketing

ĐẤU TRANH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG NHẰM BẢO VỆ CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC 126

TS. Nguyễn Thành Vinh

Khoa Bảo hiểm

THAM NHŨNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 137

Chi bộ Viện Phát triển Bền vững

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ 165

PGS.TS Nguyễn Đức Dũng

Bộ môn Kế toán tài chính, Viện Kế toán - Kiểm toán

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ VẬN DỤNG TRONG CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN THEO HƯỚNG TỰ CHỦ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC MỚI. 174

ThS. Nguyễn Chí Dũng

Phòng Quản lý khoa học

QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ KHU VỰC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM 184

PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hiếu

Khoa Lý luận chính trị

NHẬN DIỆN HÀNH VI LỆCH CHUẨN TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA 196

TS. Cao Quốc Quang

Khoa Thống kê

VẬN DỤNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ TRƯƠNG CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA ĐẢNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ ..208

PGS.TS Phạm Văn Hùng

Khoa Đầu tư

KIÊN ĐỊNH CÁC NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH HIỆN NAY 223

TS. Nguyễn Thị Mai Anh

Bộ môn Kế toán tài chính, Viện Kế toán - Kiểm toán

TÌM HIỂU VIỆC BẢO VỆ, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 232

Chi bộ Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO: KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM 238

PGS.TS. Mai Ngọc Anh, TS. Đinh Viết Hoàng

Khoa Khoa học quản lý

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG XÃ HỘI 252

ThS. Trần Thị Thanh Hà

Phòng Quản lý đào tạo

TIN TƯỞNG ÁNH SÁNG SOI ĐƯỜNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: VÌ MỘT VIỆT NAM GIÀU MẠNH, VĂN MINH, VĂN HIẾN ANH HÙNG TRONG KỶ NGUYÊN HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN 260

Chi bộ viện ngân hàng tài chính

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG CÓ SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM 309

TS. Phùng Chí Cường

Viện đào tạo Sau đại học

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM 324

PGS.TS Vũ Thành Hưởng

Viện Đào tạo Sau đại học

GÓP PHẦN ĐẤU TRANH BẢO VỆ LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC . 346

TS. Dương Thùy Linh

Khoa Khoa học quản lý

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG VIỆC TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN 352

TS. Tạ Mạnh Thắng

P.KT&ĐBCLGD

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....358

PGS.TS Nguyễn Thị Cẩm Vân

Khoa Toán Kinh tế

BẢO VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH NĂM 2024 375

TS. Phan Thị Thu Hiền

Khoa Đầu tư

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....384

TS. Nguyễn Xuân Thắng

Viện đào tạo Sau đại học

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....395

PGS.TS Đặng Thị Lệ Xuân

Khoa Kế hoạch và Phát triển

ĐẤU TRANH VỚI CÁC BIỂU HIỆN SUY THOÁI VỀ TƯ TƯỞNG, CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, TỰ DIỄN BIẾN, TỰ CHUYỂN HÓA CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

TS. Trần Mạnh Linh

Khoa Quản trị kinh doanh

Email: manhlinh@neu.edu.vn

Đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" của cán bộ, đảng viên trong lĩnh vực đạo đức, lối sống là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nhằm bảo vệ quan điểm, nguyên tắc, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước, bảo vệ những thành tựu của Việt Nam đã đạt được sau hơn 35 năm đổi mới và hội nhập quốc tế.

1. Đặt vấn đề

Từ giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1994), Đảng ta đã thừa nhận tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, tham nhũng, tiêu cực là một trong những nguy cơ, nguyên nhân cản trở sự phát triển, sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn luôn là nhiệm vụ then chốt, đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta, chế độ ta. Không phải ngẫu nhiên mà Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ này. Chỉ tính riêng 10 năm gần đây, Trung ương đã bàn và ban hành nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện một cách ráo riết, quyết liệt, có hiệu quả.

Thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII và các quyết định, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong thời gian qua, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, chúng ta đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhưng tình trạng suy

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi một cách căn bản, thậm chí có mặt còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn, có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đánh giá: "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...". Tình trạng này "làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ".

2. Nhận diện các biểu hiện suy thoái

Thông qua lý luận và tổng kết thực tiễn, Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ đã chỉ ra những biểu hiện để nhận diện các hành vi này, trong đó có 9 biểu hiện về suy thoái đạo đức, lối sống. Cụ thể như sau:

(1) Cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tỵ nạnh, không muốn người khác hơn mình.

(2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền; độc đoán, gia trưởng, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành.

(3) Kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

(4) Mắc bệnh "thành tích", háo danh, phô trương, che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, "đánh bóng" tên tuổi; thích được đề cao, ca ngợi; "chạy thành tích", "chạy khen thưởng", "chạy danh hiệu".

(5) Quan liêu, xa rời quần chúng, không sâu sát cơ sở, thiếu kiểm tra, đôn đốc, không nắm chắc tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị mình; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của nhân dân.

(6) Quyết định hoặc tổ chức thực hiện gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên....; đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; chi tiêu công quỹ tuỳ tiện, vô nguyên tắc. Sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, phí phạm thời gian lao động.

(7) Tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thao túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực.

(8) Thao túng trong công tác cán bộ; chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... Sử dụng quyền lực được giao để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

(9) Đánh bạc, rượu chè bê tha, mê tín dị đoan, ủng hộ hoặc tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp. Sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tôc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội.

Qua các biểu hiện cụ thể trên cho thấy, các biểu hiện này có quan hệ mật thiết với nhau, tự chuyển hoá cho nhau, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đến "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" chỉ là một bước rất ngắn ở mức độ khác nhau. Có thể nói "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" là một quá trình tự thay đổi tâm lý, tư tưởng chính trị, văn hoá, đạo đức, lối sống hằng ngày, hằng giờ của một bộ phận cán bộ, đảng viên theo hướng tiêu cực và rất nguy hại, ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước ta và là nhân tố, nguyên nhân quan trọng nhất làm thay đổi nền tảng tư tưởng, bản chất chính trị, tác động đến sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

3. Một số giải pháp cần đặc biệt tập trung thực hiện:

Để góp phần phòng, chống và từng bước đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở cán bộ, đảng viên trong tình hình mới, xin nêu một số giải pháp để trao đổi cùng đồng nghiệp như sau:

Thứ nhất: tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng

Tổ chức Đảng quán triệt đến các đảng viên phải chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng. Tổ chức Đảng để xảy ra đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là trách nhiệm của tổ chức Đảng.

Công tác nhận diện đảng viên có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; cần tổ chức đảng phải sâu sát, nắm bắt kịp thời để can thiệp kịp thời do đó các cấp ủy đảng phải chủ động nắm bắt tình hình, nhạy bén, phát hiện và chỉ ra những biểu hiện của sự suy thoái đang tiềm ẩn hoặc đã xuất hiện ở cơ quan, đơn vị mình để có biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi kịp thời, hiệu quả.

Tăng cường thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tự phê bình và phê bình là biện pháp tốt nhất để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, củng cố đoàn kết, thống nhất trong Đảng; đây là bài thuốc hữu hiệu để chữa các căn bệnh do suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống gây ra. Vì vậy, trong sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng cần phát huy dân chủ, nâng cao tính chiến đấu, tinh thần thẳng thắn, dũng cảm trong tự phê bình và phê bình. Cần khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm;đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016, của Bộ Chính trị một cách thiết thực, gắn với công việc, sự rèn luyện, tu dưỡng hằng ngày của mỗi cán bộ, đảng viên, để việc làm theo gương Bác hiệu quả, thiết thực. Phát huy vai trò chủ động, tự giác của đảng viên trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

Đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là giải pháp quan trọng để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên hiện nay. Bên cạnh thực hiện nghiêm nguyên tắc sinh hoạt Đảng thì cần thực hiện đúng quy chế làm việc của cấp ủy, ủy ban kiểm tra và quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu; kiên quyết khắc phục các biểu hiện dân chủ hình thức, độc đoán chuyên quyền, cá nhân chủ nghĩa, lấy danh nghĩa tập thể để trục lợi hoặc tranh công, đổ lỗi... Trong sinh hoạt, tập trung lãnh đạo, giải quyết những vấn đề thiết thực, cụ thể, trọng tâm, trọng điểm; xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm, giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc, khắc phục khâu yếu kém của cơ quan, đơn vị và nguyện vọng chính đáng của quần chúng, cán bộ, đảng viên. Nghị quyết lãnh đạo của chi bộ nên ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, khả thi và cần cụ thể hóa bằng kế hoạch để thực hiện, gắn liền với khâu kiểm tra, giám sát; kịp thời, phát hiện và có giải pháp xử lý hiệu quả vấn đề nảy sinh.

Thứ hai là: tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, quần chúng theo định hướng Đại hội XIII của Đảng.

Đại hội XIII của Đảng xác định: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Chú trọng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội". Đồng thời, đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng chính trị, học tập nghị quyết, kết hợp chặt chẽ việc phổ biến, quán triệt làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn với gợi mở vấn đề thực tế đang đặt ra và thảo luận, trao đổi, phát huy tìm tòi, sáng tạo của cá nhân; chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng; thường xuyên cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Cấp ủy cần tăng cường đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên gắn với việc kiểm điểm, đánh

giá tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên hàng năm để chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế. Chủ động nắm bắt tâm tư, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong chi bộ.Coi trọng nâng cao chất lượng công tác giáo dục; vận dụng sáng tạo lý luận phù hợp với thực tiễn, đặc biệt là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tích cực đổi mới phương pháp giáo dục, bảo đảm đa dạng, phong phú; gợi mở để cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, tự tu dưỡng, tự kiểm điểm, nâng cao đạo đức cách mạng, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Thực hiện nghiêm các tiêu chí về đạo đức, lối sống; kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống".

Thứ ba là: phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

Người đứng đầu cấp ủy và cơ quan, đơn vị phải nâng cao nhận thức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, tự giác, gương mẫu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Cán bộ cấp trên nêu gương cho cán bộ cấp dưới; thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu gương cho cán bộ, nhân viên.

Hằng năm, cán bộ, đảng viên thực hiện nghiêm quy định cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật, cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; lấy kết quả thực hiện cam kết để kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, đảng viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy có phẩm chất, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Mỗi cán bộ đảng viên cần gương mẫu phát huy tính tiền phong là cánh tay đắc lực của Đảng, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

Thứ tư là: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán bộ đảng viên về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật để biểu dương những ưu điểm, kịp thời uốn nắn, khắc phục những hạn chế, thiếu sót.

Kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, viết, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm những điều đảng viên không được làm.

Các cấp ủy đảng cần tăng cường kiểm tra, giám sát toàn diện về tư tưởng chính trị, động cơ, thái độ, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, lối sống. Khi phát hiện cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái, phải tiến hành kiểm tra, xác minh, làm rõ. Quá trình kiểm tra, giám sát, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của tổ chức đảng, các cơ quan chức năng và quần chúng để có thông tin đầy đủ, chính xác; kiên quyết khắc phục bệnh hình thức.

Ngoài việc xây dựng chương trình, kế hoạch, chuẩn hóa đội ngũ làm công tác kiểm tra, giám sát; cấp ủy cần xác định đúng trọng tâm, trọng điểm nội dung kiểm tra, giám sát, trong đó cần xem kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, năng lực công tác là nội dung rất quan trọng; cần được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy trình, quy định. Mặt khác, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, tổ chức trong hoạt động kiểm tra, giám sát, nhất là vai trò của cấp ủy, cơ quan, đơn vị, ủy ban kiểm tra, tổ chức đảng và quần chúng đối với cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm minh, "tâm phục, khẩu phục" những trường hợp vi phạm.

Thực sự quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên bằng việc ban hành và thực thi quy định chặt chẽ hơn về kết nạp đảng viên mới bảo đảm chất lượng, kiên quyết không chạy theo số lượng để ngăn chặn những kẻ cơ hội, thực dụng thâm nhập vào hàng ngũ của Đảng. Nghiên cứu để có cách thức đánh giá, xếp loại đảng viên thực chất hơn, đủ sức thanh lọc, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng. Không dung nạp những phần tử cơ hội, cá nhân chủ nghĩa.

Thứ năm là: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện mạng lưới cộng tác viên công tác tư tưởng chính trị trong Đảng và trong xã hội.

Cần xây dựng đội ngũ cộng tác viên thực hiện công tác xã hội tư tưởng với mọi tầng lớp xã hội; tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể,

đặc biệt là các thành viên công tác xã hội tư tưởng ở địa phương để đổi mới trong quản lý, giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị của đội ngũ này để đội ngũ này tự nguyện trau dồi, rèn luyện và tích cực học tập chủ trương, chính sách của Đảng. . Đối với Chính phủ, cần chuyển công tác thông tin, tuyên truyền sang công tác truyền thông chính trị, quan hệ công chúng, nhằm huy động đông đảo cán bộ, đảng viên và người dân tham gia vào mọi giai đoạn của chu kỳ chính trị, pháp luật và đáp ứng yêu cầu của người dân nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Thứ sáu là: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin điện tử tuyên giáo (VCNET).

Cần nghiên cứu, sử dụng phần mềm theo dõi, phân loại các thông tin tích cực, tiêu cực trên Internet và mạng xã hội liên quan đến cơ quan, đơn vị; cảnh báo dư luận bất bình và nguy cơ biểu tình tại "điểm nóng"; Phát triển các phần mềm tự động để tham gia các chiến dịch truyền thông chủ động (lan truyền nhiều thông tin tích cực; pha loãng, phân tán luồng thông tin tiêu cực, xấu, độc hại), đặc biệt tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM TRONG PHÒNG CHỐNG THẤT THOÁT LÃNG PHÍ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN VỐN NSNN TẠI VIỆT NAM

TS. Hoàng Thị Thu Hà

Khoa Đầu tư - ĐH Kinh tế Quốc dân

Email: hoangthuha@neu.edu.vn

Tóm tắt: *Đất nước ta sau hơn 35 năm đổi mới đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, nhưng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí lại chưa tương xứng với những thành tựu kinh tế đạt được. Mặc dù đã có Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhưng đến nay tình trạng thất thoát lãng phí vốn đầu tư, đặc biệt là từ nguồn vốn NSNN vẫn còn rất phức tạp. Chính vì vậy, chống thất thoát, lãng phí, thực hành tiết kiệm nguồn lực đang là một vấn đề cấp bách, là công việc của toàn Đảng, toàn dân nhằm nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng vốn đầu tư công. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi sự nghiệp xây dựng đất nước của chúng ta còn nhiều khó khăn, thử thách. Chỉ có tiết kiệm mới có thể giúp tích trữ vốn cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước trong tương lai.*

Từ khóa*: Tư tưởng Hồ Chí Minh, tiết kiệm, thất thoát, lãng phí, nguồn vốn NSNN*

1. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tiết kiệm và thực hành tiết kiệm

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm là một phần quan trọng trong tư tưởng đạo đức của Người. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề thực hành tiết kiệm, về chống tham ô, lãng phí không chỉ được Người đề cập, nêu ra ở những bài nói, bài viết của mình, mà bản thân Người là một tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng, về cuộc sống cần, kiệm, liêm, chính. Tư tưởng và sự thực hành tiết kiệm của Hồ Chí Minh đã thể hiện năng lực tư duy khoa học, sáng tạo và lối sống thanh cao của một danh nhân văn hóa kiệt xuất. Hồ Chí Minh nói nhiều đến tiết kiệm như một phẩm chất đạo đức của con người nói chung và của người cách

mạng nói riêng. Bởi những điều đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng không chỉ trong kháng chiến chống xâm lược giành độc lập dân tộc mà còn trong giai đoạn hòa bình, xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

Tiết kiệm (hay kiệm) được Hồ Chí Minh định nghĩa ngắn gọn "là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi". Theo định nghĩa đó, tiết kiệm là sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực để gia tăng sức mạnh toàn diện của đất nước. Người tiết kiệm phải biết cân đối, tính toán các nguồn lực để chi phí bỏ ra nhỏ nhất mà lại đạt được mục tiêu cao nhất theo phương châm "1 giờ làm xong việc của 2, 3 giờ. 1 người làm bằng 2, 3 người. 1 đồng dùng bằng 2, 3 đồng". Trong điều kiện cần có nguồn lực để phát triển đất nước, chúng ta có thể huy động vốn bằng cách vay nợ nước ngoài nhưng không coi đó là cách chủ yếu để huy động vốn. Cách huy động vốn chủ yếu của chúng ta chỉ có thể là tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm trong cả sản xuất và tiêu dùng.

Nội hàm chữ "kiệm" (hay "tiết kiệm") trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng, bao gồm tiết kiệm của cải vật chất, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm sức dân, tiết kiệm nhân tài, tiết kiệm lời... (chứ không chỉ là tiết kiệm vật chất trong quan niệm truyền thống). Cụ thể bao gồm một số nội dung như sau:

Thứ nhất là tiết kiệm của cải vật chất. Kế thừa tư tưởng của ông cha, Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng, tiết kiệm trước hết là tiết kiệm của cải vật chất. Việt Nam là một nước nghèo, ngân khố quốc gia hạn hẹp nên Nhà nước phải có chính sách tài khóa phù hợp để dồn tiền cho sản xuất, đặc biệt cho những ngành quan trọng đối với quốc kế, dân sinh. Nước nghèo thì đại bộ phận dân chúng cũng nghèo nên mỗi người và mỗi gia đình vừa phải cần cù vừa phải tiết kiệm. Tiết kiệm trong chi tiêu để vừa đảm bảo sinh hoạt tối thiểu, vừa có tích lũy, để dần dần từ nghèo thành đủ ăn, từ đủ ăn thì thành khá giàu, từ khá giàu thành giàu thêm. Như vậy, tiết kiệm của cải suy cho cùng là chi tiêu hợp lý, chi tiêu phải thấp hơn so với khả năng cho phép để tạo ra sự tích lũy vật chất cho cá nhân cũng như xã hội.

Thứ hai là tiết kiệm thời gian. Đối với Hồ Chí Minh, tiết kiệm còn là tiết kiệm thời gian. Thời gian cũng chính là tiền bạc, thậm chí thời gian còn quý hơn

tiền bạc. Thời gian và sự làm việc tích cực sẽ đẻ ra tiền bạc, nhưng tiền bạc vẫn không thể mua được thời gian, không thể kéo thời gian quay trở lại. Mỗi người cần phải tiết kiệm thời gian của mình cũng như thời gian của người khác. Để tiết kiệm thời gian phải giữ vững kỷ luật lao động trong 8 giờ vàng ngọc, phải sắp xếp công việc một cách khoa học, phải hạn chế việc họp hành kéo dài mà không hiệu quả.

Thứ ba là tiết kiệm sức dân. Hồ Chí Minh viết: "Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta". Tiết kiệm sức dân có nghĩa là phân công lao động hợp lý, tổ chức dây chuyền sản xuất khoa học. Tiết kiệm sức dân còn có nghĩa là không phô trương hình thức, không làm những công trình chưa thực sự cần thiết. Tiết kiệm sức dân còn là tiết kiệm xương máu của bộ đội, chiến sỹ và nhân dân. Người viết: "Của cải hết có thể làm ra, thời gian qua, thời gian lại đến. Nhưng bộ đội hy sinh là hy sinh xương máu. Có khi hy sinh cả tính mệnh nên phải giữ gìn từng giọt máu của đồng bào để xây đắp tương lai của Tổ quốc" .

Thứ tư là tiết kiệm nhân tài. Kế thừa quan điểm "hiền tài là nguyên khí quốc gia" của ông cha, Hồ Chí Minh chủ trương tiết kiệm nhân tài bằng cách phân công công việc đúng sở trường của từng người và vận động mọi nhân tài ra gánh việc nước. Vì mỗi con người đều có sở trường và sở đoản nên người lãnh đạo phải tuỳ tài mà dùng người. Hồ Chí Minh yêu cầu:"Tài to ta dùng việc to, tài nhỏ ta cắt làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì ta đặt ngay vào việc ấy". Tư tưởng tiết kiệm nhân tài, trọng dụng nhân tài không chỉ là biểu hiện của sự khôn ngoan chính trị của Hồ Chí Minh, mà còn là biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn sâu sắc của Người.

Thứ năm là tiết kiệm lời. Tiết kiệm đối với Hồ Chí Minh còn là tiết kiệm lời. Phương châm hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh là "nói thì phải làm", "nói ít, làm nhiều, chủ yếu là hành động". Đó là biểu hiện của tư tưởng tiết kiệm lời. Yêu cầu tiết kiệm lời được Hồ Chí Minh đặt ra với từng cá nhân cũng như toàn bộ tổ chức Đảng. Với mỗi cá nhân, Hồ Chí Minh yêu cầu: "nói ít, bắt đầu

bằng hành động". Với các cơ quan đoàn thể, Người khuyên không nên họp nhiều, phải hết sức tránh "tình trạng là hội mà không nghị, nghị mà không quyết, quyết rồi mà không làm". Nếu coi hành động là biểu hiện của đạo đức thì có thể coi sự tiết kiệm lời (chỉ nói những điều thiết thực nhất) là biểu hiện của đức tính cẩn trọng, trung tín của con người.

2. Tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn NSNN tại Việt Nam

2.1 Khái niệm về thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản

Hồ Chí Minh đã cho rằng: " Lãng phí bao gồm nhiều mặt: lãng phí sức lao động, lãng phí thời gian, lãng phí tiền của, lãng phí của cải vật chất của nhân dân, của đất nước". Nguyên nhân gây ra lãng phí là do trình độ non kém, do thiếu kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, do độc đoán đưa ra những quyết định sai lầm. Lãng phí tuy không lấy của công đút túi, song kết quả rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ, có khi tai hại hơn nạn tham ô. Theo Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí: "Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định." Đối với đầu tư xây dựng, lãng phí là khi những khoản chi đã được đưa vào thực hiện công trình, dự án vượt quá chế độ quy định, mức tiêu chuẩn hoặc những khoản tiền đã đầu tư nhưng không hoàn thành được mục tiêu của công trình, dự án đã được xác định trước hoặc không có hiệu quả.

Về khái niệm thất thoát trong đầu tư xây dựng là những nguồn lực bị mất đi khi thi công dự án hay công trình, không được đưa vào quá thi công. Thất thoát cũng là trong quá trình đầu tư đã làm mất đi một số lượng lớn tài sản của nhà nước, gây thiệt hại đáng kể cho ngân sách nhà nước. Điều cần nhấn mạnh là có những thất thoát trước mắt và còn có hậu quả về sau mà chúng gây nên. Những thất thoát trong xây dựng công trình làm giảm sút chất lượng của công trình, ảnh

hưởng đến tuổi thọ của công trình so với thiết kế. Đây cũng là một thất thoát vốn nhà nước phải tính đến, bởi lẽ công trình chỉ phục vụ được trong thời gian ngắn hơn thời gian được ghi trong báo cáo khả thi được duyệt. Thất thoát lại có phần thấy được và có phần không thấy được. Khi thời gian thực hiện một dự án công trình, vì nhiều lý do, bị kéo dài, hiệu quả của dự án công trình đó sẽ bị sụt giảm. Tính năng kỹ thuật của các trang thiết bị trong dự án công trình bị lỗi thời trong khi giá thiết bị so với tính năng kỹ thuật trở nên quá đắt. Mặt khác, trong tình hình hiện nay, dự án công trình càng bị kéo dài thì giá đất, nhất là ở các đô thị, càng tăng, kéo theo tiền giải phóng mặt bằng và tái định cư trong các dự án công trình đó và tổng dự toán cũng càng tăng. Từ đó gây lãng phí vốn đầu tư công của đất nước.

Như vậy thất thoát và lãng phí trong đầu tư xây dựng đó là sự tổn hao các nguồn lực, làm mất cơ hội để sản xuất thêm cơ sở vật chất. Điều này làm giảm hiệu quả đầu tư và khả năng phát triển của toàn bộ nền kinh tế xã hội.

2.2. Thực trạng thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản tại Việt Nam giai đoạn 2016- 2022

Ngày nay đất nước ta sau hơn 30 năm đổi mới đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, nhưng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí lại chưa tương xứng với những thành tựu kinh tế đạt được. Mặc dù đã có Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhưng đến nay tình trạng thất thoát lãng phí vốn đầu tư, đặc biệt là từ nguồn vốn NSNN vẫn còn rất phức tạp và diễn ra trong nhiều năm liền. Theo báo cáo của Đoàn giám sát Quốc hội năm 2022, rất nhiều công trình có thủ tục đầu tư vi phạm quy định, gây lãng phí, thất thoát cho Nhà nước, không mang lại lợi ích đầu tư như kỳ vọng. Có khoảng 3.000 công trình có lãng phí, thất thoát trong giai đoạn 2016-2021, trong đó, năm 2016 có 590 dự án, năm 2017 có 840 dự án, năm 2018 có 422 dự án, năm 2019 có 125 dự án, năm 2020 có 923 dự án và năm 2021 có 185 dự án. Cũng trong báo cáo, các địa phương có nhiều công trình vi phạm dẫn đến lãng phí, thất thoát trải dài khắp cả nước, trong đó: Bắc Giang có 196 dự án (2018), 864 dự án (2020); Thanh Hóa có 52 dự án (2019), 19

dự án (2020), 90 dự án (2021); Nghệ An có 20 dự án (2019); Sơn La có 33 dự án (2019); Phú Thọ có 111 dự án (2018); Hà Tĩnh có 34 dự án (2020); Quảng Ngãi có 58 dự án (2018); Lạng Sơn có 48 dự án (2021)

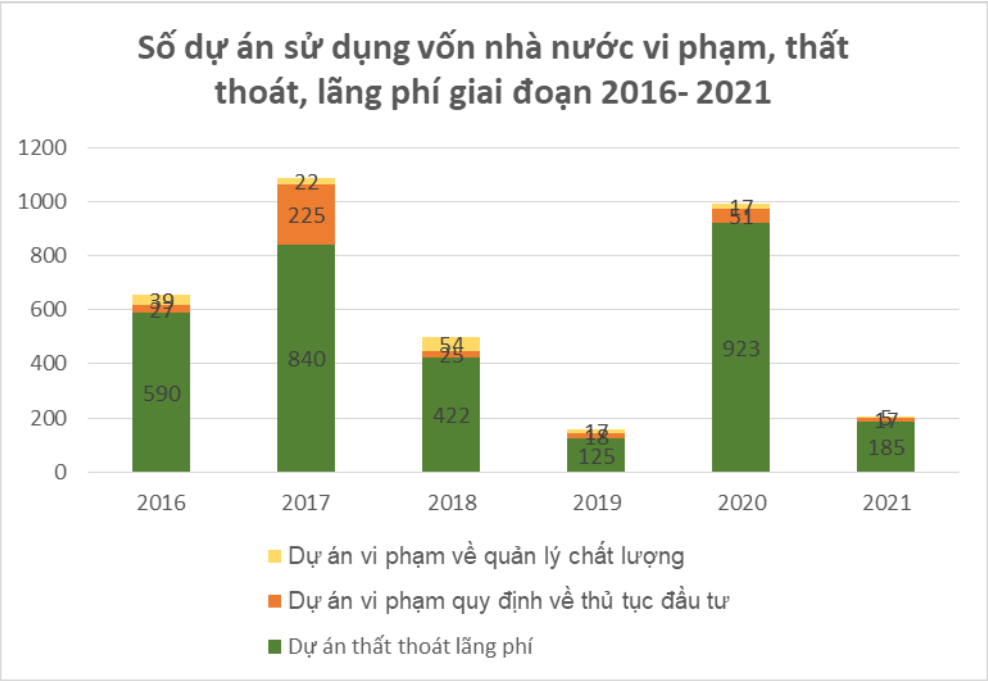

(Nguồn: Báo cáo giám sát của QH 2022)

Tại 2 thành phố lớn là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư công cũng rất nghiêm trọng. Cụ thể, tại TP. HCM, một số dự án thuộc diện quan trọng quốc gia quyết định đầu tư từ nhiều nhiệm kỳ trước đây chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư lên gấp nhiều lần, thực hiện chưa đúng quy định, gây bức xúc dư luận. Có thể kể đến Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành - Suối Tiên (JICA), được phê duyệt năm 2008, qua 14 năm thực hiện vẫn tiếp tục xin lùi thời hạn hoàn thành (dự kiến năm 2028 mới kết thúc dự án), đội vốn quá lớn từ 7.387 tỷ đồng lên 43.757 tỷ đồng.

Dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2, Bến Thành - Tham Lương (ADB, KfW, EIB), được phê duyệt tháng 10/2010 song theo Báo cáo của Thành phố thì thời gian hoàn thành thi công đưa vào khai thác dự kiến phải đến năm 2030. Đây cũng tiếp tục là dự án đội vốn rất lớn, tổng mức đầu tư ban đầu là 26.116 tỷ đồng vào 2010, đến 2018 là 47.891,28 tỷ đồng.

Với Hà Nội, nhiều dự án lớn, nhất là các tuyến đường sắt đô thị cũng ở tình trạng chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư, chưa rõ thời hạn hoàn thành. Cụ thể,

Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP. Hà Nội, đoạn Nhổn-ga Hà Nội: Tổng mức đầu tư: 32.910 tỷ đồng, thời gian thực hiện: 2008-2022; Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 2, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo: Dự án đang làm thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 19.555 tỷ đồng lên 35.678,632 tỷ đồng. Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội: Tổng mức đầu tư: 16.293,444 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2013-2021.

Ngoài các dự án chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư, còn có những dự án nhóm A đã hoàn thành, đưa vào hoạt động nhưng kém hiệu quả như: Dự án Bảo tàng Hà Nội, Tuyến xe buýt nhanh (BRT) Cát Linh - Hà Đông... Riêng tuyến buýt BRT với quy mô đầu tư gần 1.000 tỷ đồng nhưng không hiệu quả và đang có nguy cơ phải "khai tử".

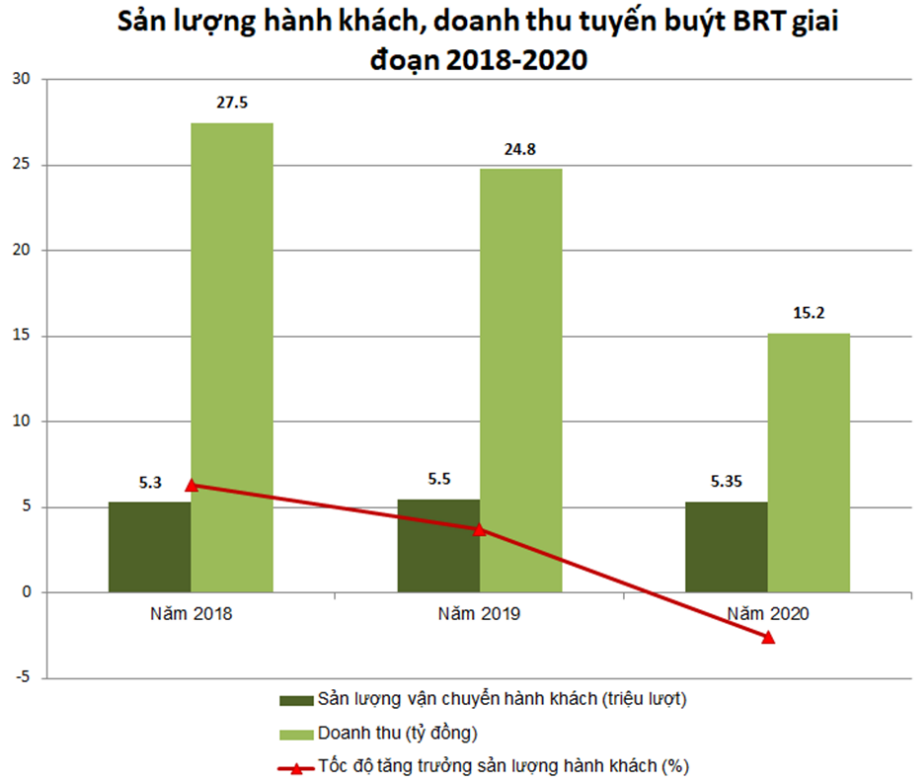

(Nguồn: Sở GTVT Hà Nội)

Các loại dự án trên là những điển hình của việc thất thoát, lãng phí, xảy ra trong thời gian dài, nhưng chậm được các cấp có thẩm quyền khắc phục, xử lý. Đối với các dự án ODA, việc chậm tiến độ, kém hiệu quả ngoài thất thoát, lãng phí, còn ảnh hưởng đến uy tín quốc gia.

(Nguồn: Báo cáo giám sát của QH 2022)

2.3. Hậu quả của tình trạng thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản tại Việt Nam

Với tình trạng thất thoát, lãng phí, đi ngược lại với tư tưởng của Hồ Chí Minh về tiết kiêm thực hành tiết kiệm đã đem lại những hậu quả tiêu cực cả về mặt kinh tế và xã hội. Cụ thể:

- Về mặt kinh tế

Thứ nhất, lãng phí, thất thoát kìm hãm quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Lãng phí, thất thoát gây ra sự kém hiệu quả về mặt kinh tế của các dự án đầu tư, hơn nữa chất lượng dự án cũng không đáp ứng được yêu cầu đặt ra, không có khả năng thu hồi vốn hay lợi nhuận thấp. Điển hình như Dự án xây dựng đoạn cao tốc Cam Lộ - La Sơn do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh được giao quản lý dự án. Tổng mức đầu tư của dự án 7.669 tỷ đồng với chiều dài trên 98 km. Thanh tra phát hiện quá trình thi công tất cả các gói thầu xây lắp đều bị chậm tiến độ. Thời gian xây dựng bị kéo dài, dẫn đến không đảm bảo tiến độ thi công dự án, những đồng vốn đầu tư không được tận dụng một cách triệt để trong bối cảnh đất nước còn hạn chế về nguồn lực. Bộ Giao thông Vận tải đã 5 lần gia hạn tiến độ thực hiện, trong đó 4 gói thầu chậm tiến độ

do thiếu vật liệu đất đắp nền đường và điều chỉnh thiết kế kỹ thuật. Việc kéo dài thời gian đã gây ra những tổn thất lớn về kinh tế. Chưa dừng lại ở đó, dự án này còn nhiều bất cập trong quá trình đưa vào hoạt động. Cao tốc Cam Lộ - La Sơn thiết kế 2 làn đường hẹp, lại bố trí "làn nhập làn" đúng nút thắt cổ chai. Các điểm "bóp" này lại trở thành điểm ngoặt gây nguy hiểm cho những tài xế không làm chủ được tốc độ. Đáng nói, trên tuyến cao tốc này còn thiếu đèn chiếu sáng, những ngày trời mưa, sương mù, nhất là ban đêm, lái xe khó khăn và không đảm bảo an toàn. Bên cạnh đó, khi đi trên tuyến cao tốc Cam Lộ - La Sơn sóng điện thoại rất chập chờn, thiếu trạm xăng, trạm dừng nghỉ. Những cung đường cấm vượt kéo dài và thiếu camera giám sát dẫn đến tình trạng lái xe chạy ẩu, vượt ẩu. Cũng do mặt đường hẹp, chỉ có 2 làn, lại không có dải phân cách cứng ở giữa nên mỗi lần xe sau vượt qua là lấn sang làn ngược chiều dễ xảy ra tai nạn đối đầu. Mặc dù tốn của Nhà nước một nguồn ngân sách lớn nhưng thực tế dự án cao tốc Cam Lộ - La Sơn vẫn chưa hoàn thành được những nhiệm vụ đặt ra cho mục tiêu phát triển kinh tế theo chiều dọc đất nước.

Không chỉ thế, thất thoát, lãng phí còn làm giảm năng suất lao động. Nguyên nhân là những lãnh đạo, cán bộ phụ trách trực tiếp cố tình chậm chễ trong việc giải quyết các thủ tục đầu tư, nhằm vòi vĩnh, đòi hỏi tiền hối lộ, bôi trơn từ những bên liên quan. Từ đó khiến cho công trình xây dựng bị đình trệ, nhân công phải tạm dừng công việc trong thời gian dài. Về phía chủ đầu tư, tình trạng chủ đầu tư liên tục đề xuất chủ trương làm phát sinh nhiều hạng mục đòi hỏi cấp trên phải giải quyết vừa mất thời gian, vừa gây mất cân đối nguồn vốn đầu tư công của Nhà nước, gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế quốc dân. Có thể thấy, một khi những vấn nạn như rút ruột công trình nhà nước, cắt xén nguyên vật liệu, móc ngoặc, thỏa thuận giữa bên đầu tư và đội ngũ thi công vẫn diễn ra hàng ngày tại nhiều dự án thì số tiền lãng phí, thất thoát không thể lượng hóa được. Đây là vấn đề cấp bách, đặt ra nhiều khó khăn đối với công tác quản lý các dự án đầu tư, dẫn đến những sơ hở, mở đường cho các tiêu cực khác lớn hơn trong hoạt động đầu tư công và để lại nhiều hậu quả kinh tế nghiêm trọng đối với nền kinh tế.

Thứ hai, lãng phí, thất thoát cản trở thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Như trong năm 2022, Quốc hội đã ghi nhận những kết quả tích cực trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Quốc hội cũng đưa ra những chỉ đạo sát sao, đẩy mạnh đồng bộ các biện pháp trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đặc biệt chú trọng tăng cường việc kiểm tra, thanh tra góp phần chống lãng phí, thực hành tiết kiệm. Tuy nhiên, tính riêng trong năm 2022, cơ quan thanh tra đã triển khai 222.629 cuộc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và 8.514 cuộc thanh tra hành chính trên phạm vi cả nước; từ đó phát hiện vi phạm gây thiệt hại 85.998 tỷ đồng về kinh tế cùng với 8.777 ha đất; đề nghị khắc phục hậu quả và thu hồi về ngân sách nhà nước tổng cộng 26.654 tỷ đồng 574 ha đất. Điều này cho thấy trong lĩnh vực đầu tư nói chung và đầu tư xây dựng nói riêng ở Việt Nam tỷ lệ thất thoát và lãng phí vẫn cao, môi trường đầu tư vẫn tồn tại tình trạng tiêu cực, tham nhũng. Hệ thống luật pháp chưa chặt chẽ, chưa bảo đảm được tài sản và quyền lợi của nhà đầu tư. Điều này trong tương lai sẽ khiến những nhà đầu tư nước ngoài e dè hơn trong việc ra quyết định đầu tư của mình.

- Về mặt xã hội

Thứ nhất, đời sống nhân dân bị suy giảm do chất lượng các dự án giảm sút. Tình trạng thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng dẫn đến các công trình không đem lại hiệu quả hoạt động, việc cắt xén nguyên vật liệu khiến công trình giảm tuổi thọ, mất an toàn kết cấu và về lâu dài dự án không thể đáp ứng được nhu cầu của người dân. Gần đây nhất, cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi được coi là dự án vướng nhiều tai tiếng về chất lượng, khiến nhiều cựu lãnh đạo của Tổng công ty Đầu tư và phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) bị khởi tố. Những hệ luỵ từ thi công cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi khiến người dân Quảng Ngãi, Quảng Nam... nhiều năm trời phải gánh hậu quả. Trên đường Hoàng Văn Thụ chạy qua phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi và thôn Điền Chánh, xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, hiện xuất hiện chi chít các vết nứt nẻ, ổ gà. Nhiều đoạn đá cấp phối bể nát, ao tù nước đọng trên những "ổ voi" sau mỗi cơn mưa, trở thành nỗi ám ảnh của người tham gia giao thông. Đường xuống cấp nhưng không được sửa

chữa, khiến việc đi lại, sinh sống của người dân dọc hai bên đường gặp rất nhiều bất tiện.

Thứ hai, tệ nạn xã hội phát triển. Tăng tỉ lệ tội phạm, tệ nạn xã hội cũng là một trong những hệ quả của tình trạng lãng phí, thất thoát khi nó mở đường cho nạn tham nhũng, tiêu cực trở nên phổ biến. Không thiếu các trường hợp những tên tội phạm kinh tế tìm cách đút lót cán bộ, người lãnh đạo của các dự án đầu tư với mục đích tư lợi, gây thất thoát nhiều tỉ đồng vốn ngân sách nhà nước. Mới đây nhất là vụ cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi khi vừa đi vào sử dụng đã xuất hiện rất nhiều điểm hư hỏng, ảnh hưởng nghiêm trọng tới vận hành khai thác, an toàn giao thông. Trong quá trình thi công, những cá nhân là lãnh đạo thuộc chủ đầu tư dự án, nhà thầu thi công và tư vấn giám sát, ban quản lý dự án đã vi phạm quy định của nhà nước từ công đoạn chọn lựa vật liệu nguồn, thiết kế phối trộn, thi công thử đến thi công đại trà các lớp vật liệu. Công tác đo cường độ mô đun đàn hồi trên các lớp vật liệu không được thực hiện khi nghiệm thu. Đại diện Ban quản lý dự án không có mặt khi tiến hành nghiệm thu đối với nhiều hạng mục thi công... Tuy nhiên các đối tượng vẫn lập hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình, đánh giá chất lượng thi công đảm bảo để nhận thanh toán dựa trên dự toán đã phê duyệt và đưa dự án vào vận hành, sử dụng gây ra thất thoát, lãng phí hàng nghìn tỉ đồng vốn ngân sách nhà nước. Điều này lâu dần có thể khiến nền tảng đạo đức xã hội bị hủy hoại vì hành động đó nếu không bị trừng phạt thích đáng sẽ dần trở nên quen thuộc và cuối cùng được bình thường hóa trong xã hội, trở thành tấm gương xấu cho những thế hệ sau.

- Về mặt môi trường

Không chỉ có vậy, hiện nay vẫn tồn tại những công trình ứng dụng công nghệ lạc hậu gây ra tác động xấu với môi trường, làm tăng thêm tình trạng ô nhiễm vốn đã trở thành vấn nạn tại những tỉnh thành lớn ở nước ta, làm ảnh hưởng lớn tới sức khỏe cộng đồng, khả năng lao động của người dân. Một trong những nguyên nhân được nêu ra có các công trình xây dựng, các công trường dự án giao thông đang phá dỡ, thi công thời gian dài trên đường. Các đơn vị thi công triển

khai chậm gây ùn tắc, bụi bặm luôn xuất hiện, vật liệu xây dựng, các hố đào ngổn ngang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại nhiều địa phương.

3. Vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về tiết kiệm trong việc phòng chống thất thoát, lãng phí vốn đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN tại Việt Nam

Thất thoát, lãng phí vốn đầu tư XDCB từ nguồn NSNN là hiện tượng xã hội tiêu cực tồn tại ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, nó cản trở đến sự phát triển kinh tế - xã hội, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, giảm hiệu quả thực hiện công bằng xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham ô, lãng phí trong mọi hoạt động kinh tế, đặc biệt trong đầu tư công. Chính vì vậy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm hàng đầu. Để nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN, trên cơ sở vận dụng các tư tưởng của Hồ Chí Minh về tiết kiệm, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

- Siết chặt kỷ cương trong bộ máy Nhà nước. Phân công, phân cấp rõ ràng, xây dựng chế độ trách nhiệm và ban hành các chế tài đủ mạnh để điều tiết trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư công. Những biện pháp mạnh, mang tính răn đe phải được Nhà nước ban hành đối với hoạt động quản lý và sử dụng vốn đầu tư XDCB từ nguồn NSNN. Trách nhiệm và quyền hạn của từng chủ thể, đơn vị phải được phân chia rõ ràng. Các chủ thể nếu để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư trong quá trình thực hiện đầu tư sẽ phải chịu xử phạt hành chính, bồi thường thiệt hại, thậm trí xử lý hình sự nếu gây ra hậu quả nghiêm trọng.

- Thúc đẩy sự tham gia, giám sát của nhiều bên, trong đó có các tổ chức chính trị xã hội và người dân trong hoạt động đầu tư công. Cần thường xuyên tổ chức hội thảo qua các kênh với nhiều hình thức khác nhau để người dân và các tổ chức xã hội có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến; tận dụng điểm mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng đối với công tác tuyên truyền, chia sẻ nhanh chóng các bài học đấu tranh, phòng ngừa các hành vi gây lãng phí, thất thoát.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người, mỗi đơn vị có liên quan tới công tác quản lý, thực hiện đầu tư công. Bởi lẽ Hồ Chí Minh đã nói, để thực hiện tốt tiết kiệm, chống lãng phí thì: "Bước đầu là đánh thông tư tưởng… để giải thích rõ ràng, nói đi nói lại cho mọi người đều hiểu tham ô, lãng phí, quan liêu có hại cho dân, cho nước thế nào? Vì sao phải chống nạn ấy"; sau đó: "Phải ra sức tuyên truyền, giải thích… giúp mỗi một đồng bào hiểu rằng tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm tức là yêu nước, tức là ích nước lợi nhà, thì phong trào ấy nhất định sẽ lan rộng ăn sâu, nhất định sẽ thành công tốt đẹp".

- Muốn thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả rất cần có sự gương mẫu của người đứng đầu, gương mẫu của cấp ủy ở mỗi cơ quan, đơn vị. Mỗi cán bộ, đảng viên cần rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong làm việc tiết kiệm, hiệu quả và từ đó sẽ tạo ra lòng tin, đồng thuận trong nhân dân, để nhân dân đồng lòng thực hiện theo. Để thực hiện rộng rãi việc thực hành tiết kiệm, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn tiên phong và gương mẫu trong việc thực hiện "thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí" trong từng công việc của mình. Mỗi người thực hành tiết kiệm của cải vật chất, thời gian, tiền bạc của mình, của đơn vị mình, của địa phương mình… Từ đó sẽ tạo thêm nguồn lực dồi dào cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có giá trị khoa học và nhân văn to lớn. Nước ta sau hơn 35 năm đổi mới đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, nhưng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vẫn chưa tương xứng với những thành tựu kinh tế đạt được. Trong bối cảnh hiện nay, tư tưởng của Người càng trở nên giá trị và mang tính thời sự và cần phải được vận dụng trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và quản lý hoạt động đầu tư nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh, một con người, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Võ Nguyên Giáp (2006), *Tổng tập Hồi ký*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3.]Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1996), *Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.3, t.4, t.5, t.6, t.7, t.12, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Mai Hà (2021*), Sai phạm hơn 43,5 tỉ đồng tại dự án xe buýt nhanh Hà Nội*. Truy cập tại https://thanhnien.vn/sai-pham-hon-435-ti-dong-tai-du-an-xe-buyt-nhanh-ha-noi-1851094079.htm

6. Hoàng Lan (2022*), Nghị trường nóng ran vì nhiều tỉnh gây thất thoát và lãng phí lớn trong đầu tư công.* Truy cập tại https://vneconomy.vn/nghi-truong-nong-ran-vi-nhieu-tinh-gay-that-thoat-va-lang-phi-lon-trong-dau-tu-cong.htm

7. Đỗ Mến (2023*), Nhà nước thiệt hại hơn 460 tỷ đồng do những sai phạm tại dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (giai đoạn 2).* Truy cập tại https://vneconomy.vn/nha-nuoc-thiet-hai-hon-460-ty-dong-do-nhung-sai-pham-tai-du-an-cao-toc-da-nang-quang-ngai-giai-doan-2.htm

8. Viên Nguyễn (2023*), Nhiều tuyến đường ở TP Quảng Ngãi xuống cấp nghiêm trọng, tai nạn liên tục xảy ra*. Truy cập tại https://laodong.vn/ban-doc/nhieu-tuyen-duong-o-tp-quang-ngai-xuong-cap-nghiem-trong-tai-nan-lien-tuc-xay-ra-1256097.ldo

9. Huyền Sâm (2024), *Cao tốc Cam Lộ - La Sơn: Có vấn đề về thiết kế tuyến đường?,* Truy cập tại https://kinhtedothi.vn/cao-toc-cam-lo-la-son-co-van-de-ve-thiet-ke-tuyen-duong.html

10. Trần Thị Minh Tuyết (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam tháng 12/2018

11. Nguyễn Văn Trọn, Phan Tấn Hùng (2023), *Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.*

Truy cập tại https://dukdanchinhdang.hochiminhcity.gov.vn/-/hoc-tap-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-thuc-hanh-tiet-kiem-chong-lang-phi-gop-phan-thuc-hien-trach-nhiem-neu-guong-cua-can-bo-dang-vien

VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC-LENIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG BỐI CẢNH MỚI

ThS. Đào Bùi Kiên Trung

Khoa Toán Kinh tế

Email: trungdbk@neu.edu.vn

Tóm tắt: *Trong thời đại hiện nay, việc áp dụng sáng tạo và linh hoạt trong việc xây dựng đường lối và thực tiễn phát triển đất nước là một yêu cầu không thể phủ nhận. Để đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội, cần có sự kết hợp giữa nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó tạo ra những phương pháp mới, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ và bền vững*

Trong bối cảnh hiện nay, việc áp dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát triển đất nước không chỉ là một yêu cầu mà còn là một cơ hội quan trọng để nâng cao đời sống của nhân dân và đưa đất nước vươn lên trên trường quốc tế. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin đưa ra những nguyên tắc cơ bản về phát triển kinh tế, xã hội và văn minh, trong khi tư tưởng Hồ Chí Minh là nguồn động viên tinh thần và lý tưởng về tự do, độc lập và công bằng. Bằng cách kết hợp những giá trị lịch sử và tư duy đổi mới, chúng ta có thể xây dựng những đường lối và thực tiễn phát triển phù hợp, giúp đất nước tiến bộ và thịnh vượng.

Những nét khái quát về Chủ nghĩa Mác-Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và vấn đề thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh mới

a. Chủ Nghĩa Mác-Lenin: Chủ nghĩa Mác-Lenin là nền tảng lý luận quan trọng của chúng ta, với việc tập trung vào việc nâng cao đời sống của nhân dân, phát triển sản xuất kinh tế, và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Trong bối cảnh mới, việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin đòi hỏi sự linh

hoạt, không ngừng cập nhật với những biến đổi của thế giới để tìm ra những giải pháp phù hợp nhất. Một số đặc điểm là:

- Phương Pháp Khoa Học và Duy Văn Hóa: Chủ nghĩa Mác-Lenin đặt mình vào bối cảnh của lịch sử và xã hội, áp dụng phương pháp khoa học để nghiên cứu và hiểu sâu hơn về các vấn đề xã hội. Trong các đề xuất, cần có sự cân nhắc và phân tích kỹ lưỡng dựa trên dữ liệu và thông tin chính xác để đưa ra các quyết định và giải pháp phù hợp.
- Tư Tưởng Quần Chúng: Chủ nghĩa Mác-Lenin nhấn mạnh vai trò quan trọng của quần chúng trong quá trình phát triển xã hội. Trong các đề xuất, cần tạo ra sự tham gia và đóng góp của quần chúng, tạo ra các cơ chế để người dân tham gia vào quyết định và thực hiện các chính sách, dự án.

b. Tư Tưởng Hồ Chí Minh: Tư tưởng Hồ Chí Minh là nguồn động viên và tinh thần lý tưởng lớn lao cho toàn dân Việt Nam. Bác đã để lại cho chúng ta những tư tưởng quý báu về tự do, độc lập, dân chủ, công bằng, và phát triển bền vững. Việc áp dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đường lối phát triển đất nước giúp chúng ta duy trì mục tiêu và lý tưởng cao đẹp của Bác. Một số đặc điểm là:

- Tư Duy Đổi Mới và Sáng Tạo: Tư tưởng Hồ Chí Minh khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo trong mọi lĩnh vực, từ kinh tế đến xã hội, từ văn hóa đến giáo dục. Trong các đề xuất, cần khuyến khích tư duy sáng tạo, tìm kiếm giải pháp mới, linh hoạt và hiệu quả.
- Tư Tưởng Dân Chủ và Cộng Đồng: Tư tưởng Hồ Chí Minh chú trọng đến việc xây dựng một xã hội dân chủ và công bằng, trong đó mọi người đều có cơ hội và quyền lợi được bảo đảm. Trong các đề xuất, cần xem xét và đảm bảo các quyền lợi và lợi ích của cộng đồng, đồng thời khuyến khích sự tham gia tích cực của mọi thành viên trong quá trình phát triển.

c. Thực Tiễn Phát Triển Trong Bối Cảnh Mới: Bối cảnh mới với những thách thức như biến đổi khí hậu, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, và tình hình thế giới phức tạp đòi hỏi chúng ta phải thay đổi và cập nhật đường lối phát triển. Sự kết hợp giữa sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp

chúng ta tìm ra những hướng đi mới, xây dựng nền kinh tế thông minh, đổi mới công nghiệp, và nâng cao đời sống nhân dân.

- Trong mỗi đề xuất, cần kết hợp lý luận của chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn và tình hình cụ thể của đất nước. Không nên áp đặt một lý thuyết hay phương pháp cụ thể mà cần linh hoạt và tùy theo hoàn cảnh để đưa ra các giải pháp thích hợp nhất.
- Đồng thời, cần lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm tâm huyết, là nguồn động viên để thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước, từ việc cải thiện đời sống nhân dân đến việc xây dựng uy tín và vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.

Bằng cách kết hợp lý luận và tư tưởng từ hai nguồn gốc này, chúng ta có thể xây dựng được những đề xuất và giải pháp phù hợp nhất cho đất nước cho từng thời kỳ.

Một số đề xuất và cách vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đường lối và thực tiễn phát triển đất nước:

1. Tăng cường Nghiên Cứu và Ứng Dụng Công Nghệ:

- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp lớn như công nghiệp 4.0, năng lượng sạch, y tế và giáo dục.
- Khuyến khích sự sáng tạo và khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mới nổi và các nhà nghiên cứu đổi mới.

2. Xây Dựng Môi Trường Kinh Doanh Thuận Lợi:

- Tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo nền tảng cho sự cạnh tranh công bằng và lành mạnh.
- Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao, tạo ra nguồn việc làm ổn định và thu hút đầu tư nước ngoài.

3. Nâng Cao Chất Lượng Giáo Dục và Đào Tạo:

- Đầu tư vào giáo dục và đào tạo, đặc biệt là trong lĩnh vực STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học) để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Khuyến khích sự sáng tạo, tư duy đổi mới và kỹ năng mềm cho sinh viên và người lao động, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hiện đại.

4. Phát Triển Nông Nghiệp và Nông Thôn:

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và ứng dụng công nghệ vào nông nghiệp hiện đại, bền vững và tiết kiệm.
- Phát triển hệ thống nông thôn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn, khuyến khích sản xuất nông sản sạch, an toàn.

5. Bảo Vệ Môi Trường và Phát Triển Bền Vững:

- Thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, hạn chế ô nhiễm, và tăng cường quản lý tài nguyên tự nhiên.
- Phát triển các nguồn năng lượng sạch, xanh và tái tạo, đồng thời khuyến khích sử dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng và giảm khí thải.

6. Tăng Cường Hợp Tác Quốc Tế và Phát Triển Kinh Tế Xã Hội:

- Xây dựng mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ với các đối tác quốc tế, tận dụng cơ hội hợp tác kinh tế, chính trị và văn hóa.
- Tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế, đóng góp ý kiến và giải pháp cho các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh, và bảo vệ quyền con người.

7. Khuyến Khích Nghiên Cứu và Phát Triển Công Nghệ Sinh Học:

- Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học như biotechnologies, gene editing để cải thiện sản xuất nông nghiệp, y tế và môi trường.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu phát triển các sản phẩm và giải pháp tiên tiến từ công nghệ sinh học.

8. Phát Triển Kinh Tế Cộng Đồng và Hỗ Trợ Doanh Nghiệp Xã Hội:

- Khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp xã hội và kinh tế cộng đồng, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có ý nghĩa xã hội và môi trường.
- Hỗ trợ tài chính và chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp xã hội, khuyến khích mô hình kinh doanh có trách nhiệm và bền vững.

9. Xây Dựng Đô Thị Thông Minh và Bền Vững:

- Đầu tư vào hạ tầng thông minh, sử dụng công nghệ ứng dụng trí tuệ nhân tạo, Internet of Things (IoT) để quản lý và vận hành đô thị hiệu quả.
- Khuyến khích sử dụng các giải pháp xanh, bền vững trong quy hoạch đô thị, tạo ra không gian sống và làm việc lý tưởng cho cộng đồng.

10. Tăng Cường Quản Lý Nhà Nước và Đối Ngoại Hiệu Quả:

- Cải thiện hệ thống quản lý nhà nước, tăng cường minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả trong việc thực hiện chính sách, pháp luật và quản lý ngân sách.
- Phát triển mối quan hệ đối ngoại toàn diện, xây dựng hình ảnh quốc gia tích cực trên trường quốc tế, thu hút đầu tư và hợp tác phát triển.

11. Chăm Sóc và Bảo Vệ Người Lao Động:

- Tăng cường quyền lợi và điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo mức lương công bằng, an toàn và phát triển nghề nghiệp.
- Khuyến khích việc hỗ trợ tài chính, đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và trách nhiệm.

Bài viết tóm tắt sự kết hợp giữa vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng đường lối và thực tiễn phát triển đất nước. Bối cảnh mới đòi hỏi sự linh hoạt và đổi mới, từ đó xuất phát nhiều đề xuất như: Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng công nghệ; Xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi; Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; Phát triển nông nghiệp nông thôn; Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Tăng cường hợp tác quốc tế và phát triển kinh tế xã hội; Khuyến khích nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; Phát triển kinh tế cộng đồng và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội; Xây dựng đô thị thông minh và bền vững; Tăng cường quản lý Nhà nước và đối ngoại hiệu quả, và Chăm sóc và bảo vệ người lao động. Chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh đều nhấn mạnh vai trò của khoa học, dân chủ, và quần chúng. Bằng cách kết hợp lý luận và thực tiễn, chúng ta có thể đưa ra các giải pháp hiệu quả, giúp đất nước phát triển mạnh mẽ và bền vững trong thời đại mới. Những đề xuất trên không chỉ mở rộng phạm vi ứng dụng sáng tạo mà còn đề cập đến các lĩnh vực

quan trọng khác trong xây dựng đường lối và thực tiễn phát triển đất nước. Việc kết hợp các phương pháp này sẽ giúp đất nước phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Văn Duy. (2021). *Kinh tế xã hội và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.*

Lê Hải Hồng. (2017). *Chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong đổi mới sáng tạo. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.*

Nguyễn Thị Hương. (2019). *Sáng tạo và đổi mới trong phát triển kinh tế. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.*

Vũ Đình Lợi. (2018). *Chủ nghĩa Mác-Lenin và thực tiễn xây dựng đất nước. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.*

Hoàng Hữu Nhân. (2020). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển đất nước. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

PHÁT HUY MẠNH MẼ BẢN SẮC NGOẠI GIAO CÂY TRE VIỆT NAM NHẰM BẢO VỆ LỢI ÍCH QUỐC GIA, DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP NGÀY NAY

TS. Lê Thị Hồng Thuận

Khoa Lý luận Chính trị

SV. Nguyễn Tuấn Kiệt, SV. Đặng Trần Lan Anh

Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE

Tóm tắt: *Hình tượng cây tre đã gắn liền với dân tộc Việt Nam từ biết bao đời nay với tính chất kiên cường, vững chắc nhưng vô cùng mềm dẻo. Khi đất nước ta lâm vào cảnh nguy nan, Thánh Gióng đã kết những bụi tre lại thành vũ khí để quật tan quân thù. Cây tre đã xây dựng nên những bức tường thành, pháo đài giúp tổ tiên chúng ta bảo vệ làng quê trước những thử thách của thiên nhiên và bảo vệ vùng đất khỏi giặc ngoại xâm. Thời nay, khi mảnh đất hình chữ S đã hòa bình và phát triển rực rỡ, hình tượng cây tre được một lần nữa được nhắc đến qua phương thức ngoại giao, với tên gọi: "Ngoại giao cây tre". Sự linh hoạt trong phương thức nhưng kiên định về mục tiêu ở phong cách "Ngoại giao cây tre" đã giúp đất nước ta không ngừng khẳng định vị thế, uy tín trên trường quốc tế, góp phần vào công cuộc làm giàu mạnh Tổ quốc và khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Từ khóa: *Ngoại giao cây tre, kiên cường, vững chắc, mềm dẻo, linh hoạt*

Mở đầu

Ngày nay, Thế giới đang thay đổi rất nhanh và phức tạp, sự phân cực đã xuất hiện rõ rệt, đi kèm với đó là những cơ hội và thách thức tiềm ẩn. Đối mặt với những tình huống đó đòi hỏi sự "tinh tế" nhất định trong ngành ngoại giao. Đằng sau những cánh cửa đóng chặt, những bàn đàm phán căng thẳng là cả một vinh quang, tương lai sáng ngời của cả một Quốc gia, dân tộc. Chính vì lẽ ấy, việc lựa

chọn và kiên định trong đường lối ngoại giao là điều cần làm xuyên suốt, đồng bộ và thống nhất.

Văn kiện Đại hội Đảng XIII (2021) đã xác định "Việt Nam cần tiếp tục kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng". Đảng ta đã xác định ba mũi giáp công của đối ngoại Việt Nam, đó là: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân"; "kết hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng với ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân". Phương thức ngoại giao "cây tre" đã được Đảng, Nhà nước Việt Nam vận dụng một cách khéo léo, uyển chuyển và hiệu quả.

Trường phái ngoại giao "cây tre Việt Nam" là sự tiếp nối tư tưởng Hồ Chí Minh, là đỉnh cao của đúc kết lý luận bằng hình ảnh dễ nhớ, dễ hiểu về đường lối đối ngoại của Đại hội XIII, trên cơ sở tiếp tục phát triển đường lối đối ngoại của các kỳ Đại hội Đảng trước. Nghiên cứu của nhóm tác giả nhằm chỉ ra tính đúng đắn, thích hợp của phương thức ngoại giao cây tre trong bối cảnh thế giới hiện nay, từ đó đúc kết những kinh nghiệm và đề xuất những giải pháp để tiếp tục phát huy phương thức ngoại giao cây tre nhằm ứng biến với biến động của thời cuộc.

1. Biểu tượng văn hóa cây tre Việt Nam

Nhắc đến cây tre, chúng ta nghĩ đến một loại cây vươn cao dài, rất dễ sống và mọc thành từng quần thể. Xét về mặt cấu tạo, cây tre chia làm 3 đoạn: Thân tre, lá tre, rễ tre. Thân tre được đánh giá vô cùng dẻo dai nhưng mềm mại, linh hoạt. Lá tre mỏng manh, uyển chuyển. Gốc tre thì vô cùng chắc chắn. Mặc cho việc rễ phát triển chậm ở giai đoạn đầu, nhưng khi tre đã cắm rễ chắc chắn, chúng sẽ phát triển và vươn lên một cách mạnh mẽ. Như nhà thơ Nguyễn Duy đã từng viết trong bài thơ Cây tre Việt Nam:

"Thân gầy guộc, lá mong manh

Mà sao nên luỹ nên thành tre ơi

Theo Bhonde, 2014, cây tre là loại cây tăng trưởng và phát triển nhanh nhất thế giới, với việc mọc lên trung bình 60cm/ngày. Mặc cho chiều cao của cây tre

có thể lên đến hơn 10m nhưng chúng vẫn đứng vững trước những dịp thử thách của thiên nhiên. Điều kiện sống của tre cũng là thứ khiến người ta ấn tượng:

"Ở đâu tre cũng xanh tươi
Dù cho đất sỏi đất vôi bạc màu"
(Nguyễn Duy)

Cây tre Việt Nam có sức sống trường tồn, mãnh liệt như con người Việt Nam vậy. Dù cho ở những nơi khô cằn, khó khăn nhất thì tre vẫn luôn có sức sống mãnh liệt, vươn lên trên nghịch cảnh.

Chính vì lẽ ấy, từ xa xưa, dân tộc Việt Nam ta đã luôn có sự gắn kết mật thiết với hình tượng cây tre. Từ thuở xa xưa, với truyền thuyết Thánh Gióng, hình tượng cây tre đã được đề cập tới là thứ vũ khí đánh tan quân thù và in sâu trong tâm trí người Việt. Trong hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, tre "hóa thân" thành cung, nỏ, chông… làm cho kẻ thù khiếp sợ. Bên cạnh đó, hình ảnh cây tre còn là nguồn cảm hứng dồi dào tới các tác phẩm nghệ thuật, ngăn sạt lở, lũ quét ở những nơi thiên nhiên thử thách lòng kiên trì và can đảm của con người…

2. Từ hình tượng văn hóa đến đường lối ngoại giao

Trường phái Ngoại giao cây tre đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhắc đến lần đầu trong Hội nghị ngoại giao lần thứ 29 vào năm 2016 và được đề cập lần nữa tại Hội nghị Đối ngoại Toàn quốc vào năm 2021.

Trích toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Đối ngoại ngoại giao lần thứ 29 vào năm 2016: "Hơn 70 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hoạt động đối ngoại đã làm nên nhiều thành tích vẻ vang, xây dựng nên một trường phái ngoại giao độc đáo, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam"- mềm mại mà cứng cỏi, nhân ái mà quật cường, biết nhu biết cương, biết thời biết thế, biết mình biết người,... thể hiện tâm hồn và khí phách của dân tộc Việt Nam…"

Vào năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa nhấn mạnh về thuật ngữ ngoại giao cây tre tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc: "Có thể khái quát lại: Hơn 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên

cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc đối ngoại, ngoại giao và văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá thế giới và tư tưởng tiến bộ của thời đại, chúng ta đã xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của Thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam", "gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển" ("Thân gầy guộc, lá mong manh, mà sao nên luỹ, nên thành tre ơi!"), thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam. Đó là: Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, "tuỳ cơ ứng biến", "lạt mềm buộc chặt"!”

Chúng ta có thể hiểu Ngoại giao cây tre với 4 mục chính như:

1. Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt;

2. Linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

3. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

4. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, “tuỳ cơ ứng biến”, “lạt mềm buộc chặt”.

Hay như Chủ tịch Hội Hữu nghị Lào - Việt Nam, Viện sỹ, Giáo sư, Tiến sỹ Boviengkham Vongdara đã chia sẻ với Thông Tấn xã Việt Nam: “Trường phái "ngoại giao cây tre" thể hiện tiêu chí cái gì đã là nguyên tắc là bất biến, còn cái gì là sách lược thì có thể linh hoạt. Nguyên tắc ở đây có thể hiểu như gốc tre, dù thế nào cũng luôn cố định, không lay chuyển, thân chắc, dẻo dai, còn ngọn và cành tre thì giống như các sách lược, có thể uyển chuyển, linh hoạt được.”

Phân tích các đặc tính của cây tre, ta có thể thấy được phần nào mối liên hệ với ngành ngoại giao.

Về gốc tre: Đối với ngành ngoại giao, ta cần xác định và nắm rõ gốc gác của mình. Nắm rõ được lịch sự, được truyền thống của dân tộc, đất nước. Gốc tre chắc chắn, bám rễ sâu vào lòng đất thể hiện tính vững chắc, chắc chắn trong tư tưởng của những nhà ngoại giao. Không chỉ có vậy, gốc tre quyện vào nhau, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó với nhau, tượng trưng cho sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan Việt Nam. Theo Tạp chí Tuyên giáo, 2022 đã đề cập đến cụm từ "Mang chuông đi đánh nước người" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, với hàm ý chuông có kêu to hay không là nhờ thực lực quốc gia, là cái ở bên trong.

Thân tre có đặc tính vững chắc mà linh hoạt, uyển chuyển. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Dĩ bất biến, ứng vạn biến". Lấy cái bất biến để ứng phó với cái vạn biến. Đối với những người làm ngoại giao, đứng trước những quyết định đầy tính thử thách, những nhà ngoại giao cần phải có một tâm lý vững vàng, giữ vững những "nguyên tắc" được coi là bất biến. Bên cạnh đó, ở họ cũng đòi hỏi sự linh hoạt, mềm mỏng, khéo léo. Ngoại giao, đàm phán giữa các bên sẽ mở ra những cánh cửa về mặt lợi ích, nhưng cũng ẩn chứa những rủi ro. Nhà ngoại giao vì thế cần có sự linh hoạt, uyển chuyển theo thời cuộc.

Khi gốc tre cắm rễ sâu xuống lòng đất, thân tre sẽ ngày càng trở nên vững vàng hơn. Điều này cũng giống như việc khi các nhà ngoại giao ngày càng thấm nhuần những tư tưởng đúng đắn, nắm vững những nguyên tắc cốt lõi về lợi ích của Quốc gia, dân tộc; các nhà ngoại giao sẽ trở nên ngày càng bản lĩnh hơn và giành được nhiều thắng lợi vẻ vang cho dân tộc.

Cây tre còn có thể sinh sống tại những nơi cằn cỗi, chịu đựng những môi trường khắc nghiệt. Đó cũng thể hiện bản lĩnh của những nhà ngoại giao nước ta. Để có được một cuộc đàm phán như ý muốn, các nhà ngoại giao sẽ phải trải qua rất nhiều khó khăn, thách thức cả về mặt tâm lý lẫn thể chất. Lấy ví dụ về một tấm gương, một Nhà ngoại giao xuất sắc Nguyễn Song Tùng, Nguyên Thứ trưởng Thường trực Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội, Nguyên Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng khi còn đảm nhiệm cương vị Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Cộng hòa Liên bang Đức đã đi vận động khắp nước Đức để dành được sự ủng

hộ của nước bạn chống lại cuộc chiến tranh với Đế quốc Mỹ. Theo báo Công an Nhân dân: "Qua đề nghị của Đại sứ Song Tùng, Bộ Nội vụ Đức đã hào phóng hỗ trợ Bộ Công an ta nhiều phương tiện hoạt động nghiệp vụ, trong đó có cả những loại máy rất hiện đại thời bấy giờ. Khi Mỹ bao vây phong tỏa cảng Hải Phòng, quân đội ta yêu cầu Đại sứ Song Tùng đề nghị các bạn Đức hỗ trợ vũ khí đặc biệt để đối phó với tàu Mỹ rồi hàng loạt trang thiết bị máy móc y tế…" Những nhà ngoại giao phải trải qua những tháng năm xa gia đình, người thân, tạm rời xa Tổ quốc thân yêu để đến với những vùng đất mới lạ với điều kiện sống, văn hóa khác biệt. Tuy nhiên, với bản lĩnh, ý chí kiên định, các nhà ngoại giao sẽ luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân tin tưởng giao phó.

Có thể thấy rằng, ngoại giao cây tre Việt Nam đã chứng minh được tầm quan trọng và vai trò hết sức đặc biệt.

Một là, ngoại giao cây tre giúp Việt Nam khẳng định vị thế, uy tín trên trường quốc tế. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã từng khẳng định tại phiên khai mạc Đại hội XII của Đảng ngày 20/1/2016 với nhiệm vụ trọng tâm trong ngành đối ngoại: "...Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế." 5 năm sau, tại phiên khai mạc Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào ngày 26/01, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã dõng dạc khẳng định: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay". Với sự khéo léo, mềm mại của phương thức ngoại giao cây tre, đất nước ta đã và đang đạt được những thành tựu lớn lao. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam (GCI) đã tăng 13 bậc từ 68/131 lên 53/137 vào năm 2017. Giá trị của thương mại quốc tế hai chiều đã tăng trưởng trung bình 100 tỷ USD/năm. Đối tác thương mại của Việt Nam đa dạng, trong số đó, hầu hết là các nền kinh tế lớn, phân bố rộng khắp trên các châu lục và chiếm gần 90% GDP toàn cầu. Điều này đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hàng đầu

trong khu vực về việc tham gia các cơ chế hợp tác kinh tế quốc tế, tạo điều kiện để thúc đẩy xuất khẩu và cải thiện cân đối thương mại.

Hai là, Ngoại giao cây tre giúp Việt Nam tạo dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp với các Quốc gia. Thực hiện chính sách đối ngoại đa dạng, đa phương và tích hợp lợi ích với các đối tác chính là để đảm bảo rằng Việt Nam không bị "ngả" về một phía, tránh bị "kẹt" do phụ thuộc quá nhiều vào các chiến lược của các quốc gia khác. Mục tiêu là bảo đảm sự ổn định và độc lập của quốc gia, đồng thời thúc đẩy mối quan hệ tương hỗ giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới thông qua sự phát triển của tình hình tùy thuộc lẫn nhau. Việt Nam, từ một quốc gia phải đối mặt với sự cô lập và cấm vận sau chiến tranh, đã phát triển quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc. Tính đến 03/2024, Việt Nam-Australia đã nâng cấp mối quan hệ lên mức cao nhất - đối tác chiến lược toàn diện, nâng tổng số đối tác chiến lược toàn diện lên 7 quốc gia. Ngoài ra, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã thiết lập quan hệ đối ngoại Đảng với 253 chính đảng ở 115 quốc gia.

Ba là, ngoại giao cây tre giúp tình hình chính trị - xã hội của đất nước được ổn định. Thúc đẩy mở rộng quan hệ hợp tác, phát triển là nhu cầu của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nhưng, trong tình hình phức tạp hiện nay, nhất là trước sự cạnh tranh chiến lược gay gắt của các nước lớn, nên trong quan hệ quốc tế dưới các hình thức cũng rất khó lường và không dễ để nhận biết thực chất của vấn đề trong các mối quan hệ hợp tác. Bên cạnh những mối quan hệ hợp tác hữu nghị, "bình đẳng, cùng có lợi", vẫn còn đó những mối quan hệ thiếu trong sáng, không vì lợi ích chung của cộng đồng, mà chỉ vì lợi ích riêng của quốc gia - dân tộc mình. Thậm chí, có cả những quan hệ, hợp tác song phương mờ ám, mang danh nghĩa hợp tác nhưng thực chất là sự đổi chác, mặc cả thô bạo trên lưng nước khác, hoặc che đậy mục đích chính trị nhằm chống phá chế độ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, lãnh thổ của "đối tác". Nói như vậy để thấy tính chất phức tạp trong quan hệ đối ngoại hiện nay không đơn thuần chỉ có đối tác và hợp tác, mà còn có cả đối tượng và đấu tranh. Điều đó đòi hỏi chúng ta hết sức tỉnh táo, phân biệt đúng đối

tác, đối tượng và thấy rõ tính chất đan xen, sự chuyển hóa linh hoạt giữa đối tác và đối tượng, hợp tác và đấu tranh. Trong bối cảnh đó, hơn lúc nào hết, càng phải coi trọng việc giữ vững nguyên tắc chiến lược: "độc lập, tự chủ"; đồng thời, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược trong quan hệ đối ngoại. Trong đó, giữ vững độc lập, tự chủ là nguyên tắc chiến lược, bất luận trong hoàn cảnh nào và với bất cứ ai, chúng ta cũng phải triệt để tuân thủ, nhằm bảo đảm cho hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước đúng định hướng, không phạm phải sai lầm nghiêm trọng. Còn linh hoạt và mềm dẻo là sách lược, phương pháp ngoại giao thông minh, khôn khéo, một mặt nhằm tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, mặt khác có đối sách phù hợp với từng đối tác, đối tượng cụ thể, nhất là trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm.

Bốn là, ngoại giao cây tre thu hút sự quan tâm đầu tư của các nước lớn vào Việt Nam. Bám sát đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, ngành ngoại giao Việt Nam đã phát huy bản sắc "ngoại giao cây tre", "biết mình, biết người", "biết thời, biết thế", xử lý các vấn đề đối ngoại theo phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" từ đó góp phần mở rộng mối quan hệ, tăng cường hợp tác song phương và đa phương với các nước trên thế giới. Ngoại giao đã góp phần làm tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Số liệu mới nhất từ Cục Đầu tư Nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cho biết tính đến ngày 20/12/2023, tổng FDI đăng ký vào Việt Nam đã đạt gần 36,61 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước. Vốn thực hiện của các dự án FDI dự kiến đạt khoảng 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm 2022. Đây là mức giải ngân kỷ lục từ trước đến nay.

3. Phát huy mạnh mẽ bản sắc văn hóa ngoại giao cây tre Việt Nam nhằm bảo vệ lợi ích Quốc gia, dân tộc trong quá trình hội nhập ngày nay

Trước những biến động phức tạp của tình hình quốc tế, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và kiên định phát huy đường lối ngoại giao cây tre nhằm bảo vệ lợi ích Quốc gia, dân tộc. Để thực hiện được mục tiêu ấy, Việt Nam cần:

Một là, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân; Đồng bộ chính sách, chủ trương, thống nhất đường lối giữa các cấp. Các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương cần nhất quán về tư tưởng, xuyên suốt về đường lối đối ngoại của Việt Nam: "Chúng ta luôn giương cao ngọn cờ hòa bình, hợp tác, tích cực trao đổi, đàm phán với các nước liên quan kiểm soát bất đồng, tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài cho các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế". Có thể thấy, đường lối đối ngoại của Việt Nam đang chứng minh vị thế của mình trên thế giới. Trong năm 2023 vừa qua, Việt Nam đã nâng cấp đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ, Nhật Bản và xây dựng một cộng đồng chia sẻ tương lai với Trung Quốc. Điều đó đã phần nào khẳng định hơn nữa vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Song, để vị thế ấy được duy trì, Đảng, nhà nước cần tiếp tục kiên định với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa. Các cấp cần thống nhất và đồng bộ hóa chính sách từ Trung ương đến địa phương sẽ là cơ sở để đảm bảo rằng tất cả các hoạt động ngoại giao, từ giao lưu văn hóa đến hợp tác kinh tế phản ánh đúng và đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, Đảng ta cần tiếp tục nâng cao nhận thức của các chủ thể về trường phái Ngoại giao cây tre, nhất quán và kiên định trong việc "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại" . Trong các quan hệ Ngoại giao, cần phải nhìn nhận rõ về tình hình thời cuộc, về các diễn biến trong các mối quan hệ Ngoại giao giữa các Quốc gia, Tổ chức với phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn.

Hai là, phổ biến rộng rãi bản sắc ngoại giao cây tre thông qua các chương trình giảng dạy, học tập. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, đường lối đối ngoại "Ngoại giao cây tre" của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế biết đến rộng rãi và đánh giá cao. Do đó, việc đưa khái niệm "Ngoại giao cây tre" vào các chương trình giảng dạy không chỉ là một bước tiến quan trọng về giáo dục khi khơi gợi lên niềm tự hào cho thế hệ trẻ mà hơn cả giáo dục được cho tầng lớp thanh, thiếu niên sau này hiểu sâu sắc hơn về bản sắc ngoại giao đã đưa nước ta đến với cơ đồ,

vị thế, tiềm lực và uy tín quốc tế vững chắc như ngày hôm nay. Để làm được điều đó, đòi hỏi sự vào cuộc của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể từ trung ương đến địa phương. Bắt đầu với sự nghiên cứu và phát triển về định nghĩa ngoại giao cây tre, chúng ta có thể khéo léo lồng ghép kiến thức để giảng dạy ở các môn học như Lịch sử để giúp cho học viên hiểu hơn về đường lối Ngoại giao cây tre. Đảng, Nhà nước cần tích cực xuất bản những cuốn sách, tài liệu bản cứng, bản mềm để phổ biến rộng rãi về đường lối Ngoại giao cây tre tới đông đảo người dân trên cả nước. Điều này vừa giúp người dân có cách nhìn nhận đúng đắn về đường lối ngoại giao cây tre, vừa góp phần đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực phản động về bản sắc ngoại giao cây tre Việt Nam.

Ba là, thường xuyên đánh giá tình hình trong thế giới và khu vực. Chúng ta có thể nhận thấy rằng, việc thường xuyên đánh giá tình hình thế giới và khu vực có vai trò vô cùng quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng hiện nay. Điều này sẽ giúp cho Quốc gia nắm bắt được những thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường. Từ đó, có những cơ sở để đưa ra các quyết định chiến lược kịp thời và phù hợp. Thông qua việc cập nhật liên tục các thông tin và xu hướng quốc tế, chúng ta có thể dự báo được những rủi ro tiềm ẩn và chuẩn bị sẵn sàng các biện pháp ứng phó hiệu quả. Đánh giá đúng tình hình sẽ giúp chúng ta không rơi vào thế bị động, góp phần gìn giữ hòa bình, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Do đó, công tác dự báo, tham mưu cần được đặc biệt ưu tiên trong thời buổi ngày nay. Các tổ chức, cơ quan Nhà nước và Doanh nghiệp cần có đội ngũ chuyên gia phân tích tình hình sâu sắc, liên tục cập nhật các thông tin của thế giới và khu vực nhằm đưa ra các thông tin dự báo chính xác nhất trong tương lai. Chính phủ và các Doanh nghiệp cần xây dựng cơ chế nhằm thu hút những người có năng lực để đảm nhận ở các vị trí về dự báo, tham mưu; Tích cực đào tạo nhân sự để có được một đội ngũ nhạy bén với thời cuộc. Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo trong nước và Quốc tế nhằm lắng nghe những dự báo từ các chuyên gia, cá nhân trong và ngoài nước. Tận dụng tối đa nguồn lực thông tin từ các Diễn đàn, Trang thông tin chính thống của Nhà nước để lắng nghe ý kiến người dân nhằm góp phần tăng thêm tính đúng đắn trong những giả thuyết được đưa ra về tình hình thế giới.

Bốn là, tiếp tục chú trọng công tác tuyển chọn và bồi dưỡng nhân sự. "Hiền tài là nguyên khí Quốc gia". Quả đúng như vậy, "nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh và đi lên, nguyên khí suy thì thế nước yếu và xuống thấp..". Câu văn của Thân Nhân Trung khắc tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã cho chúng ta thấy được tầm quan trọng trong công tác nhân sự. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng căn dặn: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém" hay "Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng". Đặc biệt hơn trong bối cảnh hội nhập, yêu cầu tuyển chọn và bồi dưỡng nhân sự cần phải khắt khe hơn nhằm thích ứng với thời cuộc. Theo PGS.TS Vũ Văn Phúc (2021), cán bộ cần phải đáp ứng tốt về mặt phẩm chất chính trị, đạo đức, có tâm, có tầm…Cán bộ cần hành động vì nước vì dân, hết mình phụng sự cho lợi ích của Quốc gia và dân tộc. Do đó, công tác tuyển chọn và bồi dưỡng nhân sự là điều tiên quyết để phát hiện cán bộ có năng lực và phát huy tối đa năng lực của cán bộ. Để thực hiện tốt công tác tuyển chọn, Đảng và Nhà nước cần xác định rõ về tiêu chí tuyển dụng ở từng vị trí cụ thể, từ đó có thể tuyển chọn cán bộ phù hợp. Bên cạnh đó, cần có những chính sách thu hút nhân tài dưới nhiều hình thức khác nhau, hình thành môi trường làm việc dân chủ, công khai, minh bạch. Đảm bảo các nhu cầu cơ bản đối với các nhân sự được tuyển chọn, tạo cơ chế khen thưởng phù hợp để thúc đẩy sự nhiệt huyết, tận tâm và tận tụy trong công việc. Đặc biệt đối với các nhân sự được giao trọng trách về mảng Đối ngoại của Quốc gia, yêu cầu tuyển chọn cần khắt khe hơn song cũng đi kèm với những cơ chế đặc thù với từng vị trí công việc. Về công tác bồi dưỡng nhân sự, các cơ quan cần tạo môi trường tốt nhất để cho nhân sự phát triển. Đề xuất nhân sự tham gia các lớp học, hội thảo để kịp thời cập nhật kiến thức về các tình hình, sự kiện Quốc tế và khu vực. Sau khoảng thời gian rèn luyện, trải qua thử thách, các cơ quan cần mạnh dạn tạo điều kiện để cán bộ thử sức với các vị trí đáp ứng với những nhiệm vụ cụ thể. Bên cạnh việc rèn luyện về nhận thức, cần phải rèn luyện về mặt tư tưởng đạo đức cho từng cán bộ.

Kết luận

Bản sắc "Ngoại giao cây tre Việt Nam" không chỉ là biểu tượng văn hóa đặc trưng của dân tộc mà còn là cách tiếp cận độc đáo trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập ngày nay. Việt Nam đã thành công trong việc tham gia các tổ chức quốc tế và thiết lập mối quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia, đồng thời đạt được nhiều thành tựu kinh tế và văn hoá - xã hội sau quá trình hội nhập. Ngoại giao cây tre đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia và dân tộc, đặc biệt là trong ba trụ cột chính: an ninh quốc phòng, kinh tế và xã hội. Việc phát huy mạnh mẽ bản sắc văn hóa của "Ngoại giao cây tre Việt Nam" là cần thiết để tiếp tục tạo ra những thành công mới trong quá trình hội nhập và phát triển của đất nước, đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu như lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. "Đối ngoại đảng tích cực góp phần bảo vệ, lan tỏa tư tưởng, trường phái ngoại giao "cây tre Việt Nam" (2023), Tạp chí Cộng sản, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 3 năm 2024, từ: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/827647/doi-ngoai-dang-tich-cuc-gop-phan-bao-ve%2C-lan-toa-tu-tuong%2C-truong-phai-ngoai-giao-%E2%80%9Ccay-tre-viet-nam%E2%80%9D.aspx#

2. "Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng" (2024), Tạp chí Cộng sản, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 4 năm 2024, từ: https://dangcongsan.vn/tieu-diem/mot-so-van-de-can-duoc-dac-biet-quan-tam-trong-cong-tac-chuan-bi-nhan-su-dai-hoi-xiv-cua-dang-661210.html

3. Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Sđd, tr.186.

4. "Phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 29" (2016), Báo Điện tử Chính phủ, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ:

https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-tai-hoi-nghi-ngoai-giao-lan-thu-29-102207908.htm

5. PGS. TS Vũ Văn Phúc (2021), "Tuyển chọn cán bộ - Khâu trọng yếu trong công tác cán bộ", Tạp chí xây dựng Đảng, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 4 năm 2024, từ:

https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/326605/CVv231S102021013.pdf

6. "Tư tưởng nhất quán, xuyên suốt về đường lối đối ngoại, ngoại giao Việt Nam" (2023), Tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung ương, truy cập lần cuối ngày 6 tháng 4 năm 2024, từ: https://www.tuyengiao.vn/tu-tuong-nhat-quan-xuyen-suot-ve-duong-loi-doi-ngoai-ngoai-giao-viet-nam-151725

7. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.161

8. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 282

CÁC YÊU CẦU MỚI TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỚI BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP

TS. Lê Quỳnh Liên

Bộ môn Nguyên lý Kế toán, Viện Kế toán - Kiểm toán

Email: lienlq@neu.edu.vn

Việc xây dựng Đảng trong nước từ ngày thành lập đã luôn được coi trọng đặc biệt. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện tại, công tác này đối mặt với nhiều thách thức và biến động phức tạp. Sự phát triển của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra những tác động mạnh mẽ. Ngoài ra, các vấn đề như an ninh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh mạng và dịch bệnh cũng đang gây ra những thách thức không nhỏ. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đã tác động mạnh mẽ đến cả nước, gây ra thiệt hại lớn về mặt kinh tế - xã hội và phát triển quốc gia. Trong tình hình này, việc xây dựng Đảng được các cấp lãnh đạo đặc biệt coi trọng, triển khai toàn diện và đồng bộ, kết hợp với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn và hành động quyết liệt. Kết quả đạt được trong việc xây dựng Đảng đã đóng góp quan trọng vào việc thực hiện thành công nhiệm vụ chính trị của đất nước.

1. Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam gồm hai phần chính: chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận toàn diện phát triển từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, nhấn mạnh vai trò của công nhân trong cách mạng xã hội. Tư tưởng này đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu loại bỏ bất công và xây dựng xã hội công bằng. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và tình hình cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển giá trị truyền thống áp dụng vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Nền tảng này không chỉ kế thừa từ quá khứ mà còn được bổ sung và phát triển dựa trên nghiên cứu mới nhất và tổng kết thực tiễn lịch sử. Nó là hệ thống tri thức khoa học nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Hiện nay, khái niệm này đã được mở rộng để bao gồm các quan điểm chỉ đạo của Đảng về các vấn đề chiến lược của đất nước, mặc dù chưa được đề cập chính thức trong các văn kiện của Đảng.

2. Yêu cầu mới trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Trong thời đại mới, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đặt ra nhiều yêu cầu mới, đặc biệt là để đáp ứng được sự phát triển của xã hội và thách thức của thế giới ngày nay. Dưới đây là một số yêu cầu quan trọng:

- Thích ứng với biến đổi của xã hội: Các biến đổi xã hội ngày càng đa dạng và phức tạp bao gồm sự phát triển của kinh tế số, công nghệ thông tin, biến đổi khí hậu, an ninh mạng, và các vấn đề liên quan đến dân số và phát triển bền vững. Điều này đòi hỏi sự đổi mới và sáng tạo trong cách tiếp cận và triển khai chính sách.

- Tăng cường minh bạch và trách nhiệm: Môi trường thông tin ngày càng mở đòi hỏi Đảng cần phải tăng cường minh bạch trong quản lý, ra quyết định, và thực hiện các biện pháp chống tham nhũng.

- Đào tạo và phát triển cán bộ: Quá trình phát triển kinh tế số, công nghệ thông tin, và việc thay đổi cách mạng công nghiệp đòi hỏi cán bộ có phẩm chất, trình độ chuyên môn cao, và lòng nhiệt thành với sự phục vụ nhân dân.

- Đổi mới và sáng tạo: Đổi mới sáng tạo ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh mới. Đảng cần khuyến khích đổi mới và sáng tạo trong mọi lĩnh vực, từ chính sách kinh tế, xã hội đến quản lý nhà nước.

- Tăng cường quan hệ đối ngoại: Đảng cần phải xây dựng và duy trì quan hệ ngoại giao mở rộng và đa dạng với các nước và tổ chức quốc tế. Cần thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương để tận dụng cơ hội hợp tác và phát triển.

Những yêu cầu này đòi hỏi sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng nghỉ của Đảng Cộng sản và hệ thống chính trị để đảm bảo sự phát triển và ổn định của đất nước trong tương lai.

3. Các quan điểm sai trái và thù địch đối với Đảng Cộng Sản hiện nay

- Nghi ngờ con đường chủ nghĩa cộng sản: Có những tổ chức và cá nhân tuyên truyền quan điểm sai trái, coi chủ nghĩa cộng sản là một hệ thống tư tưởng không phù hợp hoặc đe dọa đến tự do cá nhân và quyền lợi của cá nhân.

- Phản đối sự lãnh đạo của Đảng: Có những tổ chức và cá nhân tuyên truyền quan điểm sai trái phản đối sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho rằng nó là độc tài hoặc không đáng tin cậy. Họ cho rằng việc Đảng kiểm soát quá nhiều quyền lực và không đáng tin cậy trong việc đảm bảo quyền lợi của công dân. Những hoạt động của họ thường đi kèm với việc lan truyền thông tin sai lệch và thù địch về Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phủ nhận thành tựu của Đảng: Một số cá nhân và tổ chức tìm cách thể phủ nhận hoặc giảm nhẹ các thành tựu của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc phát triển và bảo vệ quyền lợi của nhân dân, thường do sự thiếu hiểu biết hoặc ảnh hưởng từ thông tin không chính xác.

Những quan điểm sai trái và thù địch này có thể gây ra sự căng thẳng và phân biệt trong xã hội, đặc biệt là trong các cuộc trao đổi và tranh luận trên các phương tiện truyền thông và trong không gian công cộng.

4. Một số giải pháp xây dựng Đảng và hệ thống chính trị phù hợp với thách thức và cơ hội hiện nay

- Duy trì và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa Mác – Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh cần được duy trì, phát triển và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể của Việt Nam ngày nay. Đây là nền tảng tư tưởng quan trọng, là nguyên tắc cơ bản không thể thay đổi trong công cuộc phát triển của Đảng. Quan điểm này phản ánh sự thừa kế và phát triển từ những đại hội trước, nhất là Đại hội XII, trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự kiên định trong việc này là trọng yếu, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, nơi mà sự ổn định của nền tảng tư tưởng

Đảng đang đối mặt với nhiều thách thức.

- Cần phải kết hợp giữa việc "xây" và "chống"

Việc "xây" là trọng tâm, và "chống" phải được thực hiện quyết liệt, phản ánh mục đích và nội dung của cuộc đấu tranh, là nguyên tắc và phương châm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đấu tranh và phản bác phải đi đôi với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, và ứng dụng sáng tạo những giá trị này vào cuộc sống hàng ngày. Trong bối cảnh hiện nay, việc này cần thực hiện quyết đoán cả trong và ngoài Đảng, bao gồm việc nhận biết và khắc phục định kiến, sự hiểu biết sai lệch về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống. Sử dụng mọi phương tiện truyền thông để truyền bá và phản bác các quan điểm sai trái và thù địch, tránh kiểu đấu tranh hình thức và nửa vời. Một số giải pháp cụ thể như sau:

+ *Tăng cường minh bạch và trách nhiệm:* Đảng cần tăng cường minh bạch và trách nhiệm trong quy trình ra quyết định và hoạt động. Điều này đòi hỏi sự trung thực và trách nhiệm cao từ lãnh đạo và đảng viên, cùng với các cơ chế giám sát nội bộ hiệu quả.

+ *Thúc đẩy đổi mới và sáng tạo:* Đảng cần khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo trong tư duy và hành động. Việc áp dụng các giải pháp mới và hiện đại trong quản lý và phát triển kinh tế - xã hội sẽ giúp Đảng thích ứng với những thách thức mới.

+ *Xây dựng lực lượng cán bộ chất lượng cao:* Đảng cần đầu tư mạnh mẽ vào việc đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế và công nghệ. Cán bộ được bổ nhiệm dựa trên năng lực và đạo đức.

+ *Gắn kết mạnh mẽ với nhân dân*: Đảng cần tiếp tục xây dựng mối quan hệ gắn kết mạnh mẽ với nhân dân bằng cách lắng nghe ý kiến và đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng, tạo ra sự ủng hộ và tin tưởng.

+ *Thúc đẩy công nghệ thông tin và truyền thông:* Sử dụng hiệu quả các công nghệ thông tin và truyền thông để tăng cường sự giao tiếp và tương tác với nhân dân, nâng cao ý thức và hiểu biết về chính sách và mục tiêu của Đảng.

+ *Chống tham nhũng và gia tăng minh bạch*: Đảng cần tiếp tục đấu tranh chống lại tham nhũng và tăng cường minh bạch trong mọi hoạt động, tạo ra sự ổn định và niềm tin từ phía nhân dân.

- Liên kết việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch với công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng

Để thực hiện Nghị quyết số 35, việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng cần phải kết hợp với ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống trong nội bộ. Điều này gồm cả việc thực hiện quy định về nêu gương của cán bộ và đảng viên, đặc biệt là những người đứng đầu. Ngoài ra, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cần phải kết hợp với việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để thúc đẩy tinh thần "tự soi", "tự sửa", "nêu gương" trong các cán bộ và đảng viên, tăng cường hiệu quả của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ chính trị quan trọng trong bối cảnh mới của đất nước. Việc hoàn thành những yêu cầu mà Đại hội XIII đã đề ra sẽ tạo ra điều kiện và tiền đề cho công tác này tiếp tục đạt được thành công.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU XÂY DỰNG NƯỚC VIỆT NAM NGÀY CÀNG GIÀU MẠNH, VĂN MINH, VĂN HIẾN, ANH HÙNG.

PGS.TS Phạm Trương Hoàng

Khoa Du lịch và Khách sạn

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một định hướng quan trọng mang tính đột phá, sáng tạo của Đảng ta, được đúc rút từ thực tiễn cách mạnh Việt Nam và thế giới, theo những quy luật của chủ nghĩa Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là đường lối đổi mới đúng đắn, đã đạt được nhiều thành công trong thời gian qua trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trước nhiều khó khăn thách thức từ nội tại nền kinh tế cũng như môi trường kinh tế, chính trị thế giới, việc thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường một cách sáng tạo, theo định hướng xã hội chủ nghĩa đảm bảo hướng tới các mục tiêu phát triển của Việt Nam trong thời gian tới.

1. Thực tiễn phát triển của Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng.

Lịch sử Việt Nam trong thế kỷ XX được biết tới là "Thời đại Hồ Chí Minh". Dân tộc Việt Nam sinh ra người con ưu tú là Hồ Chí Minh, với lòng yêu nước nông nàn, quyết tâm tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Người đã tìm đến, nghiên cứu và truyền bá tư tưởng Mác Lê Nin vào Việt Nam, chủ trì thống nhất cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930. Kể từ đó, dân tộc Việt Nam có người lãnh đạo, tập hợp lực lượng, đấu tranh giành lại độc lập, tự do của tổ quốc. Như Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã tổng kết trong bài viết nhân kỷ niệm 94 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/2030-3/2/2024): "*Nhìn lại chặng đường 1930-1975, chúng ta rất đỗi tự hào, tin tưởng và biết ơn sâu sắc Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại đã luôn luôn sáng suốt lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi vang dội này đến thắng lợi vang dội khác, viết tiếp vào lịch sử của Dân tộc Việt Nam văn hiến và anh hùng những trang vàng chói lọi, được*

thế giới ngưỡng mộ, đánh giá cao: Tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám long trời lở đất, giành chính quyền về tay Nhân dân, đưa nước ta ra khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc vào năm 1945; Trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, kết thúc bằng Hiệp định Giơ-ne-vơ và thắng lợi của chiến dịch Điện Biên phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu; Vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, vừa đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc bằng chiến dịch Điện Biên Phủ trên không và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.[1]*".*

Những khó khăn giai đoạn những năm 1980s, với những biến động kinh tế, chính trị toàn cầu và khủng hoảng kinh tế tại Việt Nam đã đặt ra cho đất nước ta những thách thức vô cùng to lớn trong sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh. Một lần nữa, Đảng Cộng sản Việt Nam lại tiếp tục dẫn dắt đất nước vượt qua khủng hoảng này với công cuộc Đổi mới, kiên định với mục tiêu phát triển chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), đã đề ra *Đường lối đổi mới toàn diện đất nước*, thay đổi mạnh mẽ tư duy và đường lối phát triển đất nưới. Đây chính là thể hiện bản lĩnh vững vàng, tư duy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo đất nước, giúp Việt Nam từng bước thoái ra khỏi khủng hoảng, vượt qua những thách thức của thời đại. Nội dung về Đổi mới ngày càng được hoàn thiện trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh năm 1991 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011) và các văn kiện quan trọng của Đảng qua các kỳ Đại hội. Công cuộc đổi mới đã đem lại những thành tựu to lớn cho phát triển đất nước trong gần 40 năm qua, đưa nước Việt Nam từ một nước nghèo nàn, lạc hậu trở thành một nước thu nhập trung bình, có các điều kiện xã hội, văn hóa, giáo dục phát triển vượt bậc so với các nước ở cùng trình độ phát triển kinh tế. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng cao.

[1] Bài viết của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng kỷ niệm 94 năm thành lập Đảng

Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, Cương lĩnh của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".[2]

Lịch sự phát triển của Việt Nam trong suốt gần 100 năm qua, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đất nước đã khẳng định không có lực lượng nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, với những người con ưu tú nhất của dân tộc có thể làm được điều này. Tập hợp trong lực lượng của mình những người ưu tú, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ tiếp tục dẫn dắn dân tộc vượt qua những thách thức ở mỗi giai đoạn, đưa nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam phát triển. Những định hướng, quyết sách của Đảng trong phát triển kinh tế, xã hội đã và đang đạt được những thành công vô cùng to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

[2] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

2. Kinh tế thị trường trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Phát triển lên chủ nghĩa xã hội là xu hướng tất yếu của lịch sử. Việt Nam kiên định với mục tiêu phát triển theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức một cách tổng quát, *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do Nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.*[3]

Để đạt được những mục tiêu này, phát triển kinh tế là nhiệm vụ hàng đầu. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cách thức vận hành nền kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam.

Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận cơ bản và sáng tạo của Đảng ta và thực tế đã đạt được nhiều thành tự trong việc thực hiện. "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"[4]. Vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta chấp nhận những quy luật của kinh tế thị trường, nhưng được *dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối*[5]. Ở đó, ta phát huy được những giá trị

[3] Bài viết của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng kỷ niệm 94 năm thành lập Đảng
[4] Bài viết của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng kỷ niệm 94 năm thành lập Đảng
[5] Bài viết của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng kỷ niệm 94 năm thành lập Đảng

tích cực trong phát triển kinh tế của kinh tế thị trường nhưng vẫn đảm bảo được các mục tiêu phát triển xã hội, văn hóa. Với những thành tựu trong phát triển kinh tế xã hội của Đất nước giai đoạn vừa qua ta càng tin tưởng vào tính hiệu quả của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Những khó khăn và thách thức trong gian đoạn tới

Vẫn luôn có rất nhiều thách thức cho Việt Nam trong những chặng đường phát triển trước mắt, hướng tới mục tiêu trở thành nước thu nhập cao năm 2045, một nước giầu có về cả kinh tế và xã hội, văn hóa. Trong khi tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều khó khăn thì cơ cấu kinh tế nội bộ của Việt Nam đặt ra nhiều thách thức trong việc duy trì phát triển kinh tế. Cơ cấu kinh tế phát triển theo chiều rộng, dựa vào tài nguyên và nguồn lao động chất lượng thấp đem lại nhiều thành công cho Việt Nam trong giai đoạn trước đang dần tiến tới giới hạn. Các nguồn lực này không đủ duy trì đà tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam trong khi những nguồn lực mới, đặc biệt là khoa học công nghệ chưa phát triển đủ để thay thế duy trì đà tăng trưởng. Nguy cơ rơi và "bẫy thu nhập trung bình", một nước "chưa giầu đã già" đang hiện hữu.

Trên bình diện quốc tế, trong thời gian gần đây chứng kiến nhiều biến động kinh tế, chính trị, xã hội lớn, làm thay đổi cục diện chung trong phát triển. Cạnh tranh quyền lực giữa các nước, các nền kinh tế lớn ngày càng gay gắt, lan từ cạnh tranh về kinh tế sang xung đột về chính trị, quân sự dưới nhiều hình thức khác nhau. Sự phát triển của nhiều nước cùng với những tham vọng chính trị, quyền lực của những nước lớn tạo ra những xung đột thường xuyên, không dứt tại nhiều nơi trên thế giới, đe dọa sự ổn định kinh tế, chính trị thế giới. Trong khi đó, xu hướng toàn cầu hóa, sự phát triển của công nghệ tạo ra những thách thức mới, những thách thức phi truyền thống đòi hỏi mọi quốc gia phải đương đầu. Trong thời gian trở lại đây, những cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị thế giới có xu hướng xẩy rả thường xuyên hơn, với phạm vi, quy mô và mức độ ảnh hưởng lớn hơn, tạo ra sức ép trực tiếp và thường xuyên tới phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh của các quốc gia trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước sau quá trình tăng trưởng kinh tế cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có dấu hiệu chững lại. Nguyên nhân được chỉ ra là do mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn dựa chủ yếu trên tài nguyên và đã dần tới giới hạn tăng trưởng. Tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thay đổi mô hình kinh tế chậm. Đảng ta đã có những phân tích và đánh giá rất cụ thể về hiện trạng phát triển kinh tế xã hội là: *Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu còn bất cập. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi chưa được quan tâm phát huy đầy đủ. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn một số hạn chế.*[6]

Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn với kinh tế trí thức là trọng tâm phát triển kinh tế trong giai đoạn tới. Để làm được điều này, Đảng đa đưa ra ba đột phá chiến lược là: (1) *Hoàn thiện đồng bộ thể chế* phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (2) *Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao;* ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt (3) *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng* đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội.

[6] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Đây là những công việc được thực hiện trong nhiều năm trong thời gian sắp tới.

Gần 40 năm đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống thể chế phát triển mới, là cơ sở, khuôn khổ cho phát triển kinh tế. Tuy vậy, trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam đã chuyển từ một nước nghèo sang một nước có thu nhập trung bình. Quy mô, cấu trúc kinh tế có nhiều thay đổi. Vai trò của các tác nhân kinh tế thay đổi. Điều này đòi hỏi phải có những hoàn thiện về thể chế nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã sang tỏ nhưng để đưa những nhận thức, tầm nhìn, yêu cầu phát triển này thành hệ thống thể chế, vừa thúc đẩy các thành phần kinh tế nói riêng và toàn bộ nền kinh tế phát triển nói chung, vừa đảm bảo những yêu cầu định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện về trình độ kinh tế mới. Thực tế thể chế vẫn đang là điểm nghẽn cần tháo gỡ để huy động và phát triển nguồn lực kinh tế.

Nguồn nhân lực luôn là một nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội ngày nay, đặc biệt trong giai đoạn mới khi chúng ta tăng cường hội nhập quốc tế, hướng tới nền kinh tế thông tin, kinh tế tri thức ngày nay. Các quốc gia thành công trong phát triển kinh tế trước chúng ta cho thấy vai trò mang tính quyết định của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế. Nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao với năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực khoa học kỹ thuật là điều kiện tiên quyết cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thiếu nhân lực chất lượng cao, thiếu năng lực khoa học kỹ thuật và đổi mới sáng tạo, ta dần rơi vào bẫy thu nhập trung bình khi chúng ta không thể thoát ra khỏi giới hạn tăng trưởng dựa vào các nguồn lực tự nhiên.

Cuối cùng, những điều kiện vận chật, cụ thể là cơ sở hạ tầng cũng là điểm nghẽn hiện hữu cho phát triển kinh tế xã hội. Phát triển cơ sở hạ tầng cần sự đầu tư lớn, đòi hỏi không chỉ huy động vốn của Nhà nước mà cần có những công cụ huy động các nguồn vốn hợp pháp khác. Cơ sở hạ tầng được xem là khoản đầu tư hữu hiệu và đem lại hiệu quả nhanh và trong nhiều trường hợp có khả năng thu hồi vốn không hề chậm. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng "đi trước một bước"

đã và đang được triển khai tích cực nhưng cũng cần phải tiếp tục làm nhiều hơn nữa trong điều kiện cơ sở hạ tầng của nước ta còn rất hạn chế so với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trong khi lý luận, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đã được Đảng nghiên cứu và xác định rõ ràng, việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã được đề ra, nhanh chóng vươn tới những khát vọng về một nước Việt Nam cường thịnh. Để làm được điều này, điều cần thiết là:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"' kết hợp xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ; gắn với đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây hoang mang, dao động, mất đoàn kết thậm chí là rối loạn xã hội. Cần kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay.

- Từ những đường lối, chủ trương của Đảng cần thể chế hóa trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người; xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam; an sinh xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường thực hiện chính sách phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Đây cũng chính là việc tháo gỡ điểm nghẽn trong phát triển kinh tế nói riêng và phát triển đất nước nói chung trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; phát huy mạnh mẽ bản sắc

“ngoại giao cây tre” Việt Nam; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; Xây dựng “thế trận lòng dân” trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng hệ thống chính trị và chính quyền trong sạch, vững mạnh, hiệu quả, dám nghĩ, dám làm, đột phá và sáng tạo; thu hút và phát triển những cán bộ có đức có tài; xây dựng văn hóa chuyên nghiệp, tận tụy, sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thường xuyên, nhạy bén trong việc nghiên cứu, đánh giá, chủ động, và sáng tạo trong việc xây dựng chính sách. Kiên trì với việc thực hiện các giải pháp đã được xây dựng, đặc biệt là 3 đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội đã được đề ra. Kiên định, có tầm nhìn và linh hoạt trong chính sách, cam kết rõ ràng và mạnh mẽ để tạo ra niềm tin và khuôn khổ rõ rang cho các hoạt động kinh tế của các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển sản xuất.

Những thành công vang dội của Đất nước kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo, những thành tựu nổi bật của công cuộc Đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo thực hiện, những đường lối, chính sách khoa học, sáng tạo và đột phá của Đảng trong lãnh đạo đất nước Việt Nam trong giai đoạn mới cho phép chúng ta tin tưởng vào sự phát triển của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo, vượt qua những thách thức của thời đại. Nhưng những khó khăn luôn ở phía trước với những bối cảnh mới, với những yêu cầu và khát vọng mới trong hành trình gian nan của dân tộc đi tới chủ nghĩa xã hội đòi hỏi sự tin tưởng, nỗ lực, quyết tâm của mỗi đảng viên, mỗi người dân Việt Nam./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHI BỘ KHOA DU LỊCH KHÁCH SẠN TRONG VIỆC TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Chi bộ Khoa Du lịch và Khách sạn

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã xác định mục tiêu: Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của nhân dân với Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình ổn định, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trên cơ sở mục tiêu đó, Nghị quyết đề ra bảy nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Trọng tâm là tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh công tác tuyên

truyền, giáo dục đối với các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, nhằm nâng cao sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; đồng thời đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, thông tin xấu độc, cố tình bôi xấu cán bộ, đảng viên, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ đoàn kết, gây mất niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân…

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị xác định rõ: "Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là một nội dung cơ bản, sống còn của công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng tuyên giáo các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị-xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và của từng cán bộ, đảng viên".

Giảng viên ngoài việc giảng dạy các kiên thức khoa học của bộ môn mình phụ trách thì cần phải lồng ghép tuyên truyền lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các buổi học để môn học thêm sinh động đồng thời giúp sinh viên tiếp thu thụ động mà không khô khan những kiến thức tưởng chừng khô cứng về lý luận, tư tưởng, chủ trương, chính sách;

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần thể hiện sự kiên định của bản thân trước đông đảo sinh viên, giảng viên đồng nghiệp, viên chức, người lao động của Nhà trường đối với đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự thể hiện thường xuyên, liên tục sẽ có tác động, ảnh hưởng tích cực, góp phần quan trọng trong việc định hướng tư tưởng cho đồng nghiệp, sinh viên để họ có được những nhận thức đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc về nền tảng tư tưởng của Đảng.

Khi giảng viên được trang bị đầy đủ những kiến thức cơ bản, từ nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành động đúng, không những biết cách bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà cán bộ, đảng viên và nhân dân còn biết đấu tranh, phản bác chống lại các luận điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch là bảo vệ tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng; bảo vệ Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc…

Đây là cuộc đấu tranh rất phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải thực hiện thường xuyên, liên tục, quyết liệt, triệt để. Vì vậy, trong giảng dạy, giảng viên phải tuyên truyền những giá trị chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thành tựu của công cuộc đổi mới để nâng cao nhận thức cho sinh viên và khả năng nhận diện những thủ đoạn chống phá, đồng thời đề ra những biện pháp đấu tranh, ngăn chặn.

Đội ngũ giảng viên Chi bộ khoa Du lịch & Khách sạn luôn tiên phong trong mọi hoạt động, là lực lượng nòng cốt, xung kích trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, để bảo vệ, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch. Đây là nội dung cơ bản, vừa là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, vừa là công việc tự giác, thường xuyên của mỗi giảng viên.

Từ khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng ủy Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Chi bộ khoa Du lịch Khách sạn đã rất quan tâm lãnh đạo triển khai các nội dung của Nghị quyết trên tất cả các phương diện, đồng thời không ngừng sáng tạo các hình thức, phương pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, từng bước thực hiện Nghị quyết một cách thiết thực, đạt hiệu quả.

Nhận thức rõ vai trò nòng cốt, tiên phong của đội ngũ giảng viên trong thực hiện Nghị quyết 35, thời gian qua, Chi bộ khoa Du lịch Khách sạn đã dành sự quan tâm đặc biệt nhằm phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong tất cả

các lĩnh vực chính thực hiện bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm lệch lạc, sai trái, thù địch tại Chi bộ. Đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã nỗ lực vượt bậc và đã đạt được những kết quả được các cấp ghi nhận.

Để phát huy được vai trò hạt nhân chính trị của giảng viên nhằm góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, chi bộ Khoa đã và đang thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ giảng viên. Tích cực cử giảng viên của Khoa tham gia các khóa học bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, quán triệt, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; khuyến khích các giảng viên nhiệt tình tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng ta, về ngành giáo dục,... nhằm thu hút đông đảo giáo viên tham gia.

Đây là những quan điểm, tư tưởng đã được C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra trong quá trình hoạt động cách mạng. Đó là những tri thức lý luận có tính cách mạng và khoa học; là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng toàn nhân loại. Vì vậy, việc học tập lý luận chính trị giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên, trong đó đặc biệt là giảng viên hiểu đúng bản chất, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam; đồng thời, hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, Chi bộ chủ động, sáng tạo trong tuyên truyền, vận động giảng viên tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho giảng viên về Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận

thức, lý tưởng cách mạng cho giảng viên thật sáng tạo, linh hoạt, sinh động với mục tiêu là giáo dục cho giảng viên sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giúp giảng viên trong việc nhận diện và đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch. Các buổi sinh hoạt của chi bộ luôn phát huy hiệu quả tích cực.

Ba là, phải am hiểu, biết quan sát, phát hiện, tỉnh táo quan sát kỹ để đọc, xem, tìm hiểu về những gì liên quan đến lĩnh vực tư tưởng hiển thị trên hệ thống mạng xã hội phổ biến ở Việt Nam hiện nay như Facebook, Zalo, Youtube… và biết xử lý vấn đề trong sử dụng mạng xã hội. Khi phát hiện một tình huống có vấn đề, một nội dung được cộng đồng mạng quan tâm, chia sẻ, bàn luận nhiều thì mở rộng phạm vi đọc, xem ở các bình luận (comment), các bài chia sẻ, đường dẫn liên quan, tự mình đánh giá, nhận xét và dự kiến phương án xử lý (ủng hộ hay phản bác). Để thực hiện được điều này, đội ngũ giảng viên cần làm chủ thông tin mới, rút ra những kết luận, kinh nghiệm cần thiết, trang bị kiến thức thiết thực trên môi trường mạng để làm vốn kiến thức thực tiễn khi tuyên truyền, giảng dạy đủ năng lực để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, mới đủ sức thuyết phục cư dân mạng, mới đủ trí tuệ, bản lĩnh để phê phán các quan điểm và hành vi sai trái, thù địch.

Bốn là, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên của Khoa. Kiện toàn đội ngũ giảng viên, tuyên truyền viên; xây dựng nhiều giải pháp thực tế, linh động và sáng tạo nhằm tạo ra sức đề kháng mạnh, đủ sức "miễn dịch" trước âm mưu và thủ đoạn nguy hiểm của các thế lực chống phá.

Năm là, phát huy vai trò "nêu gương" của giảng viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mỗi giảng viên phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tích cực học tập lý luận chính trị để trang bị kiến thức, đủ cơ sở lý luận để đấu tranh, phản bác trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; xung kích trong công tác tuyên truyền, lan tỏa các thông tin tốt theo phương châm "lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực" trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai

trái, thù địch trong tình hình mới. Đúng như lời Bác Hồ đề cao sứ mệnh của người thầy giáo: "Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất…, những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh…

Tóm lại, chỉ khi có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm của người đảng viên, của người giảng viên; nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có kỹ năng nắm bắt, sàng lọc, xử lý tốt thông tin, có tâm huyết và bản lĩnh chiến đấu của người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, thì mỗi cán bộ, đảng viên mà đặc biệt là đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước sự chống phá của các thế lực thù địch hiện nay./.

NHẬN THỨC MỚI VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH SAU 05 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 35-NQ/TW

ThS. Bùi Thị Quỳnh Trang

Viện Đào tạo Quốc tế

Email: bui.trang@isneu.org

Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đang ra sức xuyên tạc, chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng với những âm mưu ngày càng thâm độc, những thủ đoạn ngày càng tinh vi. Đặc biệt, trong thời đại công nghệ đang thay đổi nhanh chóng, các thế lực thù địch lợi dụng internet, lợi dụng mạng xã hội để phát tán nhiều loại thông tin sai trái, thù địch nhằm chống phá Đảng và Nhà nước ta, thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, tác động tiêu cực đến tư tưởng và làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Mục đích của chúng là nếu chưa xóa bỏ được chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thì cũng tạo nên sự mơ hồ, hoài nghi, tạo điều kiện cho các trào lưu tư tưởng phi vô sản, độc hại, thâm nhập, ăn sâu vào đời sống xã hội và đội ngũ cán bộ, đảng viên; tác động tiêu cực đến sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Vì vậy, trong thời đại công nghệ đang thay đổi nhanh chóng, cùng với những thành tựu về kinh tế, xã hội, việc gìn giữ và bồi đắp những giá trị tinh thần trong sạch, lành mạnh và một tư tưởng tích cực, vững vàng là điều hết sức cần thiết để giúp cho mỗi cá nhân thực sự trở thành một thực thể hữu ích và lành mạnh, để mỗi một xã hội phát triển bền vững, và để một dân tộc đi lên cùng thời đại và tiến bộ của nhân loại. Bên cạnh đó, tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cũng là việc làm hết sức cần thiết.

1. Khái quát về nền tảng tư tưởng của Đảng

1.1. Khái niệm chung

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống những quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách mà Đảng đã đề ra để lãnh đạo cách mạng

Việt Nam đi đến thắng lợi. Nó bao gồm: Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị của Đảng, Điều lệ Đảng, Các văn kiện Đại hội Đảng.

Cụ thể, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động" - Trích Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" năm 2011. Tiếp tục được khẳng định và bổ sung, phát triển tại đại hội XIII của Đảng: "Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân".

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam ghi rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Trong đó, chủ nghĩa Mác - Lênin là những học thuyết sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, mà cơ bản, cốt lõi đó là : Triết học, Kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Theo đó, nền tảng tư tưởng của Đảng là cơ sở để Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

1.2. Những tác động của bối cảnh mới đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mùa Xuân năm 1930 là dấu mốc lịch sử trọng đại, bước ngoặt quan trọng trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc. Đến nay, trải qua suốt 94 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, 38 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 33 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn phải đối mặt với nhiều âm mưu, thủ đoạn chống phá, công kích của các thế lực thù địch, phản động. Không từ một thủ đoạn nào, bọn chúng ra sức gây nhiễu, tạo khoảng trống ý thức hệ trong cán bộ, đảng viên, kích

động, thúc đẩy quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" hòng làm lung lay niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Năm 1927, từ khi Đảng chưa ra đời, trong tác phẩm *Đường Cách mệnh,* lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khẳng định phải "giữ chủ nghĩa cho vững" (1), "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt" (2) và chủ nghĩa chân chính, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Đến tháng 10-1930, trong Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Đảng ta chỉ rõ: "Giải thích cho công nhân mục đích và đường lối của Đảng Cộng sản trong các vấn đề liên quan đến cuộc sống của công nhân và thái độ đối với các sự kiện lớn diễn ra trong nước. Giải thích cho họ rằng, Đảng Cộng sản là Đảng của họ, vì vậy họ cần phải bảo vệ Đảng" (3).

Đến năm 1960, tại Đại hội III, trong Báo cáo về việc sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam nhấn mạnh: "Bất cứ trong tình hình nào, nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi đảng viên là phải bảo vệ Đảng, bảo vệ vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng, tỉnh táo đề phòng và kiên quyết đấu tranh chống mọi mưu đồ đả kích hoặc làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng bất kỳ trên lĩnh vực nào, và núp dưới hình thức nào" (4). Như vậy, từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn nhất quán: "Bảo vệ Đảng là công tác thường xuyên, luôn luôn gắn chặt với các mặt công tác xây dựng đảng trong mọi giai đoạn cách mạng, để bảo đảm cho tổ chức của Đảng được trong sạch và vững mạnh" (5).

Ngày 22-10-2018, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã kí ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ chính trị về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Nghị quyết nêu rõ: "*Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước"*. Đó là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, là nhiệm

vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó các cơ quan báo chí tuyên truyền các cấp là nòng cốt. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" [(6)]. Đặc biệt, đến năm 2022, cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhận được sự đánh giá cao, hưởng ứng tích cực của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, các tầng lớp nhân dân trong nước cũng như bạn bè, các chính đảng, chính trị gia và dư luận quốc tế. Cuốn sách trở thành tài liệu hết sức giá trị, phục vụ việc học tập, giáo dục lý luận chính trị, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Hiện nay, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Song, cũng cần nhận thức sâu sắc rằng, con đường chúng ta kiên định đang và sẽ tiếp tục trải qua rất nhiều khó khăn, thách thức. Tại Đại hội XIII, Đảng ta đã thẳng thắn chỉ ra một trong những thách thức to lớn mà chúng ta phải đối mặt và giải quyết, đó là: "Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta" [(7)]. Không những thế, lợi dụng tiến bộ của công nghệ thông tin, truyền thông trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nhiều biến động của tình hình thế giới, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh chống phá trên mọi mặt trận, trọng tâm là chĩa mũi nhọn tấn công chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng bằng hàng loạt âm mưu, thủ đoạn hết sức tinh vi, thâm độc.

2. Nhận diện đối tượng, âm mưu, phương thức, thủ đoạn tuyên truyền của các thế lực thù địch, chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng ta

2.1. Đối tượng

Đối tượng chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta được phân chia thành ba nhóm chính: *(i)* Một bộ phận những người nghiên cứu lý luận, thực tiễn trên thế giới, bài xích tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; *(ii)* Lực lượng phản động, tàn dư của chế độ ngụy quyền trước đây đang sinh sống, lưu vong ở nước ngoài kết hợp với một số đối tượng chống đối, bất mãn ở trong nước; *(iii)* Một bộ phận cán bộ, đảng viên bất mãn, cơ hội, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

2.2. Phương thức, thủ đoạn

Trong bối cảnh mới, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị thường tập trung: phủ nhận, xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như giá trị khoa học, thời đại, cách mạng, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chống phá, xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên tất cả lĩnh vực, đặc biệt xoáy sâu vào những vấn đề nhạy cảm, như dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, biển, đảo; lợi dụng hạn chế, yếu kém trong quản lý xã hội, sơ hở, thiếu sót trong quản lý, điều hành đất nước hoặc những vấn đề bức xúc, khiếu kiện kéo dài chưa được giải quyết để lôi kéo, kích động người dân tham gia các hoạt động biểu tình, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội...

2.3. Phương tiện

Với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các thế lực thù địch triệt để tận dụng công cụ truyền thông, báo chí, không gian mạng để đẩy mạnh tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam. Bằng mọi âm mưu thủ đoạn, chúng tăng cường thực hiện nhiều chiêu thức khác nhau, như xuất bản ấn phẩm, tài liệu như: Các báo cáo, nghị quyết, dự luật của nghị viện các nước phương Tây, các văn bản pháp lý của các tổ chức phi chính phủ như: Tổ chức Ân

xá Quốc tế, Tổ chức theo dõi nhân quyền quốc tế, các ấn phẩm như sách báo, tạp chí, tờ rơi của các cá nhân, tổ chức phản động lưu vong...; thành lập trang web, blog, các kênh phát thanh truyền hình có chương trình tiếng Việt, tổ chức hội thảo, tọa đàm, hội thi... thậm chí núp bóng danh nghĩa yêu nước, bảo vệ dân chủ, nhân quyền, vì dân tộc, vì đất nước, thúc đẩy hình thành các hội, nhóm, tổ chức chống phá Đảng, Nhà nước. Đặc biệt, lợi dụng quá trình "chuyển đổi số", các thế lực thù địch đã số hóa các dữ liệu không có thật, xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ Đảng và Nhà nước..., thiết lập cơ sở dữ liệu, sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), internet kết nối vạn vật… để tạo ra các dữ liệu, tài liệu và "có giá trị như thật", "minh chứng lịch sử", "nguồn gốc của mọi nguồn gốc", "tài liệu mật" ... nhằm chống Đảng và Nhà nước ta.

3. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam

3.1. Những hạn chế và bất cập trong nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Thời gian qua, nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị, cùng với sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân trong nước và đồng bào ta ở nước ngoài, chúng ta đã khắc phục, vượt qua được những khó khăn lớn, những tác động tiêu cực do dịch bệnh, thiên tai, bão lụt, hạn hán xảy ra. Đó là minh chứng sinh động, khẳng định tính ưu việt của chế độ, khẳng định sức mạnh truyền thống đoàn kết, yêu nước và ý chí kiên cường của nhân dân ta.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: "Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam" [(8)]. Trong đó, phải kể đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được Đảng ta đặc biệt quan tâm, đạt nhiều kết quả tích cực. Đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất,

đạo đức lối sống, gương mẫu đi đầu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc xử lý nghiêm những đảng viên cả cán bộ đương chức và đã nghỉ hưu thoái hóa biến chất, tham ô, tham nhũng đã giúp cán bộ đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi của mỗi người, tích cực rèn luyện đạo đức lối sống, tác phong công tác.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập, cụ thể như sau:

Trước hết, nhận thức về vai trò, tầm quan trọng, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, tổ chức đảng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chưa sâu sắc. Công tác tuyên truyền chưa được triển khai thường xuyên, dẫn đến vẫn tồn tại một bộ phận cán bộ, đảng viên lơ là, thiếu trách nhiệm, chưa thật sự coi trọng việc thực hiện nhiệm vụ được giao gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn đùn đẩy, sợ trách nhiệm, lợi dụng kẽ hở để tư lợi, vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước; "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" theo kiểu "tha hóa trong bí mật", tác động xấu bằng hành vi tham nhũng, trục lợi chính sách.

Bên cạnh đó, trách nhiệm nêu gương, nhất là của cấp ủy và người đứng đầu chưa thực sự lan tỏa sâu rộng. Tình trạng tham nhũng, "lợi ích nhóm", diễn ra khá phổ biến trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa ...ở các cấp, các ngành, địa phương đã làm giảm sút lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Hiện tượng chạy chức, chạy quyền, thiếu dân chủ trong công tác nhận xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ còn xảy ra nhất là cấp trung gian tỉnh, thành phố …, đâu đấy vẫn tồn tại những câu chuyện về tiêu chuẩn "5C (con cháu các cụ cả)" và "4 Ệ" (hậu duệ, tiền tệ, quan hệ, trí tuệ), khi đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, việc lấy phiếu tín nhiệm để bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ có nơi còn hình thức thiếu dân chủ, chưa công khai minh bạch, chính vì lẽ đó chưa thực sự tìm được người có tài, có đức xứng đáng vào các vị trí lãnh đạo.

Hơn nữa, một số phương thức, giải pháp chưa thực sự hiệu quả, còn nặng tính hàn lâm, khi triển khai còn mang tính rập khuôn, máy móc, hiệu quả chưa cao, chưa phù hợp với thực tiễn của từng ngành, từng lĩnh vực và từng địa phương.

Phương thức tuyên truyền, đấu tranh trực diện trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa kịp thời, một số giải pháp thiếu tính cụ thể, chưa phản ánh những vấn đề thực tiễn bằng trực quan sinh động, chưa kịp thời phản biện, đấu tranh bằng tấm gương người thật, việc thật; các minh chứng về xây dựng và chỉnh đốn Đảng đôi khi chưa được cập nhật và phản ánh kịp thời nên tạo ra nhiều luồng dư luận, nhiều cách hiểu trái chiều khiến các thế lực thù địch có cơ hội xuyên tạc, bóp méo sự thật. Việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật của Nhà nước ở một số khâu, trong một số trường hợp còn chậm và cách thức triển khai chưa phù hợp. Minh chứng điển hình như: Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22-9-2021, của Bộ Chính trị, "về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung" đã gần 2 năm vẫn chưa được thể chế hóa bằng Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ nên thực tế hiệu quả về chủ trương của Đảng không được như kỳ vọng, dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức vẫn sợ trách nhiệm, đùn đẩy, các thế lực thù địch vẫn có cơ sở để xuyên tạc, vu khống.

Mặt khác. việc xây dựng "thế trận lòng dân" trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Một số nội dung, phương thức, giải pháp để "gieo niềm tin" từ nhân dân chưa đạt hiệu quả như mong muốn, như nêu gương trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chưa thật sự nổi bật, chưa đủ sức lan tỏa để quần chúng "nghe, nói, tin và làm theo", sự phối hợp của một số cơ quan, đơn vị, cá nhân trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn lỏng lẻo và thiếu hiệu quả, sự phối hợp mới chỉ trong phạm vi hẹp, chưa có cơ chế ràng buộc rõ ràng nên hiệu quả phối hợp chưa cao.

Thực trạng tình hình thế giới và trong nước, kết hợp với những tồn tại yếu kém chủ quan trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị, đạo đức lối sống hiện nay đòi hỏi chúng ta phải nhận rõ bộ mặt thật, những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, khắc phục được những tồn tại, bất cập, tiếp tục thực hiện Nghị quyết

số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về " Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới ". Từ đó, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống có hiệu quả, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

3.2. Giải pháp tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài đòi hỏi sự tham gia tích cực của của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân. Do đó, để đảm bảo hiệu quả cao nhất, hạn chế được những bất cập trong thời gian vừa qua, Đảng và nhà nước cần mạnh dạn hoàn thiện, bổ sung và đổi mới phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, cụ thể như sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở, tiếp tục huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Phát huy vai trò nòng cốt của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các đơn vị, địa phương. Xác định rõ, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác quan điểm sai trái thù địch không chỉ có bộ phận chuyên trách, mà còn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn thể nhân dân. Cùng với đó, cấp ủy, chính quyền các cấp cần tích cực thông tin và tăng cường đối thoại với nhân dân; chủ động, linh hoạt tham gia các vấn đề cụ thể của xã hội. Thường xuyên duy trì, thực hiện có hiệu quả việc phối hợp với các cơ quan chức năng, tạo thế trận rộng khắp, chặt chẽ trong đấu tranh phản bác quan điểm, luận điệu sai trái thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Hai là, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện của sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tham nhũng, tiêu cực. Đảng phải tự cường, thực sự trong sạch, vững mạnh trên tất cả các mặt về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ... để có khả năng tự

bảo vệ mình. Do vậy, cần kết hợp chặt chẽ giữa "xây và chống" trong xây dựng và thực hành đạo đức cách mạng; đẩy mạnh thực chất công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tránh việc triển khai theo kiểu hình thức.

Ba là, thực hiện bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bằng nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, hiệu quả. Công tác này không được áp đặt bằng mệnh lệnh hành chính, chủ quan, duy ý chí, mà phải dựa trên sự tự giác, có trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thông tin phản bác phải được phân tích, luận giải có lý lẽ, dựa trên cơ sở thực tiễn khách quan, tăng sức thuyết phục; nắm vững trình độ, nhu cầu, nguyện vọng, tâm lý của từng nhóm đối tượng để có phương thức phù hợp.

Bốn là, chú trọng và nâng cao hiệu quả xây dựng "thế trận lòng dân" bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Để thực hiện tốt phương thức này, trong thời gian tới phải thực hiện đồng thời các vấn đề: Quán triệt rõ, nhân dân đóng vai trò chủ thể, vị trí trung tâm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Đảng không ngừng chăm lo, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; phổ biến, tuyên truyền, làm tốt công tác dân vận để nhân dân tin, hiểu, tự hào với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Năm là, phát triển khoa học, công nghệ, văn hóa, giáo dục, nâng cao trình độ hiểu biết, nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền tảng tư tưởng của Đảng. Tạo môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

Sáu là, chủ động nắm tình hình, phát hiện sớm hoạt động chống phá của đối tượng để đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị. Công tác nắm tình hình cần tập trung vào những vấn đề cụ thể như: Phát hiện các trang web, blog, "diễn đàn" thường xuyên đăng tải những nội dung xấu, thù địch; phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động tuyên truyền chống phá của chúng trên không gian mạng, kịp thời nhận diện những phương

thức, thủ đoạn mới; phát hiện cá nhân, tổ chức sở hữu, quản lý, điều hành các trang mạng xã hội thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh, video tuyên truyền phá chống phá cách mạng Việt Nam; phát hiện những bất cập, hạn chế của các biện pháp, công tác nghiệp vụ đã và đang được triển khai...

Bảy là, Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động Đặc biệt, đối với cán bộ lãnh đạo và người đứng đầu các cấp, các ngành, cần xây dựng quy định kiểm tra, giám sát thường xuyên của cấp trên để kịp thời phát hiện, phê bình, uốn nắn sai phạm, khuyết điểm. Tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Khen thưởng kịp thời những tấm gương điển hình trong việc thực hiện hoàn thành xuất sắc trong việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng cũng như phê bình, kiểm điểm các cá nhân thực hiện không tốt.

Trải qua suốt 94 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, 38 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 33 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn giữ vững lập trường kiên định với nền tảng tư tưởng của mình, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tuy còn nhiều gian nan, thử thách bởi sự chống phá âm mưu, thủ đoạn tinh vi của các thế lực thù địch. Tuy nhiên, với ý thức giữ vững lập trường, quan điểm chính trị vững vàng, không ngừng rèn luyện bản lĩnh và phẩm chất đạo đức, mỗi cán bộ, đảng viên và người dân sẽ góp phần tạo nên sức mạnh to lớn để bảo vệ thành công nền tảng tư tưởng của Đảng.

Kiên trì với nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ sự nghiệp đổi mới đất nước. Đó là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

https://dangcongsan.vn

https://www.qdnd.vn

https://www.tapchicongsan.org.vn

https://truongleduan.quangtri.gov.vn

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr. 280, 289

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr. 280, 289

(3) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, t. 2, tr.181

(4) *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t. 21, tr. 710 – 711

(5) *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, 2005, t. 38, tr. 45

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 183, 108

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 183, 108

(8) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t. I, tr. 104

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ThS. Nguyễn Thị Thu Trang

Khoa Ngoại ngữ Kinh tế

Email: trangnnkt.neu@gmail.com

Tóm tắt: *Những nội dung cơ bản của nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Thực trạng tình hình, những tồn tại, yếu kém trong việc thực hiện công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức, lối sống và trách nhiệm, giải pháp của cấp ủy Đảng, chi bộ cơ sở và cán bộ đảng viên trong việc tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình hiện nay.*

PHẦN MỞ ĐẦU

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; đồng thời đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, thông tin xấu độc, cố tình bôi xấu cán bộ, đảng viên, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ đoàn kết, gây mất niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn chú trọng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, coi đây là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, một nội dung cốt lõi của công tác xây dựng Đảng. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày

22/10/2018 của Bộ Chính trị xác định rõ: "*Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là một nội dung cơ bản, sống còn của công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng tuyên giáo các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị-xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và của từng cán bộ, đảng viên*".Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn tồn tại những khó khăn, bất cập trong nhận thức của một số ít cán bộ, đảng viên và nhân dân về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, cơ hội, phản động. Các cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cần nâng cao nhận thức về những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, từ đó chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng.

NỘI DUNG

I. Khái quát về nền tảng tư tưởng của Đảng

1. Khái niệm chung

Đảng Cộng sản Việt Nam: Là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nông dân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân và nông dân lao động. Là tổ chức chính trị duy nhất được hiến pháp Việt Nam 2013 công nhận. Đảng cộng sản Việt Nam lấy nền tảng cốt lõi là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để hoạt động và phát triển.

Nền tảng tư tưởng của Đảng được khẳng định tại "cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 2011" và được khẳng định là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác- Lênin là học thuyết lý luận sâu rộng, toàn diện trên mọi lĩnh vực, mà căn bản, quan trọng, cốt lõi, gồm: Triết học, Kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Nguồn gốc về nền tảng tư tưởng của Đảng

Học thuyết về chủ nghĩa cộng sản là do một số nhà kinh điển dày công nghiên cứu từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX trên cơ sở thực tiễn chủ nghĩa

tư bản đã dẫn bước qua giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, phong trào đấu tranh giai cấp của nhân dân lao động trên toàn cầu đang phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu to lớn: Công xã Paris, Cách mạng tháng 10 Nga, sự thành lập liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô - Viết, giải thoát hàng trăm triệu nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến và tư bản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự ứng dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện thực tiễn của nước ta, tiếp nối và phát triển những giá trị truyền thống cao đẹp của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa đặc biệt của nhân loại; là tài sản tinh thần đặc biệt quý báu và vô giá của Đảng và dân tộc ta, tư tưởng của người mãi dẫn đường cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

Như vậy, nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam là các học thuyết, những tư tưởng được ra đời trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn minh của trí tuệ nhân loại; luôn luôn được bồi đắp, hoàn thiện bởi những kết quá sáng tạo mới nhất của khoa học và kinh nghiệm thực tiễn lịch sử trong nước và quốc tế.

II. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam

1. Yêu cầu mới đặt ra đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Thực trạng tình hình, những tồn tại, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng hiện nay đã đặt ra những yêu cầu mới cao hơn cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch, phản động quốc tế chưa bao giờ từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, Chúng chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng bằng mọi âm mưu, thủ đoạn, lợi dụng tôn giáo, nhân quyền., thông qua các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các phần tử chống cộng cực đoan (CCCĐ), các thế lực thù địch để thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa, ra sức đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ, chống phá Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới của Nhân dân ta, nhằm gây chia rẽ giữa

các vùng, miền, giữa Đảng với Quân đội, làm suy giảm niềm tin, gây hoang mang hỗn loạn về lý luận tư tưởng, tạo ra những khoảng trống để đưa hệ tư tưởng tư sản thâm nhập vào cán bộ, đảng viên và nhân dân, đòi đa nguyên đa đảng, xóa bỏ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Chúng ra sức tuyên truyền, phủ nhận chủ nghĩa nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng Nhà nước, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhằm mục tiêu lật đổ sự lãnh đạo của Đảng và xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa của nước ta. Âm mưu chống phá của các thế lực thù địch đang diễn ra trong bối cảnh quá trình toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động nhanh chóng, sâu rộng đến mọi mặt đời sống, kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường, với sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin, Internet, các mạng xã hội vô cùng tiện lợi, đưa những kiến thức, thông tin đa chiều của thế giới đến từng nhà, rộng khắp tới các vùng miền của cả nước, nhưng mặt trái tiêu cực của nó không hề nhỏ bởi mạng xã hội bộc lộ những mặt trái và hệ lụy đối với sự phát triển của đất nước, được ví như con dao hai lưỡi ẩn chứa nhiều vấn đề bất cập và hiểm họa khó lường đối với người sử dụng không đúng mục đích. Bên cạnh các thông tin bổ ích, có giá trị đối với xã hội thì còn vô số thông tin, hình ảnh có nội dung xấu, độc hại, sai trái xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng, chống phá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phủ nhận thành tựu của công cuộc đổi mới, bịa đặt, vu cáo, nói xấu các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ đoàn kết nội bộ, thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Cán bộ, đảng viên, nhân dân đã tác động tiêu cực đến tình hình tư tưởng, đạo đức, gây nghi ngờ, gieo rắc sự hoang mang, dao động, tư tưởng "sính ngoại", coi thường những giá trị đích thực của dân tộc. Những thông tin không được kiểm soát trên các mạng xã hội của các thế lực thù địch, CCCĐ còn gây nhiễu, gây khó khăn, cản trở cho việc tiếp thu, phân biệt đúng sai của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong việc học tập, quán triệt, hiểu biết đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng.

Những năm qua, nhất là sau đại hội Đảng lần thứ XIII, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức đặc biệt được chú trọng. Đảng ta luôn vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí minh và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam; Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới và những nguyên tắc về xây dựng Đảng. tư duy lý luận của Đảng ta có bước phát triển, bổ xung. Công tác xây dựng đảng về đạo đức được đề cao với việc ban hành Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Nhìn chung đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức lối sống, gương mẫu đi đầu, tận tụy, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc xử lý nghiêm những đảng viên cả cán bộ đương chức và đã nghỉ hưu, thoái hóa biến chất, tham ô, tham nhũng đã giúp cán bộ đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi của mỗi người, tích cực rèn luyện đạo đức lối sống, tác phong công tác.

Tuy nhiên một bộ phận cán bộ đảng viên chưa thật sự tiên phong gương mẫu, tình trạng suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến," "tự chuyển hóa" trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp. Trách nhiệm nêu gương, nhất là của cấp ủy và người đứng đầu chưa thực sự lan tỏa sâu rộng. Tình trạng tham nhũng, "lợi ích nhóm", diễn ra khá phổ biến trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa ...ở các cấp, các ngành, địa phương đã làm giảm sút lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Hiện tượng chạy chức, chạy quyền, thiếu dân chủ trong công tác nhận xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ còn xảy ra nhất là cấp trung gian tỉnh, thành phố trở xuống, đâu đấy vẫn những câu chuyện đàm tiếu của cán bộ, đảng viên cơ quan cấp sở ngành, quận huyện, đơn vị nào đó về tiêu chuẩn "5C (con cháu các cụ cả)" và "4 Ệ" (hậu duệ, tiền tệ, quan hệ, trí tuệ), khi đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, việc lấy phiếu tín nhiệm để bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ có nơi còn hình thức thiếu dân chủ, chưa công khai minh bạch, chính vì lẽ đó chưa thực sự tìm được người có tài, có đức xứng đáng vào các vị trí lãnh đạo. Vai trò của một số người đứng đầu chưa thực sự

gương mẫu, chưa thực sự có năng lực lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo đơn vị thuộc quyền, tình trạng trong hội nghị thì không nói, ra ngoài thì cán bộ, đảng viên, nhân viên không tâm phục, khẩu phục thậm chí coi thường người lãnh đạo, người đứng đầu hoặc hiện tượng lãnh đạo, người đứng đầu cơ đơn vị gia trưởng, thiếu nhân cách, trù úm, triệt hạ tài năng của người đấu tranh, gây ra tình trạng bè phái, lợi ích nhóm trong cơ quan đơn vị, làm thui chột ý chí tiên phong, vươn lên và tài năng của một số cán bộ đảng viên.

Thực trạng tình hình thế giới và trong nước, kết hợp với những tồn tại yếu kém chủ quan trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị, đạo đức lối sống hiện nay đòi hỏi chúng ta phải nhận rõ bộ mặt thật, những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, khắc phục cho được những tồn tại, yếu kém, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về " Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới ". Đề ra những nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống có hiệu quả tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch càng phải coi trọng, lãnh đạo chỉ đạo càng phải chặt chẽ, hiệu quả cao hơn để bảo vệ sự trong sáng đường lối đổi mới của Đảng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc trong giai đoạn hiện nay.

2. Giải pháp tăng cường bảo vệ nền tảng của Đảng cộng sản Việt Nam

Trong giai đoạn hiện nay, để tăng cường và không ngừng nâng cao hiệu quả công tác này, cần nhận diện rõ bối cảnh mới, những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, từ đó đề ra định hướng, giải pháp phù hợp.

Thực tiễn cách mạng của Đảng ta chỉ rõ, ở bất kỳ giai đoạn cách mạng nào, công tác tư tưởng, lý luận luôn đứng ở vị trí hàng đầu trong các mặt công tác của Đảng, có những vai trò quan trọng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội, việc phát tán các quan điểm

sai trái, thù địch trở nên rất dễ dàng, nên công tác đấu tranh phản bác các quan điểm này cũng được đặt ngang hàng với bảo vệ nền tảng tư tưởng.

Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" cần phải lấy bảo vệ là chính kết hợp với đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Nghị quyết có hai hoạt động cơ bản là bảo vệ và đấu tranh, phù hợp với phương châm "xây" và "chống" trong công tác tư tưởng, lý luận. Trong đó, bảo vệ nền tảng tư tưởng là vấn đề quan trọng hàng đầu, được đặt lên trước.

Vì vậy, thực hiện Nghị quyết này phải lấy bảo vệ là chính. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chính là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này đã được Cương lĩnh và Điều lệ Đảng khẳng định. Bảo vệ nền tảng tư tưởng là việc nghiên cứu, bổ sung, phát triển, hoàn thiện chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đồng thời, trong bảo vệ phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, hiện thực hóa hệ tư tưởng của Đảng vào đời sống và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.

Một số giải pháp nhằm tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự thống nhất, quyết tâm cao trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và cả hệ thống chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền gắn với việc phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Cùng với đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để mỗi cán bộ, đảng viên tự giác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên là thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết 35.

Thứ hai, tăng cường gắn kết hơn nữa giữa việc thực hiện Nghị quyết 35 với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn

Đảng, Chỉ thị số 05-CT/TW "Về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25-10-2018, của Ban Chấp hành Trung ương, "Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên"…

Thứ ba, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác tư tưởng, lý luận theo hướng khoa học, thiết thực, kịp thời, hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Coi trọng lấy gương "người tốt, việc tốt" để tuyên truyền, giáo dục, tạo hiệu ứng tích cực, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Xử lý nghiêm các vi phạm chuẩn mực đạo đức cách mạng của đảng viên, đồng thời cổ vũ, biểu dương các tấm gương đạo đức để tạo ảnh hưởng lan tỏa trong Đảng và xã hội.

Thứ tư, tổ chức tốt cuộc đấu tranh vạch trần những quan điểm sai trái, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là cán bộ, đảng viên nhận rõ mục tiêu sâu xa của các quan điểm sai trái. Tích cực chống lại các khuynh hướng đem đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hòng phủ nhận vai trò của cả chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có hệ thống, bài bản, đi vào chiều sâu.

Thứ năm, chủ động nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội; xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc nảy sinh; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí trong đấu tranh vạch trần bản chất, âm mưu, thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch, phản động, góp phần định hướng dư luận xã hội. Mặt khác, mỗi cơ quan, đơn vị cần duy trì tốt chuyên trang "Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng", "Đấu tranh phản bác luận điệu sai trái, thù địch", chuyên mục chống "diễn biến hòa bình", "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Cùng với đó, cấp ủy, chính quyền các cấp cần tích cực thông tin và tăng cường đối thoại với nhân dân; chủ động, linh hoạt tham gia giải quyết các vấn đề của xã hội

Thứ sáu, tăng cường trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, bồi dưỡng lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ chủ chốt; bảo đảm việc học tập các môn lý luận chính trị được tiến hành một cách thực chất hơn, để người học nắm được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cơ sở xem xét, phân tích, đánh giá thấu đáo các vấn đề chính trị – xã hội diễn ra trong đời sống hiện thực. Mặt khác, xử lý nghiêm các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Nghị quyết, Chỉ thị, Quy định của Đảng. Các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn; nghiêm cấm để lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, lan truyền những thông tin sai lệch hoặc có nội dung xấu, xuyên tạc, vu khống, kích động…, làm nguy hại an ninh quốc gia.

Là giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân, để phát huy vai trò quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, mỗi giảng viên cần tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ trong công việc và cuộc sống, cụ thể:

Thứ nhất, mỗi giảng viên phải giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định và tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Để thể hiện vai trò tiên phong, giảng viên trường kinh tế cần hiểu rõ những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, do vậy, các giảng viên cần tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng như lớp bồi dưỡng kiến thức kinh điển về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do trường Đại học Kinh tế quốc dân tổ chức. Đồng thời, thường xuyên hoạt động nghiên cứu khoa học để làm sáng tỏ những nội dung của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phản bác lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đây là vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng, góp phần vào thành công của công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái, thù địch.

Thứ hai, các thế lực thù địch cũng luôn tìm mọi cách để bôi nhọ danh dự, hình tượng của chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ngụy tạo chứng cứ và xuyên tạc, bóp méo sự thật lịch sử về Người để làm mất đi tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của Nhân dân ta. Do đó, cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng những tư tưởng vĩ đại của Người cũng cần được tuyên truyền, lan tỏa đến học viên trong các bài giảng của các giảng viên. Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", tuyên truyền, gìn giữ và học tập những giá trị tốt đẹp của tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Thứ ba, thông qua hoạt động giảng dạy trên lớp, giảng viên cần lồng ghép tuyên truyền đến các đối tượng học viên, giúp nhận diện âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù. Giảng viên cần định hướng để học viên nhận biết những âm mưu và thủ đoạn tinh vi của các thế lực thù địch dùng để xuyên tạc, bôi nhọ, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin hiện nay, như luận điệu sai trái về sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác-Lênin, hay chủ nghĩa Mác đã lỗi thời trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, … để từ đó nâng cao nhận thức và cùng nhau hành động để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, bằng cách lồng ghép quan điểm của Đảng về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo tinh thần Nghị quyết 35-NQ/TW trong các nội dung giảng dạy phù hợp. Ngoài ra, một cơ sở quan trọng và cần thiết là thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn, có ý nghĩa quan trọng, khẳng định tính đúng đắn của con đường mà chúng ta lựa chọn là đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có đánh giá sâu sắc: *"Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay"* và điều đó cũng được Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng thêm

một lần khẳng định. Đây là minh chứng hùng hồn, đập tan luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch.

Thứ tư, các giảng viên cần tham gia Cuộc thi viết chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch do Đại học Kinh tế quốc dân tổ chức nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của bản thân đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ năm, hiện nay mạng xã hội là một công cụ mà các thế lực thù địch triệt để tận dụng nhằm tuyên truyền các hoạt động chống phá, kích động, lôi kéo người dân tham gia. Trách nhiệm của mỗi người giảng viên là khi sử dụng mạng xã hội cần phải chủ động, tích cực, tự giác tham gia bình luận, chia sẻ những bài viết về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, những thành tựu đạt được của đất nước và địa phương, những tấm gương điển hình của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch sẽ thật sự lâu dài, gian khổ. Bởi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, là một nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị, cán bộ đảng viên và nhân dân. Vì vậy, là giảng viên Đại học Kinh tế quốc dân cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, cần có phẩm chất và năng lực của những người tâm huyết với Đảng, với sự nghiệp cách mạng.

KẾT LUẬN

Tóm lại, chỉ khi có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm của người đảng viên, của người giáo viên; nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có kỹ năng nắm bắt, sàng lọc, xử lý tốt thông tin, có tâm huyết và bản lĩnh chiến đấu của người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, thì mỗi cán bộ, đảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân sẽ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước sự chống phá của các thế lực thù địch hiện nay.

Sự nghiệp đổi mới đất nước của toàn Đảng, toàn dân ta đã đạt được những thắng lợi nhất định, chưa bao giờ đất nước của chúng ta có được cơ đồ, vị thế, tiềm lực và uy tín như ngày hôm nay. Điều đó càng khẳng định sự đúng đắn và tính chân lý của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Hơn bao giờ hết, để bảo vệ những thành quả cách mạng đã đạt được và tiếp tục vững bước phát triển, chúng ta cần quán triệt tốt việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trong đó có kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Xem đây là một yêu cầu cấp bách, quan trọng, góp phần giữ vững nền tảng tư tưởng, củng cố địa vị chủ đạo hệ tư tưởng của Đảng ta trong đời sống xã hội.

Hơn 90 năm qua, Đảng cộng sản Việt Nam luôn kiên trì với nền tảng tư tưởng của Đảng mà nòng cốt là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự kiên trì ấy chính là bài học cực kỳ quý báu cho mỗi chúng ta khi chúng ta sinh sống dưới ngọn cờ xã hội chủ nghĩa khi tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nhiệm vụ này tuy còn nhiều khó khăn và gian khổ khi các thế lực chống phá luôn luôn tìm cách để lật đổ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nhưng khi chúng ta luôn luôn giữ vững lập trường quan điểm chính trị vững vàng, luôn tôi luyện bản thân thì chúng ta sẽ giành thắng lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 51*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2007, tr.147

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội, 2021, t2, tr.229

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội, 2021, t2, tr.322

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN ĐẢNG TRONG LỰC LƯỢNG ĐOÀN VIÊN SINH VIÊN HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN TRẺ, CÓ CHẤT LƯỢNG

TS. Phan Anh Tuấn

Khoa Bảo hiểm - Trường ĐH. Kinh tế Quốc dân

Tóm tắt: *Phát triển lực lượng Đảng viên đông về số lượng, mạnh về chất lượng là điều kiện tiên quyết để xây dựng Đảng vững mạnh. Trong các nguồn lực để phát triển Đảng, sinh viên là lực lượng thanh niên có nền tảng tri thức cao, được đào tạo bài bản, có năng lực, là nguồn dự bị có chất lượng cao cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, còn những hạn chế cả về nhận thức và cơ chế, dẫn đến số lượng đoàn viên sinh viên được kết nạp còn chưa tương xứng với tiềm năng. Đánh giá được những hạn chế và đưa ra giải pháp nhằm khuyến khích phát triển Đảng cho sinh viên góp phần đưa Đảng đến gần hơn với quần chúng sinh viên, đồng thời xây dựng được đội ngũ Đảng viên trẻ, chất lượng cao cho tổ chức Đảng.*

Từ khoá: *sinh viên, phát triển Đảng, chất lượng*

1. Vai trò và ý nghĩa của phát triển Đảng trong tầng lớp thanh niên

Thanh niên có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và tương lai của dân tộc. Theo C.Mác, giai cấp công nhân chỉ được hình thành với tư cách là một giai cấp khi ý thức được địa vị và tương lai của mình. Những công nhân tiên tiến nhất hiểu rõ rằng, tương lai của giai cấp công nhân và do đó tương lai của nhân loại hoàn toàn phụ thuộc vào việc giáo dục thế hệ công nhân đang lớn lên. Cuối thế kỷ XIX trong bối cảnh xã hội tư bản, Mác cho rằng, cần phải giải thoát cho thanh niên, thiếu niên khỏi sự tác động có tính chất phá hoại của hệ thống hiện đại. Chính Mác đã gọi thanh niên là cội nguồn của sự sống của dân tộc và giai cấp công nhân, là bộ xương của mỗi cơ thể dân tộc.

Khi đánh giá vai trò của thanh niên trong đấu tranh cách mạng, các quan điểm mácxít đã chỉ ra, chỉ có cách mạng vô sản và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa

xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới thực sự làm cho thế hệ thanh niên phát huy được vai trò to lớn của mình một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Do vậy, giáo dục thanh niên được coi là nhiệm vụ hàng đầu để có con người mới Xã hội chủ nghĩa.

Ph. Ăngghen nêu rõ: Thanh niên không thể đứng ngoài chính trị, chính hiện thực cuộc sống đã, đang và sẽ cuốn hút tuổi trẻ vào đời sống chính trị. Chính Ăngghen là người đầu tiên đưa ra các quan niệm như: "Đội quân xung kích quyết định của đạo quân vô sản", "đội hậu bị của đảng" để gắn với thanh niên. Vào năm 1853, khi "đảng của Mác đã khẳng định được vị trí của mình trên vũ đài chính trị, trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại đạo luật đặc biệt của Bítxmác, Ăngghen đã viết: Chính thế hệ trẻ là nguồn bổ sung dồi dào nhất cho đảng. Luận thuyết của Mác - Ăngghen luôn khẳng định lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo cần được tập hợp, tổ chức và giáo dục, sao cho những biến đổi tư tưởng của họ bắt kịp với thời đại, đi đúng quỹ đạo của dòng thác cách mạng đang cuộn chảy.

Phát triển sáng tạo những luận điểm của Mác và Ăngghen trong điều kiện lịch sử mới, V.I.Lênin đã coi thanh niên là "nguồn sinh lực chiến đấu của cách mạng". Người chỉ rõ: "*Há chẳng phải trong đảng cách mạng của chúng tôi, thanh niên chiếm ưu thế tuyệt đối là một điều tự nhiên sao? Chúng tôi là đảng của những người đổi mới, mà thanh niên luôn đi theo đổi mới. Chúng tôi là đảng đấu tranh chống chế độ cũ thối nát mà thanh niên luôn đi đầu*". Có thể nói, đây là luận điểm thể hiện rõ nhất, trực tiếp nhất vai trò của thanh niên trong đấu tranh cách mạng. Với quan điểm này Lênin khẳng định, thanh niên là một bộ phận quan trọng, hùng hậu của cách mạng, là đội hậu bị của Đảng cộng sản, là đội quân xung kích trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, là thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng của các thế hệ đi trước và các thế hệ thanh niên sẽ nối tiếp nhau xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Lênin khẳng định: Chúng ta biết rằng, hiện giờ có hàng chục, hàng trăm ngàn quân hậu bị là thanh niên công nông..., hoàn cảnh của chúng ta càng khó khăn, thì họ càng xích gần lại với chúng ta đông đảo hơn, với tinh thần hy sinh quên mình cao hơn. Những quân hậu bị đó làm cho chúng ta hoàn toàn tin chắc rằng chúng ta đã có được nguồn lực lượng hậu bị mà chúng ta có thể khai thác lâu dài, với qui mô to lớn.

Lênin tin tưởng việc tham gia vào bộ máy lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước trong chế độ mới sẽ có lực lượng thanh niên. Họ sẽ hoạt động với cách thức mới hơn và hiệu quả cao hơn. Người viết: "*Nếu chúng tôi làm việc không quá gấp, thì trong vài năm nữa chúng tôi sẽ có một số thanh niên đông đảo có khả năng làm thay đổi bộ máy của chúng tôi*". Đó chính là sự thể hiện cao nhất vai trò, vị trí, sự đóng góp của thanh niên trong quản lý xã hội và xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển đảng viên trong tầng lớp sinh viên

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Đảng "cũng ở trong xã hội". Đảng là một cơ thể sống, tồn tại và phát triển theo quy luật khách quan, có hấp thụ, có đào thải. Đảng phải có một số lượng đảng viên nhất định mới hình thành nên tổ chức đảng. Sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng là sự nghiệp vĩ đại lâu dài phải do nhiều thế hệ chiến sĩ cộng sản tham gia gánh vác. Đảng phải liên hệ mật thiết với quần chúng, phải không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo, sức chiến đấu tương xứng với đòi hỏi khách quan của tình hình nhiệm vụ cách mạng.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn quan tâm chăm lo bồi dưỡng, đào tạo thế hệ trẻ; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng học sinh, sinh viên ưu tú.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu chỉ có thể có trên cơ sở số lượng, chất lượng đội ngũ đảng viên tương ứng. Do đó, Đảng phải thường xuyên làm tốt công tác phát triển đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích: "*Nếu Đảng ta không biết chọn lọc, kết nạp, đề bạt đồng chí mới thì đâu có như ngày nay*". Người vạch rõ tính tất yếu, yêu cầu, phương châm, phương pháp của công tác phát triển đảng: "Để làm tròn nhiệm vụ rất nặng nề nhưng rất vẻ vang... Đảng phải phát triển tổ chức của mình một cách thận trọng, vững chắc và rộng rãi trong quần chúng".

Tư tưởng xuyên suốt trong quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển Đảng là "coi trọng chất lượng". Người dạy rằng, Đảng mạnh không phải chỉ do số lượng đảng viên quyết định; số lượng đảng viên chỉ trở thành sức mạnh một khi nó đạt

những yêu cầu về chất lượng. Theo Người, nếu không quán triệt và thực hiện đúng đắn vấn đề có tính nguyên tắc đó, thì dù có kết nạp được nhiều đảng viên, dù số lượng đảng viên tăng, vẫn không làm cho tổ chức đảng mạnh lên mà trái lại có khi còn làm cho tổ chức đảng trở nên lỏng lẻo, biến Đảng thành câu lạc bộ, không làm tròn vai trò người lãnh đạo. Do vậy, Người luôn nhắc nhở: "*Đảng không phải chỉ cần số cho nhiều, tuy nhiều là tốt, nhưng phải có cái chất của người đảng viên*". Người đặc biệt nhấn mạnh khi tiến hành phát triển đảng "phải nắm vững phương châm phát triển Đảng là trọng chất hơn lượng". Trong *Di chúc*, Người viết: "*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*". Học sinh, sinh viên, thế hệ trẻ là rường cột của đất nước, có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn đánh giá đúng đắn bản chất cách mạng, tiềm năng to lớn của thanh niên. Chính vì vậy, Đảng ta đặt niềm tin rất lớn và trao cho thế hệ trẻ nhiệm vụ đi đầu xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc: "*Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường XHCN hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên*" (Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (1993))

Trong những năm qua, Đảng ta luôn có những chỉ thị, nghị quyết thể hiện chủ trương, quan điểm của mình về việc đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong sinh viên. Một bước ngoặt quan trọng của Đảng trong việc đẩy mạnh công tác trên là ngày 30/5/1998, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị Số 34 – CT/TW "về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng trong các trường học". Chỉ thị xác định: Nhiệm vụ phát triển Đảng trong các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp là điều rất cần thiết để phấn đấu tới năm 2000 tất cả các trường đều có đảng viên, tất cả các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học công lập đều có đảng bộ: "*Cấp ủy, chi bộ ở các trường Đại học,*

Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề cần làm tốt công tác tạo nguồn phát triển đảng viên, nâng cao hơn tỉ lệ đảng viên trong số giáo viên trẻ và học sinh, sinh viên". (Ban Chấp hành Trung ương (1998), Chỉ thị Số 34 - CT/TW)

Chỉ thị Số 34 - CT/TW của Bộ Chính trị ra đời, đã tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ công tác phát triển đảng trong các trường học. Chỉ thị chỉ ra những điểm yếu kém, nguyên nhân yếu kém đồng thời đề ra những yêu cầu và phương hướng cụ thể để thực hiện những yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng của công tác phát triển đảng. Đây là một chỉ thị có tính mở đường cho công tác phát triển đảng viên trong các trường học.

Tiếp sau Chỉ thị Số 34 - CT/TW, thông qua các kỳ Đại hội, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã cho ra đời nhiều chỉ thị, nghị quyết để tăng cường hơn nữa và bảo đảm chất lượng của công tác phát triển đảng trong trường học cụ thể như:

- Chỉ thị Số 51 - CT/TW về "Kết nạp đảng viên nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng" của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 21-1-2000. Chỉ thị nêu rõ vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kết nạp đảng viên mới, đồng thời đề ra những yêu cầu cần thực hiện để nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng nói chung và công tác phát triển đảng trong học sinh, sinh viên nói riêng

- Chỉ thị số 52 - CT/TƯ ngày 21/01/2002 của Bộ Chính trị khẳng định: kết nạp đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, có tính qui luật trong công tác xây dựng Đảng nhằm tăng cường thêm sức chiến đấu và bảo đảm sự kế thừa phát triển của Đảng. Đảng là một cơ thể chính trị - xã hội sống, có quá trình hình thành, phát triển và đào thải riêng. Vì vậy, sự phát triển của Đảng là đòi hỏi tự nhiên, là qui luật tất yếu, nhằm để bù đắp số lượng giảm đi và tạo thêm sinh lực cho Đảng, trẻ hóa Đảng, bảo đảm sự kế thừa, tạo thêm nhân tố mới trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên (ĐNĐV).

- Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 12-10-2004, của Ban Bí thư, "Về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người", nêu rõ: "*Chú ý kết nạp vào Đảng những người ưu tú là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, phụ nữ, dân tộc thiểu số, người lao động trong các thành phần kinh tế*".

- Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25-7-2008, của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa", đề ra mục tiêu: "*Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên từ đoàn viên, phấn đấu đạt tỉ lệ ít nhất 70% đảng viên mới được kết nạp từ đoàn viên*".

- Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo", cũng đã đề ra nhiệm vụ *"Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học"*.

- Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "*Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020*".

- Ngày 21-1-2019, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII ban hành Chỉ thị số 28-CT/TW "Về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng". Chỉ thị số 28-CT/TW yêu cầu, các cấp ủy, chi bộ thường xuyên lãnh đạo các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội; qua đó, phát hiện nhân tố tích cực, nhất là đoàn viên thanh niên, công nhân, người lao động có thành tích, gương mẫu trong phong trào, có uy tín trong nhân dân để có kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ phấn đấu trở thành đảng viên. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định chủ trương: "*Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang*"

- Đặc biệt, tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16-6-2022, "Về tăng cường

củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"; trong đó, nhấn mạnh yêu cầu coi trọng chất lượng phát triển đảng viên, quan tâm phát triển đảng viên trong đoàn viên thanh niên và đoàn viên công đoàn, hội viên ưu tú, quần chúng tiêu biểu...

Có thể thấy, điểm chung nổi bật trong các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là:

- Qua mỗi nhiệm kỳ Đại hội, Đảng ta có nhận thức ngày càng rõ, sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của công tác phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên, thanh niên và đưa ra những con số, chỉ tiêu cụ thể để cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức thực hiện;

- Đảng đặt ra tiêu chí ngày càng cao, toàn diện đối với quần chúng ưu tú, học sinh, sinh viên để có thể được đứng vào hàng ngũ của Đảng; trong đó, đặc biệt nhấn mạnh tiêu chí về tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và uy tín trong cộng đồng;

- Các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương mang tính định hướng chỉ đạo quan trọng, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phát triển đảng nói chung, công tác phát triển đảng trong học sinh, sinh viên nói riêng.

3. Vai trò của Đảng viên là sinh viên đối với tổ chức Đảng ở Cơ sở giáo dục

Quán triệt các chủ trương của Đảng, trong những năm qua, công tác phát triển đảng trong học sinh - sinh viên là một trong những nội dung trọng tâm luôn được lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Đảng bộ thành phố Hà Nội và Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo thực hiện thông qua công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đối với các địa phương và các cơ sở đào tạo.

Hằng năm, trong các văn bản chỉ đạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chỉ thị năm học về việc thực hiện 9 nhóm nhiệm vụ chủ yếu, 5 nhóm giải pháp cơ bản nhiệm vụ toàn ngành; Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong ngành Giáo dục;

Đảng viên là sinh viên có vai trò quan trọng trong hoạt động của tổ chức Đảng ở Cơ sở giáo dục. Vai trò này đươc thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, cụ thể:

- Đảng viên sinh viên là lực lượng trẻ, là tấm gương cỗ vũ những lực lượng trẻ khác, và trở thành nguồn lực quan trọng trong xây dựng đội ngũ của bất kỳ một tổ chức, tập thể nào.

- Đảng viên sinh viên góp phần tìm ra những nhân tố quan trọng, có tố chất, có năng lực trong tầng lớp thanh niên. Bởi Đảng viên sinh viên là những người hiểu rõ được động cơ, nguyện vọng vào Đảng của những sinh viên, thanh niên cùng thế hệ. Từ đó góp phần tuyên truyền, vận động và giải đáp những thắc mắc một cách thuyết phục nhất, từ đó các quần chúng thanh niên có hướng phấn đấu rõ ràng, góp phần xây dựng và phát triển tổ chức cơ sở Đảng

- Đảng viên sinh viên là những người gần gũi với sinh viên, tiếp xúc liên tục và trực tiếp nhất với sinh viên, có thể nắm bắt nhanh chóng các diễn biến trong tư tưởng và hành động của sinh viên, từ đó có thể tham mưu cho Chi bộ và Đảng bộ nhà trường một cách hiệu quả và cụ thể.

- Đối với cơ sở giáo dục, sinh viên là nguồn lục, lực lượng quần chúng đông đảo, có chất lượng để bổ sung cho tổ chức Đảng những Đảng viên trẻ, nhiệt huyết. Vừa là một Đảng viên, vừa là một thanh niên, người Đảng viên sinh viên có điều kiện phát huy vai trò xung kích, đi đầu trong các hoạt động, các phong trào và lôi kéo được lực lượng sinh viên khác tham gia cùng mình.

- Đảng viên sinh viên vẫn tham gia sinh hoạt Đoàn tại các cơ sở Đoàn các cấp, các Đảng viên này trở thành lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng cơ sở Đoàn vững mạnh, có lập trường và vận động đúng định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

4. Một số hạn chế của công tác phát triển Đảng trong sinh viên

Nhìn chung, công tác phát triển đảng viên trong sinh viên những năm gần đây được quan tâm, chú trọng. Từ nhận thức sâu sắc về vai trò của công tác phát triển đảng viên trong sinh viên, các cơ sở Đảng chủ động rà soát, đánh giá, phân

tích chất lượng quần chúng và xây dựng kế hoạch tạo nguồn phát triển đảng viên trong các trường học trên địa bàn. Nhiều tỉnh ủy, thành ủy chủ động ban hành văn bản nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương; tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề về phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên; chú trọng củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ, nhất là chi bộ sinh viên; chăm lo tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn, hội hoạt động, tích cực phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên, hội viên ưu tú giới thiệu cho Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục hạn chế, từng bước nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ phát triển đảng viên trong trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong công tác phát triển đảng viên. Qua các hoạt động đoàn, hội, phong trào thi đua học tập, nhiều nhân tố tích cực là đoàn viên trong học sinh, sinh viên, trí thức trẻ có thành tích nổi bật được phát hiện và giới thiệu cho tổ chức đảng bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng.

Tuy nhiên, số lượng đảng viên mới là sinh viên hằng năm kết nạp còn ít, chưa tương xứng với nguồn lực tiềm năng hiện có ở các trường cao đẳng, đại học. Cũng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, một bộ phận sinh viên có nhận thức chính trị còn hạn chế, chưa giác ngộ mục tiêu, lý tưởng, động cơ phấn đấu vào Đảng.

Từ những hạn chế trên, có thể rút ra một số vấn đề cần quan tâm để tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên thời gian tới, cụ thể là:

Một là, nguồn quần chúng để xem xét kết nạp vào Đảng trong các trường trung học phổ thông mặc dù có số lượng đông, nhưng số có đủ điều kiện, tiêu chuẩn chiếm tỷ lệ thấp, do sự ràng buộc "cứng" về độ tuổi xét kết nạp vào Đảng. Theo quy định "tại thời điểm chi bộ xét kết nạp, người vào Đảng phải đủ 18 tuổi... (tính theo tháng)", thực tế nhiều học sinh xuất sắc nổi bật trong học tập và rèn luyện, tham gia phong trào đã được học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, nhưng chưa đủ 18 tuổi để xem xét kết nạp. Do đó, lực lượng này sau khi trở thành sinh viên, cần được theo dõi, bồi dưỡng để ưu tiên phát triển Đảng. Tuy nhiên, cũng

không ít quần chúng sau khi trở thành sinh viên, trở nên sao nhãng với mục tiêu trở thành Đảng viên.

Hai là, tính liên tục trong quá trình xem xét kết nạp vào Đảng đối với sinh viên còn nhiều bất cập. Do cần có thời gian theo dõi, bồi dưỡng, nên việc công nhận cảm tình Đảng và tiến hành thủ tục kết nạp vào Đảng của sinh viên thường được thực hiện vào 2 năm cuối, khi sinh viên các trường đại học, cao đẳng có đủ "độ chín" để các tổ chức đoàn thể, cấp ủy đánh giá và đưa vào nguồn phát triển đảng viên. Vì vậy, trong nhiều trường hợp, sau khi hoàn tất hồ sơ, thủ tục kết nạp, nhiều sinh viên đã tốt nghiệp và ra trường, không kịp thời gian để được xem xét, quyết định kết nạp tại trường. Trong quá trình chuyển hồ sơ đảng về địa phương hoặc tổ chức đảng ở cơ sở giáo dục bậc cao hơn để tiếp tục theo dõi, nhiều sinh viên gặp vướng mắc trong khâu tiếp nhận; vì thế, làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như động lực phấn đấu của quần chúng.

Ba là, hạn chế về trình độ nhận thức chính trị của sinh viên. Mặc dù được bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng chính trị, nhưng do tuổi đời còn quá trẻ, nên nhiều sinh viên chưa có nhận thức thật đầy đủ, sâu sắc về Đảng. Sau khi có chứng nhận cảm tình Đảng, trong thời gian rèn luyện để được kết nạp Đảng, nhiều quần chúng không duy trì được động cơ, mục tiêu vào Đảng của mình.

Bốn là, vướng mắc trong tiêu chuẩn xét kết nạp vào Đảng đối với sinh viên. Hiện nay, theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, đa số sinh viên được đào tạo theo tín chỉ và chủ yếu tập trung cho việc học tập nên ít có thời gian tham gia hoạt động phong trào, đoàn thể; từ đó, dẫn đến khó khăn trong việc phát hiện nhân tố tích cực, tiêu biểu để tạo nguồn phát triển đảng viên. Một số trường có quy định cụ thể về tiêu chuẩn kết nạp đảng viên; tuy nhiên, nhiều sinh viên có học lực tốt, nhưng chưa đạt yêu cầu về kết quả rèn luyện, tham gia công tác đoàn, hội hoặc ngược lại, nên chưa được giới thiệu học cảm tình Đảng và xem xét kết nạp vào Đảng.

Năm là, việc phân công đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ đối tượng cảm tình Đảng của một số chi bộ tại trường học gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu. Đảng viên được phân công theo dõi, giúp đỡ quần chúng chưa

thể hiện hết vai trò, trách nhiệm; năng lực, sự am hiểu về công tác đảng còn hạn chế; một số đồng chí còn ngại tiếp xúc để nắm bắt tâm tư, định hướng, giúp đỡ quần chúng.

Sáu là, về tư cách đảng viên. Nhiều sinh viên e ngại các thủ tục chuyển sinh hoạt đảng, sinh hoạt Đảng 2 chiều, đặc biệt là khi sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có ý định du học hoặc làm việc tại các doanh nghiệp nước ngoài. Bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận sinh viên, tác động đến vấn đề thu nhập, việc làm của sinh viên, nên có một bộ phận sinh viên còn thờ ơ với chính trị, không muốn phấn đấu vào Đảng, hoặc phấn đấu vào Đảng vì những động cơ thiếu trong sáng.

5. Một số giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên trong sinh viên

Hiện nay, đội ngũ sinh viên là nguồn lực dồi dào cho công tác phát triển đảng viên. Trong thời gian tới, để khai thác tối đa nguồn lực này, cấp ủy, cơ quan, đơn vị cần bám sát chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển đảng viên trong sinh viên và tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm, tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong trường học. Cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo nhà trường, tổ chức đoàn thanh niên phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên; thường xuyên quan tâm công tác giáo dục, phát hiện, tạo nguồn phát triển đảng viên đối với sinh viên ưu tú có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm bổ sung nguồn nhân lực trẻ cho Đảng, cho hệ thống chính trị các cấp cả trước mắt và lâu dài.

Thứ hai, từng bước nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên trong sinh viên. Cấp ủy các cấp, nhất là cấp ủy cơ sở, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc khảo sát, đánh giá, phân tích chất lượng quần chúng là sinh viên ưu tú để xây dựng kế hoạch tạo nguồn kết nạp đảng viên của cả nhiệm kỳ và hằng năm. Tạo môi trường thuận lợi để sinh viên học tập, giác ngộ lý tưởng, hình thành động cơ

trong sáng, tích cực rèn luyện, phấn đấu vào Đảng. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho học sinh, sinh viên; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, ý thức chấp hành pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của mỗi sinh viên trong nghiên cứu, học tập, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân công đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ, cử đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng. Tập trung thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, thời gian xác minh, thẩm tra, kết luận hồ sơ đề nghị kết nạp đảng viên.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung khung nội dung, chương trình bồi dưỡng đối tượng kết nạp vào Đảng và bồi dưỡng đảng viên mới cho sinh viên theo hướng giảm tải nội dung, tập trung vào những vấn đề cơ bản nhất về Đảng, tiêu chuẩn, điều kiện xét kết nạp, nhiệm vụ của đảng viên, tính tiên phong gương mẫu, những điều đảng viên không được làm, nhất là xác định đúng đắn động cơ của người xin vào Đảng. Tăng cường tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác đảng cho bí thư, phó bí thư, cấp ủy các tổ chức đảng của trường học; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho tổ chức đảng cấp dưới trong công tác tạo nguồn, phát hiện nguồn và công tác kết nạp đảng viên bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, nguyên tắc, quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Thứ tư, phát huy vai trò trong việc tuyên truyền, vận động, tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, đặc biệt, tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học nhằm tạo nguồn, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng. Hằng năm, chi bộ có kế hoạch chỉ đạo tổ chức đoàn thanh niên giới thiệu sinh viên là đoàn viên ưu tú để chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về công tác tạo nguồn phát triển đảng viên ở trường học, nhất là về việc thực hiện quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục triệt để tình trạng kết nạp đảng viên chỉ chạy theo số lượng, mà xem nhẹ tiêu chuẩn, điều kiện. Biểu dương, khen

thưởng đối với cấp ủy, tổ chức đảng có thành tích cao trong công tác phát triển đảng viên là sinh viên.

Bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới từ nguồn sinh viên là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, thường xuyên, có tính quy luật trong công tác xây dựng Đảng, góp phần tăng thêm sinh lực cho Đảng, làm cho tổ chức đảng ngày càng lớn mạnh, trực tiếp bổ sung, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng. Để công tác này thật sự chất lượng, hiệu quả, cấp ủy, tổ chức đảng cần thực hiện tốt từng khâu, từng bước, chặt chẽ, nghiêm túc, từ công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp đến giúp đỡ đảng viên dự bị trở thành đảng viên chính thức. Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, yêu cầu cấp thiết là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển đảng viên là sinh viên. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng cần thường xuyên quan tâm, chăm lo đến lực lượng quần chúng ưu tú này, để sinh viên khẳng định được vai trò trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, xứng đáng là đội hậu bị tin cậy của Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Các chỉ thị, nghị quyết
- Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H2011,t.2
- Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t7
- Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t8
- Hồ Chí Minh: Về giáo dục thanh niên, Nxb Thanh niên, HN 1980.
- Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Lý luận chính trị, H2019

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ ĐOÀN VIÊN SINH VIÊN CÓ LÝ TƯỞNG - CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHẤT LƯỢNG CAO CHO ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Chính

Khoa Bảo hiểm - Trường ĐH. Kinh tế Quốc dân

Tóm tắt: *Phát triển Đảng cho lực lượng thanh niên, đặc biệt trong tầng lớp sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng nói chung và phát triển đảng viên nói riêng. Phát triển đảng viên trong sinh viên nhằm lựa chọn, bồi dưỡng tạo nguồn, kết nạp vào Đảng những quần chúng ưu tú là sinh viên; qua đó, tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Để có lực lượng Đảng viên có chất lượng từ nguồn, công tác giáo dục, xây dựng lực lượng đoàn viên có lý tưởng, có lẽ sống là một sự chuẩn bị cần thiết cho Đảng.*

Từ khoá: *Đoàn viên, sinh viên, lý tưởng sống, phát triển Đảng*

1. Vai trò của Đoàn viên thanh niên với tổ chức Đảng

Thanh niên có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và tương lai của dân tộc. Theo C.Mác, giai cấp công nhân chỉ được hình thành với tư cách là một giai cấp khi ý thức được địa vị và tương lai của mình. Những công nhân tiên tiến nhất hiểu rõ rằng, tương lai của giai cấp công nhân và do đó tương lai của nhân loại hoàn toàn phụ thuộc vào việc giáo dục thế hệ công nhân đang lớn lên. Cuối thế kỷ XIX trong bối cảnh xã hội tư bản, Mác cho rằng, cần phải giải thoát cho thanh niên, thiếu niên khỏi sự tác động có tính chất phá hoại của hệ thống hiện đại. Chính Mác đã gọi thanh niên là cội nguồn của sự sống của dân tộc và giai cấp công nhân, là bộ xương của mỗi cơ thể dân tộc.

Khi đánh giá vai trò của thanh niên trong đấu tranh cách mạng, các quan điểm mácxít đã chỉ ra, chỉ có cách mạng vô sản và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa

xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới thực sự làm cho thế hệ thanh niên phát huy được vai trò to lớn của mình một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Do vậy, giáo dục thanh niên được coi là nhiệm vụ hàng đầu để có con người mới Xã hội chủ nghĩa.

Ph. Ăngghen nêu rõ: Thanh niên không thể đứng ngoài chính trị, chính hiện thực cuộc sống đã, đang và sẽ cuốn hút tuổi trẻ vào đời sống chính trị. Chính Ăngghen là người đầu tiên đưa ra các quan niệm như: "Đội quân xung kích quyết định của đạo quân vô sản", "đội hậu bị của đảng" để gắn với thanh niên. Vào năm 1853, khi "đảng của Mác đã khẳng định được vị trí của mình trên vũ đài chính trị, trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại đạo luật đặc biệt của Bítxmác, Ăngghen đã viết: Chính thế hệ trẻ là nguồn bổ sung dồi dào nhất cho đảng. Luận thuyết của Mác - Ăngghen luôn khẳng định lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo cần được tập hợp, tổ chức và giáo dục, sao cho những biến đổi tư tưởng của họ bắt kịp với thời đại, đi đúng quỹ đạo của dòng thác cách mạng đang cuộn chảy.

Phát triển sáng tạo những luận điểm của Mác và Ăngghen trong điều kiện lịch sử mới, V.I.Lênin đã coi thanh niên là "nguồn sinh lực chiến đấu của cách mạng". Người chỉ rõ: "Há chẳng phải trong đảng cách mạng của chúng tôi, thanh niên chiếm ưu thế tuyệt đối là một điều tự nhiên sao? Chúng tôi là đảng của những người đổi mới, mà thanh niên luôn đi theo đổi mới. Chúng tôi là đảng đấu tranh chống chế độ cũ thối nát mà thanh niên luôn đi đầu". Có thể nói, đây là luận điểm thể hiện rõ nhất, trực tiếp nhất vai trò của thanh niên trong đấu tranh cách mạng. Với quan điểm này Lênin khẳng định, thanh niên là một bộ phận quan trọng, hùng hậu của cách mạng, là đội hậu bị của Đảng cộng sản, là đội quân xung kích trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, là thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng của các thế hệ đi trước và các thế hệ thanh niên sẽ nối tiếp nhau xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Lênin khẳng định: Chúng ta biết rằng, hiện giờ có hàng chục, hàng trăm ngàn quân hậu bị là thanh niên công nông..., hoàn cảnh của chúng ta càng khó khăn, thì họ càng xích gần lại với chúng ta đông đảo hơn, với tinh thần hy sinh quên mình cao hơn. Những quân hậu bị đó làm cho chúng ta hoàn toàn

tin chắc rằng chúng ta đã có được nguồn lực lượng hậu bị mà chúng ta có thể khai thác lâu dài, với qui mô to lớn.

Lênin tin tưởng việc tham gia vào bộ máy lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước trong chế độ mới sẽ có lực lượng thanh niên. Họ sẽ hoạt động với cách thức mới hơn và hiệu quả cao hơn. Người viết: "Nếu chúng tôi làm việc không quá gấp, thì trong vài năm nữa chúng tôi sẽ có một số thanh niên đông đảo có khả năng làm thay đổi bộ máy của chúng tôi". Đó chính là sự thể hiện cao nhất vai trò, vị trí, sự đóng góp của thanh niên trong quản lý xã hội và xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

2. Lý tưởng sống đối với thế hệ thanh niên, sinh viên

Lý tưởng sống hay lẽ sống là cái đích cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được. Người có lý tưởng sống cao đẹp là người luôn suy nghĩ và hành động không mệt mỏi để thể hiện lý tưởng sống, vì sự tiến bộ của bản thân và xã hội, luôn vươn tới sự hoàn thiện bản thân về mọi mặt, mong muốn cống hiến trí tuệ và sức lực cho sự phát triển chung của nhân loại. Lý tưởng cao đẹp của tuổi trẻ ngày nay là phấn đấu thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tuổi trẻ cần phải ra sức học tập, rèn luyện để có đủ tri thức, phẩm chất và năng lực cần thiết nhằm thực hiện lý tưởng đó.

Tuổi trẻ là thế hệ tương lai của đất nước, những người sẽ kế bước cha anh gánh vác nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Bởi thế, xây dựng và sống theo lý tưởng là một điều vô cùng cần thiết. Khi lý tưởng mỗi người phù hợp với lý tưởng chung của dân tộc, của đất nước thì hành động của họ sẽ góp phần thực hiện tốt những nhiệm vụ chung, được mọi người tin yêu và tôn trọng. Nếu sống thiếu lý tưởng, sống không có ước mơ hoài bão, cuộc sống sẽ trở nên tẻ nhạt, dễ rơi vào cạm bẫy, không có cơ hội để phát triển khả năng của mình.

Lý tưởng sống không sẵn có, mà nó cần được rèn luyện, nuôi dưỡng từng ngày, Tuổi trẻ muốn xây dựng lý tưởng sống, cần phải năng động, sáng tạo và làm việc có hiệu quả cao, phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. Bên cạnh đó, thanh niên cần trung thực, dũng cảm, đấu tranh loại trừ những điều tiêu cực khỏi cuộc sống. Đồng thời, thế hệ trẻ hôm nay phải biết ơn những lớp người đi trước, người có

công dựng nước và giữ nước để ta có được cuộc sống hôm nay. Ngày nay, có rất nhiều bạn trẻ sống không có lý tưởng, chạy theo những thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội, có thái độ thờ ơ, vô cảm với mọi người, mọi việc xung quanh. Đây là một hiện tượng đáng phê phán và chê trách, đồng thời cũng gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh thanh niên về lý tưởng sống cao đẹp

Muốn có lý tưởng và duy trì được lý tưởng, đoàn viên thanh niên cần có niềm tin. Niềm tin mạnh mẽ có thể giúp những người bình thường làm được những việc phi thường hoặc không tưởng. Lí tưởng làm cho ta thấy đời này đẹp hơn sau muôn vàn khổ đau, bất hạnh. Nó từng chút, từng chút thắp sáng tâm hồn, trái tim và khối óc ta. Nhờ lí tưởng, tâm hồn ta được soi rọi, tim ta được tiếp thêm sức mạnh và sống với bản lĩnh, nghị lực, niềm tin. Lí tưởng như ngọn hải đăng dẫn đường, soi rọi con người dù giông tố trên biển có quần quật ngày đêm. Con người vẫn vươn mình bám biển, bám vào thứ ánh sáng của tâm hồn.

Lí tưởng sống của thanh niên ngày nay đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một tương lai tươi sáng và đáng sống. Lí tưởng sống của thanh niên hiện đại không chỉ bao gồm thành công cá nhân, mà còn là tình yêu thương và sự cân bằng trong cuộc sống. Đầu tiên, thanh niên ngày nay cần có tầm nhìn và mục tiêu phát triển rõ ràng. Điều này đòi hỏi các bạn trẻ phải không ngừng học hỏi, rèn luyện bản thân, tư duy sáng tạo, khám phá thế giới. Lí tưởng sống của thanh niên ngày nay cũng cần quan tâm sự đồng cảm và yêu thương với mọi người xung quanh. Có thể rèn luyện bằng việc học cách lắng nghe, tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác, đồng thời, đặt mục tiêu giúp đỡ, chia sẻ với những người gặp khó khăn hơn. Không dừng có vậy, lí tưởng sống của thanh niên ngày nay cần có sự cân bằng trong cuộc sống. Giới trẻ không nên quá tập trung vào công việc và thành công vật chất, mà còn phải chăm sóc bản thân, biết quan tâm đến sức khỏe tinh thần như tận hưởng cuộc sống, dành thời gian cho gia đình, bạn bè. . . Tóm lại, lí tưởng sống của thanh niên ngày nay là kết hợp mục tiêu cá nhân, tình yêu thương với cộng đồng và sự cân bằng trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn.

3. Xây dựng lý tưởng cho đoàn viên thanh niên

Tiếp tục phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam, đội quân xung kích cách mạng, trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đại diện chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tuổi trẻ; phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; lực lượng nòng cốt chính trị trong phong trào thanh niên và trong các tổ chức thanh niên Việt Nam. Các tổ chức Đoàn nói chung và tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Quân đội nhân dân Việt Nam cần tiến hành một số nội dung, biện pháp giáo dục lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, thanh niên như sau:

Thứ nhất, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, sinh viên

Theo đó, cần bồi dưỡng thanh niên có nhận thức đúng đắn về Chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý chí phấn đấu vì lý tưởng cao cả là độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội.

Lý tưởng cao đẹp mà chúng ta đang phấn đấu thực hiện đã được Hồ Chí Minh xác định khi gắn liền sự nghiệp giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, khi kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng độc lập dân tộc, tự do và chủ nghĩa xã hội đã trở thành niềm tin, lẽ sống của nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Có giác ngộ lý tưởng cách mạng, thanh niên mới đảm đương được sứ mệnh đưa lá cờ bách chiến, bách thắng của Đảng và của dân tộc đến thắng lợi cuối cùng.

Giáo dục thanh niên thấm nhuần sâu sắc lý tưởng giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, công bằng và hạnh phúc.

Bên cạnh đó, giáo dục cho thanh niên nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Việt Nam, như Hồ Chí Minh nhiều lần chỉ ra rằng: "Đảng ở trong quần chúng ra để phụng sự quần chúng", "Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác". Chính vì vậy, khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền, Người luôn quan tâm đến trách nhiệm của Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên là phải phục vụ nhân dân, chứ không phải trở thành những vị "quan cách mạng", chỉ biết vinh thân, phì gia. Người khẳng định: Đảng ta không phải là Đảng làm

quan mà Đảng phải lo đời sống cho nhân dân, trước mắt là sản xuất". Hồ Chí Minh cũng chỉ ra rằng, là Đảng cầm quyền, Đảng phải có trách nhiệm đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trách nhiệm của Đảng cầm quyền khó khăn hơn, to lớn hơn, phức tạp hơn so với trước khi Đảng giành chính quyền. Người nêu rõ: "Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Tôi lo chuyện này lắm: Các cháu mắt choẹt, da bủng. Tất cả mọi việc, Đảng phải lo. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng phải lo. Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng đều phải lo"

Lý tưởng của Hồ Chí Minh hướng tới mang tư tưởng nhân văn, cách mạng của giai cấp công nhân và những người lao động, lấy hạnh phúc của con người làm nguyên tắc cao nhất. Người trả lời: Học "để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh". Đây chính là lý tưởng phấn đấu của thanh niên trong điều kiện mới.

Thứ hai, giáo dục cho thanh niên, sinh viên về tư tưởng, chính trị, đạo đức cách mạng của Đảng

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Trong tác phẩm Đường cách mệnh, Hồ Chí Minh đã dẫn lại luận điểm nổi tiếng của Lênin trong tác phẩm Làm gì ở phần Lời mở đầu: "Không có lý luận cách mện, thì không có cách mệnh vận động… Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong". Cũng trong tác phẩm này, Người đã dùng hình ảnh sinh động để chỉ rõ vai trò quan trọng của lý luận cách mạng (chủ nghĩa) đối với sự vững mạnh của Đảng: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam". Khi đặt vấn đề Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, từ thực tiễn khảo sát nhiều trào lưu tư tưởng trên thế giới, Hồ Chí Minh cũng đồng thời xác định: "Bây giờ học thuyết nhiều,

chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin".

Giáo dục cho thanh niên về chính trị: Xây dựng Đảng về chính trị trước hết là xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, đáp ứng được yêu cầu khách quan của tình hình thực tiễn cách mạng, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Đồng thời, sau khi đã có đường lối chính trị đúng đắn, công tác xây dựng Đảng về chính trị phải làm cho đường lối chính trị của Đảng thấm sâu vào mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho mọi người nắm vững đường lối của Đảng, tạo ra sự nhất trí cao trong Đảng và đồng thuận trong xã hội, trở thành những hành động cách mạng cụ thể để vượt qua mọi khó khăn, phức tạp, biến chủ trương, nghị quyết của Đảng thành hiện thực.

Giáo dục cho thanh niên về đạo đức: Sinh thời, Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức, mà còn đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Ngay từ những năm 1925-1927, khi mở các lớp huấn luyện, đào tạo "hạt giống đỏ" của cách mạng Việt Nam để chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng ta, Hồ Chí Minh đã đặt lên trước tiên bài giảng về tư cách của người cách mạng, với 23 điều chuẩn mực mà người cách mạng cần phải có. Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, Hồ Chí Minh đã dành riêng phần III (trong tổng số 6 phần) để nói về Tư cách và đạo đức cách mạng. Trong Di chúc, Người dặn lại: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư". Để xây dựng mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Đó là các nguyên tắc: nói đi đôi với làm, phải nêu gương đạo đức; phải tu dưỡng đạo đức suốt đời; kết hợp giữa xây dựng đạo đức cách mạng với đấu tranh chống những biểu hiện tượng phi đạo đức. Đồng thời, với Người, việc xây dựng Đảng về đạo đức chỉ thực sự có hiệu quả khi được gắn chặt với các nội dung xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức; gắn liền giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng với các nhiệm vụ chính trị và các biện pháp tổ chức, kỷ luật.

Thứ ba, giáo dục cho thanh niên, sinh viên bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Giáo dục cho thanh niên có trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chính là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải trên cơ sở quán triệt sâu sắc, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam trong thời đại ngày nay, trước hết là trong xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thể chế, nguyên tắc tổ chức hoạt động của toàn hệ thống chính trị

Đối với cách mạng Việt Nam, vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được khẳng định qua 90 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Đảng ta nhờ kết hợp được chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình thực tế của nước ta, cho nên đã thu được nhiều thắng lợi trong công tác". Theo Người: "Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta". Nhờ vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Có thể nói, sự phát triển của đất nước trong thời gian qua có sự đóng góp rất lớn của các thế hệ trẻ, nhất là tầng lớp thanh niên Việt Nam. Họ vẫn một lòng tin vào Đảng, tiếp tục cùng với Đảng, Nhà nước xây dựng đất nước. Cho nên, hơn lúc nào hết, chúng ta phải giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên để họ kế

thừa lý tưởng của các thế hệ cha anh, biến lý tưởng cách mạng thành ý chí cách mạng, thành động lực tinh thần mạnh mẽ, đánh bại âm mưu tuyên truyền kích động của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng một đất nướcViệt Nam giàu mạnh, sánh vai cùng với bạn bè năm châu theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, giáo dục cho thanh niên, sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách đạo đức Hồ Chí Minh

Bồi dưỡng cho thanh niên nghiên cứu, học tập và thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; tổ chức thực hiện học tập, sinh hoạt chuyên đề hằng năm "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"; chuyên đề về "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu, có đạo đức cách mạng trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ"… định hướng cho thanh niên có lập trường tư tưởng vững vàng, nói và làm theo đúng quan điểm, chủ trương và nghị quyết của Đảng, đoàn kết, nhất trí, nỗ lực cố gắng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị.

Thứ năm, giáo dục sự tự hào, thái độ sống có trách nhiệm, hướng tới cộng đồng của đoàn viên sinh viên

Giáo dục truyền thống yêu nước: Phải làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của đoàn viên, thanh niên với những biểu hiện cụ thể: tự hào về truyền thống dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc; biết kết hợp hài hòa giữa phát huy các giá trị truyền thống với chọn lọc tiếp thu các giá trị hiện đại; sẵn sàng tình nguyện vì dân, trung thành với sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, làm cho các phẩm chất "Yêu nước, hiếu thảo, thương người, hiếu học, trung thực, kỷ luật, tiết kiệm" trở thành mục tiêu rèn luyện của đoàn viên, thanh

niên; góp phần xây dựng nếp sống, lối sống văn minh trong thanh thiếu niên và xã hội, cụ thể là xây dựng nếp sống văn hóa trong lao động sản xuất, trong học tập, trong sinh hoạt tiêu dùng, trong hưởng thụ cái đẹp, quan hệ tình bạn, tình yêu trong sáng…

Tổ chức các hoạt động gắn liền với các sự kiện trọng đại của đất nước: Việc thường xuyên tổ chức các hoạt động gắn liền với các sự kiện trọng đại của đất nước là dịp để thế hệ đoàn viên, thanh niên ôn lại truyền thống vẻ vang của dân tộc, hình thành nên chủ nghĩa yêu nước, tinh thần cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng. Bên cạnh đó, phải chủ động định hướng các cơ sở Đoàn tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao, văn hóa, vui chơi giải trí bổ ích thiết thực tạo ra môi trường sinh hoạt lành mạnh cho đoàn viên, thanh niên vui chơi và rèn luyện.

Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến để giáo dục đoàn viên thanh niên: Thông qua các hoạt động giáo dục của Đoàn, các cơ sở Đoàn cần phát hiện, bồi dưỡng các điển hình tiên tiến để tôn vinh và nhân rộng nhằm tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ trong đoàn viên, thanh niên. Phát hiện và bồi dưỡng những đoàn viên, thanh niên tiêu biểu phấn đấu rèn luyện trở thành người đảng viên, người cán bộ, qua đó sẽ giáo dục đoàn viên, thanh niên phấn đấu, học tập và rèn luyện.

Thứ sáu, một số hoạt động khác

Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng của đoàn viên, thanh niên: Các cơ sở Đoàn cần nắm bắt một cách nhanh chóng, chính xác tình hình tư tưởng và dư luận trong đoàn viên, thanh niên, để kịp thời định hướng và tham mưu cho các cấp ủy Đảng xử lý các vấn đề có hiệu quả. Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Tổ chức nhiều hoạt động, các cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa đoàn viên, thanh niên với lãnh đạo, để thanh niên trao đổi thông tin, trình bày chính kiến, từ đó nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị cho đoàn viên, thanh niên.

Xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ đoàn, đảng viên trẻ tại cơ sở đoàn: Xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh nhằm tạo môi trường và nâng cao năng lực tập hợp, giáo dục thanh niên ở cơ sở. Vì vậy, cần đổi mới nội dung sinh hoạt theo hướng chú trọng tới các vấn đề đoàn viên, thanh niên quan tâm, những nội dung thiết thực tại cơ sở. Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ Đoàn, đảng viên trẻ tại cơ sở Đoàn là giải pháp hữu hiệu để thực hiện công tác giáo dục của Đoàn. Vai trò tiên phong, gương mẫu của lực lượng cán bộ Đoàn, đảng viên trẻ sẽ là những tấm gương sáng để thế hệ đoàn viên thanh niên học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H2011,t.2
- Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t7
- Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2011, t8
- Hồ Chí Minh: Về giáo dục thanh niên, Nxb Thanh niên, HN 1980.
- Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Lý luận chính trị, H2019
- Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, số 35-NQ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2018.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÌNH HÌNH MỚI

ThS. Huỳnh Văn Khải

Khoa Marketing

Hiện nay, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0 cùng sự bùng nổ của công nghệ thông tin và sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch càng có ý nghĩa cấp thiết.

Những ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Sau 35 năm từ khi bắt đầu đổi mới, đất nước chúng ta đã vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng phát triển kém, trở thành một quốc gia đang phát triển với thu nhập trung bình, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tích cực hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ 4.0, cùng với sự đan xen giữa cơ hội và thách thức, chúng ta đang đối mặt với nhiều vấn đề mới, cấp bách đòi hỏi sự đổi mới và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động đang tích cực sử dụng chiêu thức "Bình mới, rượu cũ" để phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như giá trị khoa học, thời đại, cách mạng, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bao nhiêu năm qua chúng luôn sử dụng chung một phương thức, thủ đoạn để chống phá, xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên tất cả lĩnh vực, đặc biệt xoáy sâu vào những vấn đề nhạy cảm, như dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, biển, đảo. Thậm chí, lợi dụng sơ hở, thiếu sót trong quản lý, hoặc những vấn đề bức xúc chưa được giải quyết để "thêu dệt" lên những câu chuyện hoang đường gây hoang mang dư luận, kích động người dân có những hành động trái pháp luật. Đặc biệt,

trong thời đại cuộc cách mạng công nghệ 4.0, chúng đã tận dụng tối đa các nguồn lực từ truyền thông, báo chí, mạng xã hội để lan truyền thông tin, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước. Điển hình, trên mạng xã hội Facebook, các thế lực thù địch, phản động đã lập nhiều Fanpage thường xuyên đăng các bài viết về nội dung "trá hình" về bảo vệ hòa bình đất nước, đứng lên vì quyền lợi người dân...Thế nhưng, trong những bài viết đó lại sử dụng các từ ngữ gây hiểu lầm, bóp méo sự thật nhằm kích động, lôi kéo người dân tham gia hành động trái pháp luật, vi phạm đạo đức, gây mất an ninh, trật tự xã hội.

Không chỉ vậy, các thế lực thù địch còn tinh vi tới mức số hóa các dữ liệu không có thật, sản xuất các video clip hoang đường để xuyên tạc lịch sử dân tộc, bôi nhọ lãnh đạo quản lý Đảng, Nhà nước.

Những đối tượng phản động, chống phá nhà nước này đến từ khắp mọi nơi, đa dạng độ tuổi, nghề nghiệp và có thể chia làm 2 loại: *Thứ nhất*, lực lượng tàn dư của chế độ ngụy quyền đang lưu vong ở nước ngoài; *Thứ hai,* một bộ phận cán bộ, đảng viên có dấu hiệu suy thoái về tư tưởng đạo đức, lối sống kết hợp với một số đối tượng bất mãn về mọi thứ trong cuộc sống. Những đối tượng, thành phần này có thể lập các hội nhóm kín để lên kế hoạch lan truyền những thông tin sai sự thật, lôi kéo người dân "nhẹ dạ cả tin" phản động cùng chúng.

Không ngừng đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch

Những năm qua, Đảng đã linh hoạt sử dụng các biện pháp để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được. Đơn cử, Đảng sử dụng biện pháp "cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược"; tận dụng khoa học – kỹ thuật để phát hiện và xử lý kịp thời các thông tin sai lệch. Bên cạnh đó, thông qua các phương tiện truyền thông để tuyên truyền cho người dân về tư tưởng chính trị, lối sống "chân thiện mỹ", trau dồi tình yêu quê hương, đất nước để người dân có thể nhận thức, chống lại quan điểm phản động, không bị các thế lực thù địch dụ dỗ, lôi kéo. Đặc biệt, Đảng luôn đưa ra chỉ đạo, quyết định dựa vào phương châm "Lấy dân làm gốc" từ đó, tạo dựng, củng cố được niềm tin của nhân dân với Đảng.

Tuy nhiên, thời gian qua, công tác này còn một số vướng mắc, hạn chế. Cụ thể, tại Đại hội XIII của Đảng tổng kết: *"...Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi tính chiến đấu chưa cao, còn bị động, lúng túng. Việc dự báo, nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và định hướng dư luận xã hội có lúc chưa kịp thời.*

Kết quả thực hiện một số chủ trương của Đảng về quản lý báo chí, xuất bản, quản lý internet, mạng xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu. Vai trò của văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng chưa được phát huy đầy đủ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu; một số vấn đề mới, khó, phức tạp thực tiễn đặt ra chưa được làm sáng tỏ"[1]

Để hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch cần đổi mới, tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, định hướng thông tin nhanh chóng, kịp thời trên báo chí, truyền thông và mạng xã hội. Có thể xây dựng các bài viết phân tích, bình luận chỉ rõ các quan điểm sai trái, nhằm đánh lạc hướng của thế lực thù địch để người dân hiểu, có cái nhìn sâu sắc và nhận thức đúng đắn. Nếu liên quan đến các vấn đề rộng, phạm vi ảnh hưởng đến toàn xã hội thì cần kịp thời xây dựng văn bản chỉ đạo, có phương hướng giải quyết rõ ràng, cụ thể.

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đàng trên mọi mặt trận, tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị. Các cán bộ, lãnh đạo phải "nằm lòng" được chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để có thể nhận diện những dấu hiệu "chớm nở" của các thành phần phản động, kịp thời "dập tắt", xử lý.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong toàn Đảng, toàn dân về vai trò quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H2021, t.II, tr. 172

phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong thời đại mới. Đặc biệt, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị, trau dồi tình yêu quê hương, đất nước để người dân có thể nhận thức, chống lại quan điểm phản động, không bị các thế lực thù địch dụ dỗ, lôi kéo. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, đảng viên, người dân toàn quốc tham gia các cuộc thi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tích cực chia sẻ các thông tin chính thống dẹp loạn các tin "fake new" (tin giả), đề cao tư tưởng sống chân thiện mỹ.

Thứ tư, nâng cao chất lượng, cải thiện đời sống vật chất cho nhân dân. Từ đó, nhân dân thêm tin, thêm hiểu và tự hào về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt, tích cực tổ chức công tác đối thoại, các cuộc "vi hành" để hiểu dân, nắm bắt được tâm tư nguyện vọng người dân. Từ đó, đưa ra các chỉ đạo, chính sách phù hợp, đảm bảo cuộc sống ấm no cho toàn dân.

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, BẢO VỆ LỢI ÍCH QUỐC GIA, BẢO VỆ TỔ QUỐC KHI NƯỚC CHƯA NGUY

PGS.TS Phạm Thị Huyền

Khoa Marketing, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Email: huyenpt@neu.edu.vn

Tham gia Chương trình Luỹ tre Biên giới tại xã Bắc Xa, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã giúp cho đoàn cán bộ, giảng viên và sinh viên ĐH Kinh tế Quốc dân hiểu hơn về những công việc lặng thầm của các chiến sĩ biên phòng với 4 cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm và cùng nói tiếng đồng bào nơi vùng cao biên giới nhằm bảo vệ từng tấc đất Biên cương Tổ quốc.

Khi những bông gạo bắt đầu "xé tung ngực áo" để khoe sắc trên những con đường dọc miền Tổ quốc cũng là khi các bà các cô được dịp xúng xính với những tà áo đầy màu sắc, chào đón ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; và thanh niên Việt Nam cũng bước vào một tháng đầy bận rộn nhưng vô cùng ý nghĩa với Tháng Thanh niên, tháng của ngày 26/3 đầy sức trẻ. Hơn thế nữa, Tháng 3 cũng là tháng vô cùng ý nghĩa của các chiến sĩ biên phòng, bởi ngày 3/3 đã được xác định là ngày Biên Phòng toàn dân, tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa 11 khi Luật Biên giới quốc gia được thông qua.

Năm nay, Đoàn Trường ĐH Kinh tế Quốc dân chọn lựa tham gia Chương trình Luỹ tre Biên giới với Tỉnh Đoàn Lạng Sơn tại Đồn biên phòng Bắc Xa, xã Bắc Xa, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Kết hợp trong chương trình là hoạt động từ thiện, mang những món quà nhỏ mà chúng tôi đã huy động được đến cho 17 học sinh được Đồn Biên phòng Bắc Xa nhận đỡ đầu, theo chương trình "Nâng bước em tới trường" được Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng triển khai thực hiện từ 2016.

Nhận nhiệm vụ tham gia cùng Đoàn Thanh niên, tôi hăm hở chuẩn bị cho mình một trái tim tràn đầy tình yêu quê hương đất nước và một tâm hồn phơi phới để về với Lạng Sơn, miền biên giới tuy gần mà xa. Tưởng như rất gần bởi đâu đó trong nhận thức của mình, tôi đã biết về Bắc Xa, nơi được dân du lịch mô tả như

“thiên đường bông lau”. Nhưng, bản thân cái tên Bắc Xa cũng đã gợi đến cho tôi miền Đông Bắc xa xôi – một xã biên giới, nằm ở phía Đông Bắc của huyện Đình Lập. Cả xã có 14 thôn bản, với hơn 300 hộ/1.500 nhân khẩu. Bắc Xa có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc dài hơn 33km, với 40 cột mốc xác định chủ quyền biên giới quốc gia. “Xã biên giới này có địa hình đa dạng cùng cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp. Mỗi mùa, Bắc Xa lại mang một vẻ đẹp khác nhau. Mùa Xuân là thời gian trăm hoa đua nở khắp núi rừng. Mùa Hè là khung cảnh của những thửa ruộng bậc thang vàng óng ánh. Mùa Thu, những đồng cỏ lau dọc hai bên đường biên, dọc đường lên cột mốc cùng trổ bông, thu hút rất đông du khách. Vào mùa Đông, có thể tận mắt thấy băng giá hoặc tuyết rơi. Bởi thế, nơi đây được ví như một “Sa Pa thu nhỏ”…

Chuyến đi khá thuận lợi khi sau hơn 2h khởi hành từ Hà Nội, cán bộ Tỉnh đoàn Lạng Sơn đón chúng tôi ở đầu đường Cao Lộc để đưa chúng tôi đến với Huyện đoàn Đình Lập trên con đường đang được mở rộng từ Tp. Lạng Sơn đi Đình Lập. Con đường dường như đã ngắn lại với những câu chuyện văn hoá, với những hoạt động đầy sôi động của tháng Thanh niên, được cán bộ đoàn hai bên chia sẻ, dù thực tế, thời gian di chuyển cũng mất tới 1h15p. Chúng tôi tiếp tục được cán bộ Huyện đoàn Đình Lập đưa đến với đồn Biên phòng Bắc Xa, nơi chỉ cách trung tâm Huyện 50km, nhưng đường đi “quanh co uốn lượn” và chúng tôi đã mất gần hơn 1h30p đồng hồ để di chuyển. Xuống xe, các thanh niên trong đoàn chia sẻ: Cô ơi, đầu em đập vào nóc xe không biết bao lần!

Đón tiếp chúng tôi, có đồng chí Chính trị viên, đồng chí Đồn trưởng cùng các đồng chí đang công tác tại Đồn; và tất nhiên, không thể thiếu Chủ tịch xã Bắc Xa, cùng các đồng chí đoàn viên của Xã Bắc Xa, cho thấy sự phối hợp chặt chẽ giữa Biên phòng và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó là những gương mặt háo hức chờ đón của các con học sinh làm cho chúng tôi cảm thấy những cung đường quanh co vừa trải qua, thật đáng để trải nghiệm.

Quan sát Đồn Biên phòng Bắc Xa, chúng tôi hiểu rằng, Đảng và Nhà nước đã thực sự quan tâm đầu tư cho việc bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Và các chiến sĩ biên phòng, lực lượng chuyên trách, lực lượng chiến đấu đầu tiên, bám trụ và dành cả thanh xuân của mình để bảo vệ và giữ vững biên giới quốc gia. Các anh cũng đã thực sự làm tốt nhiệm vụ xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở địa bàn các xã biên giới, chăm lo đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, nhằm tạo nên một thế trận lòng dân vững chắc.

Sau chương trình tặng quà cho các con, chúng tôi di chuyển lên cột mốc 1288 để cảm nhận từng tấc đất của Tổ quốc đã và đang được bảo vệ như thế nào và để trồng nên những gốc tre, thực hiện chương trình Luỹ tre biên giới. Những gốc tre Bát Độ được trồng với hy vọng, không chỉ là luỹ tre bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, mà còn là sinh kế cho bà con vùng cao, giúp đảm bảo đời sống cho những người dân cùng với các chiến sĩ, khẳng định chủ quyền quốc gia.

Tác giả cùng với Bí thư Liên chi đoàn, đoàn viên – sinh viên Liên chi đoàn Marketing với cột mốc 1288

Hy vọng, những hàng tre biên Bát Độ sẽ không chỉ là bức tường xanh bảo vệ chủ quyền biên giới mà còn là sinh kế cho bà con nơi vùng cao!

Đoàn công tác chụp với cột mốc 1288 tại xã Bắc Xa

Trước khi ra về, chúng tôi đã cùng với các đồng chí lãnh đạo đồn biên phòng Bắc Xa, chủ tịch xã và các đoàn viên xã Bắc Xa có chung một bức hình đầy ý nghĩa dưới chân tượng Bác Hồ đang trao nắm đất quê hương cho các chiến sĩ biên phòng với thông điệp "… đất nước của người ta dù là núi vàng, biển bạc, ta cũng không ham. Nhưng của ta dù là hạt cát, là sỏi vẫn kiên quyết giữ lấy, vì đó là xương máu mà cha ông ta đã đổ xuống mới có được".

"*Non xanh nước biếc trùng trùng*
Giữ gìn Tổ quốc ta không ngại ngùng gian lao
Núi cao, sự nghiệp càng cao,

Biển sâu, chí khí ta soi vào càng sâu.

Thi đua ta quyết giật cờ đầu.”

Những vần thơ Bác tặng cho chiến sĩ biên phòng ngày 2-3-1962 luôn được các đồng chí biên phòng nhắc đến với tình yêu quê hương đất nước và thấm đẫm lời răn của Người. “Lời dạy của Người mãi mãi là kim chỉ nam, là ánh sáng soi đường cho mọi hoạt động của lực lượng BĐBP, góp phần cùng với quân dân cả nước xây dựng nước ta ngày càng giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trân trọng cảm ơn Đoàn Trường ĐH Kinh tế Quốc dân đã tổ chức một chương trình vô cùng ý nghĩa. Cảm ơn Công đoàn Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Chương trình Đào tạo liên kết Waikato của Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế đã gửi những món quà thiết thực cho các con được Đồn Biên phòng Bắc Xa đỡ đầu. Cảm ơn Viện Quản trị Kinh doanh đã mang đến những chiếc ba lô thật đẹp cho các con có thể tự tin đến trường. Cảm ơn Vietfoods đã gửi đến cho các con chút hương vị ngọt ngào của Thạch rau câu - món quà từ thiên nhiên cho ngày mới thêm năng động.

Chúc các chiến sĩ biên phòng đồn Bắc Xa luôn mạnh khoẻ để chăm lo tới từng mốc giới quốc gia và luôn là chỗ dựa vững chắc cho bà con thôn bản với các hoạt động xây dựng, củng cố thế trận lòng dân phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh nơi biên giới của tổ quốc. Hẹn gặp lại các anh trong những dịp gần nhất để được chia sẻ về những thành tựu trong công cuộc xây dựng Luỹ tre Biên giới với chủ đề “Biên cương Tổ quốc tôi".

GIẢI PHÁP NÂNG CAO QUYỀN NĂNG CHÍNH TRỊ CHO NỮ ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

TS. Vũ Hoàng Linh

Khoa Marketing

Email: linhvh@neu.edu.vn

Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Các giải pháp nâng cao quyền năng chính trị cho nữ Đảng viên trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới việc đạt được mục tiêu bình đẳng giới.

Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc ngày 25/9/2015 đã thống nhất Chương trình Nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững, trong đó mục tiêu 5 hướng đến việc đạt được bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ cũng như trẻ em gái. Chương trình Nghị sự đã ảnh hưởng sâu rộng đến việc thực thi các luật, bộ luật và văn bản của Chính phủ nhiều nước trên thế giới. Cùng hoà chung với dòng chảy đó, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành "Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030" trong Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3-3-2021 với mục đích hạn chế bất bình đẳng giới và khuyến khích sự tham gia của phụ nữ trong mọi bình diện của đời sống xã hội. Mục tiêu của Chính phủ là đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Đảng cộng sản Việt Nam đã hiện thực hoá, xoá bỏ bất bình đẳng giới và ngày càng đề cao hơn sự tham gia của phụ nữ vào đời sống chính trị quốc gia. Nhà nước Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ đã và đang có nhiều động thái để tạo lập môi trường và điều kiện để khuyến khích các tầng lớp phụ nữ tham gia vào đời sống chính trị hiệu quả hơn. Để đạt được mục tiêu nêu trên của Chính phủ thì Đảng cộng sản Việt Nam cần nỗ lực thực hiện có hiệu quả các giải pháp trong chương trình hành động chung.

Liên hợp quốc với chiến lược bình đẳng giới

Đảng cộng sản Việt Nam đã luôn thể hiện tư tưởng về cải thiện quyền năng chính trị cho nữ Đảng viên thể hiện ở các nội dung cơ bản sau đây: (1) khẳng định vị trí, vai trò và quyền bình đẳng của phụ nữ trong đời sống chính trị - xã hội; (2) xác định nội dung, phương thức đảm bảo và nâng cao nhận thức chính trị và khả năng tham chính cho các tầng lớp phụ nữ Việt Nam. Từ trước đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đã luôn có những đóng góp thiết thực trong việc đảm bảo quyền năng chính trị cho phụ nữ thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật, Hiến pháp và các điều luật. Một ví dụ tiêu biểu của động thái này là Nhà nước ban hành Luật Bình đẳng giới vào năm 2006. Theo đó, Điều 11 của Luật này quy định những biểu hiện cơ bản của bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị: Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội, trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức, trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm: a) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; b) Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh

trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới này cùng với một loạt các văn bản khác của Nhà nước đã góp phần phát huy và đẩy mạnh vị thế của nữ Đảng viên trong sự nghiệp chính trị chung của đất nước và tạo đà thuận lợi để các tầng lớp phụ nữ phát huy được tiềm năng chính trị và lãnh đạo của mình.

Tuy nhận được sự hậu thuẫn lớn từ Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng tỷ lệ tham gia của phụ nữ vào tình hình chính trị quốc gia vẫn còn rất hạn chế. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội được cải thiện qua từng nhiệm kỳ. Trong Quốc hội khoá I (1946-1960), chỉ có 10 đại biểu là nữ, chiếm 3%, đến Quốc hội khoá XIV (2016-2021), số đại biểu nữ là 133 người, chiếm 26.72%. Ở Quốc hội khoá XV (2021-2026), tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội là hơn 30%. Có thể kể đến những rào cản lớn nhất dẫn đến vấn đề này: định kiến giới, khuôn mẫu giới; các rào cản tổ chức; khó khăn đối với việc tiếp cận các chương trình giáo dục đối với nữ, đặc biệt ở các khu vực xa xôi hẻo lánh và dân tộc thiểu số. Những rào cản này xuất phát từ trong chính bản thân phụ nữ và tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể...

Đứng trước thực trạng đó, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao quyền năng chính trị cho nữ Đảng viên trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế như sau:

Thứ nhất, xoá bỏ định kiến xã hội về vai trò của phụ nữ. Tư tưởng trọng nam khinh nữ hay coi phụ nữ chỉ nên làm nội trợ trong gia đình cần được khẳng định và lên án là những tư tưởng hết sức lạc hậu và không còn phù hợp trong thời đại hiện nay. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về vị thế và vai trò của nữ Đảng viên trong xã hội hiện đại. Hội cần tăng cường và tiếp tục các hoạt động về bảo vệ nữ quyền, cải thiện vị trí của người phụ nữ, tổ chức các Diễn đàn, hội nghị, hội thảo chuyên đề về nâng cao quyền năng chính trị cho nữ Đảng viên... Những hoạt động thường xuyên đó sẽ giúp thay đổi nhận thức của từng người dân. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nên tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế về bảo vệ nữ quyền như Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women). Việc

tham gia vào các chiến dịch nhân đạo ủng hộ nữ quyền ở tầm quốc tế sẽ giúp lan toả những giá trị nhân văn về tôn trọng và bảo vệ quyền phụ nữ mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang xây dựng, phát huy và giữ gìn; đồng thời, cũng giúp nâng cao vị thế và tiếng nói của phụ nữ Việt Nam.

Hội nghị quốc tế với chủ đề "Tăng cường vai trò của phụ nữ trong xây dựng và củng cố hòa bình: Từ cam kết đến kết quả" do Bộ Ngoại giao Việt Nam phối hợp với Liên hợp quốc tổ chức theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến _Ảnh: Tư liệu

Thứ hai, cần nâng cao hơn nữa vai trò và trách nhiệm của các cấp uỷ và tổ chức Đảng trong công tác phụ nữ. Cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới, xây dựng các chương trình có tính hành động và thiết thực cao để nâng cao vai trò chính trị của nữ Đảng viên trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Tổ chức Đảng nên ghi nhận và biểu dương các tập thể, cá nhân có đóng góp cụ thể về nâng cao quyền năng chính trị cho phụ nữ, hoàn thiện các quy định về công tác chính trị nội bộ cho cán bộ nữ, phê phán những hành động, tư tưởng hạ thấp phụ nữ.

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động của Hội liên hiệp phụ nữ các cấp, chú trọng liên kết với Hội phụ nữ ở các quốc gia khác để thúc đẩy tiếng nói về bình đẳng

giới ở tầm quốc tế. Tạo ra các hoạt động gắn kết cộng đồng, liên kết giữa Hội phụ nữ của các dân tộc trên toàn Việt Nam để huy động sức mạnh tập thể, nâng cao nhận thức về vị trí và trách nhiệm của nữ Đảng viên trong đời sống chính trị quốc gia, hướng đến xây dựng một thế giới trong đó nam nữ bình quyền. Tăng cường triển khai các hoạt động tập huấn cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ các cấp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ Hội đáp ứng được các nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ hội nhập.

Để tiến tới xây dựng một thế giới trong đó không có sự phân biệt giới tính đòi hỏi sự phối hợp nỗ lực của nhiều quốc gia, nhiều tổ chức vì một mục tiêu chung hướng đến sự thịnh vượng và văn minh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang nỗ lực thúc đẩy sự tham gia của nữ giới vào các hoạt động chính trị của đất nước. Nhằm nâng cao quyền năng chính trị của nữ Đảng viên, cần có sự chung tay của cả hệ thống, của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Tiến tới một xã hội bình đẳng giới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khóa XII trình Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.188.

[3] Dẫn theo Văn kiện Đại hội Phụ nữ toàn quốc: Phụ lục số liệu. https://hoilhpn.org.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/phu-luc-so-lieu-51509-1201.html

[4] Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Hiến pháp 1946 (thông qua ngày 9-11-1946).

[5] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Hiến pháp 2013. (thông qua ngày 28/11/2013). CÔNG BÁO/Số 1003 + 1004/Ngày 29-12-2013.

[6] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Luật Bình đẳng giới (Luật số: 73/2006/QH 11 ngày 29-6-2006).

ĐẤU TRANH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG NHẰM BẢO VỆ CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

TS. Nguyễn Thành Vinh

Khoa Bảo hiểm, trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Email: vinhinsneu@gmail.com, vinhins@neu.edu.vn

Tóm tắt: *Đường lối đổi mới kinh tế do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã đem lại những thay đổi to lớn, tích cực cho đất nước trong những năm qua. Tuy nhiên, trong bối cảnh của sự phát triển công nghệ mới, những ranh giới, biên giới trên không gian mạng liên tục bị xóa bỏ, cùng với việc không gian mạng mở rộng và tính kết nối ngày càng cao thì các vấn đề của xã hội ngày càng phức tạp, có ảnh hưởng sâu rộng đến lĩnh vực tư tưởng, lý luận ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đường lối đổi mới của đất nước trên không gian mạng là vấn đề cấp thiết.*

Từ khóa: *Đấu tranh, không gian mạng, bảo vệ đường lối đổi mới đất nước*

Nội dung

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định: "Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng". Ở Việt Nam, cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước là kết quả của việc xây dựng và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện thực tiễn của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Do đó, khi nhắc đến "nền tảng tư tưởng của Đảng" ngoài chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn bao hàm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những thành tựu của công cuộc đổi mới, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới những năm 1980, lạc hậu, kém phát triển, thiếu đói thường

xuyên (khoảng ¾ dân số sống dưới mức nghèo khổ), chỉ trong vòng hơn 30 năm, Việt Nam đã trở thành quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, với quy mô nền kinh tế không ngừng được mở rộng. Năm 2023, GDP Việt Nam ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD (Tổng cục thống kê, 2023), trở thành nền kinh tế lớn thứ 35 trên thế giới về quy mô.

Cùng với quá trình hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước, phát triển Internet đã tạo nên một không gian xã hội mới - không gian mạng. Bên cạnh các lợi ích mà Internet đem lại thì đây cũng là môi trường thuận lợi để các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá Việt Nam. Không gian mạng đã trở thành nơi thu thập và lan truyền thông tin nhưng cũng trở thành nơi để các thế lực thù địch, phản động lợi dụng chống phá ở Việt Nam. Lợi dụng triệt để việc không bị giới hạn bởi kiểm duyệt, sự ngăn cách về địa lý, đặc biệt là ranh giới mong manh giữa tin thật và tin giả trên không gian mạng, các thế lực chống phá tăng cường đẩy mạnh việc nhiễu độc, tăng phạm vi bao phủ những thông tin tuyên truyền sai trái, phản động nhằm vào các tầng lớp xã hội, tác động tiêu cực đến nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân, gây tâm lý hoang mang, làm giảm sút lòng tin đối với Đảng, chế độ, thúc đẩy và làm sâu sắc hơn quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, trong cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân để thông qua các đối tượng này trực tiếp phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII ngày 11/10/2018 về Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã khẳng định: "Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; Bảo vệ Nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước". Trong những năm qua, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở nước

ta đã đạt được nhiều đóng góp quan trọng, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố và tăng cường niềm của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được công cuộc đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trong giai đoạn hiện nay cũng đứng trước nhiều những khó khăn, thách thức trước sự phát triển mạnh mẽ của Internet và mạng xã hội.

Nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng đối với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước

Nhìn tổng thể, dưới nhiều hình thức và phương tiện, trên không gian mạng, các thế lực thù địch tập trung đẩy mạnh việc tuyên truyền, xuyên tạc ở các phương diện sau:

- Xuyên tạc nền tảng tư tưởng chính trị và thủ tiêu ý thức hệ: Các thế lực thù địch tăng cường đăng tải trên các nền tảng mạng xã hội các bài viết, video phủ định, phản bác Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên CNXH của nước ta. Các đối tượng tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, không còn đúng đắn trong thời điểm hiện nay. Muốn tách rời chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là "yếu tố ngoại lai", không phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam; Cho rằng sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực ở Đông Âu và Liên xô là kết quả do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin...

- Bôi nhọ, xuyên tạc đường lối và thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa. Chúng tập trung phê phán, xuyên tạc Đảng Cộng sản Việt Nam là độc tài, mất dân chủ, lợi dụng cụm từ "dưới sự lãnh đạo của Đảng" để cho rằng Đảng đứng trên pháp luật. Các thế lực thù địch tập trung tuyên truyền, cổ xúy lối sống phương Tây, vẽ ra viễn cảnh giàu sang của chủ nghĩa tư bản, xuyên tạc chủ nghĩa xã hội là "nghèo đói", cho rằng Việt Nam nếu tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa sớm muộn sẽ bị sụp đổ như viễn cảnh của Liên Xô và các nước Đông Âu.

- Vu khống Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, áp bức người dân, chia rẽ phá hoại mối quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước. Chúng tập trung xuyên tạc cho rằng nhà nước ta là nhà nước pháp quyền nhưng trên thực tế luật pháp ở Việt Nam không được xem trọng và chỉ là công cụ để Đảng, chính quyền đàn áp người dân.

- Khoét sâu vấn đề tôn giáo, dân tộc, nhân quyền với thể chế xã hội chủ nghĩa nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chúng đánh tráo và đồng nhất khái niệm quyền dân tộc tự quyết của quốc gia, dân tộc với quyền tự quyết của các dân tộc thiểu số để tuyên truyền, xuyên tạc, lôi kéo, kích động đồng bào dân tộc đứng lên đòi quyền "tự quyết", "tự quản", "ly khai", đòi thành lập nhà nước riêng gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiêu biểu như việc kích động đồng bào dân tộc đòi thành lập "nhà nước Đega" tại Tây Nguyên, "nhà nước Mông" tại Tây Bắc, "nhà nước Khmer Krom" tại Tây Nam Bộ. Triệt để lợi dụng những thiếu sót trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở một số địa phương để khoét sâu các mâu thuẫn, tâm lý dồn nén, bức xúc của người dân tộc thiểu số để kích động họ biểu tình, bạo loạn, khủng bố chống chính quyền. Bên cạnh vấn đề dân tộc chúng còn tìm mọi cách tách tôn giáo ra khỏi sự quản lý của Nhà nước, tích cực thúc đẩy liên kết hoạt động của các tôn giáo để biến tôn giáo trở thành lực lượng đối trọng với Đảng và Nhà nước, lợi dụng không gian mạng tăng cường truyền bá những tà đạo, đạo lạ, tán phát, chia sẻ tài liệu có nội dung vu cáo Đảng, Nhà nước. Lợi dụng những vụ việc phức tạp nảy sinh trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo hòng thổi phồng, bóp méo tình hình thực tế để xuyên tạc, vu cáo Nhà nước ta đàn áp dân tộc, tôn giáo nhằm kích động các hoạt động chống phá Nhà nước Việt Nam, tạo cớ mở đường để bên ngoài can thiệp. Ra sức tuyên truyền, cổ vũ cho luận điệu "nhân quyền cao hơn chủ quyền".

- Lợi dụng các vấn đề nhạy cảm trong đời sống chính trị xã hội của nước nhà, những vụ việc phức tạp thu hút sự quan tâm của quần chúng làm hạ uy tín, bôi nhọ cá nhân các lãnh tụ, lãnh đạo của Đảng (như tham nhũng, khiếu kiện, tội phạm, tệ nạn xã hội, tình hình dịch bệnh, xử lý các đối tượng chống phá Nhà

nước...) nhằm vu khống Việt Nam vi phạm quyền con người. Đăng tải, chia sẻ các nội dung, thông tin liên quan đến các vụ việc tham nhũng, tiêu cực trong xã hội để hướng lái dư luận kích động quần chúng bày tỏ thái độ bất mãn đặc biệt ở những địa bàn nhạy cảm, trước các sự kiện chính trị lớn của đất nước. Chúng sử dụng những tài khoản giả mạo trên mạng xã hội, wedsite giả mạo các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo một số bộ, ngành, nhân vật nổi tiếng qua đó cắt, ghép đăng tải thông tin sai sự thật, gieo rắc tâm lý hoang mang, hoài nghi, mất lòng tin của quần chúng Nhân dân vào đường lối lãnh đạo của Đảng và bộ máy chính quyền. Tác động một bộ phận cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng, suy thoái về tư tưởng chính trị, còn hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tạo hoang mang, dao động, mất lòng tin, cá biệt còn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng để tác động, lôi kéo tạo ra sự "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng.

- Xuyên tạc lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng, lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước làm cho một bộ phận quần chúng thiếu hiểu biết về lịch sử dân tộc nhất là giới trẻ hoài nghi, phai nhạt niềm tin đối với Đảng, chia rẻ Đảng với Nhân dân, thông qua các hình thức đăng tải các bài viết, video để xuyên tạc các sự kiện lịch sử dân tộc, qua đó, trực tiếp chống phá và cổ xúy cho cái gọi là "xét lại lịch sử" tung ra những luận điệu trắng trợn, mục đích nhằm "bôi đen" truyền thống của dân tộc. Chúng lật lại những thông tin, sự kiện cũ, nhưng suy diễn, xuyên tạc bằng "cái nhìn mới" để kích thích người nghe, người xem. Trong đó, tập trung nhiều nhất vào một số sự kiện: về cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, về cải cách ruộng đất, Hiệp định Geneve (1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc, gọi ngày 30/4 là "tháng tư đen", "tháng quốc hận"..., nhằm phủ nhận thành quả trong công cuộc đổi mới của Đảng.

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng đối với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước

Không gian mạng đã và đang trở thành công cụ lợi hại hàng đầu để các thế

lực thù địch lợi dụng chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, chuyển hóa chính trị, khủng bố. Đây thực sự là một mặt trận quạn trọng, không thể xem nhẹ. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng hiện nay là nhiệm vụ trọng yếu, cấp thiết. Để nâng cao chất lượng đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng trong tình hình mới cần tập trung làm tốt một số mặt công tác sau:

- Cần xác định công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, tránh tư tưởng xem nhẹ, buông lỏng, mất cảnh giác: Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, phản bác các thông tin xuyên tạc, sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cần xác định là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, lâu dài, khó khăn và quyết liệt, do vậy cần tuyệt đối tránh tư tưởng xem nhẹ, lơ là, buông lỏng, mất cảnh giác. Cần lấy chính các phương tiện truyền thông mới và không gian mạng làm phương tiện và nền tảng chủ đạo để khắc chế thủ đoạn dùng không gian mạng để chống phá ta của các thể lực thù địch theo phương châm "lấy độc trị độc", tận dụng những ưu thế của phương tiện truyền thông mới để phản tuyên truyền lại những luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch. Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đấu tranh ngăn chặn luận điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm phát huy tốt hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục của cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên. Quán triệt các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác đấu tranh ngăn chặn luận điểm sai trái của các thế lực thù địch với vai trò tiên phong, gương mẫu đấu tranh của đội ngũ cán bộ, đảng viên. đặc biệt coi trọng việc kết hợp hài hòa giữa "xây" và "chống", trong đó "xây" là cơ bản, "chống" phải quyết liệt, hiệu quả. Đa dạng hóa nội dung, phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ở nhiều cấp độ, phù hợp với từng đối tượng, từng lĩnh vực và mỗi tầng lớp Nhân dân.

- Thực hiện có hiệu quả việc ngăn chặn các thông tin sai sự thật và xử lý nghiêm các vi phạm trên không gian mạng: Trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay, không gian mạng phát triển như vũ bão, thông qua không gian mạng các thế

lực thù địch không đơn thuần sử dụng các phương pháp truyền thống, chúng triệt để lợi dụng không gian mạng xã hội để chống phá với các hình thức, phương thức ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Do vậy, đòi hỏi phương thức đấu tranh của chúng ta cũng phải được đổi mới và nâng cao, để ngăn chặn việc lan truyền luận điệu xuyên tạc, đưa thông tin sai sự thật của các thế lực thù địch trên không gian mạng cần thiết lập hệ thống kiểm duyệt thông tin ngay từ ban đầu, xử lý nghiêm đối với các cá nhân, hội, nhóm đăng tải, lan truyền thông tin sai sự thật trên không gian mạng đồng thời có hình thức xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm. Tăng cường lãnh đạo, quản lý nhà nước đối với hệ thống báo điện tử. Sớm khắc phục tình trạng sai tôn chỉ mục đích, đưa quá nhiều mảng tối của đời sống chính trị, tạo "mảnh đất" để các thế lực thù địch, cơ hội chính trị dễ dàng lợi dụng, khai thác thông tin, nói xấu chế độ. Đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng Công an, để ngăn chặn thông tin xấu, độc, cần phải có trách nhiệm lan tỏa những thông tin chính thống, chất lượng, chuẩn mực. Đó là cách để nhân rộng những điều tốt, cổ vũ những mặt tích cực, có ý nghĩa xây dựng xã hội. Mặt khác, cần xây dựng cho mình một cách tiếp cận thông tin nhạy bén, hiệu quả, đảm bảo uy tín, chất lượng; đồng thời tăng cường học tập, trau dồi kiến thức, nhận thức đủ trình độ, năng lực để phân biệt, loại bỏ những thông tin xấu, độc, có hại, biết truyền bá những cái hay, cái tốt, điều có ích cho xã hội và có động thái tích cực, không thờ ơ trong đấu tranh với thông tin xấu, độc.

- Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tinh thần chủ động đấu tranh phòng, chống luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trên mạng xã hội cho cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân. Trước hết, cần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bản chất, âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Muốn vậy, phải tập trung nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí quyết tâm cao và niềm tin sắt đá vào độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kiến thức và bản lĩnh chính trị vững vàng để có sức đề kháng tốt trước các luận điệu xuyên tạc của kẻ

thù; đồng thời, chủ động đoàn kết chặt chẽ trong đấu tranh chống "luận điệu xuyên tạc" của kẻ thù. Cùng với việc nhận diện rõ các thông tin xấu, độc, xuyên tạc, cần kết hợp đấu tranh trực diện và gián tiếp để phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội theo kịch bản chặt chẽ, tổ chức chiến dịch truyền thông thống nhất, đa dạng, rộng rãi, có sự phối hợp đồng bộ của nhiều lực lượng để tăng tính hiệu quả và sức lan tỏa. Nội dung Nghị quyết số 35-NQ/TW cũng cho thấy mối quan hệ biện chứng giữa bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Do đó, tuyên truyền, bảo vệ và đấu tranh phải được tiến hành đồng thời, đảm bảo sự "gắn kết chặt chẽ giữa xây và chống, xây là cơ bản, chống phải quyết liệt, hiệu quả", trong đó, xây là tuyên truyền, bảo vệ và chống là đấu tranh, đồng thời, không ngừng bổ sung, phát triển đường lối đổi mới và tiếp tục thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Phát huy vai trò dẫn dắt, định hướng bằng thông tin chính thống của hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình: Theo đó, cần tăng cường tuyên truyền, cổ vũ các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và hệ thống chính trị vào cuộc để thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Đó là tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội. Xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đối với các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, nhằm nâng cao sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch.

- Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tư tưởng, lý luận có bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, phương pháp và kỹ năng đáp ứng yêu cầu,

nhiệm vụ trong tình hình mới. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã nêu ra 7 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Đảng đã xác định mục tiêu, phương châm chỉ đạo xuyên suốt và thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra. Trong đó, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch là một giải pháp cấp thiết. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong đấu tranh phản bác luận điệu sai trái, xuyên tạc, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa năng lực này của cán bộ, đảng viên: Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, có nhiệt huyết và tầm cao về lý luận; xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, cán bộ trẻ; Tạo môi trường thuận lợi, bảo đảm điều kiện làm việc để người tài chuyên tâm, nỗ lực đóng góp vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Chia sẻ kinh nghiệm tuyên truyền, đấu tranh, khen thưởng những cá nhân có thành tích xuất sắc trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; Rèn luyện kỹ năng tuyên truyền của đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác tuyên truyền đấu tranh; Đặc biệt cần trang bị tốt kiến thức, kỹ năng ứng phó với các tình huống xảy ra để đội ngũ cán bộ, đảng viên vận dụng sáng tạo sự chỉ đạo của cấp trên vào các tình huống đấu tranh cụ thể.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị của Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch: Trọng tâm là thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI "về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng", Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới, Thông báo số 17/TB-VPTW, ngày 23/8/2016 của Thường trực Ban Bí thư về biện pháp cấp bách bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng; đặc biệt là Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về "tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của

Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thực hiện Luật An ninh mạng được Quốc hội thông qua ngày 12/6/2018. Tuyên truyền sâu rộng về những hành vi bị cấm trong Luật an ninh mạng, nhất là các hành vi sử dụng không gian mạng để tuyên truyền chống phá Nhà nước, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Truyền thông tư tưởng trên không gian mạng có được người dân đón nhận và tham gia hay không phải là một tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ thành công của công tác xây dựng Đảng về tư tưởng. Truyền thông tư tưởng cần chủ động thích ứng với hoàn cảnh mới, tình hình mới, nhiệm vụ mới trên không gian mạng. Không ngừng đổi mới quan niệm, hình thức, phương pháp, phương tiện, thậm chí thay đổi phương thức diễn ngôn truyền thống, sử dụng cách diễn ngôn hiện đại, hấp dẫn, sinh động một cách lành mạnh và thẩm mỹ để lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị khóa XII (2018), *Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII ngày 11/10/2018 về Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Ban hành ngày 11/10/2018.

2. Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI (2013), *Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng*. Ban hành ngày 16/9/2013.

3. Quốc hội (2018), *Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14*, ban hành ngày 12/6/2018.

4. Tổng cục thống kê (2023), *Báo cáo số 502/BC-TCTK của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023*, NXB Thống kê, Hà Nội.

5. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới*. Ban hành ngày 17/6/2014.

6. Thường trực Ban Bí thư (2016), *Thông báo số 17/TB-VPTW, ngày 23/8/2016 của Thường trực Ban Bí thư về biện pháp cấp bách bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng*. Ban hành ngày 23/8/2016.

THAM NHŨNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Chi bộ Viện Phát triển Bền vững

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Tóm tắt: *Tham nhũng, tiêu cực từ lâu đã trở thành một hiện tượng phổ biến, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Nếu không nhìn nhận nghiêm túc và có những biện pháp ngăn chặn, loại bỏ kịp thời thì hậu quả sẽ khôn lường. Ý thức sâu sắc vấn đề này, Đảng luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh loại bỏ tham nhũng, tiêu, cực một cách quyết liệt, không khoan nhượng. Đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực đã trở thành tuyên ngôn, cam kết chính trị mạnh mẽ của Đảng trong giai đoạn hiện nay.*

Từ khóa: *Tham nhũng; phòng chống tham nhũng, xây dựng Đảng*

1. Giới thiệu

Tham nhũng nhận được sự quan tâm của cả giới nghiên cứu và quản lý. Đây là một vấn đề lớn trong nghiên cứu về thể chế và có ảnh hưởng lớn tới thể chế cho phát triển của mỗi quốc gia hay địa phương. Những kết quả nghiên cứu ở mặt lý thuyết và thực nghiệm đều cho thấy tham nhũng có tác động tiêu cực tới hầu hết các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Tham nhũng làm chậm tăng trưởng, cản trở thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Chính vì vậy, nhiều tổ chức quốc tế được thành lập để cùng chung tay phòng chống tham nhũng; các quốc gia đang phát triển luôn coi trọng và có chương trình nghị sự về phòng chống tham nhũng. Phòng chống tham nhũng là một trong những chủ trương lớn về cải cách thể chế cho phát triển.

Tham nhũng là "khuyết tật bẩm sinh của quyền lực". Ngay từ Hội nghị giữa nhiệm kì Đại hội VII (1/1994), Đảng đã chỉ ra tham nhũng là một trong bốn nguy cơ lớn chúng ta phải đối mặt. Nhận thức được nguy cơ từ rất sớm nhưng không

có giải pháp phòng ngừa hữu hiệu, do đó tham nhũng ban đầu chỉ là nguy cơ dần dần đã trở thành vấn nạn gây nhức nhối trong cả hệ thống chính trị. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là một bài toán khó cần sự chung tay, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân và cần được tiến hành một cách quyết liệt, không khoan nhượng, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Giữa lúc cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực của nhân dân ta đặt ra những yêu cầu mới thì Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng - người đứng đầu Đảng đã tiên phong phất cờ, mở ra bước ngoặt mới cho công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam hiện nay.

2. Những vấn đề cơ bản về tham nhũng

2.1. Khái niệm và các hình thức tham nhũng

Khi nghiên cứu về thể chế quản trị, tham nhũng là một vấn đề nhận được sự quan tâm rộng rãi trong quản trị nhà nước. Việc làm rõ định nghĩa của tham nhũng là một việc hết sức quan trọng, bởi lẽ tham nhũng là một khái niệm bao hàm các khía cạnh và loại hình khác nhau, ví dụ hối lộ, biển thủ công quỹ, chuyên quyền lạm dụng quyền lực, tống tiền hoặc mua phiếu bầu,… Nhìn chung, trên thế giới, không có định nghĩa nào được chấp nhận chung và rộng rãi về tham nhũng (Ike, 2008). Việc thiếu một định nghĩa phổ biến về tham nhũng đã được nêu trong bộ công cụ Chống Tham nhũng của Liên hợp quốc (United Nations, 2004): "Thông thường không có định nghĩa chung, toàn diện, được chấp nhận rộng rãi về tham nhũng vì để phát triển một định nghĩa về tham nhũng luôn gặp phải các vấn đề pháp lý, tội phạm, và ở nhiều quốc gia, là các vấn đề chính trị. Có thông tin cho rằng khi các cuộc đàm phán của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng bắt đầu vào đầu năm 2002, một phương án đang được xem xét là không định nghĩa tham nhũng mà tập trung liệt kê các loại hành vi tham nhũng cụ thể."

Theo United Nations (2004), tham nhũng có thể được định nghĩa đơn giản là "việc làm dụng quyền lực công để tư lợi". Theo đó, các hình thức của tham nhũng bao gồm:

- Hối lộ là việc hứa hẹn, đề nghị hoặc đưa ra bất kỳ lợi ích nào ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định hoặc hành động của một cán bộ nhà nước;

- Tham ô là hành vi ăn cắp tài nguyên của những người được giao quyền hoặc kiểm soát các tài sản của nhà nước có giá trị;

- Gian lận là bất kỳ hành vi nào được thiết kế để lừa đảo vì lợi ích của một bên hoặc bên thứ ba;

- Tống tiền là hành vi buộc người khác trả tiền hoặc các vật có giá trị để đổi lấy hành động hoặc không thực hiện hành động, trong đó sự ép buộc này có thể đe doạ gây tổn hại về thể chất hoặc tinh thần của người khác;

- Lạm dụng quyền lực là hành vi sử dụng quyền hạn của mình để dành sự ưu đãi quá mức cho bất kỳ nhóm hoặc cá nhân nào khác, hoặc phân biệt đối xử giữa các cá nhân và nhóm khác nhau;

- Xung đột lợi ích hoặc giao dịch nội gián là hành vi tham gia vào các giao dịch hoặc đạt được lợi ích thương mại không phù hợp với vai trò và nhiệm vụ chính thức của công chức nhà nước nhằm mục đích làm giàu bất hợp pháp;

- Nhận tiền thưởng, ưu đãi, hoa hồng bất hợp pháp là khi một quan chức nhà nước nhận bất kỳ thứ gì có giá trị từ những người muốn làm ăn với chính phủ;

- Chủ nghĩa ưu đãi là hành vi phân bổ các nguồn lực theo quan hệ gia đình, đảng phái, tôn giáo và các nhóm ưu đãi khác, hoặc thiên vị khi một người giữ chức vụ có quyền bổ nhiệm, thích đề cử người thân cảu mình vào các vị trí trong cơ quan hành chính nhà nước.

Tóm lại, không có sự đồng thuận quốc tế về định nghĩa của tham nhũng. Tuy nhiên, một cách phổ biến để phân biệt tham nhũng là theo quy mô của nó. Tham nhũng vặt là tham nhũng ở cấp độ đường phố, hàng ngày mà công dân bình thường gặp phải khi họ tiếp xúc với các quan chức cấp cơ sở (cấp xã) hoặc cấp trung (huyện và tỉnh). Tham nhũng lớn (hoặc chính trị) thường liên quan đến số tiền lớn hơn nhiều và thường ảnh hưởng đến cả đất nước nói chung, cũng như tính hợp pháp của chính phủ quốc gia và giới lão đạo tinh hoa. Định nghĩa về tham nhũng được sử dụng phổ biến nhất là việc lạm dụng chức vụ công hoặc vị trí công tác để tư lợi (UNDP & Global Integrity, 2008).

Tại Việt Nam, khái niệm tham nhũng được quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng 2005. Theo đó, tham nhũng là hành vi của những người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. Như vậy, hành vi tham nhũng có hai đặc tính quan trọng liên quan: (i) chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn làm việc trong khu vực công. Theo đó, chủ thể tham nhũng là những người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực công, như cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ lãnh đạo quản lý trong doanh nghiệp nhà nước, người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó. (ii) Chủ thể lạm dụng chức vụ quyền hạn nhằm mục tiêu vụ lợi. Theo đặc trung này, chủ thể tham nhũng sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình như một phương tiện để mang lại lợi ích cho mình, cho gia đình mình hoặc người khác. Mục đích của hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn là vụ lợi. Vụ lợi là lợi ích vật chất hoặc tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn mong muốn đạt được từ việc thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình.

2.2. Nguyên nhân của tham nhũng

Các nghiên cứu về tham nhũng cho thấy tham nhũng là hiện tượng xã hội có lịch sử lâu đời, gắn với sự ra đời nhà nước và quyền lực chính trị. Bên cạnh đó, sự phát triển nền kinh tế thị trường, các quan hệ chính trị-kinh tế cũng tạo điều kiện cho tham nhũng phát triển. Đối với mỗi cá nhân, nhu cầu về lợi ích là yếu tố chủ quan dẫn đến tham nhũng. Khi yếu tố lợi ích kết hợp với sự lạm dụng quyền lực của những người có chức vụ, quyền hạn thì khả năng xảy ra tham nhũng là rất cao. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra nhiều nguyên nhân dẫn tới tham nhũng. Cách phân loại phổ biến trong tài liệu giới thiệu về tham nhũng của Việt Nam hay chỉ ra nguyên nhân khách quan và chủ quan để gắn với giải pháp phù hợp.

Nguyên nhân khách quan của tham nhũng đến từ điều kiện về chính trị, pháp luật, yếu tố văn hoá và kinh tế. Hệ thống chính trị chậm đổi mới, trình độ quản lý còn lạc hậu, mức sống thấp, tạo ra các kẽ hở cho tệ tham nhũng nảy sinh và phát triển. Không những vậy, mặt trái của nền kinh tế thị trường khiến cùng với sự cạnh tranh không lành mạnh, việc đề cao quá mức giá trị đồng tiền khiến

cho người làm sản xuất, kinh doanh có xu hướng tối đa hoá lợi nhuận bằng mọi giá, nên họ tìm mọi cách hối lộ công chức nhà nước để tạo lợi thế trong kinh doanh. Xã hội phân hoá giàu nghèo ngày càng rõ rệt, những giá trị xã hội bị đảo lộn, dẫn tới sức ép khiến mọi người phải kiếm tiền, tâm lý mọi việc đều có thể mua bán. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán, việc phân cấp quản lý giữa các cấp và các lĩnh vực giữa nhà nước, tư nhân, sản xuất, kinh doanh chưa rõ ràng cùng với cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn trong doanh nghiệp nhà nước còn lỏng lẻo. Một số nét văn hoá như biếu, nhận quà tặng bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng. Những điều này đã làm gia tăng tham nhũng, thúc đẩy các hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức nhằm làm giàu phi pháp, chiếm đoạt tiền của Nhà nước và nhân dân.

Nguyên nhân chủ quan của tham nhũng đến từ con người, phẩm chất đạo đức của các cán bộ và nước và sự thiếu quyết liệt của hệ thống phát hiện và xử lý tham nhũng. Phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ bị suy thoái trong khi công tác quản lý giáo dục còn yếu kém. Một số nghiên cứu khác còn chỉ ra rằng thu nhập/mức lương của công chức có liên quan đến tham nhũng vì lương thấp buộc công chức phải bổ sung thu nhập bất chính trong khi lương cao đồng nghĩa với thiệt hại cao hơn nếu công chức bị bắt (Lambsdorff, 2007). Công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng chưa chặt chẽ, dẫn đến việc xử lý chưa nghiêm. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về tham nhũng và đấu tranh chống tham nhũng chưa tạo ra sự chuyển biến tích cực trong ý thức xã hội trong việc phản ứng với tệ nạn tham nhũng cũng như đề cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Cách phân loại như vậy là tổng quát và có thể làm cơ sở ban hành giải pháp thực hiện phòng chống tham nhũng. Tuy nhiên, trong thực tế nếu phân loại như vậy thì những nguyên nhân khách quan sẽ được coi là nguyên nhân chính và khi đó các chính sách/giải pháp phòng chống tham nhũng sẽ thiếu trọng tâm và kém hiệu quả. Theo cách phân loại phổ biến của quốc tế, các nguyên nhân tham nhũng có nhiều.

Chẳng hạn, Jain (2001) phân loại nguyên nhân dẫn tới tham nhũng bao gồm ba nhóm chính. Thứ nhất, do quyền lực có sự tùy nghi. Sự tùy nghi có thể xảy ra trong ban hành chính sách, trong cách thực thi công vụ của cán bộ công chức theo luật định. Chẳng hạn, luật quy định một thủ tục hành chính có thời gian giải quyết từ 3 đến 7 ngày, hay một tội danh quy định phạt tù từ 2 năm đến 6 năm. Đây là những ví dụ phản ánh sự tùy nghi của chính sách và sự tùy nghi này sẽ dẫn tới việc trao đổi, thương lượng để người vi phạm hoặc cán bộ thực hiện các hành vi tham nhũng có thể được xử lý nhanh nhất và nhẹ nhất. Còn cán bộ công chức cũng có thể đưa ra quyết định của riêng mình, hoàn toàn phù hợp với quy định ở khung như trên. Anh ta nhận được quà hối lộ/ hành vi tham nhũng thì sẽ giải quyết nhanh hơn hoặc xử phạt nhẹ hơn. Thứ hai, những lợi ích kinh tế. Lợi ích kinh tế từ việc tham nhũng càng lớn thì càng thúc đẩy hành vi tham nhũng và ngược lại. Tuy nhiên, việc ước lượng lợi ích của tham nhũng đôi khi khó khăn rất nhiều bởi có cả lợi ích và chi phí của tham nhũng và bản thân các lợi ích và chi phí đó còn có cả những lợi ích và chi phí trực tiếp và gián tiếp. Điều này khiến việc xác định lợi ích của tham nhũng trở nên khó khăn. Thứ ba, những rào cản tham nhũng. Rào cản tham nhũng có nhiều và có thể được tóm tắt như sau. Tham nhũng là một hàm số của năm yếu tố: (i) thu nhập có được từ tham nhũng; (ii) thu nhập hợp pháp; (iii) sự vững mạnh của thể chế chính trị; (iv) giá trị đạo đức xã hội; (v) xác suất bị bắt khi tham nhũng và sự trừng phạt đối với tham nhũng. Dựa vào các yếu tố này để chúng ta xác định những hoạt động/hành vi nào có thể là rào cản ngăn ngừa tham nhũng.

Hay theo cách phân loại của Văn phòng Liên Hợp Quốc về chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) thì các nguyên nhân dẫn tới tham nhũng gồm 12 nguyên nhân và được cụ thể hóa từ các nhóm phân loại của Jain (2001) đề cập ở trên. Theo đó, các nguyên nhân này bao gồm: quy mô của quốc gia, thời gian tồn tại (xây dựng và phát triển) của quốc gia, tài nguyên quốc gia sở hữu, sự bất ổn chính trị, thu nhập, thể chế pháp lý, sự yếu kém của chính phủ, quy mô của chính phủ, tính quan liêu của chính quyền, chi tiêu công ở cấp địa phương, vốn xã hội, các

dự án độc quyền, nhóm lợi ích. Những nguyên nhân của tham nhũng mà càng được nhận dạng một cách cụ thể thì giải pháp phòng chống tham nhũng càng phù hợp và có hiệu quả hơn.

2.3. Hậu quả của tham nhũng

Giả thuyết về tham nhũng vừa phải có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội đã không còn phù hợp và thay vào đó là tham nhũng có ảnh hưởng tiêu cực tới các mặt của kinh tế, chính trị xã hội. Tuy nhiên, các tài liệu tuyên truyền về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam đều đề cập tới những tác hại của tham nhũng một cách chung chung: về chính trị, tham nhũng là trở lực lớn đối với quá trình đổi mới đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ. Về mặt kinh tế, tham nhũng gây thiệt hại rất lớn về tài sản của Nhà nước, của tập thể và của công dân. Còn về mặt xã hội, tham nhũng xâm phạm, thậm chí làm thay đổi, đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hoá đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước (Thanh tra Chính phủ, 2011). Nói cụ thể hơn. tác động của tham nhũng đối với phát triển kinh tế-xã hội là tiêu cực vì tham nhũng cản trở đầu tư nước ngoài, kìm hãm sự đổi mới và kìm hãm tăng trưởng (Luo, 2002; Nguyen và cộng sự, 2016). Trong các chương 3 đến chương 9 của cuốn sách này đã cho thấy rõ ràng tác động tiêu cực của tham nhũng tới các biến phát triển được đề cập.

Thứ nhất, nhiều nghiên cứu đưa ra bằng chứng cho thấy tham nhũng cản trở đầu tư nước ngoài (Aizenman & Spiegel, 2006; Habib & Zurawicki, 2001; Lambsdorff, 2003). Habib & Zurawicki (2001) nhận thấy rằng tác động của tham nhũng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) lớn hơn tác động của tham nhũng đối với đầu tư địa phương vì các doanh nghiệp FDI thường nhạy cảm hơn so với các doanh nghiệp địa phương. Tham nhũng làm tăng chi phí và thời gian liên quan đến các dự án, khiến nó kém hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Hơn nữa, so với các doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp nước ngoài kém thuận lợi hơn trong việc xin giấy phép hoặc giấy phép từ các quan chức. Có ý kiến cho rằng mức độ tham nhũng cao làm tăng rủi ro tín dụng, dẫn

đến phần bù rủi ro cao hơn khi phát hành trái phiếu và tốn kém hơn khi vay vốn ngân hàng (Lambsdorff, 2007). Kết quả là, các quốc gia tham nhũng ít hấp dẫn hơn đối với các doanh nghiệp FDI. Các quốc gia có mức độ tham nhũng cao thường có mức độ bất ổn chính trị và kinh tế cao hơn. Do đó, các nhà đầu tư ít có khả năng đầu tư vào các quốc gia có mức độ tham nhũng cao vì họ không thể phản ứng nhanh với những thay đổi từ môi trường hoặc chính sách.

Thứ hai, tham nhũng có tác động tiêu cực đến sự đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Trong giao thương với các quốc gia tham nhũng, nhiều công ty phải hối lộ cao để đưa sản phẩm của họ vào trong nước, nếu không, họ sẽ không có cơ hội tiếp cận thị trường (Enste & Heldman, 2017). Các dự án đổi mới thường có rủi ro, nên tham nhũng có thể làm tăng sự không chắc chắn của thị trường, ngăn cản các doanh nhân đầu tư vào các hoạt động đổi mới và chuyển hướng chúng sang các hoạt động khác có ít rủi ro hơn. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI bị chặn lại ở các nước tham nhũng, trong khi nguồn vốn là một trong những nguồn chuyển giao công nghệ chính. Ngoài ra, tham nhũng làm giảm năng suất, nỗ lực của bộ máy hành chính và chất lượng của các khoản đầu tư công (Bardhan, 1997; Gupta và cộng sự, 2002). Gupta và cộng sự (2000) đã chứng minh rằng các quốc gia có mức độ tham nhũng cao có liên quan đến các dịch vụ của chính phủ kém hiệu quả và chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng thấp. Đối với các doanh nghiệp, các nhà quản lý phải dành nhiều thời gian hơn để đối phó với tình trạng quan liêu. Đối với công dân, họ phải chi phí "hối lộ" để nhận được các dịch vụ. Do đó, ở các quốc gia có mức độ tham nhũng cao, sự tin tưởng vào các dịch vụ của chính phủ thấp hơn, dẫn đến tình trạng bất ổn của đất nước. Tổng hợp lại, các tác động này của tham nhũng dẫn tới kìm hãm sự tăng trưởng của quốc gia.

Thứ ba, tham nhũng làm gia tăng ô nhiễm môi trường. Tác động của tham nhũng đối với ô nhiễm vừa trực tiếp làm giảm hiệu quả của các quy định về môi trường vừa là tác động gián tiếp làm giảm thu nhập. Việc tuân thủ các quy định về môi trường thấp hơn ở các quốc gia có mức độ tham nhũng cao (Welsch, 2004).

Thứ tư, tham nhũng ảnh hưởng đến mô hình phân bổ nguồn lực cũng như phân phối thu nhập trong xã hội (Enste & Heldman, 2017; Lambsdorff, 2007; Riaz & Cantner, 2020). Tham nhũng có thể dẫn đến việc phân bổ sai nguồn lực khi các quan chức chính phủ đưa ra quyết định về cách thức đầu tư quỹ công, hoặc đầu tư tư nhân nào sẽ được thực hiện dựa trên mức độ nhận hối lộ của họ. Việc phân bổ sai đến từ khả năng người có quyền ra quyết định sẽ coi "số tiền họ nhận được do tham nhũng" là một trong những tiêu chí quyết định. Điều này làm thiên vị các quyết định của các quan chức tham nhũng trong việc ủng hộ các sản phẩm và công nghệ sử dụng nhiều vốn, công nghệ phức tạp và được chế tạo theo yêu cầu. Ngoài ra, tham nhũng có thể bóp méo các hoạt động của khu vực tư nhân bằng cách làm phát sinh thị trường chợ đen và gian lận thuế. Người ta báo cáo rằng có mối quan hệ giữa thị trường chợ đen với tham nhũng (Goel & Nelson, 2005). Thị trường chợ đen bao gồm các giao dịch bất hợp pháp, chẳng hạn như buôn lậu, vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ vì cảnh sát, công tố viên và thanh tra có thể bị mua chuộc để không thực thi các luật hạn chế đối với thị trường này. Tham nhũng làm giảm đáng kể nguồn thu từ thuế so với GDP vì tham nhũng làm tăng gánh nặng thuế hiệu quả mà các doanh nghiệp phải gánh chịu, khuyến khích họ che giấu hoạt động kinh doanh ngầm.

Thứ năm, tham nhũng cản trở tăng trưởng. Mối quan hệ giữa tham nhũng và GDP có thể được mô tả theo cả hai cách, đó là tham nhũng làm giảm GDP bình quân đầu người và GDP bình quân đầu người thấp tạo điều kiện cho tham nhũng phát triển (Enste & Heldman, 2017). Một mặt, tham nhũng cao cản trở đầu tư và mức sản xuất kém hiệu quả, dẫn đến GDP thấp. Mặt khác, GDP thấp hạn chế khả năng kiểm soát tham nhũng của một quốc gia, điều này rõ ràng là hỗ trợ cho tham nhũng. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là mặc dù tham nhũng có khả năng làm giảm GDP bình quân đầu người, nhưng các nước nghèo hơn lại thiếu các nguồn lực để chống tham nhũng một cách hiệu quả. Các nghiên cứu khác đã nghiên cứu tác động của tham nhũng đối với tăng trưởng GDP và cho thấy tham nhũng làm giảm tăng trưởng.

Thứ sáu, tham nhũng làm trầm trọng sự bất dình đẳng trong phân phối thu nhập hoặc bất bình đẳng trong xã hội. Nguyên nhân là do các khoản hối lộ không được trả cho người nghèo, mà cho những người có quyền lực và tài nguyên để đưa cho người trả tiền. Bên cạnh đó, các khoản thanh toán bất hợp pháp xảy ra rất thường xuyên trong các lĩnh vực mà nhà nước cung cấp miễn phí hàng hóa công cộng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của nó. Một quan chức nhà nước có thể từ chối hoặc trì hoãn việc giúp đỡ người nghèo không có khả năng chi trả các khoản phí không chính thức, khi đó hàng hóa công được chuyển hướng khỏi mục đích ban đầu và được cung cấp cho những người có khả năng chi trả. Gupta và cộng sự, (2002) đã điều tra tác động của tham nhũng đối với bất bình đẳng thu nhập, và họ tìm thấy mối tương quan đáng kể giữa tham nhũng và bất bình đẳng thu nhập ở 37 quốc gia. You và Khagram (2005) đã cung cấp bằng chứng cho thấy bất bình đẳng làm gia tăng tham nhũng, bởi vì người nghèo không có quyền lực chính trị cũng như khả năng kinh tế, điều này cho phép người giàu đưa hối lộ để nhận được những lợi ích và dịch vụ tốt hơn.

2.4. Đo lường tham nhũng

Bên cạnh những khó khăn về việc thống nhất chung cho việc định nghĩa tham nhũng, thì đo lường tham nhũng cũng là thách thức cho các nhà kinh tế học bởi hành vi tham nhũng thường trái pháp luật và được thực hiện trong hầu hết các trường hợp một cách bí mật và không công khai. Vì thế, để phát triển các thước đo định lượng về tham nhũng là rất khó khăn khi các nhà nghiên cứu phải vật lộn với câu hỏi về những biến gì sẽ được sử dụng trong phép đo, và sau đó cố gắng đo lường những gì đang được cố gắng che giấu dưới những hành vi tham nhũng.

Do không có định nghĩa thống nhất về tham nhũng và tham nhũng lại tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau nên việc đo lường tham nhũng là khó khăn. Các thang đo phổ biến của tham nhũng đều dựa trên cảm nhận hoặc ghi nhận lại các hành vi thể hiện tham nhũng từ phía người dân/doanh nghiệp. Theo UNDP và Global Integrity (2008), có hai cách tiếp cận đo lường tham nhũng: cách tiếp cận đo lường trực tiếp và cách tiếp cận đo lường tham nhũng gián tiếp. Đo lường tham

những trực tiếp là việc tiến hành thu thập bằng chứng hoặc hành vi tham nhũng theo các chuẩn mực thống kê. Cách đo lường này thu thập thực tế trải nghiệm về tham nhũng, chẳng hạn số vụ việc tham nhũng được báo cáo, số liệu tham nhũng đã được kết án, hay thu thập số liệu trải nghiệm về tham nhũng từ các cuộc khảo sát ví dụ như chi phí không chính thức mà doanh nghiệp hoặc người dân phải trả khi tham gia sử dụng dịch vụ công. Điều khó khăn khi áp dụng cách đo lường tham nhũng này đó là dữ liệu bị che khuất bởi tham nhũng là hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, đo lường theo cách này thì mức độ tham nhũng có thể thấp hơn nhiều so với thực tế diễn ra. Trong khí đó, phương pháp đo lường tham nhũng gián tiếp không đo lường mức độ thực tế xảy ra/trải nghiệm về tham nhũng mà dựa vào cảm nhận về mức độ tham nhũng. Các phương pháp gián tiếp thường dựa trên ý kiến và nhận thức chủ quan về mức độ tham nhũng của người dân, đại diện doanh nghiệp, công chức hoặc các bên liên quan khác ở một quốc gia nhất định. Điều này dẫn tới việc đo lường tham nhũng theo cách này có thể bị sai lệnh. Ví dụ, công cuộc chống tham nhũng được đẩy mạnh, nhiều vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử và truyền thông có nhiều tin tức về tham nhũng khiến cho cảm nhận của người dân về tham nhũng là nghiệm trọng hoặc nhiều quá. Tuy nhiên, thực tế đó không phải là vụ tham nhũng mới mà chỉ là những tin tức về tham nhũng được đưa ra xét xử hoặc xử lý.

Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn gặp phải, các nhà nghiên cứu và các tổ chức đã có những nỗ lực để đo lường tham nhũng. Chẳng hạn, Business International thuộc Economic Intelligence Unit đã công bố các xếp hạn về các quốc gia, trong đó bao gồm các đánh giá về mức độ tham nhũng ở cấp độ quốc gia. Các xếp hạng này dựa trên dữ liệu thu thập được từ mạng lưới các nhà phân tích trên khắp thế giới, được công bố lần đầu tiên trong giai đoạn 1981-1983. Political Risk Services Incorporation xuất bản báo cáo hàng năm là International Country Risk Guide (ICRG), bao gồm các chỉ số tham nhũng ở các quốc gia khác nhau. World Economic Forum đã đưa thước đo hối lộ vào ấn phẩm hàng năm Báo cáo Năng lực canh tranh World Competitiveness Report từ năm 1989. Tuy thước

đo này chỉ là một phần nhỏ trong cuộc khảo sát nhưng đây cũng là một thước đo có thể được sử dụng trong các nghiên cứu về tham nhũng. Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International) là một tổ chức chuyên nghiên cứu và đưa ra các biện pháp nhằm chống tham nhũng trên thế giới. Tổ chức này đã đưa ra các báo cáo đo lường nhận thức về tham nhũng ở các quốc gia khác nhau. Trong đó có hai chỉ số về tham nhũng và hối lộ được sử dụng rất nhiều trong các nghiên cứu thực nghiệm, đó là Global Corruption Barometer và Corruption Perceptions Index. Corruption Perceptions Index (Chỉ số cảm nhận tham nhũng) đo lường mức độ nhận thức tham nhũng trong khu vực công và từ đó xếp hạng tham nhũng 180 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới theo thang điểm từ 0 (tham nhũng rất cao) đến 100 (không có tham nhũng). Global Corruption Barometer khảo sát ý kiến và trải nghiệm của người dân về tham nhũng và chống tham nhũng trong cuộc sống hàng ngày của họ. Political and Economic Risk Consultancy, Hồng Kông, đã công bố các đánh giá về tham nhũng ở 10 đến 12 quốc gia Châu Á từ năm 1993. Chỉ số này cũng đã được sử dụng trong một số nghiên cứu về tham nhũng.

Trong thực tế, các thang đo tham nhũng đươc chấp nhận và so sánh quốc tế đều dựa trên thang đo cảm nhận nhưng được xử lý một cách chặt chẽ, có hệ thống nhằm đảm bảo tính khách quan của các chỉ số. Chẳng hạn, một vài chỉ số phản ánh tham nhũng đựa trên cảm nhận về tham nhũng như chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) do Tổ chức Minh bạch Quốc tế xây dựng, chỉ số kiểm soát tham nhũng (chỉ số thành phần trong đo lường Chỉ số quản trị toàn cầu) do Ngân hàng Thế giới xây dựng và thu thập số liệu là một trong các chỉ số phản ánh tham nhũng ở cấp độ quốc gia, được sử dụng chung trong nghiên cứu và so sánh quốc tế. Còn ở Việt Nam, tham nhũng được thu thập theo cả phương pháp trực tiếp và gián tiếp. Việt Nam cũng có số liệu báo cáo về các vụ việc tham nhũng bị phát hiện và xử lý cũng như quy mô/mức độ tham nhũng. Tuy nhiên, các thống kê này rời rạc và thiếu tính nhất quán. Bên cạnh đó, hai chỉ số thành phần là "Chi phí không chính thức" dùng tính toán Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và "kiểm soát tham nhũng" dùng để tính toán chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh ở Việt

Nam (PAPI). Sự ổn định trong đo lường tham nhũng qua các nguồn dữ liệu trên đã được kiểm chứng qua nhiều năm và các nghiên cứu thực nghiệm. Mối tương quan giữa các phương pháp đo lường khác nhau có xu hướng cao, cho thấy các dữ liệu điều tra về tham nhũng đã cung cấp những ước tính đáng tin cậy về thực trạng tham nhũng trong thực tế. Hai chỉ số phản ánh tham nhũng này được thu thập khá chặt chẽ và đồng bộ trong thời gian dài, phục vụ tốt cho việc quản trị địa phương và phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.

3. Tham nhũng và chống tham nhũng ở Việt Nam

3.1. Tình hình tham nhũng

Sau khi giành độc lập qua một thời kỳ dài chiến tranh giải phóng dân tộc, Việt Nam đã giành được chính quyền dưới sự chiến thắng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định chuyển từ nền kinh tế kế hoạch trập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ công cuộc đổi mới kinh tế, nền kinh tế chuyển đổi của Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức về tình trạng tham nhũng tràn lan và sự yếu kém của hệ thống phòng chống tham nhũng trong các lĩnh vực kinh tế xã hội. Tham nhũng gây ra những mối đe doạ lớn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội vì tham nhũng ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều lĩnh vực công khác nhau như y tế, giáo dục, quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên và các ngành công nghiệp. Đặc biệt, trong các lĩnh vực công và tư nhân, thủ tục rườm rà, thông tin thiếu minh bạch đã tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho tham nhũng.

Các số liệu thống kê và các nghiên cứu đều chỉ ra rằng Việt Nam có mức độ tham nhũng cao so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Theo Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (Coruption Perception Index-CPI) năm 2020 của Tổ chức Minh bạc Quốc tế (Transparency International, 2020), Việt Nam có mức độ tham nhũng tương đối cao với số điểm là 36/100, trong đó thang điểm 0 thể hiện mức độ tham nhũng cao nhất đến 100 thể hiện mức độ tham nhũng thấp nhất (trong sạch). Với số điểm này, Việt Nam xếp thứ 104 trong 180 quốc gia

được đánh giá về mức độ tham nhũng. So với số liệu năm 2017 với điểm số CPI là 35, mặc dù tăng một điểm nhưng sự tiến bộ của Việt Nam vẫn còn quá ít, cho thấy hiệu quả của những nỗ lực chống tham nhũng còn thấp so với sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Tương tự, so với các nước trên thế giới, dựa trên khảo sát nhận thức về tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, chỉ số của Việt Nam tăng từ 29 năm 2011 lên 36 năm 2020 (Hình 10.1). Chỉ số CPI đã tăng 7 điểm trong hơn 10 năm, đây là mức điểm cao nhất mà Tổ chức Minh bạch Quốc tế đánh giá cho Việt Nam, khẳng định kết quả tích cực trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

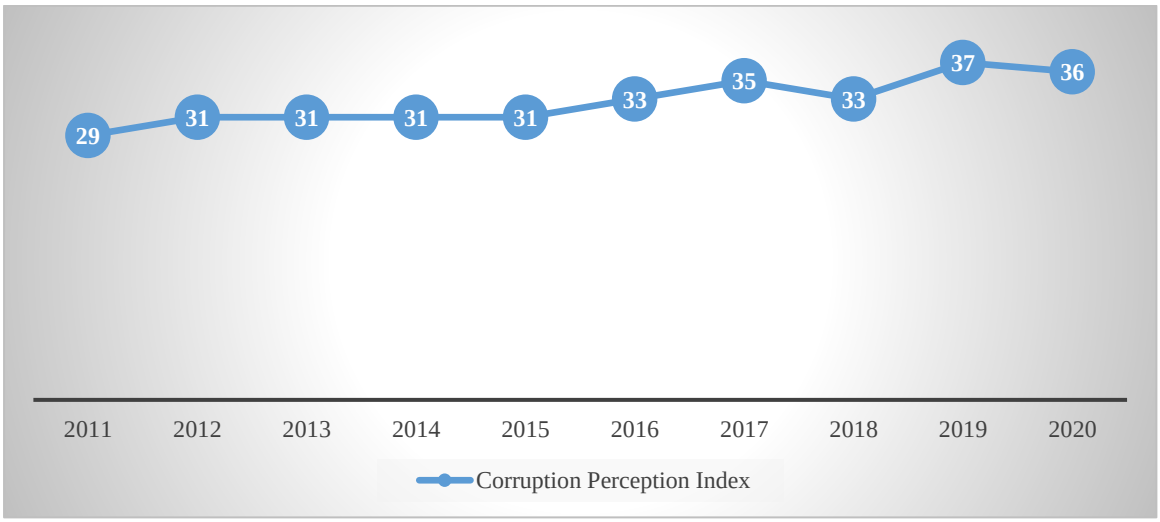

Hình 1: Chỉ số cảm nhận tham nhũng của Việt Nam, 2011-2020

Nguồn: CPI (Transparency International)

Theo quan điểm của các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam, họ cũng đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh rất cao về chỉ số minh bạch và Tiếp cận thông tin (Hình 10.2). Các tỉnh trung bình đạt khoảng 60 điểm trên 100. Kết quả khẳng định rằng chính quyền cấp tỉnh đã thành công trong việc nâng cao môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh bình đẳng. Hơn 10 năm, đến năm 2020 đánh dấu sự thành công trong công cuộc cải cách hành chính của chính phủ Việt Nam, đặc biệt là chủ trì những bước chuyển mình ấn tượng trong chiến dịch phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khả năng cần cải thiện trong lĩnh vực dịch vụ công, chẳng hạn như nâng cao chất lượng trang web

của tỉnh hoặc phản hồi các yêu cầu của chính quyền cấp tỉnh. Theo báo cáo Phong vũ biểu toàn cầu (Towards Transparency, 2019), 65% trên số người Việt Nam được hỏi đã hối lộ khi tiếp cận các dịch vụ công hoặc các giao dịch hành chính công. Cụ thể, tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công như bệnh viện hoặc trường học, gần 50% số người được hỏi đã phải hối lộ để được phục vụ tốt hơn; 45% trong số người được kháo sát cho biết đã hối lộ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng. 56% trên tổng số người trả lời cho rằng tình trạng tham nhũng đang trở nên trầm trọng hơn trong những năm gần đây (Transparency International, 2017).

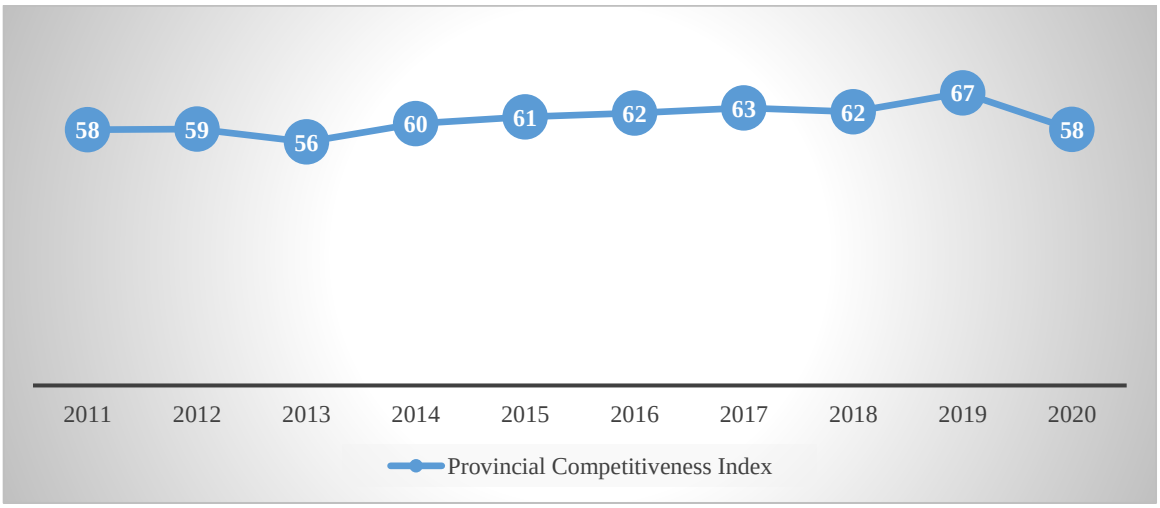

Hình 2: Chỉ số minh bạch và công bố thông tin, 2011-2020

Nguồn: PCI (VCCI & USAID)

Các Chỉ số Quản trị toàn cầu (Worldwide Governance Indicators-WGI) do Ngân hàng thế giới thực hiện năm 2020 khẳng định chỉ số kiểm soát tham nhũng của Việt Nam ở mức thấp. Các chỉ só được đánh giá dựa trên các lĩnh vực quản trị, bao gồm trách nhiệm giải trình, ổn định chính trị và kiểm soát bạo lực, hiệu quả của chính phủ, chất lượng pháp lý, pháp quyền và kiểm soát tham nhũng. Trong đó, kiểm soát tham nhũng không có nhiều cải thiện. Kiểm soát tham nhũng năm 2017 với 31.25 điểm tăng lên 34.13 điểm năm 2019, trên thang điểm 0 đến 100 tương ứng với kết quả tốt hơn tăng dần. Mặc dù kiểm soát tham nhũng có sự chuyển biến nhưng không đáng kể. Từ báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành

chính công cấp tỉnh (Vietnam Provincial Governance and Public Administration Performace Index (PAPI) (CECODES và cộng sự, 2021), chỉ số kiểm soát tham nhũng trung bình của các tỉnh đạt 6,09 trên thang điểm từ 0 đến 10 với điểm số cao hơn tương ứng với việc kiểm soát tham nhũng tốt hơn. Theo thống kê của PAPI, chỉ số Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Hình 10.3) đã tăng đáng kể 12 điểm, cho thấy dấu hiệu tích cực cho những nỗ lực của chính phủ Việt Nam trong việc kiểm soát và chống tham nhũng trong khu vực công. Điều này cho thấy người dân Việt Nam đã chứng kiến và ghi nhận những nỗ lực và cải tiến của chính phủ trong phòng, chống tham nhũng.

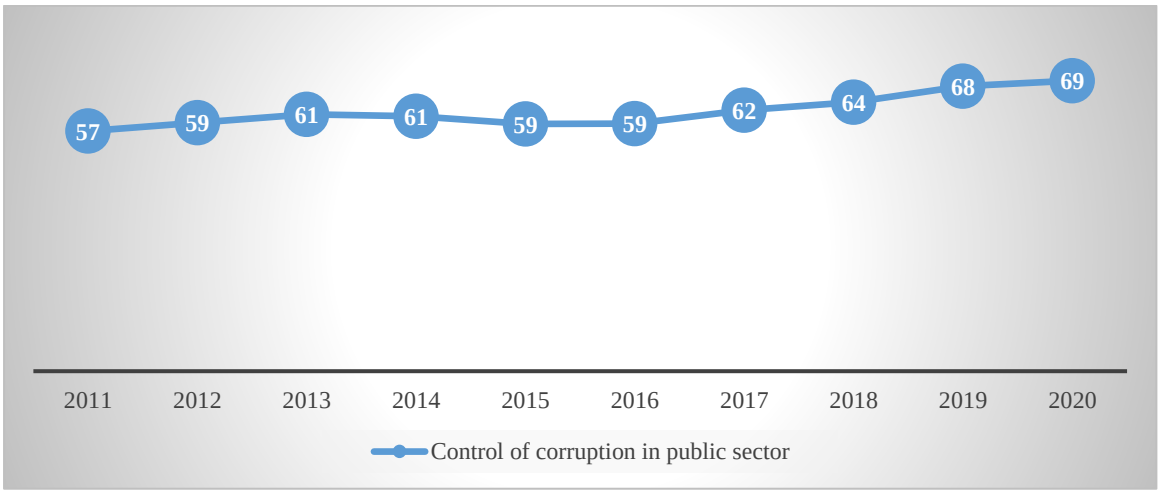

Hình 10.3: Chỉ số kiểm soát tham nhũng trong khu vực công ở Việt Nam, 2011-2020

Nguồn: PAPI (CECODES, VUSTA & UNDP)

3.2. Hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng

Khung pháp lý về phòng chống tham nhũng đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Trước 1998, ở Việt Nam không có luật hoặc pháp lệnh về phòng chống tham nhũng. Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005 ra đời đã tạo nên những bước tiến lớn. So với các quốc gia khác trong khu vực, Việt Nam là quốc gia có khung pháp lý ở phạm vi rộng nhất (TI, 2010). Tuy nhiên do thiếu thông tin công khai về kết quả của các nỗ lực chống tham nhũng của chính phủ, không có bằng chứng cho thấy những nỗ lực này đã đạt được kết quả như mong đợi. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để đảm bảo tính hiệu lực của pháp luật, đồng

thời triển khai và thực thi để thuyết phục lòng tin của người dân vào hệ thống luật pháp và công tác phòng chống tham nhũng của nhà nước.

Điểm nổi bật là các thể chế phòng chống tham nhũng đã được xây dựng và hoàn thiện. Riêng Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành 45 nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận về xây dựng, hoàn thiện Đảng, phòng, chống tham nhũng. Chính phủ đã ban hành 511 nghị định, 413 nghị quyết và 160 quyết định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng trên mọi lĩnh vực xã hội. Nhiều nội dung quan trọng như kiểm soát thu nhập của cán bộ công chức, kiểm soát nhóm lợi ích đã được thể chế hóa và đi vào thực tiễn cuộc sống. Kết quả là hệ thống pháp luật phòng chống tham nhũng Việt Nam vừa mang tính răn đe, phòng ngừa vừa có chế tài xử lý khi tham nhũng được phát hiện.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng chưa có một tổ chức phòng chống tham nhũng độc lập chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng chống tham nhũng. Ở Việt Nam, hiện có bốn tổ chức có nhiệm vụ phòng chống tham nhũng, bao gồm Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân và Kiểm toán Nhà nước. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được thành lập theo quy định của Luật phòng chống tham nhũng năm 2005 và do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp làm Trưởng ban. Uỷ ban được uỷ quyền để hướng dẫn, điều phối và giám sát việc thực hiện chống tham nhũng của Chính phủ. Văn phòng Uỷ ban đã được thành lập năm 2007 để hỗ trợ các công việc của Uỷ ban. Năm 2008, Ban chỉ đạo được thành lập ở cấp tỉnh, dưới sự chỉ đạo và quản lý của UBND tỉnh. Hệ thống này nằm dưới dự chỉ đạo của Trưởng ban là Thủ tướng cho tới đầu năm 2013. Ngày 1 tháng 2 năm 2013, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 162-QĐ/TW thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng do Tổng Bí thư làm trưởng ban. Đến năm 2021, Ban đã đổi tên thành Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, tiêu cực được thành lập tại các tỉnh thành trên cả nước, đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Chính trị và Ban bí thư.

Thanh tra Chính phủ là cơ quan của chính phủ giải quyết các hoạt động thanh tra, kiểm soát, khiếu nại và thoả thuận tham nhũng. Cơ quan này được thành lập vào năm 1956, nhưng phải đến năm 2005, cơ quan này mới có quyền hạn rõ ràng về phòng, chống tham nhũng, chịu trách nhiệm điều tra các báo cáo tham nhũng. Trên thực tế, mỗi Bộ thực hiện điểu tra độc lập và báo cáo cho Thanh tra Chính phủ cũng như hệ thống phân cấp của Bộ. Như vậy, Thanh tra Chính phủ chỉ có quyền đưa ra các khuyến nghị hơn là quyền lực để thực hiện các cuộc điều tra và xử lý sai phạm. Các báo cáo của Thanh tra Chính phủ không phải lúc nào cũng được công bố rộng rãi, và trong nhiều trường hợp, nội dung của các báo cáo cũng không đầy đủ.

Viện Kiểm sát Nhân dân chịu trách nhiệm truy tố các vụ án tham nhũng. Cơ quan này có quyền khởi tố vụ án hình sự sau khi Chính phủ điều ra và thi hành pháp luật. Người đứng đầu Viện kiểm sát Nhân dân do Quốc hội bầu và bãi miễn theo đề nghị của Chủ tịch nước. Kiểm toán Nhà nước là cơ quan kiểm toán tối cao tại Việt Nam, chịu trách nhiệm xác minh tính chính xác và hợp pháp của Ngân sách nhà nước. Kiểm toán Nhà nước chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Quốc hội và đã mở rộng nhiệm vụ trong những năm gần đây. Tuy nhiên, những cơ sở này được coi là rất yếu do thiếu sự độc lập, kinh phí và các cán bộ có trình độ.

Cuộc chiến chống tham nhũng đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam chỉ đạo quyết liệt, được đông đảo người dân Việt Nam đồng tình ủng hộ. Cuộc đấu tranh đã đạt được những kết quả tích cực, thúc đẩy quyết tâm phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Theo đó, cộng đồng quốc tế và các nước đều đánh giá tích cực về nỗ lực này của Việt Nam. Kết quả trên thể hiện quyết tâm chính trị cùng với những hành động, giải pháp quyết liệt, hiệu quả của Đảng, Nhà nước, từ Trung ương đến địa phương trong phòng, chống tham nhũng. Công cuộc phòng chống tham nhũng ở Việt Nam đang được thực hiện từng bước vững chắc và phương hướng phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian tới có một số đặc điểm: (i) không có vùng cấm, không có đặc quyền, không có ngoại lệ, không có kể trong thời gian nào của bất kỳ cá

nhân, tổ chức nào; (ii) thực hiện từng bước, rõ ràng đến đâu xử lý đến đó; (iii) sự tham gia của toàn dân, của cả hệ thống chính trị; (iv) nhân văn và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; (v) phòng ngừa là ưu tiên, phát hiện và xử lý là quan trọng và khẩn cấp.

3.3. Kết quả phòng chống tham nhũng ở Việt Nam

Công tác phòng chống tham nhũng của Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng. Kết quả khẳng định nỗ lực, giải pháp thực hiện phòng chống tham nhũng là hoàn toàn đúng đắn, kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Điều này góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên thế giới.

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022, kết quả phòng chống tham nhũng ở Việt Nam đã có kết quả quan trọng có thể được tóm tắt như sau.

- Có 7390 đảng viên bị kỷ luật vì tham nhũng, chiếm 4,5% tổng số đảng viên bị kỷ luật trong 10 năm qua.

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban kiểm tra Trung ương đã kỷ luật hơn 170 cán bộ cấp cao diện Trung ương quản lý, trong đó có 33 Ủy viên, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang.

- Qua công tác thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị xử lý trách nhiệm gần 44,7 nghìn tập thể và cá nhân sai phạm; kiến nghị thu hồi, xử lý tài chính hơn 975 nghìn tỷ đồng, gần 76 nghìn ha đất; chuyển cơ quan điều tra gần 1200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật;

- Tội phạm về tham nhũng đã khởi tố, điều tra 2657 vụ với 5841 bị can, truy tố 2628 vụ với 6199 bị can, xét xử sơ thẩm 2439 vụ với 5647 bị cáo.

Công tác thu hồi tài sản tham nhũng có chuyển biến tích cực. Cơ quan thi hành án dân sự các cấp đã thu hồi 61 nghìn tỷ đồng, đạt tỷ lệ 34,7% (năm 2013, tỷ lệ này chỉ đạt dưới 10%). Riêng các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo đã thu hồi được gần 50

nghìn tỷ đồng, đạt tỷ lệ 41,3%. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, cơ sở được quan tâm hơn, từng bước khắc phục tình trạng "trên nóng, dưới lạnh".

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực có nhiều đổi mới, khoa học và hiệu quả. Hoạt động của Ban vừa tập trung lãnh đạo, hoàn thiện thể chế, phòng ngừa tham nhũng vừa chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng với nhiều cơ chế, giải pháp, cách làm hiệu quả. Ban chỉ đạo đã chú trọng tổng kết thực tiễn, kịp thời sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới.

Tuy nhiên, Báo cáo tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022 cũng cho thấy công tác này cũng còn những bất cập. Những bất cập cơ bản bao gồm:

- Công tác tuyên truyền, giáo dục có mặt còn hạn chế, nhất là giáo dục liêm chính, xây dựng văn hóa tiết kiệm không tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức;

- Cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn sơ hở, bất cập, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực; một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực còn hình thức, hiệu quả chưa cao;

- Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có sự chuyển biến rõ nét; công tác tự kiểm tra, tự phát hiện tham nhũng trong nội bộ vẫn là khâu yếu;

- Công tác giám định, định giá tài sản vẫn còn khó khăn; tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng vẫn còn thấp;

- Hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội các cấp và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chưa cao.

4. Quyết tâm phòng, chống tham nhũng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác phòng, chống tham ô, tham nhũng trong Đảng, Nhà nước. Người cho rằng đó là "những căn

bệnh nguy hiểm", "là giặc nội xâm", không chỉ gây thiệt hại về kinh tế, mà còn làm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; làm suy yếu bộ máy của Đảng, Nhà nước; gây mất lòng tin của quần chúng nhân dân. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn xác định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là "cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và kẻ địch là tệ tham ô, lãng phí, quan liêu" (Hồ Chính Minh, 2011) phải được tiến hành thường xuyên, kiên quyết, bền bỉ, nhằm mục đích xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng ta thấy Đảng luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng - đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn của Đảng và chế độ. Đặc biệt, những năm gần đây, Đảng nhận thấy phải lãnh đạo cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng ở tầm mức cao hơn, chặt chẽ, thường xuyên hơn. Trên cơ sở đó, lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/08/2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí*. Nghị quyết trên cơ sở phân tích thực trạng, tình hình tham nhũng ở Việt Nam đã nhấn mạnh mục tiêu: "Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006). Đây là nghị quyết chuyên đề quan trọng, là bước đột phá mang tính mở đường, có ý nghĩa định hướng chiến lược, tạo đà đẩy mạnh, đưa công tác phòng, chống tham nhũng trở thành xu thế không thể đảo ngược; từ đây, nhiều chủ trương, quan điểm mới, quan trọng về phòng, chống tham nhũng đã dần được hình thành và tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả trên thực tế.

Tiếp nối tinh thần của Đại hội X, các đại hội XI, XII, XIII Đảng đều quan tâm, chỉ đạo sát sao và đều dành riêng Nghị quyết Trung ương 4 để chỉ đạo về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự

diễn biến", "tự chuyển hóa". Các nghị quyết được cụ thể hóa thành các văn bản pháp luật của Nhà nước, làm căn cứ pháp lý để các cơ quan nhà nước và nhân dân cùng thực hiện. Đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực đã trở thành tuyên ngôn, cam kết chính trị mạnh mẽ của Đảng.

Nhìn lại quá trình phát triển về nhận thức và tư duy của Đảng ta thấy thêm một điểm mới nữa đó là Đảng Cộng sản Việt Nam đã thay thế cụm từ "phòng chống tham nhũng, lãng phí" bằng cụm từ "phòng chống tham nhũng, tiêu cực" để vấn đề được nhìn nhận một cách toàn diện và thấu đáo hơn. Nếu như trước đây chúng ta chỉ nói "chống tham nhũng, lãng phí', điều đó không sai, nhưng dẫu sao lãng phí cũng chỉ là một hành vi cụ thể; còn tiêu cực có nội dung và phạm vi rộng hơn, căn cốt hơn, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Đây mới là cái gốc, cái nguy hiểm nhất, dẫn đến những việc làm sai trái gây hậu họa; không chỉ làm mất tiền, mất của, mà còn mất người, thậm chí mất cả chế độ.

Theo quan điểm chỉ đạo của Đảng, phạm vi của tiêu cực mà chúng ta cần tập trung phòng, chống là những hành vi có liên quan đến tham nhũng; đó là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tham nhũng và tiêu cực, nhất là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống có mối quan hệ gắn bó mật thiết, chặt chẽ với nhau; nguyên nhân cơ bản, trực tiếp của tham nhũng là do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tiêu cực là môi trường làm nảy sinh tham nhũng; tham nhũng tác động trở lại làm trầm trọng hơn tình trạng tiêu cực. Nếu chỉ phòng, chống tham nhũng về tiền bạc, tài sản thôi thì chưa đủ, mà nguy hại hơn là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Bởi lẽ tiền bạc, tài sản có thể còn khắc phục được, nhưng nếu suy thoái về đạo đức, tư tưởng là mất mát không gì có thể vãn hồi. Vì vậy, phòng, chống tiêu cực, mà trọng tâm là phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đó cũng là cách để trị tận gốc tham nhũng.

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Đảng đã có sự đột phá trên tất cả các mặt của công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng. Trước hết phải trả lời được câu hỏi chủ trương, đường

lối đã rõ, nhận thức đã chín, tư tưởng đã thông, bây giờ làm cách nào để chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả nhất. Đảng đã lựa chọn khâu đột phá ở việc thiết lập và thường xuyên củng cố, kiện toàn cơ quan chuyên trách đủ mạnh để tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo, công tác phòng chống tham nhũng một cách tập trung, thống nhất, thường xuyên, có hiệu quả. Đánh dấu cho bước đột phá này là việc Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) quyết định chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban và lập lại Ban Nội chính Trung ương, ban nội chính các tỉnh ủy, thành ủy. Thực hiện chủ trương đó, năm 2013, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, trực thuộc Bộ Chính trị được thành lập do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm Trưởng ban. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng được tiến hành ráo riết, quyết liệt, "không có vùng cấm, không có ngoại lệ", đạt nhiều kết quả toàn diện, tích cực, rõ rệt, được nhân dân hoan nghênh, đồng tình ủng hộ, được dư luận quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Trên cơ sở mô hình tổ chức và những kinh nghiệm thành công trong hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (tại Hội nghị lần thứ năm) đã quyết định lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng chống tham nhũng, tiêu cực do đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương làm Trưởng ban, nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, khắc phục tình trạng "trên nóng, dưới lạnh", nâng cao hiệu quả, tạo chuyển biến rõ nét hơn nữa trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong hình hình mới.

Để thể hiện tinh thần quyết tâm cao và để hệ thống hóa sự chỉ đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; giúp các ngành, các cấp, các địa phương, các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và nhân dân nắm vững, quán triệt và triển khai có hiệu quả công tác quan trọng này, Ban Nội chính Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *"Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây*

dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh". Cuốn sách thể hiện quan điểm xuyên suốt, nhất quán của người đứng đầu Đảng ta về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Thông qua cuốn sách ta thấy một thông điệp mạnh mẽ của Đảng, Nhà nước và của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về cuộc chiến không khoan nhượng chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần kiên quyết, kiên trì, không nghỉ, không ngừng, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Từ đó đúc rút những bài học kinh nghiệm quý báu về giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc để củng cố thêm tinh thần và bản lĩnh, khơi dậy sự chung sức, đồng lòng để đi tới thống nhất trong hành động, quyết liệt trong đấu tranh góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cuốn sách đã đặt ra và lý giải những câu hỏi lớn: "Vì sao chúng ta phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực?", "Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực bằng cách nào, như thế nào cho hiệu quả?". Đây cũng là băn khoăn, trăn trở và là nguyện vọng tha thiết của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, biết bao thế hệ cha ông đi trước đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc; gần 40 năm đổi mới với sự chung tay, góp sức của toàn Đảng, toàn dân để chúng ta có được cơ đồ như ngày hôm nay. Nếu như không biết trân trọng và phát huy để nhân lên những thành quả đó thì chúng ta sẽ phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức không nhỏ.

Muốn chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả thì việc đầu tiên chúng ta cần thống nhất quan điểm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhằm làm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, để phát triển đất nước. Càng đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Đảng của chúng ta càng mạnh lên, càng củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tuyệt đối tránh tư tưởng cho rằng nếu quá tập trung vào chống tham nhũng, tiêu cực sẽ làm

“nhụt chí”, “chùn bước” những người dám nghĩ, dám làm và làm “chậm” sự phát triển của đất nước. Ngược lại, thực tế cho thấy đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, làm trong sạch Đảng và bộ máy Nhà nước chỉ làm "chùn bước" những ai có động cơ không trong sáng, đã trót "nhúng chàm" và những người không nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, thiếu bản lĩnh, thiếu kiến thức và kinh nghiệm.

Mục tiêu của chống tham nhũng, tiêu cực không gì ngoài việc “góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại, đặc biệt là góp phần lấy lại và củng cố niềm tin của nhân dân, bác bỏ luận điệu sai trái của các thế lực xấu, thù địch, chống đối…” (Nguyễn Phú Trọng, 2023). Đây là cuộc đấu tranh chống “giặc nội xâm”, không phải là cuộc đấu giữa các “phe cánh” hay “đấu đá nội bộ”, như có người không hiểu hoặc cố tình xuyên tạc với động cơ sai, dụng ý xấu.

Thật vậy, tham nhũng, tiêu cực hiện nay đã trở thành vấn nạn, nếu không được ngăn chặn, loại bỏ kịp thời sẽ làm thiệt hại cho nền kinh tế, phá vỡ chiến lược và kế hoạch phát triển, gây thiệt hại vật chất rất lớn cho Nhà nước và người dân; làm suy thoái đạo đức, lối sống trong hàng ngũ lãnh đạo, gây ra sự bất bình, bức xúc trong dư luận xã hội và nghiêm trọng hơn là làm xói mòn, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ, gián tiếp tiếp tay cho những thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Có thể nói, tham nhũng, tiêu cực là thứ “giặc nội xâm”, là một loại dịch bệnh nguy hiểm có thể phá vỡ bất kỳ thể chế chính trị nào. Một đảng cầm quyền còn để xảy ra tham nhũng, tiêu cực thì nguy cơ đánh mất quyền lực là hiện hữu. Thậm chí, nếu để tham nhũng, tiêu cực tràn lan thì những cán bộ, đảng viên trong sáng, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc sẽ không còn động lực để phấn đấu và cống hiến. Bởi vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là một tất yếu, là vấn đề sống còn, cấp bách của bất kỳ một đảng cầm quyền nào và đó cũng là cam kết chính trị mạnh mẽ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

6. Kết luận

Công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chắc chắn sẽ là một cuộc chiến gay go, gian khổ, lâu dài và vô cùng phức tạp. Nhưng điều quan trọng nhất là chúng ta có ý chí quyết tâm, trên dưới đồng lòng, và sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, quyết liệt của cả hệ thống chính trị mà đứng đầu là Đảng Cộng sản Việt Nam. Minh chứng rõ ràng nhất là thực tiễn những năm qua, ta thấy chưa bao giờ công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lại được thực hiện một cách mạnh mẽ, đồng bộ, quyết liệt, bài bản và hiệu quả như thời gian gần đây. Tinh thần và quyết tâm ấy đã để lại dấu ấn nổi bật, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, "trên - dưới đồng lòng", "dọc ngang thông suốt", được tiến hành một cách kiên trì, nhân văn, bài bản, thuyết phục với tinh thần không khoan nhượng, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, "tham nhũng, tiêu cực nhất định sẽ bị ngăn chặn, đẩy lùi; góp phần xây dựng Đảng ta, Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng và xứng đáng với niềm tin yêu, sự mong đợi của nhân dân" (Nguyễn Phú Trọng, 2023) như phát biểu kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị toàn quốc Tổng kết 10 năm công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012 – 2022./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aizenman, J., & Spiegel, M. (2006). Institutional efficiency, monitoring costs and the investment share of FDI. *Review of International Economics, 14*(4), 683-697.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 21/8/2006, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Enste, D., & Heldman, C. (2017). Causes and consequences of corruption: An overview of empirical results. *IW-Report, 2/2017*.
5. Goel, R. K., & Nelson, M. A. (2005). Economic freedom versus political freedom: cross-country influences on corruption. *Australian Economic Papers, 44*(2), 121-133.
6. Gupta, S., Davoodi, H., & Alonso-Terme, R. (2002). Does corruption affect income inequality and poverty? . *Economics of Governance, 3*(1), 23 - 45.
7. Habib, M., & Zurawicki, L. (2001). Country-level investments and the effect of corruption - some empirical evidence. *International Business Review, 10*(6), 687-700.
8. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Ike, O. I. (2008). *Corruption: threat to democracy and market economy–the case of Nigeria* Paper presented at the International Symposium on Sustainability, Bank FuerKreditanstalt und Wiederaufbau, Frankfurt, Main Gemany.
10. Jain, A. K. (2001). Corruption: A Review. *Journal of economic surveys, 15*(1), 71-121.
11. Lambsdorff, J. G. (2003). How corruption affects persistent capital flows. *Economics of Governance, 4*(3), 229–243.

12. Lambsdorff, J. G. (2007). *The institutional economics of corruption and reform: Theory, evidence and policy*: Cambridge University Press.
13. Luo, Y. (2002). Corruption and organization in asian management systems. *Asia Pacific Journal of Management, 19*, 405–422.
14. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
15. Nguyen, V. T., Ho, B. D., Le, Q. C., & Nguyen, V. H. (2016). Strategic and transactional costs of corruption: perspectives from Vietnamese firms. *Crime, Law Social Change, 65*(4-5), 351-374.
16. Riaz, M. F., & Cantner, U. (2020). Revisiting the relationship between corruption and innovation in developing and emerging economies. *Crime, Law and Social Change, 73*(4), 395–416.
17. Thanh tra Chính phủ. (2011). *Tài liệu bồi dưỡng về phòng chống tham nhũng*: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia-Sự thật.
18. UNDP, & Global Integrity. (2008). *A users' guide to measuring corruption* Oslo, Norway: United Nations Development Programme.
19. United Nations. (2004). *The Global Programme Against Corruption UN Anti-Corruption Toolkit*. Retrieved from Vienna: https://www.unodc.org/documents/corruption/Toolkit_ed2.pdf
20. Welsch, H. (2004). Corruption, growth, and the environment: A cross-country analysis. *Environment and Development Economics, 9*(5), 663 - 693.
21. You, J. S., & Khagram, S. (2005). A comparative study of inequality and corruption. *American Sociological Review, 70*(1), 136–157.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ

PGS.TS Nguyễn Đức Dũng

Bộ môn Kế toán tài chính - Viện Kế toán - Kiểm toán

Tóm tắt: *Quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm đảm bảo cho người dân thực hiện quyền làm chủ của mình trực tiếp ở nơi cư trú và cơ quan, đơn vị công tác; đảm bảo mọi đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật đến tận dân là cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với dân. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta. Thực tiễn cho thấy, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân là nhân tố quyết định tạo sự đồng thuận xã hội. Quy chế dân chủ tạo tiền đề cho một xã hội phát triển đồng thuận. Đây là nội dung cốt lõi trong tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh, phản ánh giá trị cao nhất, chung nhất của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân và vì nhân dân. Hà Nội là thủ đô của đất nước do đó công tác dân chủ càng được chú trọng hơn nữa. Bài viết thực hiện khẳng định ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc thực hiện quy chế dân chủ tại thành phố Hà Nội và từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường thực hiện quy chế dân chủ.*

Từ khoá: *Dân chủ, Hà Nội, Hồ Chí Minh*

1. GIỚI THIỆU VẤN ĐỀ.

Khi mở rộng tính chất của nó, dân chủ liên quan đến một nguyên tắc rất quan trọng, theo đó những ai bị ảnh hưởng bởi một quyết định nào đó của nhà cầm quyền đều cần phải tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình tạo ra quyết định đó. Nguyên tắc này được áp dụng phổ biến và bắt buộc trong cuộc sống riêng tư, trong công việc cũng như trong đời sống xã hội nói chung. Về phương diện tổ chức nhà nước, dân chủ là một hình thức thực hiện quyền lực nhà nước, nơi mà tất cả mọi người - trực tiếp hoặc gián tiếp được tham gia vào các quyết định quan trọng trong phân phối và phân bổ các lợi ích và giá trị xã hội.

Dưới giác độ lý luận, đây là việc nhà nước thực thi và củng cố các quyết định phù hợp với những gì mà đa số người dân mong đợi. Trong tiến trình phát triển và trở nên bền vững của bất cứ nền dân chủ nào đều nhờ các thiết chế và hệ thống giá trị hỗ trợ nhất định. Ở Việt Nam, bản Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết và công bố với thế giới năm 1945 đã khẳng định quyền tự do dân chủ là của tất cả mọi người dân Việt Nam. Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946 cũng đã khẳng định ba nguyên tắc cơ bản của chế độ mới là: đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái, trai, giai cấp, tôn giáo; đảm bảo các quyền tự do dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Như vậy, ngay từ khi thành lập nước, tự do dân chủ đã trở thành vấn đề ưu tiên hàng đầu, là mục tiêu phấn đấu của nhà nước cách mạng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ"; "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ"; "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ".

Là lực lượng lãnh đạo cách mạng, Đảng ta qua các kỳ Đại hội cũng có quan điểm ngày càng rõ ràng về xây dựng nền dân chủ. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XII của Đảng đã nêu rõ tình hình, phương hướng, nhiệm vụ "phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân". Văn kiện Đại hội khẳng định: "Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân... Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện". Văn kiện cũng nêu rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quá trình xây dựng đất nước là: "Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở". Trong thời gian vừa qua, Đảng ta đã có nhiều văn bản chỉ đạo để bảo đảm tính dân chủ tập trung trong việc điều hành của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và các tổ chức kinh tế do Đảng lãnh đạo. Tại Hội nghị tổng kết về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Tổng Bí thư

Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: "không ngừng phát huy dân chủ, khơi dậy tiềm năng, sức mạnh của nhân dân"(6).Trong giai đoạn hiện nay, đất nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế thế giới với mục tiêu đưa đất nước vào các nước có thu nhập phát triển trong tương lai nhưng vẫn cần đảm bảo tính công bằng trong xã hội. Đảng ta xác định mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn chủ văn minh", với nhiều chiến lược đang đặt ra (vừa là thời cơ, vừa là thách thức), đối với đất nước ta trên nhiều lĩnh vực: đời sống kinh tế chính trị, văn hoá - xã hội, Quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại hội nghị toàn quốc đánh giá kết quả thực hiện Kết luận số 120-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở do Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tổ chức đã chỉ đạo "Các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt và triển khai đồng bộ, hiệu quả hơn nữa, đưa việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở đi vào nền nếp."

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, bản chất của dân chủ tức là dân là chủ và dân làm chủ. Người chỉ rõ, "địa vị của nhân dân là người chủ đối với xã hội, đất nước và nhân dân là chủ thể của quyền lực". Đây là nội dung cốt lõi trong tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh, phản ánh giá trị cao nhất, chung nhất của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ", "chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là dân làm chủ". Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một "ham muốn, ham muốn tột bậc là làm cho nước nhà được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Người đã ra đi tìm đường cứu nước, đi qua học hỏi tại rất nhiều nền dân chủ trên thế giới rút ra một chân lý không chỉ cho dân tộc mà còn cho cả nhân loại "không có gì quý hơn độc lập, tự do". Muốn có sự ổn định và phát triển một trong những yếu tố cần đặc biệt quan tâm đó là phát huy dân chủ. Dân chủ được coi là yếu tố quan trọng để phát triển của địa phương, của dân tộc. Dân chủ giúp giải

quyết các khó khăn trong quá trình phát triển. Phát huy tính dân chủ phải dựa vào nền tảng của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUY CHẾ DÂN CHỦ.

Người khẳng định: "Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân" Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. "Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". Đất nước ta dành độc lập sau 2 cuộc kháng chiến vĩ đại với sự đóng góp to lớn của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng do đó người cộng sản cần nhấn mạnh phẩm chất cách mạng vì dân do dân không phải là để"thăng quan, phát tài, chia nhau quyền lực, lợi ích và bổng lộc". Người đã khẳng định Đảng viên phải quan tâm đến ý kiến của người dân tránh hiện tượng quan liêu.

"Nhà nước do dân tức là dân phải tham gia vào công việc của nhà nước. Quốc hội nước ta tuy ở vị trí cao nhất song không phải là cơ quan tập trung tất cả quyền lực. "Khi xuất hiện những công việc liên quan đến vận mệnh của quốc gia, thì sẽ được đưa ra toàn dân phúc quyết". Nhà nước do dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh là dân tự làm, tự lo việc, thông qua các mối quan hệ trong xã hội, qua các đoàn thể, chứ không phải nhà nước bao cấp, lo thay dân, làm cho dân thụ động, ỷ lại, chờ đợi. "Nhà nước vì dân, tức nhà nước ta ngoài lợi ích phục vụ dân chúng không có lợi ích nào khác, đó là bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta". Người yêu cầu mọi việc làm của Nhà nước phải thể hiện rõ bản chất đó: "Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Người nhắc nhở chính quyền các cấp phải tránh cho được các lầm lỗi, khuyết điểm, những thói hư tật xấu, những chứng bệnh vốn dễ tập nhiễm trong các cơ quan quyền lực nhà nước như: cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo" Trong nội dung tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng, Hồ Chí Minh muốn tạo nên sự thống nhất trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh khẳng định lại một cách sâu sắc về nền tảng tư tưởng của Chủ nghĩa Mác – Lênin đối

với mọi người cán bộ, đảng viên ở những nội dung về vai trò lãnh đạo hàng đầu của Đảng Cộng sản Việt Nam, về các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, về sự nghiệp cách mạng Việt Nam là của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng".

Cách mạng giải phóng dân tộc mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo là một cuộc cách mạng khó khăn, chiến đấu với hai cường quốc trên thế giới là Pháp và Mỹ với bao nhiêu hy sinh sương máu khi đối đầu với kẻ thù mạnh hơn ta nhiều lần. Nhưng Hồ Chí Minh thấy rõ cuộc chiến đó chỉ là "một phần, là bước khởi đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam". Người viết: công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam "là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân".

3. THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh việc xác định rõ yêu cầu tăng cường việc Nhà nước thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về dân chủ ở cơ sở trong các quy định của pháp luật, quy định cụ thể có ý nghĩa quan trọng.

Đồng thời, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng chính quyền và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số những hạn chế, yếu kém như: "Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách, pháp luật về Quy chế dân chủ ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa kịp thời" nhiều nơi thực hiện còn mang tính hình thức, đối phó. "Việc công khai các nội dung liên quan ở nhiều địa phương, cơ sở chưa đầy đủ, chưa tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin. Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của nhân dân tham gia bàn và quyết định các vấn đề của địa phương, giám sát, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền ở một số nơi còn hạn chế".

"Lâu nay, nhiều nơi cứ nói là thực hiện dân chủ, nhưng thực chất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở đó vẫn mượn danh hoặc nhân danh tập thể để hợp thức hoá những quyết định, ý chí chủ quan của cá nhân mình. Một số người có chức, có quyền còn quan cách, gia trưởng, thậm chí có những cá nhân và tập thể trù dập, ức hiếp quần chúng". Tổng Bí thư chỉ rõ.

"Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cần tiếp tục quán triệt sâu sắc, nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn nữa các quan điểm chỉ đạo của Chỉ thị 30 và Kết luận 120 của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan của Đảng, Nhà nước"; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ tại từng địa phương, cơ quan, đơn vị, bảo đảm thực chất và hiệu quả; "Phải làm sao để việc thực hiện Quy chế dân chủ và phát huy dân chủ trở thành công việc thường xuyên, liên tục, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện để chăm lo tốt hơn đời sống, lợi ích, hạnh phúc của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội" Sống có văn hoá, nghĩa tình, bảo đảm an ninh, an sinh xã hội, tạo động lực cho các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, tham gia phát triển đất nước nói chung và từng địa bàn, cơ quan, đơn vị nói riêng.

4. CÁC KHUYẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ CƠ SỞ GẮN LIỀN VỚI TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Cấp ủy phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ vướng mắc,. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh "Đưa nội dung thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở vào Nghị quyết Đại hội Đảng nhiệm kỳ và hàng năm. Trong từng giai đoạn, từng thời điểm, người lãnh đạo và người đứng đầu cần chọn nội dung trọng tâm triển khai theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Quá trình kiểm tra, phát hiện những nội dung không phù hợp phải chủ động kiến nghị cụ thể nội dung cần sửa chữa với cấp trên, nhằm phát huy thật sự quyền làm chủ của nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước và quản lý xã hội, để Quy chế dân chủ cơ sở trở thành mục tiêu và động lực phát triển. Gần đây những vụ khiếu kiện diễn ra tại Hà Nội cũng như các tỉnh khác trên cả nước là do cơ quan Đảng chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ. Cấp ủy, lãnh đạo chính quyền địa phương phải

nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, tăng cường kiểm tra, giám sát. Nhất là việc phải tự mình nêu gương thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; quan tâm bố trí cán bộ, củng cố tổ chỉ đạo tham mưu tốt cho cấp ủy trong thực hiện Quy chế dân chủ. "Tinh thần quyết tâm, ý thức của chính quyền và người dân ở cơ sở là một trong những yếu tố chủ yếu để thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở". Dân chủ vừa là giá trị chung của nhân loại, vừa có tính giai cấp, tính lịch sử, đồng thời mang dấu ấn truyền thống, đặc điểm dân tộc và tính chất thời đại. Ở mỗi nước, trình độ của nền dân chủ trong xã hội tùy thuộc phần lớn vào trình độ phát triển của xã hội, trình độ dân trí, quyền hạn và năng lực thực hiện quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân; không một nước nào có quyền áp đặt các khái niệm và nội dung dân chủ của mình cho các quốc gia khác". Hiện nay có nhiều âm mưu chống phá đất nước ta được thể hiện qua chiêu bài dân chủ, tôn giáo gây mất trật tự an ninh xã hội gây ảnh hưởng đến chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt do đó, đi đôi với phát huy, mở rộng dân chủ, phải gắn liền với giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật; đề cao trách nhiệm của xã hội, của cộng đồng dân cư chống lại sự ảnh hưởng của các thế lực thù địch chống phá đất nước. Cần giúp người dân cũng như cán bộ tỉnh táo trước các chiêu thức phá hoại này.

Các giải pháp để tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc thực hiện quy chế

- Giải pháp lớn nhất là nâng cao ý thức người dân thông qua các hình thức tuyên truyền. Hiện nay cần tuyên truyền những gương người tốt việc tốt tạo tấm gương cho người dân noi theo. Cần đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền như trên sách báo, truyền hình và cần quan tâm hơn nữa tới công tác tuyên truyền trên mạng xã hội

-Việc thực hiện quy chế dân chủ không thể thiếu được việc quan triệt đối với các cấp lãnh đạo đảng, chính quyền về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. "bảo đảm thực chất và hiệu quả, đồng thời chú trọng giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật; đề cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân; kiên quyết phê phán, lên án, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng dân chủ", coi thường kỷ cương

phép nước, xâm hại lợi ích của nhân dân. "Phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, các cơ quan, đoàn thể, đơn vị… trước hết là trong các tổ chức đảng; công khai, minh bạch trong điều hành của chính quyền; đề cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các hành vi xâm hại đến quyền làm chủ của nhân dân"

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương. Theo lời Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng: "Tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sớm ứng dụng những thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0, tạo thuận lợi để nhân dân thực hiện các thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm các quy trình của QCDC ở cơ sở, không cắt xén hoặc hình thức hóa các hoạt động. Nâng cao đạo đức công vụ, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân và vì dân". Cuộc cách mạng công nghiệp cũng góp phần tăng tính dân chủ vì thông qua các mạng xã hội ý kiến người dân được đưa tới dễ dàng hơn với cơ quan quản lý Đảng và Nhà nước. Công nghệ thông tin cũng giúp người dân có thể thực hiện ý kiến của mình một cách nhang chóng và chính xác hơn,

- "Các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí cần thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội, nhất là những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân". Theo đó, cần công khai minh bạch tất cả những hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng (ngoại trừ những vấn đề bí mật quốc gia), bao gồm cả việc giám sát của nhân dân đối với công tác cán bộ. Tuy nhiên cũng cần tránh những luận điểm xuyên tạc lợi dụng dân chủ để công kích, chống phá Nhà nước, chống phá chế độ,

"Các cơ quan chức năng, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, giúp nhân dân thấy rõ quyền lợi của mình, tự giác thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và quyền dân chủ trực tiếp theo đúng quy định của pháp luật".

5. KẾT LUẬN.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân là nhân tố quyết định tạo sự đồng thuận xã hội. "Ngược lại, nơi nào thiếu dân chủ, chỉ áp đặt và mệnh lệnh, thì nơi đó sẽ thiếu sức sống, bằng mặt không bằng lòng, mất đoàn kết, bè phái, công việc không thể đạt hiệu quả cao". "Do vậy, các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cần tiếp tục quán triệt sâu sắc, nhận thức đầy đủ và toàn diện các quan điểm chỉ đạo của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ"; "tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ tại từng địa phương, cơ quan, đơn vị đảm bảo thực chất và hiệu quả; là động lực phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo tốt hơn cho đời sống, lợi ích, hạnh phúc của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội, sống có văn hoá, nghĩa tình, bảo đảm an ninh, an sinh xã hội, tạo động lực cho các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, tham gia phát triển đất nước nói chung và từng địa bàn, cơ quan, đơn vị nói riêng". Cần nhấn mạnh tư tưởng của Hồ Chí Minh "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát" phải trở thành phương châm vận động quần chúng, đảm bảo mọi chính sách, pháp luật phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Dân chủ nhưng phải tỉnh táo đối với những luận điểm xuyên tạc chống phá.

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ VẬN DỤNG TRONG CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN THEO HƯỚNG TỰ CHỦ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC MỚI.

ThS. Nguyễn Chí Dũng

Phòng Quản lý khoa học - Trường ĐH Kinh tế quốc dân

Email: dungnc@neu.edu.vn

Tóm tắt: *Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc ta, được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Tinh thần yêu nước, trọng nhân nghĩa, đùm bọc lẫn nhau đã thấm sâu vào tình cảm và hành động của mỗi người dân đất Việt trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Đại đoàn kết toàn dân tộc đã tạo nguồn sức mạnh, lập nên những kỳ tích vẻ vang, là điều kiện cơ bản cho sự thành công sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây, cũng như công cuộc đổi mới xây dựng, phát triển đất nước ngày nay. Là đơn vị đào tạo bậc cao, việc quán triệt và vận dung quan điểm của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường Đại học Kinh tế quốc dân có vai trò vô cùng quan trọng, giúp nhà trường phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết, thực hiện thành công những mục tiêu đặt ra trong giai đoạn mới.*

Từ khóa: *Hồ Chí Minh, Đại đoàn kết, Đại học Kinh tế Quốc dân.*

1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là một hệ thống những luận điểm, nguyên tắc, phương pháp giáo dục, tập hợp và tổ chức cách mạng tiến bộ, nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nói một cách khác, đó là tư tưởng xây dựng, củng cố, mở rộng lực lượng cách mạng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

1.1. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc trong Tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược lâu dài và xuyên suốt tiến trình cách mạng. Đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ có ý nghĩa trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, mà còn có ý nghĩa cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, trong thời đại mới, để đánh bại các thế lực đế quốc thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, nếu chỉ có tinh thần yêu nước thì chưa đủ. Cách mạng muốn thành công và thành công "đến nơi", phải tập hợp tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc một cách bền vững.

1.2. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược, mà còn là mục đích của cách mạng. Chính vì thế, theo Người, đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách tới hoạt động thực tiễn của Đảng.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi giai đoạn cách mạng.

1.3. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là toàn thể nhân dân, tất cả những người Việt Nam yêu nước. Đứng trên lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng, Hồ Chí Minh đề cập vấn đề nhân dân một cách rõ ràng, toàn diện. Nội hàm về nhân dân có biên độ rất rộng, Hồ Chí Minh thường dùng khái niệm này để chỉ "Mọi con dân nước Việt", "Mỗi một người con Rồng cháu Tiên", không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, không phân biệt "già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện".

1.4. Đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất có tổ chức là Mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng

Theo Hồ Chí Minh hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là mặt trận dân tộc thống nhất. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp với từng giai cấp, tầng lớp, từng giới, từng ngành nghề, từng lứa tuổi, từng tôn giáo. Đó là các hội ái hữu, tương trợ, công hội, nông hội, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng, hội phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước, các nghiệp đoàn, ... nhưng bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất chính là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp mọi người dân nước Việt Nam, không chỉ ở trong nước mà còn cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Một là, làm tốt công tác vận động quần chúng (dân vận)

Hồ Chí Minh coi đại đoàn kết như một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu. Để thực hiện mục tiêu đó thì phải làm tốt công tác vận động quần chúng. Vận động quần chúng để thu hút quần chúng chính là để đoàn kết mọi người, tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá.

Hai là, thành lập các đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.

Theo Hồ Chí Minh, để tập hợp quần chúng nhân dân một cách có hiệu quả, cần phải tổ chức ra các đoàn thể, tổ chức quần chúng. Đây là những tổ chức để tập hợp, giáo dục, rèn luyện quần chúng cho phù hợp với từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, vùng miền...như các tổ chức: Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, ... Các đoàn thể, tổ chức quần chúng có nhiệm vụ giáo dục, động viên và phát huy tính tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn.

Ba là, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể, tổ chức quần chúng hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, càng chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng và Mặt trận dân tộc thống nhất là sợi dây gắn kết Đảng với nhân dân.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc trong phát triển Đại học Kinh tế Quốc dân theo hướng tự chủ và cơ cấu tổ chức mới

2.1. Bối cảnh tự chủ đại học và cơ cấu tổ chức mới tại Đại học Kinh tế quốc dân

Cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường ở nước ta, hoạt động đào tạo của các trường đại học công lập cũng chịu sự tác động của cơ chế thị trường. Thực tiễn phát triển giáo dục đại học ở những nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực đã cho thấy, tự chủ đại học là xu hướng tất yếu.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được thành lập năm 1956. Trường đào tạo cả ba bậc học: Đại học, cao học và tiến sỹ. Lĩnh vực đào tạo chủ yếu của trường là: Kế toán, ngân hàng tài chính, quản trị kinh doanh, thương mại, du lịch, marketing, quản lý kinh tế, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển… . Trường được giao tự chủ vào ngày 17 tháng 3 năm 2015, là một trong các trường đại học được giao tự chủ sớm nhất trong số các trường đại học công lập. Khi chuyển sang tự chủ, trường ngày càng ít lệ thuộc vào nguồn thu từ NSNN. Khoản thu từ NSNN trong 2 năm trở lại đây chiếm khoảng 2% tổng thu của trường. Nguồn thu từ NSNN hàng năm chủ yếu là cấp chi miễn giảm học phí, hỗ trợ kinh phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số và chi thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên như đào tạo lưu học sinh diện Hiệp định Lào - Campuchia và Hiệp định khác, kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học.

Trong năm 2023, Trường đã tiến hành xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, từng bước thực hiện chiến lược phát triển thành Đại học Kinh tế Quốc dân. Theo đó, hoàn thành Đề án mô hình Đại học Kinh tế Quốc dân; Hoàn thành Đề án thành lập Trường Công nghệ, Trường Kinh doanh, Trường Kinh tế và Quản lý công; Triển khai xây dựng đề án thành lập Trường Tiên tiến - Xuất sắc, Trường

Quốc tế thuộc Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường cũng đã hoàn thành công tác xây dựng đề án Phát triển Ngành công nghệ thông tin (CNTT) phù hợp với việc thành lập Trường Công nghệ quản lý và hoàn thành công tác xây dựng Đề án phát triển các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa, giải trí gắn với kinh doanh du lịch.

Tính đến hết tháng 12/2023, tổng số viên chức, người lao động hưởng lương từ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là: 1035 người, trong đó có 18 Giáo sư, 113 Phó Giáo sư, 317 Tiến sĩ (không có học hàm GS hoặc PGS), 427 Thạc sĩ, 108 Đại học và 52 trình độ khác.

Trường đã hoàn thành kiểm định và đạt chuẩn chất lượng đối với các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn trong nước. Trong đó thực hiện hợp đồng kiểm định chất lượng 5 Chương trình đào tạo gồm Bảo hiểm, Thống kê, Luật, Ngôn ngữ anh, Kinh tế nông nghiệp với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam; hoàn thành tự đánh giá chất lượng đối với 2 chương trình đào tạo hệ từ xa kiểm định theo tiêu chuẩn trong nước (Thông tư 39/2020/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành) và 08 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn ACBSP, Hoa Kỳ bao gồm: 01 chương trình tiên tiến (Kinh doanh quốc tế); 04 chương trình chất lượng cao (Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Kinh tế phát triển và Tài chính doanh nghiệp) và 03 chương trình định hướng ứng dụng POHE (Truyền thông Marketing, Kinh doanh thương mại và Luật kinh doanh)... Hiện Trường đã hoàn thành đánh giá ngoài đối với công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của tổ chức FIBAA, Thụy Sỹ, và theo kế hoạch, tháng 3/2024, Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục của Tổ chức FIBAA sẽ họp để thông qua kết quả kiểm định chất lượng của Trường. Bên cạnh đó, Trường đã đăng ký và trở thành thành viên của mạng lưới các trường đại học trên thế giới thực hiện kiểm định chất lượng trường theo tiêu chuẩn của tổ chức AACSB, Hoa Kỳ. Bước đầu nghiên cứu bộ tiêu chuẩn và đánh giá sơ bộ các hoạt động của Trường theo tiêu chuẩn của tổ chức AACSB.

Hết năm 2023, Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã có 20 chương trình đào

tạo đạt chuẩn chất lượng quốc tế, trong đó có 01 chương trình đào tạo đạt chuẩn chất lượng của tổ chức CPA (Australia), 19 chương trình đạt chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn của ACBSP (Hoa Kỳ). Trường hiện là trường công lập đầu tiên và là trường đại học duy nhất trong khối các trường kinh tế có 19 chương trình đại học đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế ACBSP- nhiều nhất cả nước.

Năm 2023 Trường tham gia xếp hạng đại học The University Impact Ranking của tổ chức xếp hạng giáo dục Times Higher Education. Kết quả xếp hạng mặc dù không tăng nhóm bậc xếp hạng, nhưng điểm số đã cải thiện so với năm 2022 và nhưng điểm số đã tiếp cận nhóm xếp hạng cận trên. Đến tháng 11/2023, Trường đã hoàn thiện và cung cấp hồ sơ, minh chứng cho tổ chức xếp hạng, phục vụ công tác xếp hạng năm 2024.

2.2 Khái quát việc thực hiện tư tưởng đại đoàn kết tại Đại học Kinh tế Quốc dân

Để phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh trong công việc dạy và học, Đảng uỷ Trường thường xuyên lãnh đạo các cán bộ, Đảng viên, quần chúng và sinh viên đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội Đảng và Đảng bộ trường, triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống, nếp sống, giáo dục truyền thống. Đặc biệt triển khai học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua cuộc thi học và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 2023 do Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức. Trường cũng tích cực đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng trong viên chức, người lao động chủ động nắm bắt những chủ trương chính sách mới của Đảng, Nhà nước, của Ngành, theo dõi những thay đổi trong cơ chế để kịp thời triển khai các chủ trương, chính sách đến Đảng viên, viên chức, người lao động toàn trường.

Nhiều hoạt động phát huy đoàn kết toàn dân đã được tập thể sư phạm Nhà trường triển khai và đã mang lại được nhiều hiệu ứng tích cực như: triển khai tốt công tác tri ân, hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà cho cán bộ viên chức có hoàn cảnh đặc

biệt khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán; Động viên, thăm hỏi các cán bộ, người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, đau ốm, bệnh hiểm nghèo; Tặng quà gia đình thương binh, liệt sỹ nhân dịp ngày 27/7; phối hợp với các cấp tổ chức khánh thành nhà "Nghĩa tình đồng đội" cho hội viên Hội Cựu chiến binh huyện Chương Mỹ - TP.Hà Nội; Tổ chức các hoạt động chăm lo cho con em cán bộ, viên chức người lao động trong trường, tuyên dương khen thưởng, tặng quà động viên các cháu nhân dịp tết Trung thu, ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6; Kêu gọi toàn trường ủng hộ một ngày lương hưởng ứng cuộc vận động "Hỗ trợ giáo dục vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn" của Công đoàn giáo dục Việt Nam; Tham gia công tác ủng hộ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa tại Lạng Sơn; đóng góp xây dựng nhà công vụ cho giáo viên Trường THPT Bình Trung - Chợ Đồn - Bắc Kạn; tổ chức Chương trình "Tết Sum vầy - Xuân bình an" năm 2023 và tặng quà cho Đại học Tây Bắc...

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao dành cho viên chức, người lao động tiếp tục được Công đoàn Trường quan tâm, duy trì, tao sự đoàn kết giữa các đơn vị, các thành viên trong trường như: Tổ chức chương trình du xuân cho cán bộ viên chức, người lao động tháng 2 năm 2023 tại Thái Nguyên; Tổ chức hoạt động Lớp nhảy Dance Sport cho viên chức, người lao động năm 2023; Tổ chức Chương trình "Gặp gỡ tháng 10 - Phụ nữ NEU xinh đẹp, thành công và hạnh phúc"; Tổ chức các giải thi đấu thể thao truyền thống năm 2023 gồm các môn thi đấu: Bóng đá nam, Tennis, Cầu lông, Bóng bàn, Cờ vua, cờ tướng cho toàn thể viên chức, người lao động; Tổ chức Chương trình liên hoan văn nghệ với chủ đề "Giai điệu trái tim" năm 2023...

Mạng lưới cựu học viên, sinh viên không chỉ tạo sự gắn kết, tinh thần tương trợ cùng phát triển mà còn là nguồn động viên tinh thần giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường. Tính đến thời điểm hiện tại website NEU Alumni đã có hơn 34.000 thành viên tham gia. Kiện toàn và thành lập các Ban liên lạc Cựu học viên, sinh viên như Cựu học viên, sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh; Cao học Khóa 29, Thạc sĩ Điều hành Executive MBA

Khóa 8, Khóa 9… Các Câu lạc bộ cựu sinh viên tổ chức các giải thể thao giao hữu với nhiều quy mô theo Khóa, Tỉnh, Vùng miền…như Golf, Bóng đá, Tennis, Running. Kết nối mạng lưới cựu học viên, sinh viên của trường nhằm tạo ra khối đoàn kết, tạo động lực xây dựng và phát triển nhà trường.

2.3 Một số giải pháp nhằm phát huy khối đại đoàn kết tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Một là, tập thể sư phạm nhà trường quán triệt và thực hiện nghiêm túc những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng về đoàn kết trong Đảng. Mỗi đảng viên cần thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, như: Quy định số 08 - QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị "Về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ"… Trên cơ sở đó, có sự thống nhất cao về ý chí, quyết tâm và ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên để gương mẫu, tự giác trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các kết luận và quy định của Đảng trên mỗi cương vị công tác, lĩnh vực phụ trách; mỗi đơn vị cần thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước vào từng lĩnh vực, hoạt động dạy và học để xây dựng chương trình kế hoạch hành động phù hợp, hiệu quả, khơi dậy tinh thần đổi mới, sáng tạo, hết lòng, hết sức vì sự nghiệp cách mạng chung của Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng tại đơn vị mình.

Hai là, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Những nguyên tắc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng để củng cố, giữ vững đoàn kết trong mọi hoạt động, tăng sức mạnh, vị thế, uy tín của tổ chức cơ sở đảng trong quản lý, giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Theo

tinh thần này, đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ chủ trì các đơn vị phải nắm chắc những chỉ thị, quy định, văn bản, hướng dẫn của Đảng và Nhà nước về các nội dung có liên quan đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị như: công tác cán bộ, chế độ, chính sách cho cán bộ, sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ theo tiêu chuẩn, quy định của Đảng; nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò của trí tuệ tập thể nhưng có sự phân công cá nhân phụ trách; thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình; đánh giá đảng viên, kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên; quản lý đảng viên sinh hoạt ở nơi cư trú…

Ba là, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên và người đứng đầu. Mỗi cán bộ, đảng viên, viên chức, nhất là người đứng đầu phải phát huy tính tiền phong gương mẫu của mình, chấp hành nghiêm đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nói và làm theo đúng Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng; cán bộ chủ trì ở mỗi đơn vị là hạt nhân, trung tâm của đoàn kết, nơi quy tụ, tập hợp sức mạnh của đông đảo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vào thực hiện các nhiệm vụ được giao; giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, dám làm, dám nhận trách nhiệm đối với khuyết điểm, hạn chế của cấp dưới. Xây dựng phong cách làm việc dân chủ và quyết đoán của người lãnh đạo, chỉ huy cơ quan, đơn vị, địa phương; việc gì có lợi cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thì phải làm, việc gì không có lợi thì phải tránh.

Luôn tôn trọng, lắng nghe ý kiến của cấp dưới và giải quyết hài hòa các mối quan hệ, bảo đảm chủ trương, biện pháp của lãnh đạo, chỉ huy cơ quan, đơn vị, địa phương đưa ra đều nhận được sự đoàn kết, ủng hộ nhất trí của cấp dưới, không phán xét chủ quan và phải đánh giá công tâm, khách quan, không thiên vị khi đánh giá năng lực làm việc, phẩm chất đạo đức, lối sống của cấp dưới… Người đứng đầu phải phát huy được ưu điểm, thế mạnh của cấp dưới; đồng thời uốn nắn, nhắc nhở, chấn chỉnh và xử lý kịp thời những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có tư tưởng gây chia rẽ nội bộ, mất đoàn kết, vì lợi ích nhóm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Bốn là, đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho sinh viên; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng văn hóa học đường, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thực sự gương mẫu, là tấm gương cho sinh viên, học viên noi theo.

Ý nghĩa tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là tư tưởng lớn, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc với cách mạng nước ta, với từng tổ chức và cá nhân. Sống, học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức của Người, góp phần xây dựng nước nhà ngày một giàu đẹp, dân chủ, văn minh. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là cơ sở giáo dục đại học nên việc đoàn kết là vô cùng quan trọng, là nền tảng giúp cho nhà trường có thể phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công"

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Trung cấp Lý luận Chính trị Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh – NXB Lý luận Chính trị.

2. Đại học Kinh tế quốc dân, Báo cáo hội nghị viên chức, người lao động 2023, 2024.

3. http://www.cpv.org.vn

4. https://hcma.vn

5. http://www.hocviencanbo.hochiminhcity.gov.vn/

6. http://www.tapchicongsan.org.vn

QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ KHU VỰC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hiếu

Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Địa chỉ email: hieunt@neu.edu.vn

Tóm tắt: *Trong thế giới đương đại biến động vô cùng phức tạp, khoa học công nghệ phát triển hết sức nhanh chóng, có một số tư tưởng xét lại chủ nghĩa Mác - Lênin. Do đó, việc khai thác, khẳng định những đóng góp khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin là hết sức cần thiết. Bài viết này trình bày khái quát quan điểm của V.I.Lênin về nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở khái quát sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin trong quá trình Đổi mới ở Việt Nam, Tác giả tìm hiểu tình hình đầu tư của khu vực này vào Việt Nam; phân tích thành tựu, hạn chế; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong thời gian tới.*

Từ khóa: *đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, Việt Nam, V.I.Lênin*

1. Quan điểm của V.I.Lênin về nền kinh tế nhiều thành phần

Chính sách kinh tế mới (NEP) đã được nhất trí thông qua tại Hội nghị lần thứ XI của Đảng Cộng sản Nga tháng 2 năm 1921. Nền kinh tế nước Nga đầu thế kỷ XX được xác định có năm thành phần kinh tế: Kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, Sản xuất hàng hoá nhỏ, Chủ nghĩa tư bản tư nhân, Chủ nghĩa tư bản nhà nước và Chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin chỉ rõ trong nền kinh tế của nước Nga thời kỳ đó "*có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội*"[1].

[1] V.I.Lênin. Toàn tập, t.43. Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr.248

Để thoát khỏi tình trạng vô cùng tồi tệ sau nội chiến, V.I.Lênin phê phán quan điểm phủ nhận sạch trơn, định kiến. Ông xác định nước Nga Xôviết cần thiết phải sử dụng chủ nghĩa tư bản trong nước, chủ nghĩa tư bản nước ngoài; khi cần phải học tập cái tốt, cái hay của các nước phát triển. Ông quan niệm: "*Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các tơrớt ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. + + = tổng số = chủ nghĩa xã hội*"[2]. Ông đã xác định vị trí cần thiết của thành phần kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước đối với nền kinh tế nước Nga: "*Chủ nghĩa tư bản nhà nước về kinh tế cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế hiện nay của nước ta… Chủ nghĩa tư bản nhà nước không có gì là đáng sợ đối với Chính quyền Xôviết, vì nước Xôviết là một nước mà trong đó chính quyền của công nhân và nông dân nghèo đã được bảo đảm*"[3]. Sau hơn 3 năm thực hiện NEP, nước Nga Xô - viết thoát khỏi khủng hoảng, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, tình hình chính trị - xã hội dần dần được ổn định.

2. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam về khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Vận dụng chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin đúng đắn, phù hợp với bối cảnh kinh tế ở Việt Nam, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đã đưa ra quan điểm về nền kinh tế theo cơ cấu nhiều thành phần: "*Đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, tăng cường nguồn tích luỹ tập trung của nhà nước và tranh thủ vốn ngoài nước, cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác*"[5]. Nghị quyết Đại hội VI chỉ rõ những năm tới "*phải tranh thủ các nguồn vốn bên ngoài với các mức cao nhất*"[6].

Đại hội IX (năm 2001) lần đầu tiên đưa ra khái niệm "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" và xác định đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Có thể thấy, kinh tế thị trường

---

[2] V.I.Lênin. Toàn tập, t.36. Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr.684.
[3] V.I.Lênin. Toàn tập, t.43. Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr.252.
[5] , Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, H, tr. 56
[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, H, tr.193

định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã xác định khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế và nhấn mạnh: "*Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào nước ta, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu và sản phẩm công nghệ cao*"[7].

Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục khẳng đinh quan điểm phát triển '*'Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*''[8].

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được tiếp tục xác định là '*'một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.*''[9]. Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội XIII còn nhấn mạnh sự chuyển đổi chiến lược của Việt Nam trong giai đoạn tới ''Chuyển trọng điểm *chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng;* ưu tiên các *dự án có công nghệ hiện đại, công nghệ và giá trị gia tăng cao, mô hình quản trị hiện đại*, có tác động lan tỏa, kết nối với khu vực kinh tế trong nước"[10]. Sau hơn 35 năm đổi mới, nhất quán với chính sách kinh tế nhiều thành phần và phát huy vai trò của khu vực kinh tế có

---

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 2001, tr.321

[8] Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.128-129.

[9] Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.130.

[10] Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 46.

vốn từ nước ngoài, Việt Nam đã đạt những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực. Điều đó đã khẳng định chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cần thiết và đúng đắn.

3. Thực trạng phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam

Luật Đầu tư nước ngoài được Quốc hội thông qua năm 1987 là dấu mốc quan trọng mở cửa thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã được sửa đổi và bổ sung vào các năm: 1990, 1992, 1996 và năm 2000. Từ sự định hướng của Đảng trong bối cảnh mới, Quốc hội, Chính phủ Việt Nam đã sửa đổi và ban hành Luật Đầu tư năm 2005, năm 2014, năm 2020. Theo đó, Nhà đầu tư nước ngoài là "*cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam*"[11] (khoản 19 Điều 3).

3.1. Thành tựu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam

***Thứ nhất,* khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò lớn trong đầu tư toàn xã hội tại Việt Nam, đóng góp quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**

Với chủ trương mở cửa nền kinh tế, sau khi Nhà nước ban hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (năm 1987), trong điều kiện Mỹ cấm vận Việt Nam thì nhiều đối tác thuộc các nước Nhật Bản; Pháp; Canada ... vẫn tiến hành hoạt động đầu tư vào nước ta.

Hợp tác đầu tư nước ngoài mới thực sự phát triển với tốc độ nhanh từ đầu những năm 1990. Đến cuối năm 2001, đã có 3.672 dự án được cấp giấy phép với vốn đầu tư đăng ký 41.603,8 triệu USD, vốn pháp định 19.617,8 triệu USD. Đầu tư nước ngoài đã có mặt hầu hết ở các ngành, lĩnh vực hoạt động (trừ các ngành, lĩnh vực liên quan đến an ninh quốc phòng).

FDI đóng vai trò lớn trong đầu tư toàn xã hội tại Việt Nam. Cụ thể, vốn FDI chiếm 13,1% tổng vốn đầu tư xã hội vào năm 1990 và tăng mạnh lên mức 32,3% trong năm 1995, năm 2000 chiếm 20%. Tỷ lệ này đã giảm dần trong giai đoạn

[11] Quốc Hội (2020), Luật Đầu tư số: 61/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020

1996-2000, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính khu vực và trong giai đoạn 2001 - 2010, chiếm khoảng 16% tổng vốn đầu tư xã hội. Trong giai đoạn 2011 - 2020 bình quân vốn FDI thực hiện hàng năm chiếm khoảng 22% vốn đầu tư xã hội.

Bảng 1: Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép và đóng góp trong GDP

Năm	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (triệu USD)	Tổng số vốn thực hiện (triệu USD)	Tỷ trọng FDI/GDP (%)	Tốc độ tăng GDP (%)
2013	1530	22352,2	11500,0	17,36	5,43
2014	1843	21921,7	12500,0	17,89	5,98
2015	2120	24115,0	14500,0	18,07	6,68
2016	2613	26890,5	15800,0	18,59	6,21
2017	2741	37100,6	17500,0	19,63	6,81
2018	3147	36368,6	19100,0	19,54	7,08
2019	4028	38951,7	20380,0	19,91	7,02
2020	2610	31045,3	19980,0	20,00	2,91
2021	1818	38854,3	19740,0	20,24	2,58
2022	2036	27720	22400	20,46	8,02

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Từ chỗ hầu như không có mặt trong chỉ tiêu thống kê quốc gia, loại hình kinh tế này đóng góp quan trọng vào GDP của đất nước, làm thay đổi căn bản cơ cấu GDP: đóng góp của khối FDI vào tăng trưởng kinh tế đã tăng lên từ 2,1% năm 1989 lên 22,3% năm 2020.

Theo WB, năm 1986, với dân số 61 triệu người, GDP đạt 26,34 tỷ USD thì đến năm 2021 dân số đã xấp xỉ 100 triệu, GDP đạt 366,1 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm cao trong khu vực cũng như trên thế giới. Theo Tổng cục Thống kê, đến năm 2022, GDP bình quân đầu người đạt hơn 4.000 USD.

***Thứ hai,* xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, đóng góp vào thặng dư cán cân thương mại của Việt Nam.**

Thời kỳ 1989-1996, xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong kim ngạch xuất khẩu đạt 26,3% thì trong giai đoạn 2016-2020 chiếm 70,5%. Trong đó, năm 2020 là 202,85 tỷ USD, chiếm 71,7%; xuất siêu đạt 33,845 tỷ USD. Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của khu vực này đạt 246,7 tỷ USD và chiếm 73,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, xuất siêu gần 28,5 tỷ USD.

Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023 xuất khẩu (không kể dầu thô) của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt hơn 256,9 tỷ USD, chiếm 72,6% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Xuất khẩu (kể cả dầu thô) của khu vực này đạt gần 258,8 tỷ USD, chiếm 73,1% kim ngạch xuất khẩu. Tuy kim ngạch xuất khẩu giảm trong năm 2023, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn xuất siêu gần 46,9 tỷ USD (không kể dầu thô) và gần 48,8 tỷ USD (kể cả dầu thô) (Tổng cục Thống kê, 2023).

Đầu tư nước ngoài còn có tác dụng thúc đẩy các thành phần kinh tế khác ở Việt Nam phát triển; tạo ra năng lực mới cho các ngành kỹ thuật cao như điện tử, tin học, ôtô...

***Thứ ba,* khu vực có vốn đầu tư nước ngoài góp phần giải quyết việc làm và đem lại nguồn thu nhập quan trọng cho người lao động**

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại thời điểm 31/12/2021, doanh nghiệp FDI thu hút 5,2 triệu lao động, chiếm 35,3% trong tổng số lao động khu vực doanh nghiệp. So với bình quân giai đoạn 2016-2020, doanh nghiệp FDI là khu vực duy nhất có số lượng lao động tăng, tăng 11,3%; doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có số lao động giảm lần lượt là 2,2% và 14,8%. Mức thu nhập bình quân tháng một lao động trong năm 2021 của doanh nghiệp FDI là 11,2 triệu đồng, doanh nghiệp nhà nước với 15,8 triệu đồng, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 9 triệu đồng.

Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu hút 5,1 triệu lao động, chiếm gần 10% trong tổng lực lượng lao động (trên 54 triệu lao động), chiếm 20% trong tổng lao động làm công ăn lương (25,3 triệu người) ở Việt Nam. Bên cạnh tạo việc làm trực tiếp, khu vực FDI cũng gián tiếp tạo việc làm cho nhiều triệu lao động trong các ngành công nghiệp phụ trợ hay các doanh nghiệp khác nằm trong chuỗi cung ứng hàng hoá cho các doanh nghiệp FDI.

Bảng 2: Việc làm và thu nhập của lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Năm	Số lao động đang làm việc trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (nghìn người)	Thu nhập của lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài so với tổng thu nhập (%)
2011	2098,6	24,30
2012	2249.8	27,32
2013	2518,3	29,99
2014	2868,1	30,54
2015	3197,8	31,62
2016	3591	33,71
2017	4207,8	33,55
2018	4541,2	35,13
2019	4768,4	35,23
2020	4733,8	38,32
2021	4586,3	-
2022	5090	-

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

3.2. Một số vấn đề đặt ra

***Thứ nhất,* hiệu quả sử dụng vốn và lao động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn thấp**

Trong năm 2020, 2021, hệ số ICOR của khu vực này rất cao tương ứng là 14,3 và 15,5. Năm 2021, có 22.610 doanh nghiệp FDI, chiếm 3,1% số doanh

nghiệp cả nước. Trong đó, doanh nghiệp kinh doanh có lãi chiếm 50,1%; doanh nghiệp kinh doanh hòa vốn chiếm 2,8%; doanh nghiệp kinh doanh lỗ chiếm 47,1%.

Năm 2021, hiệu suất sử dụng lao động của doanh nghiệp FDI thấp nhất với 13,54 lần; doanh nghiệp ngoài nhà nước có hiệu suất sử dụng lao động cao nhất đạt 19,06 lần, tiếp đến là doanh nghiệp nhà nước 18,15 lần (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023).

***Thứ hai,* số nộp ngân sách của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chưa tương xứng với ưu đãi**

Trong giai đoạn 2011 - 2015, khu vực này đóng góp khoảng 12,65%; giai đoạn 2016 - 2022 là 13,8% tổng thu ngân sách nhà nước. Tính riêng ba năm 2020 - 2022, số thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 7,5% - 8,5% tổng số thu ngân sách nội địa.

Bảng 3: Đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vào ngân sách nhà nước

Năm	Tổng thu (Tỷ đồng)	Đóng góp của khu vực FDI	
		Mức đóng góp (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
2010	599.974	64.915	10,82
2012	734.883	82.546	11,23
2014	877.697	123.802	14,11
2016	1.131.498	162.934	14,40
2018	1.431.662	190.309	13,29
2019	1.553.611	212.199	13,66
2020	1.510.579	209.090	13,84
2021	1.591.411	217.259	13,65
2022	1.815.470	243.425	13,41

Nguồn: Tổng cục Thống kê

***Thứ ba*, đa số doanh nghiệp FDI còn sử dụng công nghệ lạc hậu**

Mục tiêu quan trọng nhất của thu hút đầu tư FDI chính là chuyển giao công nghệ. FDI luôn được nhìn nhận là khu vực kinh tế hiện đại - năng động nhất, có năng lực sử dụng công nghệ, máy móc hiện đại so với các khu vực kinh tế khác. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 85% doanh nghiệp FDI đang sử dụng công nghệ lạc hậu, chiếm một tỷ lệ khá cao theo các chuyên gia.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường hàng năm tỷ lệ khá cao. Theo kết quả thanh tra của Tổng cục Môi trường, nhiều doanh nghiệp có hệ thống xử lý chất thải, nhưng dùng thủ đoạn tinh vi, lén lút xả thải ra môi trường. Họ xây dựng hệ thống xả thải bí mật, phức tạp, được ngụy trang bằng hệ thống đạt tiêu chuẩn nên rất khó phát hiện, như vụ Công ty Vedan Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn Miwon,....

Bảng 4: Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2022

	Tổng số khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động (Khu)	Số lượng các khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (Khu)	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)
Cả nước	293	266	90,8
Đồng bằng sông Hồng	72	68	94,4
Trung du và miền núi phía Bắc	22	18	81,8
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	50	37	74,0
Tây Nguyên	7	5	71,4
Đông Nam Bộ	100	100	100,0
Đồng bằng sông Cửu Long	42	38	90,5

Tổng cục Thống kê (2023), Niên giám thống kê năm 2022

4. Một số giải pháp phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hàng lang pháp lý

Rút ngắn thời gian chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất có quy mô sử dụng đất dưới 500 ha; các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 200 ha. Phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án cho Bộ kế hoạch và đầu tư, UBND cấp tỉnh.

Thống nhất quy định giữa pháp luật đầu tư và pháp luật đất đai trong việc quyết định chủ trương thực hiện dự án với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Giải quyết vướng mắc về thủ tục đầu tư giữa Luật Đầu tư với Luật Đất đai, Luật Đấu thầu; giữa Luật Đầu tư và Luật nhà ở liên quan đến chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý doanh nghiệp FDI

Cần quy định chặt chẽ hơn, tránh tính trạng kê khai thuế thấp (thuế thu nhập cá nhân, thuế lợi tức cuối năm, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài,…) để giảm hoặc không phải nộp thuế.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại các doanh nghiệp FDI; đôn đốc thu nợ; hoàn thiện hồ sơ chuyển cơ quan Công an những doanh nghiệp FDI cố tình nợ, trốn đóng BHXH để điều tra, xác minh, khởi tố, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Xử lý nghiêm các doanh nghiệp FDI có hành vi trốn thuế, lừa đảo, buôn lậu.

Thứ ba, đẩy mạnh thu hút FDI gắn với bảo vệ môi trường

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, qui định về bảo vệ môi trường theo hướng rõ ràng hơn và ổn định hơn. Tránh chồng chéo trong giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định của doanh nghiệp FDI, tăng tính hiệu quả của kiểm tra, giám sát, cần có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý môi trường như: Sở Tài nguyên và Môi trường, cảnh sát môi trường, ban quản lý các khu công nghiệp...

Hoàn thiện bộ tiêu chí chọn lọc các dự án FDI đầu tư vào Việt Nam sử dụng ít tài nguyên đất đai, ít năng lượng hơn nhưng hiệu quả đầu tư cao hơn.

Cần ưu tiên thu hút FDI vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại.

Kết luận

Vận dụng sáng tạo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác Lênin về nền kinh tế nhiều thành phần, Đảng và Nhà nước ta đã có những quyết sách, chủ trương đúng đắn phát huy mọi nguồn lực phát triển kinh tế xã hội. Không thể phủ nhận vai trò quan trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cần tiếp tục giải quyết những vướng mắc, hạn chế còn tồn tại để phát huy hơn nữa hiệu quả kinh tế xã hội của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), *"Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2023",* Nhà xuất bản Thống kê, *https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2024/01/Sach-trang-Doanh-Nghiep-2023.pdf*

2) Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, H, tr.56, 193.

3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 2001, tr.321

4) Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 46, tr.128-129, tr.130.

5) Quốc Hội (2020), Luật Đầu tư số: 61/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020

6) Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê một số năm, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

7) Tổng cục Thống kê (2023), Niên giám thống kê năm 2022, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

8) V.I.Lênin. Toàn tập, t.27, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, năm xuất bản: 2005, trang 455 https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/book/v-i-lenin/tac-pham/lenin-toan-tap-tap-27-54

9) V.I.Lênin. Toàn tập, t.36. Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr.684.

10) V.I.Lênin. Toàn tập, t.43. Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tr.248, tr.252.

NHẬN DIỆN HÀNH VI LỆCH CHUẨN TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS. Cao Quốc Quang

Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Email: quangcq@neu.edu.vn

Tóm tắt: *Hành vi lệch chuẩn là hành vi lệch khỏi các quy tắc chuẩn mực của nhóm hay xã hội. Trong môi trường giáo dục đại học vẫn còn tồn tại những hành vi chưa chuẩn mực cần phải nhận diện và bài trừ. Bài viết đề cập đến quan niệm lệch chuẩn, các biểu hiện lệch chuẩn trong môi trường giáo dục đại học từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm phòng ngừa, chấn chỉnh những biểu hiện, hành vi lệch lạc. Giải pháp cần triển khai từ nhiều phía: từ phía nhà trường (3 giải pháp), từ phía giảng viên (3 giải pháp), từ đó mới góp phần ngăn ngừa hành vi không chuẩn mực, tạo môi trường sư phạm lành mạnh, an toàn và thân thiện.*

Từ khóa: *hành vi lệch chuẩn; giảng viên; sinh viên; giáo dục đại học.*

Đặt vấn đề

Khi xã hội ngày càng phát triển, thông tin ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của bất cứ một cá nhân nào. Bên cạnh những mặt tích cực của thông tin đem lại thì cũng có những mặt trái của thông tin cần phải được nhận diện và ngăn chặn. Một trong những vấn đề nổi cộm hiện nay mà cả xã hội đang phải đối mặt chính là những tác động tiêu cực của thông tin ảnh hưởng đến phẩm chất, đạo đức, lối sống của con người, nhất là đối với giới trẻ. Những hành vi lệch lạc, lệch chuẩn trong xã hội hay trên không gian mạng xuất hiện thường xuyên đôi khi làm thay đổi hành vi của giới trẻ, họ coi đó mới là chuẩn mực và thần tượng những người thực hiện các hành vi đó. Những cái tên như Khá "Bảnh", Huấn "hoa hồng" hay "thánh chửi" Dương Minh Tuyền đều

không còn xa lạ với các bạn trẻ hiện nay.[1] Đây đều là những hiện tượng mạng có quá khứ bất hảo, tiền án, tiền sự cũng như nhiều phát ngôn gây sốc với những video clip có nội dung bạo lực như đánh người, đòi nợ thuê. Thế nhưng, đây đều là "thần tượng" của khá nhiều các bạn trẻ.

Môi trường giáo dục đại học là nơi sẽ đào tạo ra những chủ nhân tương lai của đất nước nên đòi hỏi sinh viên không chỉ có tri thức, có trí tuệ, có năng lực mà phải có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt để trở thành người có ích cho xã hội. Muốn vậy, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường sinh viên phải được trang bị những kiến thức để hiểu biết và nhận diện những hành vi lệch lạc để phòng chống, bài trừ và phê phán đồng thời lan toả những việc làm tích cực trong cộng đồng. Bên cạnh đó, giảng viên cũng đóng vai trò quan trọng để tạo ra một môi trường sư phạm chuẩn mực trong các nhà trường. Bài viết dưới đây sẽ đề cập đến hành vi lệch chuẩn, các biểu hiện của hành vi lệch chuẩn trong môi trường giáo dục đại học và một số khuyến nghị nhằm nâng cao vai trò của các trường đại học trong việc nhận diện, ngăn chặn và bài trừ các hành vi lệch chuẩn trong môi trường học đường.

1. Hành vi lệch chuẩn

Có nhiều quan điểm khác nhau về hành vi lệch chuẩn như: "Bất kỳ hành vi nào không phù hợp với mong đợi của một nhóm hoặc của xã hội là hành vi lệch chuẩn. Nói cách khác, hành vi lệch chuẩn là hành vi lệch khỏi các quy tắc chuẩn mực của nhóm hay xã hội. Nó là hậu quả của quá trình xã hội hoá không hoàn toàn".[2] Hay "Hành vi lệch chuẩn là một thuật ngữ để chỉ những biểu hiện trong hệ thống hành vi con người. Tuy chưa ám chỉ một hành vi nào cụ thể nhưng những hành vi lệch chuẩn thường là những hành vi không phù hợp với các quy tắc chung cũng như các giá trị, chuẩn mực của cá nhân, nhóm và cộng đồng. Hành vi được coi là lệch chuẩn khi nó được đem so sánh, đối chiếu với một tình huống cụ thể

[1] https://baophapluat.vn/song-lech-chuan-tuong-lai-nguoi-tre-di-ve-dau-post326815.html
[2] http://tinhdoanyenbai.gov.vn/tuoi-tre-Yen-Bai-htltlB/?UserKey=Nhan-dien-phe-phan-cac-bieu-hien-lech-lac-lech-chuan-trong-xa-hoi

của hành vi thuộc lĩnh vực đạo đức, giá trị, pháp luật, văn hóa, lối sống... Không thể có hành vi lệch chuẩn nằm bên ngoài hoặc bên trên hệ thống các hành vi của con người. Chỉ có hành vi lệch chuẩn khi so sánh với hành vi chuẩn nào đó. Từ đó có thể nhận định: Hành vi lệch chuẩn là hành vi tâm lý, xã hội của cá nhân, nhóm không phù hợp với lợi ích, những quan niệm về đạo đức, giá trị, chuẩn mực, văn hóa, lối sống của một nhóm hay cộng đồng xã hội trong từng thời điểm lịch sử nhất định. Hành vi lệch chuẩn của thanh niên được biểu hiện trên nhiều khía cạnh cả trong tư tưởng, trong môi trường học tập, công việc, trong tham gia hoạt động văn hóa và cả việc vi phạm pháp luật…”[3]

Như vậy, hành vi lệch chuẩn là bất kỳ hành vi nào không phù hợp với mong đợi của một nhóm hoặc của xã hội. Theo đó, hành vi lệch chuẩn là hành vi lệch khỏi các quy tắc chuẩn mực của nhóm hay xã hội. Chẳng hạn các hành vi lệch chuẩn trong xã hội ta hiện nay là: giết người, trộm cắp, tham ô, nghiện ngập, mại dâm,...

Không có một phương thức đơn giản hay phổ quát để phân loại các hành vi lệch lạc. Tuy nhiên có thể phân biệt sự lệch lạc ở cấp độ cá nhân, sự lệch lạc của một nhóm và sự lệch lạc ở cấp độ định chế:

- *Lệch chuẩn cá nhân:* Hành động của cá nhân không phù hợp với quy tắc văn hoá của nhóm đã được xác lập trong thực tế đã bác bỏ các quy tắc đó gọi là lệch chuẩn cá nhân. Chẳng hạn, hành vi thanh niên hư hỏng, trộm cắp... trong gia đình có nề nếp văn hoá. Hành vi hư hỏng này một mặt lệch ra khỏi chuẩn mực của giáo dục gia đình, mặt khác đã phủ nhận giá trị của văn hoá gia đình.

- *Lệch chuẩn nhóm:* Một nhóm thành viên có hành động trái với quy tắc mà đã dược xã hội thừa nhận là lệch chuẩn nhóm. Chẳng hạn, nhóm trẻ em hư, bụi đời... hành động trái với những quy tắc, giá trị văn hoá chung nhưng họ còn định ra và hành động theo một giá trị riêng (văn hoá nhóm) được mọi thành viên trong nhóm tán thành. Điều đáng lưu ý là các quy tắc này của nhóm không phù hợp với các tiêu chuẩn chung của xã hội.

[3] https://ipbc.vinhlong.gov.vn/portal/wptncshcm/tinhdoan/page/xemtin.cpx?uuid=62e736fbe324daa09a82d7b2

Theo quan niệm thông thường thì hành vi lệch lạc, lệch chuẩn là xấu và đáng phê phán. Trong xã hội hầu như không có tổ chức nào ép buộc các thành viên phải phục tùng tuyệt đối mọi quy tắc và chuẩn mực của mình. Mức độ nương nhẹ, dễ dãi đối với chuẩn mực đến mức độ nào là tùy theo từng nhóm xã hội hoặc tổ chức xã hội.

Ví dụ: Theo quy định chung của nhà trường thì giảng viên lên lớp vào buổi sáng đúng 6h45', nhưng nhiều giảng viên lên lớp muộn hơn 5 đến 10 phút để sinh viên ổn định tổ chức, điều này lệch so với chuẩn nhưng không đến mức bị xử lý.

Trong thực tế, bất kỳ hệ thống xã hội hoặc một tổ chức xã hội nào đó cùng đều có những "vùng tối" trong đó con người ta có thể tự cho phép mình vi phạm quy tắc mà không sợ bị trừng phạt. Ví dụ: một số người khi qua đường có thể gặp một cụ già hoặc một em nhỏ không qua đường được nhưng họ vẫn làm ngơ mà không giúp đỡ, mặc dù biết hành động đó vi phạm chuẩn mực đạo đức nhưng họ vẫn thực hiện.

Mặc dầu vậy, trong bất cứ hoàn cảnh nào thì chuẩn mực trong xã hội hay chuẩn mực của tổ chức luôn là thước đo để đánh giá mỗi biểu hiện, mỗi hành động có phải là lệch chuẩn hay không.

2. Các biểu hiện của hành vi lệch chuẩn trong môi trường giáo dục đại học

Trong bất cứ môi trường sống nào chúng ta đều có thể bắt gặp những hành vi lệch chuẩn, những hành vi vi phạm các chuẩn mực đạo đức của tổ chức và xã hội. Trong các trường đại học hiện nay, đâu đó vẫn còn tình trạng sinh viên và thậm chí giảng viên có tư tưởng, hành động lệch lạc không đúng với nội quy, quy định và chuẩn mực văn hoá, đạo đức của nhà trường và xã hội.

Trước hết, các biểu hiện lệch chuẩn từ phía sinh viên có thể thấy như sau:

Một là, sinh viên thiếu tôn trọng giảng viên, coi thường bạn học. Đơn cử là trường hợp của nữ sinh viên C.V của Trường ĐH Hoa Sen tát bạn, đòi đuổi giảng viên ra khỏi lớp. Trong biên bản cuộc họp của nhà trường sau đó có ghi lại lời nữ sinh chỉ trích: *Sao em nói cô Tr (giáo viên môn Pháp luật đại cương trong buổi dạy hôm đó) vậy mà cô Tr im, không phản hồi?; Khi em nói cô Tr nên cúi mặt*

xuống không được ngẩng mặt lên; Cô đừng nói chuyện văn vở quá; Em cảm thấy chất lượng dạy của cô Tr quá tệ, cô nên tạm ngừng đi làm…Nữ sinh viên này cũng nói lý do tát bạn là vì: "*Bạn K 'ảo tưởng sức mạnh', em ghét, em đến tát. Bạn T vào can ngăn, em đánh luôn T*". Kết quả nữ sinh viên C.V nhận hình thức đuổi học, một hình phạt cao nhất của nhà trường.

Hai là, sinh viên không tự tin vào năng lực, trình độ của mình, cho rằng mình không có khả năng tự học, khả năng nghiên cứu nên không thực sự hứng thú trong học tập. Vì vậy, trong các giờ lên lớp, những sinh viên này rất thụ động, không tập trung nghe giáo viên giảng bài, không tham gia các hoạt động nhóm, không đưa ra các ý kiến đóng góp vào hoạt động học tập. Bên cạnh đó, ở những lớp tín chỉ, do ghép từ nhiều lớp nên việc sinh viên đùn đẩy, viện cớ và giảng viên phải chỉ đích danh mới làm một số việc như lau bảng, đóng cửa, tắt đèn,... Sinh viên cũng triệt để sử dụng mạng xã hội để lan truyền, phổ biến thông tin đề thi, các kỹ thuật quay cóp, bình phẩm về thầy cô, bạn bè… Đây là những hành vi thiếu văn hóa cần phải được loại bỏ và chấm dứt trong môi trường học đường.

Ba là, sinh viên sống ích kỷ, coi trọng đời sống vật chất, có thái độ thờ ơ, vô cảm. Sự phát triển của xã hội, công nghệ, kinh tế đã tạo nên một môi trường sống và học tập đảm bảo và đầy đủ cho các thế hệ học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, mặt trái của nó là khiến cho thế hệ trẻ tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, sống ích kỷ, chạy theo lợi ích vật chất, thiếu ý thức rèn luyện, không dám đấu tranh với cái sai, sống thờ ơ vô cảm với gia đình và những người xung quanh.

Bốn là, sinh viên sống bê tha, buông thả, đua đòi, hoặc chìm đắm trong thế giới ảo. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập diễn ra với tốc độ nhanh, phạm vi rộng tác động mạnh vào đời sống xã hội. Những luồng văn hóa, những giá trị khác lạ, trong đó, có những văn hóa đi ngược với thuần phong, mỹ tục của dân tộc cũng đã tràn vào và tác động không nhỏ đến lối sống của sinh viên. Rất nhiều sinh viên do lập trường tư tưởng không vững vàng, ý thức, bản lĩnh kém đã bị cuốn vào các trào lưu không tích cực như hát đồng dao xuyên tạc, chụp ảnh quái đản thậm chí chụp ảnh khoả thân,… Bên cạnh đó, tình trạng sinh viên có lối "sống thử" và quan

hệ tình dục trước hôn nhân ngày càng tăng. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng bởi văn hóa phương tây mà còn do lối sống dễ dãi, buông thả, coi thường chuẩn mực đạo đức văn hoá dân tộc của một bộ phận sinh viên.

Năm là, sinh viên sa vào các tệ nạn xã hội. Những năm gần đây, theo thống kê, phản ánh của các cơ quan chức năng cũng như các phương tiện thông tin đại chúng, tình trạng sinh viên sa vào các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng. Đó là trình trạng sinh viên nghiện game, nhậu nhẹt, đánh bạc, chơi lô đề, nghiện ma túy,… Có thể nói, các tệ nạn này ngày càng ăn sâu trong giới sinh viên và trở thành vấn nạn của xã hội. Đây là tiếng chuông báo động khẩn cấp tới gia đình, nhà trường và xã hội về việc cần có biện pháp cụ thể để ngăn chặn.

Sáu là, sinh viên vi phạm pháp luật, trở thành tội phạm. Từ chỗ sa vào các tệ nạn xã hội, nhiều sinh viên đã trở thành bị cáo đứng trước vành móng ngựa. Nhiều vụ án trộm cướp, giết người do sinh viên gây ra là do bị ảnh hưởng từ những hình ảnh không lành mạnh của game. Có sinh viên không những nghiện ma tuý mà còn tham gia buôn bán ma tuý nên đã bị truy tố trước pháp luật. Nhiều vụ án sinh viên đâm giết người yêu do mâu thuẫn tình cảm, ghen tuông,…

Bảy là, sinh viên thiếu hiểu biết, nhận thức kém nên có những biểu hiện lệch lạc về thái độ chính trị. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập dẫn đến sự xâm nhập của văn hoá ngoại lai đã khiến một bộ phận sinh viên mờ nhạt về lý tưởng, nhận thức chính trị kém, có những biểu hiện lệch lạc về đạo đức lối sống. Vì vậy, họ đã bị các tử phần xấu, phản động rủ rê, lôi kéo tham gia vào các diễn đàn trái phép, hội nhóm trái pháp luật, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước. Rất nhiều sinh viên bị một số tổ chức hoạt động tín ngưỡng trái phép như Hội thánh của Đức chúa trời, Pháp luân công,… lôi kéo, dụ dỗ tham gia.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng thấy có những biểu hiện, hành vi chưa chuẩn mực từ phía giảng viên. Giảng viên đóng vai trò là người thầy nên mọi phát ngôn hay hành vi ứng xử đều phải mang tính mô phạm, chuẩn mực. Điều này đã được quy định rất rõ trong tiêu chuẩn của ngành, cụ thể căn cứ Điều 3 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp đối với giảng viên đại học công lập như sau:

Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

1. Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hòa nhã với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là người học); bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục đại học công lập và các quy định pháp luật của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 58 của Luật Giáo dục đại học về các hành vi giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học không được làm, đó là:

- Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác;

- Gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học;

- Lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Không những thế, hành vi ứng xử của giảng viên cũng có ảnh hưởng đến đối tượng tiếp nhận là sinh viên. Giảng viên là những người truyền đạt, giảng dạy kiến thức, đạo đức cho sinh viên, chính vì vậy những phát ngôn hay phong cách sống, ứng xử của họ luôn là điều mà nhiều sinh viên noi theo, chịu ảnh hưởng cả ở những điều tốt và chưa tốt. Nếu như hành vi đó bị lệch chuẩn sẽ có những tác động tiêu cực, làm thay đổi góc nhìn, thay đổi quan điểm của người học nói riêng và xã hội nói chung đối với đội ngũ nhà giáo, ảnh hưởng đến uy tín của ngành. Đáng tiếc hiện nay vẫn còn một số ít các giảng viên còn có những tư tưởng lệch chuẩn, hành vi chưa chuẩn mực. Dưới đây là một số biểu hiện phổ biến nhất:

Thứ nhất, phát ngôn không chuẩn mực. Chẳng hạn, đã có giảng viên mắng sinh viên là "óc trâu" trong giờ học online, hay thời gian qua trên mạng xã hội lan truyền video dài gần 4 phút giữa nữ giảng viên trường Đại học Duy Tân và sinh viên trong một buổi học trực tuyến. Nữ giảng viên đặt câu hỏi với sinh viên: *"Cô hỏi em này! Từ đầu mùa dịch tới giờ Chính phủ đã hỗ trợ cho em cái gì chưa?"* Sinh viên trả lời: *"Em không thuộc diện hỗ trợ"*.

Nữ giảng viên tiếp lời: *"Em đã tiếp cận được vaccine chưa?"*. Sinh viên trả lời: *"Chính phủ đang tập trung cho Sài Gòn"*. Cô nói tiếp: *"Chuyện dịch là chuyện trên toàn thế giới. Có dân nước nào chạy 1.500 cây số để về quê. Như vậy là hệ thống an sinh xã hội của chúng ta quá kém đúng không? Cô cảm thấy nhục nhã khi đồng bào của mình chạy 1.500 cây số về. Cô cảm thấy rất nhục nhã về điều đó. Tại sao cũng là người mà khi dịch đến, những quốc gia trên thế giới người ta được hỗ trợ rất nhiều, kể cả việc tiếp cận vắc xin, còn chúng ta thì thế nào? Em lên đèo Hải Vân coi kìa, đó mới là sự nhục nhã…"*. Tuy nữ giảng viên trên sau đó đã bị nhà trường cho thôi việc nhưng khi đoạn clip được đăng tải, phát tán, lan truyền trên mạng xã hội khiến dư luận rất bức xúc, phẫn nộ với những phát ngôn của nữ giảng viên. Đó là những phát ngôn lệch chuẩn, thể hiện sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức nghề giáo, gây mất đoàn kết dân tộc, kích động tư tưởng cực đoan, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ Nhân dân với Đảng, Nhà nước. Chúng ta không thể chấp nhận việc sử dụng cái gọi là "quyền tự do ngôn luận" để kích động gây bức xúc dư luận, gây mất ổn định chính trị, xã hội.

Thứ hai, hành vi chưa đúng. Trường hợp giảng viên T.V.T., Trưởng bộ môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh, khoa Khoa học Thể thao và Sức khỏe, trường ĐH Thủ Đô là một ví dụ. Theo đó giảng viên này đã có hành vi quấy rối đối với nữ sinh và phải nhận hình thức kỷ luật khiển trách do vi phạm "làm những việc pháp luật không cấm nhưng ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, vai trò tiên phong, gương mẫu và trách nhiệm nêu gương của đảng viên; vi phạm nội quy, quy chế, kỷ luật nội bộ của cơ quan, đơn vị". Hay

trường hợp ông Đặng Anh Quân, giảng viên của Trường ĐH Luật TP.HCM đã có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp khi tham gia livestream cùng bà Nguyễn Phương Hằng, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Nam,...

Bên cạnh đó, cũng còn những tồn tại khác trong đội ngũ một số giảng viên như vẫn xảy ra tình trạng vi phạm đạo đức học thuật trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; sống không liêm chính, buông thả;... Một số giảng viên hoặc là thụ động, thiếu quyết đoán, quá cứng nhắc, thiếu tinh thần đổi mới sáng tạo hoặc là độc đoán cá nhân, coi thường tập thể và sinh viên, chưa đối xử công bằng và tỏ rõ sự thiếu chuẩn mực trong quan hệ thầy - trò, làm việc tùy tiện, thiếu nghiêm túc, vô nguyên tắc, chủ quan, đơn giản, không nhất quán giữa nói và làm, chưa tạo được sự lan toả và nêu gương trước sinh viên…

3. Một số đề xuất nhằm ngăn ngừa, chấn chỉnh những biểu hiện lệch chuẩn trong môi trường giáo dục đại học

Để đảm bảo môi trường văn hoá học đường lành mạnh, nhận diện, ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi lệch chuẩn, thiết nghĩ cần có một số giải pháp thiết thực, đồng thời có sự tham gia, đồng hành từ nhiều phía:

Về phía nhà trường:

Một là, nhà trường cần tổ chức tuyên truyền nhận thức chính trị cho đội ngũ cán bộ giảng viên và giáo dục nhận thức cho sinh viên về văn hoá, lối sống, hành vi ứng xử từ đó nhằm nhận diện và bài trừ các biểu hiện và hành vi lệch chuẩn trong môi trường học đường. Bên cạnh đó, cần ban hành bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường và có cơ chế để kiểm soát các hành vi lệch chuẩn trong môi trường học đường.

Hai là, có sự phối hợp giữa công đoàn trường, đoàn thanh niên với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội,... triển khai các hoạt động đào tạo, hoạt động ngày hội việc làm, hoạt động tình nguyện, hoạt động hướng nghiệp, hoạt động vì cộng đồng, hoạt động tri ân… nhằm hướng sinh viên tích cực, chủ động tham gia, giúp sinh viên tiếp cận các chủ trương, đường lối của Đảng và nhà nước, tự giác rèn luyện và bồi dưỡng về nhân cách, đạo đức, lối sống

cho bản thân. Các hoạt động chào đón tân sinh viên, chia sẻ của khóa trước, đại nhạc hội… giao cho sinh viên chủ động tổ chức. Nhà trường, các Khoa/Viện, Trung tâm, phòng ban hỗ trợ… sẽ giúp các em sinh viên nâng cao kỹ năng, khả năng tự tổ chức, thích nghi và phát huy tinh thần của tuổi trẻ.

Ba là, tạo kênh truyền thông cho sinh viên chia sẻ các bài viết hay, hành động đẹp, chia sẻ kiến thức, kỹ năng mình học được cho các bạn trong trường. Tạo sân chơi bổ ích, tăng tính thi đua, cạnh tranh lành mạnh giữa các Khoa/Viện, các lớp, các ngành và các sinh viên thông qua các cuộc thi như văn nghệ, thể thao, thi thuyết trình,... Khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc hội thảo giúp sinh viên được trải nghiệm thực tế, được tiếp xúc với nhiều môi trường khác nhau để qua đó được thể hiện và phát triển bản thân.

Về phía đội ngũ giảng viên:

Một là, cần phải nhận thức sâu sắc hơn nữa "nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý, nghề sáng tạo nhất vì nó sáng tạo ra những con người sáng tạo". Điều đó đòi hỏi mỗi người phải tự bồi dưỡng, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, đầu tư sức lực, trí tuệ cho từng bài giảng, tiết giảng; tích cực đấu tranh với những nhận thức lệch lạc về nghề dạy học, cùng những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín, phẩm giá, tư cách của nhà giáo; khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hai là, giảng viên cần tiên phong đấu tranh phòng, chống nhận thức, hành vi phản giá trị, lệch chuẩn mực văn hóa sư phạm. Giảng viên phải là người mẫu mực về chuyên môn, nhân cách, đạo đức, lối sống để làm tròn chức năng truyền tải tri thức, văn hóa, lấy cái tốt đẩy lùi cái xấu, góp phần phát triển nhân cách của sinh viên. Trước thực tiễn hiện nay, môi trường văn hóa, xã hội vẫn còn các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực, giảng viên là lực lượng nòng cốt phê phán, lên án các hiện tượng đi ngược lại các giá trị của nhà trường, các biểu hiện thương mại hóa giáo dục, đề cao giá trị vật chất, không sâu sát đến quá trình dạy và học, tác động tiêu cực đến môi trường văn hóa sư phạm, những luồng tư tưởng ngoại lai, cổ súy cho lối sống nhanh, sống gấp, sống chỉ biết hưởng thụ,....

Ba là, thực hiện nói đi đôi với làm, nêu gương trước sinh viên. Giảng viên đại học là lực lượng nòng cốt trực tiếp tổ chức giáo dục, quản lý và rèn luyện sinh viên, vì vậy, mỗi lời nói và hành động nêu gương của họ có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ đối với các tập thể sinh viên, ảnh hưởng trực tiếp đến tư cách, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của người học. Chính vì vậy, sự gương mẫu của đội ngũ nhà giáo giữa nói và làm, gương mẫu trong tư cách cá nhân và trách nhiệm đối với công việc tạo ra sự lan tỏa và hiệu ứng tích cực để những điều nói ra, những lời giải thích, những vấn đề nêu lên mới dễ dàng được sinh viên lắng nghe, chấp nhận và tự giác thực hiện. Theo đó, từng người phải xác định rõ mình vừa là đối tượng của quá trình bồi dưỡng, vừa là chủ thể trong quá trình tự bồi dưỡng, rèn luyện để không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thực hiện nêu gương; phải tự xác định đúng trách nhiệm chính trị, thái độ, động cơ, xây dựng tình cảm trong sáng, nghiêm khắc về trách nhiệm thực hiện nêu gương. Giảng viên phải luôn tự phê bình và phê bình, đánh giá đúng bản thân, nhận rõ ưu điểm để ra sức phát huy, thấy hết hạn chế, khuyết điểm để kiên quyết sửa chữa, khắc phục. Đồng thời, tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch, xác định nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp tự bồi dưỡng, rèn luyện...

Kết luận

Việc nhận diện, đấu tranh bài trừ những hành vi lệch chuẩn trong môi trường giáo dục đại học nói riêng và cả xã hội nói chung không phải chỉ một sớm một chiều mà đó là cả một quá trình đấu tranh liên tục đòi hỏi mỗi đảng viên, giảng viên, sinh viên và cả hệ thống chính trị phải vào cuộc với nỗ lực không ngừng. Môi trường học đường là nơi rất quan trọng để rèn luyện nhân cách, đào tạo và giáo dục cho những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp. Chính vì vậy, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên cần phải được triển khai theo nhiều phương thức khác nhau nhằm giúp sinh viên hình thành, vun đắp lý tưởng sống cao đẹp, có thái độ sống tích cực, không ngừng học tập, nghiên cứu, sáng tạo và có những đóng góp hữu ích cho cộng đồng. Bên cạnh đó, các thầy cô giáo cũng phải là những người gương mẫu - "mỗi thầy cô giáo là một tấm gương

về đạo đức, tự học và sáng tạo" gắn liền với đấu tranh chống các biểu hiện "lệch chuẩn", suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; chống những biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, bản vị; hoặc lợi dụng tập thể để né tránh trách nhiệm, lấy danh nghĩa tập thể thực hiện mục đích cá nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Thị Lộc An (2020), Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống trong các cơ sở giáo dục Đại học nhằm đảm bảo giáo dục toàn diện cho người học, Trường ĐH Khánh Hoà.
2. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
3. Nguyễn Khánh Vĩnh Lộc (2022), Quản trị an ninh thông tin mạng xã hội trong sinh viên ở Việt Nam hiện nay, Luận văn Thạc sỹ Quản trị an ninh phi truyền thống, Trường Quản trị và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Lan Nguyên (2020), Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội Facebook đến học tập và đời sống của sinh viên hiện nay, Luận án Tiến sĩ xã hội học, Trường Đại học KHXH và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Phạm Thị Phương Thanh (2022), Hành vi lệch chuẩn là gì? Những sai lệch chuẩn mực xã hội trong thanh niên, Luật Minh Khuê.
6. Phạm Văn Hùng (2024), Yêu cầu rèn luyện phong cách, tác phong của giảng viên đại học, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông.
7. Trần Thị Thuỳ Linh (2024), Một số giải pháp phòng chống các thông tin xấu, độc ảnh hưởng tới sinh viên trên mạng xã hội, Tạp chí Thanh niên Việt.
8. Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VẬN DỤNG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ TRƯƠNG CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA ĐẢNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

PGS.TS Phạm Văn Hùng

Khoa Đầu tư, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Email: hungpv@neu.edu.vn

Về đường lối đối ngoại, Báo cáo Chính trị Đại hội XIII tiếp tục khẳng định những quan điểm đã được xác định tại Đại hội XII là: "thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam". Đồng thời Báo cáo Chính trị Đại hội XIII cũng nhấn mạnh thêm yêu cầu "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả"[1]. Đây là nội dung yêu cầu mới mà Đại hội XIII của Đảng đặt ra trong điều kiện sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước ta đã mở cửa, kết nối và thiết lập các mối quan hệ rộng lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực với thế giới trong đó có lĩnh vực đầu tư – một trong những lĩnh vực tiên phong trong đổi mới mở cửa.

1. Những nội dung cơ bản trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay

1.1, Cơ sở hoạch định đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới:

Đường lối đối ngoại của Đảng và nhà nước ta thời kỳ đổi mới được hoạch định trên những cơ sở chủ yếu sau [4]:

Thứ nhất, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại: trong quá trình hoạch định đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn kiên định lập trường, quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đây là cơ sở lý luận và là vấn đề nguyên tắc. Những nội dung có tính khoa học và cách mạng về thời đại, về vấn đề dân tộc và quốc tế, về quan hệ quốc tế và chủ

nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, về quyền dân tộc tự quyết trong quan hệ quốc tế… trong học thuyết Mác - Lênin luôn được Đảng chú trọng nghiên cứu và vận dụng sáng tạo trong bối cảnh thế giới mới và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện trên các vấn đề lớn, mang tính chiến lược như: độc lập dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, ngoại giao tâm công, ngoại giao hòa hiếu với các dân tộc khác, ngoại giao "dĩ bất biến, ứng vạn biến", ngoại giao nắm vững thời cơ, giành thắng lợi từng bước.

Thứ hai, dựa vào truyền thống ngoại giao của dân tộc. Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữa nước, các thế hệ cha ông chúng ta đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm đối ngoại quý báu mà Đảng ta đã, đang quán triệt, vận dụng trong điều kiện mới.

Thứ ba, tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong nước: đường lối đối ngoại của Đảng ta luôn tận dụng thời cơ, thuận lợi, đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức đang đặt ra nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam. Đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Đảng được hoạch định nhằm tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, kết hợp một cách có hiệu quả sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phục vụ mục tiêu xây dựng thành công CNXH ở nước ta.

Thứ tư, tình hình thế giới và khu vực. Tình hình thế giới và khu vực có một số đặc điểm và xu thế vận động có tác động đến việc hoạch định đường lối đối ngoại của Việt nam như: cục diện chính trị - an ninh thế giới có nhiều chuyển biến lớn trong đó nổi bật là sự thay đổi lớn trong tương quan lực lượng giữa các nước lớn; sự phát triển của khoa học công nghệ nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt nhất là khu vực châu Á- Thái Bình Dương; nhiều vấn đề mang tính toàn cầu nổi lên, tác động lớn đến đời sống quan hệ quốc tế….

1.2, Một số nội dung cơ bản trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định mục tiêu hàng đầu của hoạt động đối ngoại là đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc. Lợi ích tối cao quốc gia

- dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc xuyên suốt của công tác đối ngoại.[1]

Trong công tác đối ngoại có 2 loại nguyên tắc đó là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm và các nguyên tắc cụ thể.

Nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là hòa bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Đồng thời phải sáng tạo, năng động, linh hoạt trong xử lý các tình huống, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, với vị thế của Việt nam cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm của từng đối tác. Trong xử lý tình huống, cần chú ý "ba tránh": tránh bị cô lập, tránh xung đột và tránh đối đầu.

Các nguyên tắc cụ thể bao gồm: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Nhiệm vụ đối ngoại thể hiện cụ thể trên các vấn đề sau: vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa; đối ngoại có nhiệm vụ tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn đinh, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước; đối ngoại có nhiệm vụ nâng cao vị thế, uy tín của Việt nam trên trường quốc tế; đối ngoại đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên cao nhất nhưng vẫn luôn kiên trì chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định nhiệm cụ của đối ngoại là góp phần vào cuộc đấu tranh vì mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Phương châm đối ngoại bao gồm: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại; dựa vào phát huy nội lực là chính, tranh thủ tối đa ngoại lực; hợp tác bình đẳng, cùng có lợi; vừa hợp tác, vừa đấu tranh; Tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước; chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

2. Chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay

Chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

Về muc tiêu: Hội nhập quốc tế phải nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.[4]

Về quan điểm chỉ đạo: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; quán triệt và vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn được tổng kết trong Cương lĩnh; đồng thời chú trọng một số quan điểm sau:

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Mọi cơ chế, chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác hiệu quả các tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực; gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạng tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia;

gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền, khu vực trong nước.

Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước.

Hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh; kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia.

Nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; củng cố và nâng cao vai trò trong cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Quan điểm chủ động và tích cực hội nhập quốc tế thể hiện bước đi và lộ trình hội nhập của Việt nam với khu vực và thế giới. Phát biểu tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra vào sáng 14/12/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh, thế giới đang chuyển biến mau lẹ. Đất nước ta dù còn khó khăn, nhưng triển vọng tương lai rất sáng lạn. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng gợi mở và nhấn mạnh thêm 6 vấn đề quan trọng trong đường lối đối ngoại của Viêt Nam trong thời gian tới [5]. *Một là, tiếp tục thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, nắm chắc diễn biến tình hình để kịp thời có giải pháp thích hợp trong công tác đối ngoại.* Những diễn biến chính trị nhanh chóng, phức tạp trên thế giới thời gian qua có rất nhiều vấn đề vượt ra ngoài dự báo thông thường. Nếu chúng ta không

nắm bắt đúng tình hình thì không theo kịp sự phát triển của thực tiễn. Vấn đề là chúng ta phải nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, có tinh thần chủ động tiến công, dám vượt ra khỏi khuôn khổ những tư duy cũ, những lĩnh vực quen thuộc để có suy nghĩ và hành động vượt tầm quốc gia, đạt tới tầm khu vực và quốc tế.

Cùng với đó, cần xây dựng vị thế và tâm thế mới của Việt Nam trong ứng xử và xử lý mối quan hệ với các nước, song phương cũng như đa phương. Thế và lực của nước ta trên các tiêu chí quan trọng như kinh tế, dân số, quốc phòng và đối ngoại đã khác nhiều sau 35 năm đổi mới. Đặc biệt, các vấn đề thuộc lợi ích cốt lõi, mang tầm chiến lược của Việt Nam đòi hỏi chúng ta phải thể hiện tiếng nói mạnh mẽ hơn và lập trường đối ngoại tích cực hơn, trước hết ở trong khu vực. Đồng thời, cũng phải đẩy mạnh đổi mới tư duy, mạnh dạn đột phá, sáng tạo trong công tác, tìm ra cách làm mới, mở rộng ra các lĩnh vực mới, tìm kiếm các đối tác mới, hướng đi mới. Đương nhiên, đổi mới phải trên cơ sở giữ vững nguyên tắc, chắc chắn, thận trọng, kiên định mục tiêu và chân thành, khiêm tốn.

Hai là, tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện đúng đắn đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, vì lợi ích quốc gia - dân tộc; vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vận dụng đúng đắn quan điểm về "đối tượng", "đối tác"; tăng cường hợp tác, tiếp tục tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa nước ta với các nước, ngăn ngừa xung đột, tránh đối đầu, bị cô lập, phụ thuộc. Trong đó, mục tiêu bao trùm là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện các nhiệm vụ chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chính đáng của ta phù hợp với luật pháp quốc tế. Trong việc bảo đảm môi trường hòa bình thì một trong những yêu cầu then chốt là phải luôn kiên trì, bình tĩnh, sáng suốt, khôn khéo, xử lý đúng đắn các mối quan hệ đối ngoại, trong đó có vấn đề chủ quyền, lãnh thổ. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị, trong đó ngành Ngoại giao là những người đi đầu. Trước những diễn biến của tình hình thế

giới như đã nói ở trên, việc thực hiện nhiệm vụ bao trùm này sẽ có nhiều thách thức trong thời gian tới.

Ba là, phát huy tối đa mọi yếu tố thuận lợi của đất nước để chủ động, tích cực tham gia đóng góp, xây dựng, định hình các cơ chế đa phương; triển khai và phát huy các kết quả quan trọng của các diễn đàn đa phương mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là phối hợp với các đối tác thúc đẩy việc thực hiện các sáng kiến đã được thông qua của Việt Nam.

Bốn là, cần mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả các hoạt động đối ngoại, nhất là hợp tác kinh tế, văn hóa và hợp tác trên lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng với các nước; tiếp tục đưa các mối quan hệ với các đối tác mà ta đã có khuôn khổ quan hệ, trước hết là các nước láng giềng và các nước lớn, đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả; ưu tiên duy trì ổn định và giữ đà quan hệ, tăng cường tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực, đồng thời xử lý các khác biệt và vấn đề nảy sinh trên tinh thần hợp tác, hữu nghị, kiểm soát bất đồng, dựa trên luật pháp quốc tế và thông lệ khu vực. Nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển bền vững của đất nước. Ưu tiên tìm kiếm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và lao động Việt Nam, *thu hút nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý, nhất là FDI hướng vào các lĩnh vực ưu tiên của đất nước.* Tích cực cùng các nước thúc đẩy đàm phán, ký kết, phê chuẩn và thực hiện các thoả thuận FTA đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các sáng kiến đa phương trong khu vực về kết nối kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng; tiến hành đàm phán các FTA song phương thế hệ mới với các nước, nhất là với các đối tác thương mại lớn. Triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa công tác người Việt Nam ở nước ngoài theo đúng tinh thần người Việt Nam ở nước ngoài là máu thịt, là một bộ phận không tách rời và là một nguồn lực quan trọng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Các cơ quan có trách nhiệm cần tiếp tục hoàn thiện chính sách, cơ chế, luật pháp, tạo điều kiện thuận lợi để bà con ta tham gia ngày càng tích cực, sâu rộng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời hỗ trợ bà con có địa vị pháp lý vững chắc để yên tâm hòa hợp, sinh sống, làm việc, học tập, giữ

gìn tiếng Việt và bản sắc văn hóa của Dân tộc ta. *Năm là, hết sức coi trọng, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược,* tập trung đánh giá kỹ các xu hướng vận động trong chính sách và quan hệ giữa các nước lớn, các nước láng giềng, khu vực, các xu hướng chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội trên thế giới và khu vực, nhất là trước tác động như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số và sự nguy hại của dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Và sáu là, để hoàn thành được những nhiệm vụ nêu trên, phải đặc biệt chú trọng công tác xây dựng tổ chức, bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ.

3. Vận dụng đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư

3.1, Quá trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đầu tại Việt nam

Đại hội VI (năm 1986) của Đảng khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đồng thời mở đầu quá trình hình thành chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới. Đại hội xác định nhiệm vụ hàng đầu là tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

Thực tiễn cho thấy đầu tư là một trong những lĩnh vực tiên phong trong đổi mới mở cửa với Luật Đầu tư Nước ngoài được Quốc hội thông qua ngay từ năm 1987 (ngay sau Đại hội VI), và từ 1988 dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bắt đầu chảy vào Việt Nam. Từ năm 1993, Việt Nam bình thường hóa quan hệ với hai tổ chức tài chính - tiền tệ lớn nhất hành tinh (Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế), dòng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) chính thức được khôi phục. Từ đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và ODA vào Việt Nam liên tục gia tăng. Khung pháp lý về đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng ngày càng hoàn thiện. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho Việt Nam từng bước hội nhập ngày càng sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu.

Ngay từ những năm đầu thu hút FDI, từ 1988 đến 1990, mặc dù là giai đoạn khó khăn trong bước đầu đổi mới, Việt Nam đã thu hút được 213 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký gần 1,8 tỷ USD.

Với chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị khác nhau trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình (Đại hội VII của Đảng 1991), thu hút FDI từ năm 1991 đã đạt được những thành công đáng kể. Đáng chú ý sau khi ra nhập ASEAN, lượng vốn FDI vào Việt Nam đã đạt được bước đột phá. Năm 1995 thu hút được 415 dự án, với tổng số vốn đăng ký là 7.925,2 triệu USD và tốc độ tăng trưởng vốn FDI đăng ký cao nhất giai đoạn này là năm 1996, tăng 21,58% so với năm 1995. Có thể nói đây là giai đoạn tăng trưởng mạnh trong thu hút FDI khi môi trường đầu tư tại Việt Nam bắt đầu hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài khu vực. Với nhiều lợi thế của mình cùng sự nỗ lực trong mở cửa thu hút đầu tư như: nguồn lao động sẵn có, chi phí đầu tư hấp dẫn hay nhiều thị trường chưa được khai phá… cùng với sự thay đổi trong dòng vốn FDI trên thế giới hướng về những nền kinh tế mới nổi; Việt Nam được lựa chọn là điểm đến thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Tốc độ tăng trưởng FDI luôn trên 50%, và tăng cả về số lượng cũng như quy mô dự án.

Đại hội VIII của Đảng tiếp bổ sung, phát triển đường lối đối ngoại đổi mới. Đại Hội lần đầu tiên nêu nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo hướng xây dựng nền kinh tế mở, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Đại hội VIII cũng đồng thời tuyên bố:"Việt Nam muốn làm bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Tiếp tục những thành công, Việt Nam từng bước thay đổi phù hợp với tình hình phát triển của thế giới, khu vực cũng như thực trạng nền kinh tế quốc dân. Chính phủ liên tục sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đầu tư nước ngoài đã trở thành một nguồn lực bổ sung cho đầu tư trong nước.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) bổ sung và làm rõ thêm chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế. Đại hội lần đầu tiên đưa ra chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Phát triển quan điểm mở rộng quan hệ đối ngoại, Đại hội IX nêu rõ:"Việt nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn

đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Trong giai đoạn 2001-2005, dòng vốn FDI tiếp tục gia tăng và bắt đầu có sự xuất hiện của một số dự án lớn như Công ty liên doanh và khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo với 147 triệu USD hay Công ty đầu tư và phát triển Thành Công với 114,58 triệu USD.

Đại hội X của Đảng (2006) tiếp tục bổ sung đường lối đổi mới với việc bổ sung quan điểm hội hập quốc tế chủ động và tích cực. Đại hội xác định:"Việt nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực….Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định và bền vững". Từ 2006 – 2008, vốn đầu tư tăng mạnh do một điểm nhấn là khi Việt Nam ra nhập WTO vào 1/2007 và có những hợp tác đa phương, song phương trên toàn thế giới. Có thể nói, trong giai đoạn này Việt Nam đã cải thiện đáng kể môi trường đầu tư – kinh doanh, chính sách thu hút linh hoạt phù hợp theo dòng phát triển của thế giới. Vì vậy, các nhà đầu tư lớn đến từ các quốc gia phát triển như Mỹ, Nhật, Hàn … bắt đầu tìm đến và rót vốn vào Việt Nam. Tuy nhiên, 2 năm cuối của giai đoạn dòng vốn FDI cũng bị sụt giảm đáng kể khi bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Đại hội XI của Đảng (2011), đường lối đối ngoại tiếp tục bổ sung và hoàn thiện, lần đầu tiên Đảng xác định mục tiêu hàng đầu của đối ngoại là "vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh". Cũng tại Đại hội XI, trên cơ sở thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế, Đảng ta đưa ra chủ trương "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế". Năm 2011, lượng vốn đăng ký sụt giảm so với năm 2010 do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới 2008 -2009, nhưng 2012 -2015 số dự án và lượng vốn đăng ký đã cải thiện hơn. Từ năm 2015, vốn FDI bắt đầu có dấu hiệu tăng nhanh so với những năm trước.

Đại hội XII của Đảng (2016) đã nhấn mạnh mục tiêu hàng đầu của đối ngoại là phải đảm bảo lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, xác định nhiệm vụ đối ngoại phải nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc

tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đến năm 2016, dòng vốn FDI vào Việt Nam đã vượt qua tất cả các quốc gia ASEAN khác trừ Singapore. Theo tỷ trọng trên GDP đầu người, thu hút vốn FDI của Việt Nam đã vượt qua Trung Quốc hoặc Ấn Độ (và tất cả các quốc gia ASEAN lớn trừ Malaysia). Trong những năm gần đây, đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần có xu hướng tăng mạnh và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn: năm 2017 đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần chiếm 17,2% tổng vốn đăng ký, thì đến năm 2019 đã chiếm 40,7% tổng vốn đăng ký. Trong các lĩnh vực đầu tư góp vốn, cổ phần thì lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm chủ yếu với 45,8% tổng giá trị và kinh doanh bất động sản với 17,8% tổng giá trị.[3] Năm 2019, sau những thay đổi của tình hình kinh tế xã hội, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 cùng với chiến lược thu hút FDI thế hệ mới. Đây là giai đoạn quan trọng khi Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ thu hút đầu tư sang hợp tác đầu tư, và FDI đã trở thành bộ phận cấu thành, một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam.

Đại Hội XIII của Đảng (2021) tiếp tục khẳng định khẳng định:"Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế…., chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế". Với chủ trương đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt nam tiếp tục có những kết quả tích cực. Tính đến 20/11/2021, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh của nhà đầu tư nước ngoài đạt 26,46 tỷ USD, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn đăng ký mới và vốn điều chỉnh tiếp tục duy trì mức tăng so với cùng kỳ. [3]

3.2. Những kết quả tích cực của đường lối chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta về công tác đối ngoại, trong gần 40 năm qua, Việt nam đã đạt được nhiều kết quả, thành tích rất tốt đẹp. Nổi bật là từ phá thế bị bao vây, cấm vận, chúng ta đã tạo dựng và củng cố ngày càng vững chắc cục diện đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, thuận lợi cho công cuộc đổi mới. Từ một nước có nền kinh tế kế hoạch tập trung, bị bao vây, cấm vận, đến nay nước ta đã trở thành một nước có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa liên kết kinh tế sâu rộng; đã ký 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 3 FTA thế hệ mới có tiêu chuẩn rất cao và mạng lưới liên kết kinh tế sâu rộng với hầu hết các nền kinh tế quan trọng trên thế giới.

Về hợp tác đầu tư nước ngoài, mặc dù FDI toàn cầu trong năm 2023 vẫn có những khó khăn nhất đinh, nhưng Việt Nam vẫn đạt những kết quả đáng kích lệ. Đến nay, đã có 141 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với hơn 34 nghìn dự án, tổng vốn đăng ký đạt hơn 400 tỷ USD.

Chủ động và tích cực hội nhập trong lĩnh vực đầu tư còn thể hiện thông qua việc các doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động đầu tư ra nước ngoài. Các nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài ở 14 lĩnh vực. Có 29 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam . Dẫn đầu là Lào với 4 dự án đầu tư mới và 5 dự án điều chỉnh, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 181,3 triệu USD, chiếm 30,7% tổng vốn đầu tư. Úc đứng thứ hai, với 101,8 triệu USD, chiếm 17,2%. Tiếp theo là Đức, Hoa Kỳ, Myanmar,…

Đánh giá tổng thể, khách quan có thể thấy rằng ngay giai đoạn đầu mở của nền kinh tế của 38 năm về trước, chính sách mở cửa đón nhận FDI và khuyến khích đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam cho tới nay rõ ràng đã trở thành đòn bẩy Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới, là một mắt xích trong chuỗi toàn cầu. FDI góp phần quan trọng vào thị trường xuất nhập khẩu, thị trường dịch vụ chất lượng cao, tạo công ăn việc làm….Khu vực FDI trong những năm qua đã tạo ra tác động lan tỏa rất lớn trong môi trường kinh tế - xã hội Việt Nam như lan toả sang những

lĩnh vực khác của nền kinh tế, như giới thiệu các công nghệ, bí quyết kinh doanh mới, các chuẩn mực quốc về sản xuất và dịch vụ, phát triển kỹ năng cho lực lượng lao động, cũng như tạo việc làm trong các ngành công nghiệp phụ trợ và dịch vụ. Một trong những tác động lan tỏa lớn nhất đó là lan tỏa về công nghệ thông qua chuyển giao công nghệ và trình độ quản lý.

Có thể nói việc chủ động, tích cực hội nhập trong lĩnh vực đầu tư đã có những kết quả tích cực. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đầu tư vẫn còn một số vấn đề cần lưu tâm. Đó là: chưa kết hợp chặt chẽ với DN nội địa để tạo ra luồng giá trị trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu; Chưa thực sự kích thích công nghiệp hỗ trợ Việt Nam phát triển; Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu đã có nhưng còn thấp hơn so với các quốc gia trong khu vực. Tỷ lệ tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu của Thái Lan là 30%, Malaysia là 46%, trong khi đó tại Việt Nam mới chỉ dừng lại 21%. Đầu tư ra nước ngoài vẫn còn nhỏ về quy mô và hạn chế về lĩnh vực, ngành nghề. Môi trường đầu tư, kinh doanh có được cải thiện nhưng vẫn còn chậm. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam vẫn đứng ở thứ hạng thấp so với các quốc gia trong khu vực (đứng thứ 7 trong ASEAN) và còn cách xa so với Thái Lan, Malaysia và Singapore. Rào cản cạnh tranh tạo gánh nặng về chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp.

3.3, Một số bài học từ vận dụng đường lối đối ngoại của Đảng trong lĩnh vực đầu tư:

Thứ nhất, quá trình đổi mới và hội nhập nói chung và lĩnh vực đầu tư nói riêng cần phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho công tác quản lý thu hút đầu tư vào Việt Nam và quản lý đầu tư ra nước ngoài. Trong quá trình đổi mới nói chung và đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về đầu tư nói riêng, bên cạnh các cơ hội, có thể xuất hiện vấn đề mới, khó khăn, thách thức mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân cần phải chủ động, không ngừng sáng tạo để giải quyết và vượt qua và chắc chắn sẽ vượt qua.

Thứ hai, là trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế cần phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra. Từ thực tiễn, trong lĩnh vực đầu tư thời gian tới cần đổi mới công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo hướng giảm các hoạt động tiền kiểm và tăng cường hậu kiểm. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hóa trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Đặc biệt, cần nâng cao trách nhiệm minh bạch và giải trình công khai trong đầu tư quốc tế. Khắc phục một số vấn đề còn tồn tại.

Thứ ba, trong hội nhập quốc tế cần chú ý bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; kiên định độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Phải luôn coi lợi ích quốc gia - dân tộc là tối thượng. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định độc lập, tự chủ, và đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Trong đó, phát huy sức mạnh toàn dân tộc là cơ sở kết hợp sức mạnh thời đại, làm cho sức mạnh toàn dân tộc mạnh hơn. Quan hệ quốc tế về đầu tư dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Các vấn đề hạn chế trong đầu tư quốc tế hoàn toàn có thể được giải quyết nếu đảm bảo được lợi ích quốc gia, dân tộc và kiên định độc lập, tự chủ.

4, Kết luận

Trong gần 40 năm đổi mới vừa qua, kế thừa và phát huy truyền thống đối ngoại vẻ vang của Dân tộc, nhất là tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đặt nền móng cho nền ngoại giao Thời đại Hồ Chí Minh, Đảng ta đã kế thừa và không ngừng bổ sung, phát triển, hoàn thiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở vì hòa bình, hợp tác và phát triển, thực thi chính sách đối ngoại đa phương

hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Trong lĩnh vực đầu tư, Việt Nam đã từng bước chủ động, tích cực hội nhập ngày càng sâu rộng hơn với khu vực và thế giới, trở thành thành viên có trách nhiệm, có vị trí, vai trò và ảnh hưởng nhất định trong cộng đồng quốc tế. Vị thế, uy tín, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, cả thách thức và cơ hội đều đan xen. Trong thời gian tới, Việt Nam cần chủ động và tích cực hơn nữa trong quá trình triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đầu tư một cách sâu sắc hơn nhưng cũng phải linh hoạt, hiệu quả, vì lợi ích quốc gia - dân tộc. Thể hiện đúng vai trò Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

(2) Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

(3) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025*, Tài liệu phục vụ phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 3/2021.

(4) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Quan hệ Quốc tế, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021.

(5) Nguyễn Phú Trọng, Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt nam hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc, Bài phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc ngày 14/12/2021, theo dangcongsan.vn.

KIÊN ĐỊNH CÁC NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Mai Anh

Bộ môn Kế toán tài chính, Viện Kế toán - Kiểm toán

Tóm tắt: *Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng đưa ra quan điểm chỉ đạo cho hoạt động của toàn Đảng ta là " kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Việc xác định quan điểm chỉ đạo này thể hiện sự phát triển nhận thức của Đảng về công tác xây dựng Đảng, đồng thời đặt ra yêu cầu mạnh mẽ phải đề cao các nguyên tắc xây dựng Đảng trước những thách thức to lớn của tình hình, nhiệm vụ thời kỳ mới. Đứng trước yêu cầu đó, mỗi cán bộ, Đảng viên, tổ chức Đảng phải nhìn nhận, nhận thức và quán triệt sâu sắc quan điểm này, áp dụng một cách hài hợp, hợp lý trong hoạt động thực tiễn.*

Từ khoá: *Bảo vệ nền tảng tư tưởng, nguyên tắc xây dựng Đảng.*

1. GIỚI THIỆU VẤN ĐỀ

Cả nước đang nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, xây dựng chương trình hành động nhằm đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 9/3/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII "Về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng" đã đề ra yêu cầu, nhiệm vụ, phương pháp, cách thức tổ chức việc học tập, quán triệt, xây dựng chương trình hành động; Chỉ thị nêu rõ: "Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn, kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045; có giá trị định hướng và lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ các hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội. Cần tổ chức thảo

luận, phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn, nhận thức rõ quan điểm cơ bản, những điểm mới của các văn kiện, làm rõ nội dung các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, giải pháp, định hướng trong mỗi văn kiện". Do đó, việc nghiên cứu, tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đến từng tổ chức Đảng, từng Đảng viên là góp phần thiết thực việc triển khai thực hiện Nghị quyết và lan tỏa tới các tầng lớp nhân dân, làm củng cố niềm tin và tính thống nhất, kiên định trong thực hiện mục tiêu phát triển đất nước ngày một giàu đẹp và phát triển.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, trong các kỳ đại hội Đảng gần đây, vấn đề kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng là quá trình phát triển nhận thức lý luận của Đảng trên cơ sở tổng kết thực tiễn của 36 năm đổi mới theo hướng mở rộng và bao quát hơn những nội dung cần phải kiên định. Kiên định nguyên tắc là cơ sở để chúng ta phân biệt đối tượng, đối tác trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng qua gần 40 năm đổi mới đã giúp Đảng không ngừng nâng cao bản lĩnh, sức chiến đấu, đứng vững trước những biến động nhanh chóng của thời cuộc và đạt được những thành tựu quan trọng trong công tác xây dựng Đảng thời gian qua.

Vì vậy, thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu, bảo đảm cho Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động đủ sức gánh vác và hoàn thành trọng trách là Đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, Đảng ta đang quyết tâm, quyết liệt xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện(3), thì việc kiên định và thực hiện các nguyên tắc này là cơ sở quan trọng để giữ vững kỷ luật Đảng, giữ nghiêm kỷ cương, phép nước.

2. NỘI DUNG VÀ VAI TRÒ CỦA VIỆC KIÊN ĐỊNH CÁC NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẢNG

Các nguyên tắc xây dựng Đảng bao gồm những nội dung sau:

Nguyên tắc thứ nhất: Tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng Cộng sản. "Tập trung" và "dân chủ" có mối quan hệ khăng khít với nhau, đó là hai vế của một nguyên tắc.

Dân chủ để đi đến tập trung, là cơ sở của tập trung; tập trung trên cơ sở dân chủ, theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, mọi Đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng.

Về dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý".

Người đặc biệt nhấn mạnh đến việc thực hiện và phá huy dân chủ nội bộ, vì có dân chủ trong Đảng mới có thể dân chủ trong xã hội, mới định hướng cho việc xây dựng một chế độ dân chủ triệu lần dân chủ chế độ TBCN.

Nguyên tắc thứ hai: Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Hồ Chí Minh giải thích về tập thể lãnh đạo như sau: "Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo? Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề. Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm".

Về cá nhân phụ trách, Hồ Chí Minh cho rằng: "Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho 1 người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy. Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh cái tệ người này ủy cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong".

Đối với việc thực hiện nguyên tắc này trong công tác xây dựng Đảng, phải chú ý khắc phục sự độc đoán chuyên quyền những cũng không được dựa dẫm, ỉ

lại tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm. Đây là hiện tượng thường thấy trong công tác hàng ngày, có khi thành tích thì nhận về cá nhân mình, còn khuyết điểm, sai lầm thì đổ lỗi cho tập thể.

Nguyên tắc thứ ba: Tự phê bình và phê bình

Mục đích của tự phê bình và phê bình sẽ giúp cho mỗi Đảng viên được nhìn nhận khách quan bởi các Đảng viên khác nhưng cũng tự đánh giá về mình dựa trên việc xử lý công việc cũng như kết quả công việc. Mục đích này được quy định bởi tính tất yếu trong quá trình hoạt động của Đảng ta. Bởi vì, Đảng là một thực thể của xã hội, Đảng bao gồm các tầng lớp xã hội, đội ngũ của Đảng bao gồm những người ưu tú, nhưng trong Đảng cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, không phải mọi người đều tốt, mọi việc đều hay, mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Chính vì vậy mà Hồ Chí Minh cho rằng, giải pháp tốt nhất là tự phê bình và phê bình.

Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh nêu rõ ở những điểm như: phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hằng ngày; phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nể nang, không giấu giếm và cũng không thêm bớt khuyết điểm; "phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau".

Nguyên tắc thứ tư: Kỷ luật nghiêm minh, tự giác

Tính nghiêm minh, tự giác đòi hỏi ở Đảng viên phải gương mẫu trong cuộc sống, công tác từ tác phong, hành động đến lời nói, việc làm. Uy tín của Đảng bắt nguồn từ sự gương mẫu của mỗi Đảng viên trong việc tự giác tuân thủ kỷ luật của Đảng, của Nhà nước, của đoàn thể nhân dân.

Nguyên tắc thứ năm: Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Sự đoàn kết thống nhất của Đảng phải dựa trên cơ sở lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lênin; cương lĩnh, điều lệ Đảng; đường lối, quan điểm của Đảng; nghị quyết của tổ chức Đảng các cấp. Đồng thời, muốn đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống

chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác. Có đoàn kết tốt thì mới tạo ra cơ sở vững chắc để thống nhất ý chí và hành động.

Với nội dụng về các nguyên tắc xây dựng Đảng vừa trình bày, tác giả nhận thấy tính tất yếu khách quan của việc kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng được phân tích dựa trên các lý do sau đây:

Thứ nhất, do tầm quan trọng của các nguyên tắc xây dựng Đảng

Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân, có tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động trên cơ sở những nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản được quy định trong Điều lệ Đảng. Đảng ta khẳng định: "Sự chặt chẽ về nguyên tắc là vấn đề sống còn của Đảng và bảo đảm quan trọng nhất cho sức sống, sự trong sạch và vững mạnh của Đảng"(2).

Kinh nghiệm lịch sử của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và của Đảng ta cho thấy, khi nào giữ vững các nguyên tắc xây dựng Đảng thì Đảng vững vàng, có đủ sức mạnh lãnh đạo cách mạng thành công và ngày càng phát triển; ngược lai, nếu Đảng nào mất cảnh giác, lơi lỏng, xa rời các nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản thì sẽ bị suy yếu, thậm chí tan rã.

Thứ hai, do việc thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng trong thực tiễn còn nhiều tồn tại cần khắc phục

Nhờ kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng mà Đảng ta đã vượt qua mọi thách thức, củng cố, phát triển đội ngũ Đảng viên; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng để đưa công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử như hiện nay. Tuy nhiên, trong những năm qua có một bộ phận không nhỏ cán bộ, Đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý cao cấp đã suy thoái, vi phạm các nguyên tắc xây dựng Đảng, gây ra những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, xã hội, chính trị... Phần lớn trong số 110 cán bộ diện Trung ương quản lý bị xử lý kỷ luật trong nhiệm kỳ Đại hội ĐBTQ lần thứ XII là do vi phạm nguyên tắc xây dựng Đảng, chủ yếu là nguyên tắc tập trung dân chủ. Ba trong bốn Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị bị kỷ luật trong nhiệm kỳ Đại hội ĐBTQ lần thứ XII là do vi phạm nguyên tắc xây dựng Đảng gây hậu quả nghiêm

trọng; tất cả các ban thường vụ cấp ủy bị Trung ương kỷ luật đều do vi phạm nguyên tắc này.

Việc vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ của một số cá nhân và tổ chức Đảng thời gian vừa qua đã gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng, gây thiệt hại tiền và tài sản của đất nước, của Nhân dân lên đến hàng nghìn tỉ đồng, trong đó có những thiệt hại không thể khắc phục được. Bởi vậy, đã đến lúc phải đề cao các nguyên tắc xây dựng Đảng để ngăn chặn quyết liệt từ sớm, từ xa các vi phạm tương tự trong thời gian vừa qua.

Thứ ba, do yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ trong thời kỳ mới, thời đại mới

Đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế là quá trình chuyển đổi rộng lớn, đòi hỏi sự tìm tòi, thử nghiệm mới mẻ, đan xen cả thời cơ và thách thức lớn đối với Đảng cầm quyền. Trong quá trình đó, để giữ vững vai trò lãnh đạo, mục tiêu đổi mới, phòng tránh sai lầm, chệch hướng, đòi hỏi toàn Đảng, từ tổ chức đến mỗi cán bộ, Đảng viên, hơn bao giờ hết phải nhận thức đúng và kiên định thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÁC NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẢNG

Đứng trước yêu cầu đặt ra là cần thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng một cách có hiệu quả, tác giả xin đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, cần nhận thức đúng và đủ về các yêu cầu và nội dung của các nguyên tắc xây dựng Đảng

Có thể thấy rằng, các sự việc xảy ra trong xã hội vừa qua cho thấy hiện tượng coi nhẹ và cố tình vi phạm các nguyên tắc xây dựng Đảng. Lý do của những hiện tượng này là vì nhận thức chưa đầy đủ và toàn diện về nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc đó. Vì vậy mỗi cán bộ, Đảng viên cần có nhận thức đầy đủ, đúng đắn nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc xây dựng Đảng. Đề làm được điều này, các cơ sở Đảng cần tổ chức quán triệt, phân tích, thực hiện thảo luận tự do dân chủ về các nguyên tắc đề các cán bộ, Đảng viên nhận thức rõ, kĩ lưỡng và đầy đủ về ác nguyên tắc xây dựng Đảng.

Hai là cần cụ thể hóa, quy chế hóa, chế độ hóa các nguyên tắc xây dựng Đảng

Các nguyên tắc xây dựng Đảng có tính khái quát cao, bao quát rộng và có nguyên tắc khá trừu tượng, dễ bị bóp méo. Một nguyên nhân làm cho việc thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng thời gian qua chưa tốt là do những quy định thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng vẫn còn chung chung, thiếu những quy định cụ thể, dẫn đến sự hiểu sai khi áp dụng và nghiêm trọng hơn là sự áp dụng một cách tùy tiện, bóp méo nguyên tắc trong quá trình thực hiện. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh việc cụ thể hóa, thể chế hóa các nguyên tắc xây dựng Đảng thành quy chế, quy định trong Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Ba là, cần khuyến khích nêu cao tinh thần tự giác, gương mẫu thực hiện đúng các nguyên tắc xây dựng Đảng của cán bộ, Đảng viên

Cần chú trọng nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự giác, gương mẫu thực hiện đúng các nguyên tắc xây dựng Đảng của cán bộ, Đảng viên. Mỗi cán bộ, Đảng viên cần nhận thức việc kiên định thực hiện đúng các nguyên tắc xây dựng Đảng vừa là trách nhiệm, vừa là cách tốt nhất để bảo vệ mình khỏi các sai phạm trong quá trình làm việc, công tác. Đề làm được điều này, các cơ sở Đảng cần đưa ra các hình thức khuyến khích, động viên các Đảng viên, tổ chức các cuộc thi, các buổi sinh hoạt lý thú để khích lệ cán bộ, Đảng viên nêu cao tinh thần tự giác, làm gương trong việc thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Bốn là, cần tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng

Cơ sở Đảng các cấp cần có kế hoạch và tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát về thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng. Thông qua đó có thể kịp thời phát hiện những thiếu sót, sơ hở trong quy định thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng và sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; đồng thời giáo dục, ngăn chặn kịp thời các khuyết điểm, sai phạm của Đảng viên. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp cần hướng vào kiểm tra tổ chức Đảng, Đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm các nguyên tắc xây dựng Đảng để giáo dục, ngăn chặn, không chờ vụ việc xảy ra mới kiểm tra, nhất là những nơi có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nghiêm

trọng nguyên tắc tập trung dân chủ. Mặt khác, phải coi trọng việc xem xét xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời đối với những tổ chức Đảng, cán bộ, Đảng viên cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết, tham nhũng, gây chia rẽ, bè phái, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, quan liêu, vi phạm pháp luật, bị dư luận phê phán, làm mất lòng tin của Nhân dân.

5. KẾT LUẬN.

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi Đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". (Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995, tập 12, tr 510).Trong giai đoạn hiện nay, với tư cách là Đảng duy nhất cầm quyền, cần kiên định vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới và kiên định những nguyên tắc xây dựng Đảng phải tiếp tục được quán triệt và thực hiện trong thực tế. Qua hơn 90 năm xây dựng và trưởng thành, nhất là qua 35 năm đổi mới, nhờ sự kiên định với mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng mà Đảng ta giữ vững được vai trò lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, lãnh đạo nhân dân ta tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 9/3/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.109.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb CTQG.
4. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Nxb CTQG-ST.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng* (tại Đại hội IV), Nxb Sự thật.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập III, Nxb Sự thật.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG- ST..

TÌM HIỂU VIỆC BẢO VỆ, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Chi bộ Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Việc bảo vệ, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong môi trường đại học là một nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo sự duy trì và phát triển của tư tưởng trong xã hội Việt Nam.

Nền tảng tư tưởng của Đảng đã không ngừng được khẳng định, bảo vệ và phát triển

Chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là cơ sở lý luận của cách mạng Việt Nam, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1927 trong cuốn "Đường cách mệnh" đã khẳng định phải "giữ chủ nghĩa cho vững", "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt", chủ nghĩa Mác -Lê nin là chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất.

Đảng ta đã chỉ rõ trong Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương vào năm 1930 rằng "Giải thích cho công nhân mục đích và đường lối của Đảng Cộng sản trong các vấn đề liên quan đến cuộc sống của công nhân và thái độ đối với các sự kiện lớn diễn ra trong nước. Giải thích cho họ rằng, Đảng Cộng sản là Đảng của họ, vì vậy họ cần phải bảo vệ Đảng".

Qua các kỳ Đại hội của Đảng, vấn đề bảo vệ nền tảng của Đảng được thống nhất xuyên suốt, nhất quán và tiếp tục được làm rõ, sát với tình hình thực tế. Tại Đại hội lần thứ III năm 1960, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã nhấn mạnh "nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi đảng viên là phải bảo vệ Đảng, bảo vệ vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng, tỉnh táo đề phòng và kiên quyết đấu tranh chống mọi mưu đồ đả kích hoặc làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng bất kỳ trên lĩnh vực nào, và núp dưới hình thức nào".

Cuối những năm 1980, với sự sáng suốt và đặc biệt nhạy cảm về tình hình chính trị quốc tế, trước những diễn biến tiêu cực của các Đảng và các nước xã hội

chủ nghĩa, Đảng ta đã có sự chủ động phòng ngừa sự chống phá của các thế lực thù địch, thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI với các nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, khẳng định tính chất của công cuộc đổi mới ở nước ta không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội: "Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta". Đảng ta đã có những nhìn nhận, đánh giá sâu sắc về những thất bại và nguyên nhân của những thất bại trong xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, khi các Đảng và các nước xã hội chủ nghĩa đã buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng, khiến đảng viên và nhân dân mất niềm tin vào lý tưởng mà mình theo đuổi. Điều này được nhấn mạnh trong Nghị quyết trung ương 7 khóa VI: "Giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt năm nguyên tắc và những chính sách đổi mới của Đảng", Đảng đã ban hành Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay" với 6 điểm được nhấn mạnh về những sai lầm trong cải tổ, cải cách của một số đảng về thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, dân chủ hóa không giới hạn. Một lần nữa, Đảng cho thấy sự kiên định trong lãnh đạo, chỉ đạo qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội VII năm 1991. Mặc dù sụ đổ vỡ xảy ra ngay tại Liên Xô - sự kiện mà đến năm 2005, Tổng thống Nga Pu-tin đã gọi là "chấn động chính trị khủng khiếp nhất thế kỷ XX", thì tại Việt Nam, Đảng ta vẫn nhất quán khẳng định Việt Nam vẫn đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, với chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Căn cứ vào tình hình cụ thể ở mỗi giai đoạn sau đó, Đảng ta tiếp tục đưa ra những chỉ đạo cụ thể về việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nghị quyết số 01-NQ/TW "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay" (tháng 3/1992); Nghị quyết số 09-NQ/TW "Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay" (tháng 2/1995); đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (năm 2012) và

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (năm 2016) về xây dựng Đảng. Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Đảng ta đã thẳng thắn vạch rõ những âm mưu thâm độc của các lực lượng thù địch khi thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam. Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (ngày 22/10/2018) "Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" nêu rõ: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Đó là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó các cơ quan báo chí tuyên truyền các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

Trong Đại hội XIII, Đảng ta đã chỉ ra một trong những thách thức to lớn mà chúng ta phải đối mặt và giải quyết, đó là: "Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta". Quan điểm của Đảng vẫn thống nhất xuyên suốt "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xay dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Như vậy, Đảng đã luôn kiên định với nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác lại các quản điểm sai trái, chống lại sự chống phá của các đối tượng thù đích, bản vệ Đảng, bảo vệ chế độ. Sự kiên định và thống nhất

đó là tiền đề cho sự phát triển về mọi mặt từ kinh tế, chính trị, xã hội đến vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tại phiên khai mạc Đại hội XIII của Đảng sáng 26/1/2021, tổng kết nhiệm kỳ khóa XII và nhìn lại 35 năm đổi mới, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khi ấy đã nhấn mạnh - "Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay." Những thành công và sự phát triển trong suốt 35 năm qua là mình chứng rõ nét nhất để khẳng định và nhấn mạnh tính đúng đắn và khẳng định vai trò, tầm quan trọng của nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong trường học

Có thể thấy, việc bảo vệ, vận dụng và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ lâu dài. Nhiệm vụ đó cần được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ trung ương đến địa phương, ở mọi hoạt động kinh tế, xã hội, mọi cơ quan tổ chức và cá nhân. Trong môi trường trường học, nơi đào tạo những thế hệ học sinh, sinh viên vừa hồng vừa chuyên, việc phát huy vai trò của học sinh sinh veein trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng càng cần có những giải pháp và các thành động thiết thực, đi vào thực tế. Một số hoạt động có thể được nghiên cứu triển khai được đề xuất:

a. Trong hoạt động giảng dạy và đào tạo:

Chương trình giảng dạy: Đảm bảo rằng chương trình giảng dạy các môn liên quan đến chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được cập nhật và phù hợp với bối cảnh hiện tại. Điều này bao gồm cả việc giảng dạy lịch sử và các nguyên lý cơ bản, cũng như các ứng dụng thực tế trong xã hội hiện đại.

Phương pháp giảng dạy sáng tạo: Sử dụng các phương pháp giảng dạy sáng tạo và hấp dẫn để thu hút sự chú ý của sinh viên. Ví dụ: sử dụng tình huống, thảo luận nhóm, hoặc các hoạt động thực tế để làm cho nội dung trở nên gần gũi và dễ hiểu hơn.

b. Các hoạt động nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu học thuật: Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này có thể bao gồm các công trình nghiên cứu, hội thảo khoa học, và hợp tác với các học giả khác để trao đổi kiến thức. Cung cấp hoạt động tư vấn học thuật để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ý nghĩa và tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.

Định hướng phát triển mới: Thúc đẩy việc tìm kiếm và phát triển các ý tưởng mới dựa trên chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với bối cảnh hiện đại và những thách thức hiện tại của xã hội.

c. Hoạt động tuyên truyền và phổ biến

Câu lạc bộ và hoạt động ngoại khóa: Tổ chức các câu lạc bộ, sự kiện, và hoạt động ngoại khóa liên quan đến chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để thúc đẩy sự quan tâm và tham gia của sinh viên.

Tài liệu và truyền thông: Phát triển và phân phối các tài liệu tuyên truyền như sách, bài viết, hoặc video để giới thiệu và giải thích ý nghĩa của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong tư vấn và định hướng nghề nghiệp: Giúp sinh viên hiểu cách áp dụng các nguyên lý này trong định hướng nghề nghiệp của họ và trong việc xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

d. Thực hành và áp dụng

Công tác xã hội: Tổ chức các hoạt động công tác xã hội và hoạt động cộng đồng nhằm đưa các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tế.

Thực tập và trải nghiệm: Tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các dự án thực tập hoặc công việc liên quan đến việc thực hiện và áp dụng các nguyên lý này trong cuộc sống thực tế.

Bằng cách thực hiện các biện pháp này, các trường đại học có thể góp phần quan trọng vào việc bảo vệ, vận dụng, và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp tạo ra một thế hệ mới có kiến thức và ý thức xã hội sâu sắc.

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO: KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

PGS.TS. Mai Ngọc Anh, TS. Đinh Viết Hoàng

Khoa Khoa học quản lý

Tóm tắt: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước là chủ trương lớn, là nhiệm vụ chiến lược, trung tâm, quan trọng hàng đầu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc được đánh giá là một trong những quốc gia thực hiện CNH, HĐH đất nước dựa trên nền tảng khoa học công nghệ (KHCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) thành công trên thế giới. Với lợi thế của nước đi sau, Việt Nam hoàn toàn có thể học hỏi kinh nghiệm từ những nước đi trước, đặc biệt là các quốc gia có sự tương đồng về thể chế chính trị, văn hoá như Trung Quốc. Bài viết này sẽ đánh giá quá trình CNH, HĐH dựa trên nền tảng KHCN và ĐMST ở Trung Quốc, qua đó gợi mở những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong thời gian tới.*

***Tóm tắt**: CNH, HĐH, KHCN, ĐMST, Trung Quốc, Việt Nam*

1. Giới thiệu

Trong quá trình hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã không ngừng nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai các mô hình và chiến lược công nghiệp hóa phù hợp với điều kiện thực tế của quốc gia. Vào năm 1994, trong Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng đã đưa ra định hướng CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi toàn diện và sâu rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ chủ yếu dựa vào lao động thủ công sang áp dụng rộng rãi công nghệ và phương pháp hiện đại, tiên tiến. Hội nghị nhấn mạnh rằng KHCN là nền tảng chính trong quá trình này, và cần thực hiện đồng thời công nghiệp hóa và hiện đại hóa, phát triển các mũi nhọn kinh tế theo mức độ tiên tiến của KHCN quốc tế.

Đại hội VIII của Đảng vào năm 1996 yêu cầu trong giai đoạn đầu của quá trình quá độ cần phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để chuyển sang giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH khẳng định vai trò của KHCN là nền tảng cho sự chuyển đổi này. Đến Đại hội IX năm 2001, khi nhận định rằng KHCN sẽ có những bước tiến vượt bậc trong thế kỷ XXI và kinh tế tri thức sẽ ngày càng quan trọng, Đại hội chỉ ra rằng "Phát triển KHCN cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa" để từng bước phát triển kinh tế tri thức và tăng năng suất lao động. Đại hội X năm 2006 tiếp tục nhấn mạnh mối liên kết chặt chẽ giữa hoạt động KHCN và giáo dục đào tạo để thực sự phát huy vai trò của quốc sách hàng đầu này, tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình CNH, HĐH và phát triển kinh tế tri thức. Đến Đại hội XI (năm 2011), Đảng tiếp tục nhấn mạnh việc đẩy mạnh CNH, HĐH liên kết với phát triển kinh tế tri thức: "Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ để tạo động lực cho quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế tri thức" là một mục tiêu then chốt. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) cũng khẳng định: "Phát triển KHCN nhằm mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới". Đại hội XII của Đảng (năm 2016) lại một lần nữa nhấn mạnh: "Phát triển mạnh mẽ KHCN, làm cho KHCN thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức". Đến năm 2020, mục tiêu là KHCN đạt trình độ phát triển của nhóm nước dẫn đầu ASEAN, xác định CNH, HĐH cần được tiến hành theo ba bước: Tạo tiền đề, điều kiện CNH, HĐH; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng CNH, HĐH.

Nhờ thực hiện nhất quán và mạnh mẽ đường lối đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH trên nền tảng KHCN, đất nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể: đạt ngưỡng thu nhập trung bình vào năm 2008; nền kinh tế tăng trưởng ổn định với giai đoạn 2011-2015 đạt 5,9% và giai đoạn 2016-2019 đạt 6,8%; quy mô nền kinh tế tăng từ 116 tỷ USD năm 2010 lên 271,2 tỷ USD năm 2020. GDP bình quân đầu người từ 1,331 USD năm 2010 tăng lên 2,779 USD năm 2020. "Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện từng bước, cơ cấu kinh tế bắt đầu chuyển dịch sang

chiều sâu" và tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao từ 19% năm 2010 tăng lên 50% năm 2020. KHCN từng bước khẳng định vai trò là động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực KHCN của đất nước được tăng cường, hiệu quả hoạt động KHCN được nâng cao, tạo chuyển biến tích cực cho hoạt động đổi mới và khởi nghiệp sáng tạo. Trình độ KHCN sản xuất được nâng cao, tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không hoàn thành; tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ có xu hướng giảm dần theo chu kỳ 10 năm, có nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Điều đó được thể hiện qua thực tế rằng nội lực của nền kinh tế còn yếu, năng suất lao động thấp và phụ thuộc nhiều vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trong khi đó khu vực kinh tế tư nhân trong nước chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng thúc đẩy CNH, HĐH. Hơn nữa, khu vực công nghiệp phát triển thiếu bền vững, giá trị gia tăng thấp, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp thông minh phát triển chậm.

Một trong những nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trên đã được Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII chỉ ra đó là chúng ta chưa nhận thức rõ được cơ sở lý luận, mô hình về CNH, HĐH trong khi việc phân bổ các nguồn lực của Nhà nước cho phát triển KHCN, ĐMST còn thấp và không hiệu quả. Do đó, việc tìm hiểu những kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là quốc gia có bối cảnh chính trị, văn hóa tương đồng như Trung Quốc, sẽ giúp Việt Nam có thêm những căn cứ, cơ sở khoa học và bài học quý báu để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước.

2. Kinh nghiệm CNH, HĐH đất nước trên nền tảng KHCN&ĐMST của Trung Quốc

Trung Quốc đã trải qua một quá trình phát triển CNH, HĐH nhanh chóng trong các thập kỷ qua. Từ khi khai thác kinh tế đổi mới và mở cửa cửa hàng hóa,

nền kinh tế Trung Quốc đã đạt được mức tăng trưởng đáng kinh ngạc trong suốt những năm 1980 và 1990, và đang tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh hơn trong những năm gần đây. Những thành tựu vượt bậc trong giai đoạn CNH, HĐH đất nước của Trung Quốc được cho rằng có vai trò rất lớn của KHCN và ĐMST.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển KHCN, với mục tiêu nâng cao năng suất lao động và cải thiện chất lượng sản phẩm. Các thành tựu công nghiệp hóa hiện đại hóa dựa trên nền tảng KHCN và ĐMST tại Trung Quốc đã đạt được nhiều thành công đáng kể và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của nước này, cũng như đóng góp vào sự phát triển toàn cầu. Có thể kể đến một số lĩnh vực mà Trung Quốc đang có vị thế dẫn đầu trên thế giới như sản xuất ô tô, công nghiệp điện tử, năng lượng tái tạo, trí tuệ nhân tạo, y dược hay khởi nghiệp và ĐMST. Tất cả những thành quả có được này góp phần quan trọng đưa Trung Quốc trở thành quốc gia có nền công nghiệp tiên tiến và hiện đại, bắt kịp với quốc gia phát triển trên thế giới. Quá trình CNH, HĐH trên nền tảng KHCN và ĐMST của Trung Quốc diễn ra qua nhiều giai đoạn, bắt đầu từ cuối thập niên 1970 đến nay.

Giai đoạn 1 (1978-1992): Trong giai đoạn này, chính phủ Trung Quốc đã triển khai một số chính sách để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và công nghiệp hóa. Cụ thể:

Chính sách định hướng thị trường: Chính phủ cho phép tư nhân và các nhà sản xuất tự do tham gia vào hoạt động kinh tế. Thị trường được cho phép phát triển và tư nhân được khuyến khích để thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Đầu tư nước ngoài: Chính phủ Trung Quốc đã cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động kinh tế của nước này. Điều này đã giúp thu hút được nhiều vốn đầu tư và kỹ thuật mới từ các nước phát triển, đẩy mạnh sự phát triển của các ngành công nghiệp.

Đổi mới công nghệ và đào tạo nhân lực: Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư nhiều vào các chương trình đào tạo nhân lực và phát triển công nghệ mới. Việc này đã giúp nâng cao trình độ và kỹ năng của nhân lực trong các ngành công nghiệp.

Chính sách cải cách hành chính: Chính phủ đã thực hiện một số cải cách hành chính để cải thiện môi trường kinh doanh và đẩy mạnh sự phát triển kinh tế.

Tăng cường hợp tác quốc tế: Chính phủ Trung Quốc đã tăng cường hợp tác với các nước phát triển để học hỏi kinh nghiệm và công nghệ mới, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm để tăng cường ngoại thương.

Giai đoạn 2 (1992-2012): Giai đoạn 2 của quá trình CNH, HĐH Trung Quốc kéo dài từ năm 1992 đến 2012, với sự tăng trưởng kinh tế vượt bậc và sự xuất hiện của các tập đoàn đa quốc gia trong nền kinh tế Trung Quốc. Các chính sách chính được triển khai trong giai đoạn này bao gồm:

Chuyển đổi về thị trường và đổi mới doanh nghiệp: Chính phủ Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi từ kinh tế quốc doanh sang kinh tế thị trường. Điều này được thực hiện bằng cách cải cách các quy định liên quan đến đầu tư và doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp tư nhân tăng trưởng mạnh mẽ và trở thành động lực chính của nền kinh tế Trung Quốc.

Mở cửa đối ngoại và hội nhập kinh tế: Trung Quốc đã tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2001, mở cửa đối ngoại và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào các ngành kinh tế Trung Quốc.

Đổi mới kỹ thuật và KHCN: Trung Quốc đã tập trung đầu tư vào nghiên cứu và phát triển KHCN, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp có tiềm năng cao như điện tử, thông tin và vật liệu. Chính phủ Trung Quốc đã thiết lập các khu công nghệ cao và các trung tâm nghiên cứu công nghệ để thúc đẩy sự đổi mới và phát triển kinh tế dựa trên KHCN.

Cải cách hệ thống tài chính: Chính phủ Trung Quốc đã tiến hành cải cách hệ thống tài chính để nâng cao tính linh hoạt và minh bạch của hệ thống tài chính. Điều này bao gồm cải cách các ngân hàng nhà nước, tăng cường sự kiểm soát và giám sát của các cơ quan chức năng và đẩy mạnh sự phát triển của các công ty bảo hiểm. nước ngoài cũng đã được khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ.

Xây dựng hạ tầng nhưng với quy mô và quy trình hiệu quả hơn: Chính sách này nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế bền vững và đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa.

Giai đoạn 3 (2012-đến nay): Trong giai đoạn này, chính phủ Trung Quốc đã tiếp tục tăng cường đầu tư vào KHCN và ĐMST. Chính phủ Trung Quốc đã thành lập nhiều chương trình chính phủ để hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân và công ty nước ngoài đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ mới. Ngoài ra, Trung Quốc cũng tập trung vào phát triển các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, mạng 5G, và khoa học vũ trụ. Cụ thể, các chính sách trong giai đoạn này bao gồm:

Chương trình "Khởi nghiệp và ĐMST chủ động" (Mass Entrepreneurship and Innovation Program): Chính phủ Trung Quốc khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động ĐMST, đồng thời cung cấp tài trợ và hỗ trợ về chính sách cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Chiến lược "Một vành đai, một con đường" (One Belt One Road): Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra chiến lược này nhằm mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực châu Á, châu Âu và châu Phi. Chiến lược này bao gồm các hoạt động đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các dự án phát triển kinh tế.

Chương trình "KHCN và ĐMST" (Science and Technology Innovation 2030): Chương trình này đặt mục tiêu phát triển Trung Quốc thành một trung tâm nghiên cứu và phát triển KHCN hàng đầu thế giới. Chính phủ sẽ tập trung vào đầu tư nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực như thông tin, sinh học, năng lượng mới và vật liệu.

Chiến lược "Đổi mới hàng hóa" (Made in China 2025): Chiến lược này tập trung vào việc đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm "made in China". Chính phủ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, phát triển đồng bộ và tăng cường năng lực sản xuất.

Chính sách bảo vệ môi trường: Chính phủ Trung Quốc đã tăng cường chính sách bảo vệ môi trường và đầu tư vào các công nghệ xanh để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Chính sách tăng cường quản lý nợ: Chính sách này được thiết lập nhằm giảm mức độ nợ và tăng cường quản lý tài chính. Trong quá trình phát triển kinh tế, các doanh nghiệp Trung Quốc đã vay mượn một số lượng lớn vốn để đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất. Tuy nhiên, điều này đã dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp này rơi vào khó khăn tài chính và chịu áp lực lớn từ khoản nợ. Với chính sách tăng cường quản lý nợ, chính phủ Trung Quốc đã tập trung vào việc kiểm soát tỷ lệ nợ của các doanh nghiệp, đồng thời tăng cường quản lý và giám sát các ngân hàng và tổ chức tài chính khác. Để thực hiện chính sách này, chính phủ Trung Quốc đã tăng cường việc thu hồi nợ từ các doanh nghiệp, đồng thời tăng cường việc cấp vốn cho các doanh nghiệp có khả năng trả nợ.

3. Đánh giá những thành tựu và hạn chế của Trung Quốc trong quá trình CNH, HĐH trên nền tảng KHCN và ĐMST

3.1. Thành tựu

Quá trình CNH, HĐH đất nước Trung Quốc trên nền tảng KHCN và ĐMST đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống nhân dân Trung Quốc. Cụ thể, nhờ sự phát triển của kinh tế, người dân Trung Quốc đã được hưởng lợi từ các chính sách và đổi mới trong các lĩnh vực như:

Tăng trưởng kinh tế: Kinh tế Trung Quốc đã có mức tăng trưởng ấn tượng, đem lại nhiều cơ hội việc làm cho người dân và tăng thu nhập của họ. Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm của Trung Quốc từ năm 1980 đến năm 2020 là 9,5%, đưa nước này trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ. Cùng với đó, mức thu nhập bình quân của người dân Trung Quốc đã tăng gấp đôi trong thập kỷ qua.

Nâng cao đời sống nhân dân: Quá trình CNH, HĐH đã giúp Trung Quốc đầu tư nhiều hơn vào giáo dục và sức khỏe. Nhiều trường đại học mới được xây dựng, hệ thống y tế cũng được cải thiện, mang lại lợi ích cho sức khỏe và giáo dục của người dân. KHCN đã giúp Trung Quốc tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ tiện ích cho người dân, từ điện thoại thông minh, tàu cao tốc, đến dịch vụ thương mại điện tử. Các đô thị Trung Quốc cũng đã trở nên hiện đại và tiện nghi hơn,

giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã giúp Trung Quốc đẩy mạnh các chương trình giảm nghèo, tăng thu nhập và nâng cao đời sống nhân dân. Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, số người Trung Quốc sống dưới mức ngưỡng nghèo đã giảm từ 756 triệu người vào năm 1990 xuống còn khoảng 5 triệu người vào năm 2020.

Trở thành cường quốc công nghệ: Quá trình CNH, HĐH trên nền tảng KHCN và ĐMST đã giúp Trung Quốc trở thành một cường quốc công nghệ trong vài thập kỷ qua. Nước này đã trở thành một trong những quốc gia hàng đầu về sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm công nghệ, từ smartphone, máy tính bảng, đến các thiết bị gia dụng thông minh, máy bay không người lái và robot. Trung Quốc đã thành lập các trung tâm nghiên cứu và đào tạo tại các trường đại học hàng đầu trong nước nhằm đẩy mạnh phát triển các công nghệ này. Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án công nghệ lớn, bao gồm mạng 5G và trí tuệ nhân tạo, nhằm tăng cường sức mạnh cạnh tranh của nước này trong các lĩnh vực công nghệ tiên tiến. Trung Quốc đã thành lập một số tập đoàn kinh tế lớn như Alibaba, Tencent, Huawei, Xiaomi, vv. Các tập đoàn này đã tạo ra hàng triệu việc làm và mang lại nhiều đóng góp cho nền kinh tế Trung Quốc. Quốc gia này cũng đã đưa ra một kế hoạch toàn diện để phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, bao gồm công nghệ thông tin, dược phẩm, và các công nghệ mới như năng lượng tái tạo.

Tăng cường vị thế quốc tế: Quá trình CNH, HĐH trên nền tảng KHCN và ĐMST đã giúp Trung Quốc tăng cường vị thế quốc tế và trở thành một trong những đối tác kinh tế hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới. Trung Quốc đã xây dựng các quan hệ đối tác kinh tế vững chắc với nhiều quốc gia trên thế giới. Với những chính sách mở cửa và ĐMST, Trung Quốc đã thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư vào nền kinh tế của mình. Đồng thời, Trung Quốc cũng đã có nhiều đàm phán thương mại quan trọng với nhiều quốc gia trên thế giới, giúp mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng cường cạnh tranh quốc tế. Đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp Trung Quốc phát triển một mạng lưới thương mại và đầu tư quốc tế rộng khắp.

3.2. Hạn chế

Mặc dù có nhiều thành tựu đáng kể trong quá trình CNH, HĐH dựa trên nền tảng KHCN và ĐMST của Trung Quốc, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế:

Thứ nhất, sự thiếu đồng đều trong phát triển giữa các khu vực: Sự phát triển không đồng đều giữa các khu vực, đặc biệt là giữa các khu vực đô thị và nông thôn, vẫn là một vấn đề lớn đối với Trung Quốc.

Thứ hai, ít đầu tư vào nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực độc lập: Mặc dù Trung Quốc đã có một số thành tựu đáng kể trong KHCN, nhưng hầu hết đều được thực hiện thông qua việc nhập khẩu công nghệ và thiết bị từ các nước phát triển. Trung Quốc cần đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu và phát triển độc lập để tăng cường sức mạnh công nghệ của mình.

Thứ ba, ít quan tâm đến vấn đề môi trường: Trong quá trình phát triển, Trung Quốc đã gây ra nhiều vấn đề về môi trường như ô nhiễm không khí, nước, đất, gây ra ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân và động vật, thực vật.

Thứ tư, vấn đề đối ngoại: Trung Quốc vẫn phải đối mặt với những áp lực từ các quốc gia khác trong vấn đề thương mại, quyền sở hữu trí tuệ và an ninh quốc gia. Vấn đề đối ngoại vẫn là một thách thức lớn đối với sự phát triển của Trung Quốc.

Thứ năm, vấn đề bất động sản: Tình trạng đầu cơ bất động sản và xây dựng quá mức đang làm gia tăng rủi ro về tài chính cho nền kinh tế Trung Quốc. Nhiều chuyên gia cảnh báo về nguy cơ xảy ra khủng hoảng tài chính nếu Trung Quốc không kiểm soát được tình trạng bất động sản.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong quá trình CNH, HĐH của Trung Quốc dựa trên nền tảng KHCN và ĐMST. Dưới đây là một số nguyên nhân chính:

Thứ nhất, thiếu tài nguyên nhân lực chất lượng cao: Mặc dù Trung Quốc có một lực lượng lao động rộng lớn, nhưng nhiều chuyên gia cho rằng, tài nguyên nhân lực của Trung Quốc chưa đạt được chất lượng và năng lực cần thiết để thúc đẩy phát triển KHCN và ĐMST.

Thứ hai, thiếu khả năng sáng tạo: Mặc dù Trung Quốc đã đạt được thành tựu lớn trong việc ĐMST, tuy nhiên vẫn còn thiếu khả năng sáng tạo độc đáo để tạo ra sản phẩm có giá trị cao trên thị trường toàn cầu.

Thứ ba, thiếu sự liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học: Trong khi các trường đại học Trung Quốc đang sản xuất ra hàng ngàn kỹ sư mỗi năm, nhưng nhiều doanh nghiệp lại thiếu kinh nghiệm trong việc liên kết với các trường đại học để tận dụng tối đa tài nguyên nhân lực và nghiên cứu khoa học.

Thứ năm, thiếu khả năng quản lý và kiểm soát rủi ro: Sự phát triển nhanh chóng của KHCN và ĐMST đòi hỏi các quy trình quản lý và kiểm soát rủi ro phải được thực hiện một cách chặt chẽ và hiệu quả. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc kiểm soát rủi ro và bảo vệ sự an toàn và quyền lợi của người tiêu dùng.

Thứ sáu, sự phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài: Mặc dù Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực CNH, HĐH, nhưng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào công nghệ và thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài, đặc biệt là từ Mỹ và châu Âu

4. Kết luận và bài học cho Việt Nam

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng đã thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa quốc gia thông qua việc tận dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quan điểm và chính sách này nhằm chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam thành một nền kinh tế kiến thức, hiện đại, cạnh tranh và bền vững. Đảng đã nhấn mạnh vai trò trung tâm của khoa học và công nghệ trong chiến lược phát triển kinh tế, coi đây là động lực chính cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Chính sách của Đảng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đang được triển khai qua nhiều biện pháp hỗ trợ, bao gồm cả tài chính và pháp lý. Việc cải thiện môi trường kinh doanh bằng cách đơn giản hóa thủ tục hành chính và cải cách hệ thống pháp luật đang được thực hiện nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích doanh nghiệp trong nước mở rộng hoạt động R&D. Đặc biệt, việc

phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm và công nghệ cao đang được ưu tiên để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường.

Một trong những trọng tâm của Đảng là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc đầu tư vào giáo dục và đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và năng lực cho lao động trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ là yếu tố thiết yếu để đảm bảo nguồn lực đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Điều này không chỉ giúp nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế mà còn củng cố sự độc lập, tự chủ trong công nghệ.

Để thúc đẩy một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mạnh mẽ, Đảng đã và đang triển khai các chính sách hỗ trợ xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, trung tâm ươm tạo, và mạng lưới các nhà đầu tư mạo hiểm. Sự phát triển của các khu công nghệ cao không chỉ là cơ sở cho sự đổi mới và sáng tạo mà còn là cơ hội để Việt Nam hội nhập sâu rộng vào mạng lưới sản xuất và công nghệ toàn cầu.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở rộng hợp tác quốc tế. Việt Nam đang tích cực tham gia các mối quan hệ đối tác và thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao, để không chỉ thu hút nguồn lực mà còn chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý hiện đại.

Đối với Trung Quốc, thành công kinh tế và tiến bộ công nghệ nhanh chóng được cho là nhờ sự thay đổi trong chiến lược phát triển kể từ năm 1978. Thay vì tuân theo một chiến lược "bắt kịp" phi thực tế, Trung Quốc đã áp dụng một cách tiếp cận thực dụng đối với nền kinh tế để quản lý quá trình chuyển đổi kinh tế. Bất chấp nghèo đói, Trung Quốc đã tìm cách mở rộng năng lực sản xuất trong các ngành công nghiệp nặng tương tự như các quốc gia phát triển, với hy vọng thu hẹp khoảng cách năng suất càng nhanh càng tốt. Trung Quốc đã trở nên tự chủ trong phát triển công nghệ nhờ dựa trên lợi thế của nước đi sau và lợi thế so sánh. Trung Quốc thực hiện cải cách theo định hướng thị trường, khuyến khích mở rộng các ngành có lợi thế so sánh, dẫn đến xuất khẩu tăng trưởng mạnh.

"Chính sách nước lớn" được đưa ra để bảo vệ các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn và các ngành liên quan đến an ninh quốc gia. Các SEZ được thành lập để thu hút FDI và chuyển giao công nghệ, kết nối các nhà sản xuất Trung Quốc với chuỗi sản xuất toàn cầu và biến lợi thế quốc gia tụt hậu thành lợi thế cạnh tranh toàn cầu. Sự chuyển đổi kinh tế của Trung Quốc không tuân theo bất kỳ học thuyết nào, mà thay vào đó tìm kiếm cơ hội để tạo ra các lĩnh vực mới để thúc đẩy tăng trưởng. “Chính sách nước lớn” giúp ổn định kinh tế - xã hội, nhưng trọng tâm là tạo nguồn tăng trưởng mới bằng cách chuyển lao động dư thừa từ nông nghiệp sang các ngành sản xuất hàng xuất khẩu sử dụng nhiều lao động. Mặc dù Trung Quốc đã trải qua quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế thành công, tuy nhiên vẫn tồn tại các vấn đề về "tham nhũng", chênh lệch thu nhập và ô nhiễm môi trường.

Trong bối cảnh Việt Nam, những thay đổi về kinh tế của gần 40 năm qua đã chuyển đổi đất nước từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp sang nền kinh tế thị trường Xã hội chủ nghĩa. Với lợi thế của nước đi sau, Việt Nam cần nghiên cứu và học hỏi mô hình CNH, HĐH dựa trên nền tảng KHCN và ĐMST của Trung Quốc. Một số bài học có thể rút ra như sau:

Thứ nhất, cần khởi tạo tinh thần kinh doanh và sáng tạo phù hợp: Các công ty tư nhân, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu và công nghệ ở Trung Quốc luôn coi ĐMST là hoạt động quan trọng và có ý nghĩa sống còn. Vì thế, Việt Nam cũng cần khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân và công ty khởi nghiệp phát triển KHCNvà ĐMST.

Thứ hai, Trung Quốc đã chi rất nhiều cho nghiên cứu KHCN, đặc biệt là trong các lĩnh vực quan trọng chiến lược như trí tuệ nhân tạo, IoT, dữ liệu lớn và viễn thông. Để đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh, Việt Nam phải đầu tư mạnh mẽ vào KHCN và ĐMST.

Thứ ba, Trung Quốc đã phát triển một mô hình hợp tác giữa các tổ chức, ngành công nghiệp và trường đại học để tạo ra hàng hóa và dịch vụ chất lượng cao. Để thúc đẩy công nghệ trong sản xuất kinh doanh, Việt Nam phải tăng cường

hợp tác giữa các tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp và trường đại học.

Thứ tư, để đáp ứng nhu cầu thị trường, Trung Quốc đã ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Do vậy, để bắt kịp các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam phải tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là về khoa học, công nghệ và kỹ thuật.

Hy vọng với những phân tích và kinh nghiệm từ quá trình CNH, HĐH dựa trên nền tảng KHCN và ĐMST của Trung Quốc, Việt Nam sẽ trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] *Agarwala, N., & Chaudhary, R. D. (2019). China's policy on science and* technology: Implications for the next industrial transition. India Quarterly, 75(2), 206-227.

[2] Ban Tuyên giáo Trung ương: Thông báo nhanh kết quả Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII của Đảng, 2022

[3] Dự thảo báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 5

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, Hà Nội, tập I, tr. 112

[5] Fu, X. (2015). China's path to innovation. Cambridge University Press.

[6] Hà Minh Hiệp, Trịnh Thị Ngọc Quỳnh (2021), "Chính sách "bắt kịp" của Trung Quốc và bài học đối với Việt Nam". Truy cập ngày 10/4/2023 tại: https://vjst.vn/vn/tin-tuc/4839/chinh-sach-bat-kip-cua-trung-quoc-va-bai-hoc-doi-voi-viet-nam.aspx

[7] Kỷ yếu Hội Thảo Khoa Học Quốc Gia (2022), “Chủ Trương Và Chính Sách CNH, HĐH Đất Nước Đến Năm 2030, Tầm Nhìn Đến Năm 2045”

[8] Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

[9] OECD. (2007). OECD Reviews of Innovation Policy: China Synthesis Report.

[10] State Council of the People’s Republic of China. (2006). The national medium-and long-term program for science and technology development (2006–2020).

[11] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[12] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. II, tr. 9

[13] Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006

[14] Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách công thương: Công nghiệp Việt Nam năm 2020 và 5 năm 2016 - 2020, Hà Nội, 2020, tr. 5

[15] Viện Nghiên cứu Chiến lược, chính sách công thương: Công nghiệp Việt Nam năm 2020 và 5 năm 2016 - 2020, Tlđd, tr. 9

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG XÃ HỘI

ThS. Trần Thị Thanh Hà

Phòng Quản lý đào tạo, Trường ĐH KTQD

Email: hat@neu.edu.vn

Hiện nay, các thế lực thù địch lợi dụng internet, mạng xã hội để tan phát nhiều loại thông tin sai trái, thù địch nhằm chống phá Đảng và Nhà nước ta, thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, tác động tiêu cực đến tư tưởng và làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình hiện nay là hết sức cần thiết.

Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là hệ thống lý luận, cơ sở khoa học và thực tiễn về xây dựng Đảng, về nguyên tắc hoạt động của Đảng, về định hướng phát triển của Đảng, về mục tiêu đấu tranh cách mạng của Đảng, các vấn đề chiến lược của đất nước (về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về đường lối phát triển kinh tế - xã hội; về quốc phòng-an ninh và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, …).

Những năm qua, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần giữ vững, bổ sung và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, phản động, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, không ngừng củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ở Đại hội XII của Đảng đã xác định 2 nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đều ở thế tiến công "… đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế

lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch. Đại hội XIII của Đảng đã xác định 2 nhiệm vụ cả thế tấn công và phòng ngự "…bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch…". Bảo vệ trước, đấu tranh sau; trong đấu tranh thì đấu tranh từ bên trong trước, bên ngoài sau, chống quan điểm sai trái song mới đến thù địch. Đây là hai mặt của một nhiệm vụ. Chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Muốn bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch và ngược lại, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch để luôn giữ vững, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng. Đặc biệt, sau khi có Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Bộ Chính trị, về *"Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới"*, công tác này được triển khai ngày càng bài bản, thống nhất, đồng bộ, toàn diện, quyết liệt, đi vào chiều sâu. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động chưa bao giờ từ bỏ ý đồ chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng ta, luôn toan tính tạo ra "khoảng trống" về tư tưởng, lý luận trong đời sống chính trị - xã hội của nước ta, với âm mưu cơ bản, lâu dài và rất thâm độc là xoay chuyển quỹ đạo phát triển của đất nước ta đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Để biết được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam thì chúng ta phải nhận diện được chúng dùng thủ đoạn, cách thức như thế nào để chống phá ta. Do đó việc nhận diện các loại quan điểm sai trái, thù địch đặc biệt quan trọng, từ đó chúng ta mới có các biện pháp ngăn chặn, đối phó, phản bác lại những quan điểm sai trái đó. Để Nhận diện các loại quan điểm sai trái, thù địch hiện nay đó là những gì, thì chúng ta phải biết những quan điểm sai trái đó là những gì? Hiện nay có 6 loại quan điểm sai trái, thù địch mà các thế lực thù địch sử dụng: 1) Loại tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng ta với biểu hiện rất đa dạng; 2) Loại chống phá sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc Cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; 3) Loại xuyên tạc lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng; 4) Loại bôi nhọ cá nhân các lãnh tụ, lãnh đạo của Đảng; 5) Loại lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm

của Đảng để xuyên tạc bản chất Đảng; 6) Loại ca ngợi chủ nghĩa tư bản với những giá trị khác nhau của nó.

Để tuyên truyền những quan điểm sai trái đó, các thế lực thù địch chúng đã sử dụng rất nhiều thủ đoạn, phương thức khác nhau, ngày càng tinh vi, xảo quyệt, nguy hiểm hơn, có tác động đến các tầng lớp trong xã hội. Thủ đoạn tấn công, đả kích trực diện nền tảng tư tưởng của Đảng, vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, mục tiêu, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giả danh mác xít, "giả khoa học" để tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phủ nhận những thành tựu to lớn của nhân dân dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đã đạt được trong quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế. Lợi dụng, cường điệu hóa những hạn chế, khuyết điểm của Đảng và hệ thống chính trị trong lãnh đạo, quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội để quy kết cho rằng việc Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng chính là nguyên nhân gốc rễ của những hạn chế, khiếm khuyết đó. Bôi nhọ lãnh tụ, xuyên tạc lý lịch, thân thế sự nghiệp các lãnh tụ, các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước để đi đến phủ nhận con người, phủ nhận hệ tư tưởng mác xít và vai trò lãnh đạo của Đảng. Thúc đẩy và làm sâu sắc hơn quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân để thông qua đối tượng này trực tiếp phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lợi dụng các sự kiện chính trị - xã hội "nhạy cảm", việc bắt, xử lý số cán bộ cao cấp về tội tham nhũng; xét xử số đối tượng chống đối vi phạm pháp luật, để lôi kéo, kích động người dân tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn, lật đổ; tuyên truyền kích động các hoạt động ly khai, tự trị trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Móc nối, lôi kéo các đối tượng cơ hội chính trị có cả cán bộ đương chức, có tướng lĩnh đã nghỉ hưu và thành phần chống đối trong trí thức, văn nghệ sĩ tăng cường chống Đảng, cổ xúy cho "dân chủ tư sản", "xã hội dân sự", "xã hội dân chủ".

Tất cả những nội dung đó để mà tuyền truyền sâu rộng được và tới được mọi tầng lớp nhân dân thì một trong những phương thức mà các thế lực thù địch lợi dụng để tuyên truyền, chống phá có hiệu quả nhất hiện nay, đó là mạng xã hội. Mạng xã hội (MXH) là hệ thống của những mối quan hệ giữa con người trên nền tảng Internet. Việt Nam, với dân số khoảng 95 triệu người, tỷ lệ người sử dụng internet chiếm hơn 65% (đứng thứ 16 thế giới về số lượng người sử dụng internet), trong đó có khoảng 94% người dùng với mục đích sử dụng mạng xã hội. Các mạng xã hội được người dùng Việt Nam sử dụng phổ biến là Facebook, Zalo, Youtube, Instagram..., nhiều nhất là mạng xã hội Facebook với gần 60 triệu người dùng (đứng thứ 7 thế giới). Đấu tranh tư tưởng trên không gian mạng hiện nay là vấn đề khách quan, nhiệm vụ trọng yếu, đòi hỏi mọi người, lực lượng thực thi nhiệm vụ này trên không gian mạng phải luôn nhận thức đầy đủ những thách thức và yêu cầu của nhiệm vụ, xây dựng bản lĩnh, trách nhiệm và quyết tâm cao, góp phần giữ vững nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng trước tình hình mới.

Cùng với những giá trị tích cực, MXH cũng bộc lộ những mặt trái và hệ lụy của nó đối với sự phát triển của đất nước, MXH "được ví như con dao 2 lưỡi ẩn chứa nhiều vấn đề bất cập và hiểm họa khó lường đối với người sử dụng không đúng mục đích. Thực tế, bên cạnh các thông tin bổ ích, có giá trị đối với xã hội thì còn vô số thông tin, hình ảnh có nội dung xấu, độc có thông tin sai trái như: xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng, chống phá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phủ nhận thành tựu của công cuộc đổi mới, bịa đặt, vu cáo, nói xấu các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ đoàn kết nội bộ, thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ ta trên mọi lĩnh vực. Tác hại của những thông tin xấu độc trên MXH do các thế lực "mạng đen" tung ra có tác động tiêu cực đến tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, gây nghi ngờ, gieo rắc sự hoang mang, dao động, làm giảm sút lòng tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Về hình thức tuyên truyền chống phá của các thế lực thù địch, phản động chủ yếu qua các phương tiện truyền thông, internet, blog, mạng xã hội, duy trì sử

dụng hàng chục đài phát thanh chương trình Việt ngữ, hàng trăm báo, tạp chí, nhà xuất bản tiếng Việt, hàng ngàn website, blog... để liên tục phát tán những thông tin xấu, độc, xuyên tạc, chống phá gây tác động xấu đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chúng lập ra nhiều trang web mạo danh các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương, một số nhân vật được xã hội chú ý hoặc nhân danh "đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực", "bảo vệ môi trường", "bảo vệ chủ quyền biển, đảo", "phản biện xã hội", "hiến kế cho Đảng"… để trích dẫn, bình luận, xuyên tạc, hạ uy tín, làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước. Đồng thời, đưa lên internet và mạng xã hội những mặt trái của xã hội, khai thác những thông tin tiêu cực, không chính thống, chưa rõ ràng để dẫn dắt, hướng lái dư luận theo chiều hướng tiêu cực, làm cho người đọc mơ hồ, mất cảnh giác nhằm mục đích tạo nên sự hoài nghi, phản kháng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, từ đó, chuyển hóa dần sang tư tưởng sai trái, phản động, thù địch. Chúng còn xuất bản các xuất bản phẩm có nội dung xấu, độc; biên soạn tài liệu, video lồng ghép nội dung thổi phồng, xuyên tạc, bóp méo sự thật; tiến hành rải truyền đơn, tờ rơi, viết vẽ khẩu hiệu phản động. Các thế lực thù địch tiếp tục tổ chức viết nhiều tài liệu, "tác phẩm" dưới dạng văn học nhằm dựng chuyện, vu cáo, bôi nhọ, từ đó xóa bỏ học thuyết Mác - Lênin và lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa…

Đối tượng tác động của hoạt động tuyên truyền chống phá của các thế lực thù địch, phản động chủ yếu là trí thức, văn nghệ sĩ; cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ hưu trí, cán bộ, đảng viên có biểu hiện bất mãn, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa; thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên; người lao động…

Nhận thức được điều này, Đảng ta đã xác định, cuộc đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch thực chất là cuộc đấu tranh giữa hai ý thức hệ xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; là cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp, ngày càng diễn ra quyết liệt. Trong các văn kiện đại hội ở thời kỳ đổi mới, Đảng đều nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh,

đường lối, quan điểm của Đảng. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1994) của Đảng đã xác định "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch là một trong bốn nguy cơ. Đại hội VIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ "phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch". Đại hội IX của Đảng khẳng định phải "Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch". Với tinh thần đó, Đại hội X của Đảng đã yêu cầu "chủ động và kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điệu phản động, góp phần làm thất bại mọi mưu toan "diễn biến hòa bình," bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch".

Để thực hiện những chủ trương đó, Đảng đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết nêu rõ các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp lớn. Một trong những văn bản quan trọng là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X), ngày 01/8/2007 "Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới". Nghị quyết chỉ rõ: "Triển khai đồng bộ, chủ động cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo, chống phá Đảng, Nhà nước ta, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" thực hiện đa nguyên chính trị, hình thành lực lượng đối lập, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, thường xuyên cảnh giác, chủ động phòng chống nguy cơ tự diễn biến, tự chuyển hóa ở cả Trung ương, các ngành, các cấp". Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đã nhận định: Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục có hiệu quả, làm giảm sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, kể cả trong những lực lượng nòng cốt, gắn bó với Đảng, với chế độ, đã phát sinh một số vấn đề tư tưởng, tâm trạng bức xúc, đáng lo ngại, ảnh hưởng tới tính đồng thuận xã hội. Các phần tử cơ hội chính trị trong nước móc nối với thế lực thù địch, phản động ở nước ngoài xuyên tạc, vu cáo, chống phá quyết liệt Đảng, Nhà nước ta trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng. Trên cơ sở nhận định đó, Nghị quyết đã yêu cầu "triển khai đồng bộ, chủ động cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo, chống

phá Đảng, Nhà nước ta, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", thực hiện đa nguyên chính trị, hình thành lực lượng đối lập, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch; thường xuyên cảnh giác, chủ động phòng chống nguy cơ tự diễn biến ở cả Trung ương và các ngành, các cấp.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng" cũng đã nhấn mạnh: "Chủ động phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển, hóa" và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bác bỏ luận điệu tuyên truyền phản động, làm thất bại âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng".

Đến Đại hội XI, Đảng ta một lần nữa khẳng định: "Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện "tự diễn biến," "tự chuyển hóa trong nội bộ ta; khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên". Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị khoá XII ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Như vậy, có thể thấy, đấu tranh trên không gian mạng hiện nay là rất gay gắt trên mặt trận tư tưởng lý luận. Giữ vững trận địa tư tưởng, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng là nhiệm vụ quan trọng và hết sức cấp thiết. Nhằm chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các thế lực thù địch, phản động và phần tử xấu lợi dụng không gian mạng đưa thông tin xấu độc, giả mạo chống phá cách mạng Việt Nam, cán bộ, đảng viên cần hạn chế thấp nhất tác động ảnh hưởng tiêu cực của các nhóm thành phần lợi dụng không gian mạng. Đồng thời, tập trung làm tốt một số giải pháp sau:

Một là, chú trọng tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để nhìn nhận và có trách nhiệm, ý thức trước mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", các dấu hiệu "tự diễn biến, tự chuyển hóa. Đây là một giải pháp rất quan trọng, thường xuyên, cơ bản, lâu dài để mỗi cán bộ, đảng viên dù công tác ở cương vị nào cũng nêu cao trách nhiệm và nâng cao cảnh giác, bảo đảm "giữ vững bên trong là chính".

Hai là, tổ chức tuyên truyền bằng nhiều nội dung, hình thức, trong đó tập trung tuyên truyền về âm mưu, phương thức, thủ đoạn đưa thông tin xấu độc, giả mạo trên không gian mạng của các loại đối tượng làm chuyển biến nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để mỗi cán bộ, đảng viên, nhân dân khi tham gia, tương tác, chia sẻ bình luận, hưởng ứng, bài viết trên các trang mạng xã hội có trách nhiệm trước bản thân, trước pháp luật.

Ba là, tiếp tục triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới và Thông báo số 17/TB-VPTW ngày 23/8/2016 của Thường trực Ban Bí thư về biện pháp cấp bách bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng; nhất là Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thật tốt Nghị quyết này, xem đây là sự định hướng chiến lược quan trọng trong việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Bốn là, thường xuyên cập nhật thông tin, phát huy tích cực vai trò của các cơ quan báo chí, xuất bản. Chủ động tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet trong nước xây dựng phương án phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các trang mạng phản động./.

TIN TƯỞNG ÁNH SÁNG SOI ĐƯỜNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: VÌ MỘT VIỆT NAM GIÀU MẠNH, VĂN MINH, VĂN HIẾN ANH HÙNG TRONG KỶ NGUYÊN HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Chi bộ viện ngân hàng tài chính

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

1. Việt Nam dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trải qua 94 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua muôn ngàn khó khăn, thử thách, làm nên những kỳ tích vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đóng góp xứng đáng vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vì hoà bình và tiến bộ của nhân loại.

Từ ngày 3 đến 7/2/1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức Cộng sản tại Cửu Long (Hồng Kông, Trung Quốc) đã nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 3/2/1930 trở thành Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam - thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là kết quả của sự vận động, phát triển và thống nhất phong trào cách mạng trong cả nước; sự chuẩn bị công phu về mọi mặt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; là thành quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. 94 năm qua, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta liên tục đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, xây dựng một nước Việt Nam ngày càng phát triển; chính trị, xã hội ổn định, độc lập, chủ quyền được giữ vững; vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Với đường lối cách mạng đúng đắn, phương pháp cách mạng thích hợp và sáng tạo, Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, đưa nước ta từ nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành nước tự do, độc lập; nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người

làm chủ. Lựa chọn lịch sử nhưng cũng là nguyện vọng của hàng triệu người con đất Việt đứng dưới lá cờ của Đảng, là sự tin yêu, gắn bó với chính đảng có tư tưởng, mục tiêu xuyên suốt là "Vì dân", lấy lợi ích và hạnh phúc của người dân làm gốc. Điều ấy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Tất cả đường lối, phương châm, chính sách… của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân".

Ngay sau khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành ba cao trào cách mạng: Cao trào cách mạng 1930 - 1931, với đỉnh cao là phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh, Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939) và Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945), để đến năm 1945, khi thời cơ cách mạng chín muồi, Đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc Việt Nam làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa vào ngày 02/9/1945. Tiếp đó, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân lần lượt đánh bại mọi âm mưu, kế hoạch xâm lược của kẻ thù, đặc biệt là thắng lợi trong Chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 với đỉnh cao là Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ (năm 1954), chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Giai đoạn từ năm 1954 - 1975, đất nước bị chia cắt làm hai miền. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc vừa nỗ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa dốc sức làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Với tinh thần "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "không có gì quý hơn độc lập, tự do"; trên cơ sở đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng, với sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, quân và dân ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Đất nước thống nhất, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bắt tay vào khắc phục hậu quả chiến tranh, sau đó tiếp tục bước vào các cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân ta đã giành thắng lợi, hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ biên giới của Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1986, Đảng lãnh đạo đất nước tiến hành công cuộc đổi mới và đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước nghèo, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã vượt lên phát triển kinh tế khá nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam - thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ra đời, đã xác định được những nội dung cơ bản nhất của con đường cách mạng Việt Nam; đáp ứng được những nhu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vô cùng quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đó là kết quả của sự vận động, phát triển và thống nhất phong trào cách mạng trong cả nước; sự chuẩn bị công phu về mọi mặt của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sự đoàn kết nhất trí của những chiến sỹ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là thành quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của dân tộc Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang; đồng thời đóng góp tích cực vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ của nhân loại trên thế giới. Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và việc ngay từ khi ra đời, Đảng

đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam. Chính đường lối này là cơ sở đảm bảo cho sự tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc cùng chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại giành những thắng lợi to lớn sau này. Đây cũng là điều kiện cơ bản quyết định phương hướng phát triển, bước đi của cách mạng Việt Nam trong suốt 94 năm qua. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang. Đồng thời cách mạng Việt Nam cũng góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

2. Thành tựu đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước

Từ một quốc gia bị bao vây cấm vận, với những thách thức lịch sử, khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng, Đảng ta thấy rõ yêu cầu phải đổi mới như là một mệnh lệnh và đường lối đổi mới ra đời. Đó là quyết định lịch sử của Đảng, để đưa đất nước ta chưa bao giờ có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày hôm nay.

Những thách thức lịch sử

Những năm cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ 20, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Việt Nam đứng trước rất nhiều thách thức chưa từng có. Chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc chưa kết thúc; cuộc bao vây cấm vận của Mỹ là một thách thức khắc nghiệt, càng đẩy nền kinh tế nước ta vào tình thế vô cùng khó khăn. Với đường lối đổi mới đúng đắn, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã đưa nước ta vượt qua thách thức, trở thành nước có thu nhập trung bình, đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những dự đoán rất lạc quan của cộng đồng quốc tế. Nghị quyết số 43 của Hội nghị Trung ương

Đảng lần thứ 8 nêu rõ, lấy mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

Thời gian này ở nước ta, tư tưởng nôn nóng muốn tiến nhanh lên CNXH, dẫn đến việc bố trí sai cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cộng với những khuyết điểm của mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp bộc lộ ngày càng rõ, làm cho kinh tế - xã hội rơi vào trì trệ, khủng hoảng, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Nguồn lực viện trợ, giúp đỡ của các nước XHCN cạn đi, gần như không còn nữa. Trong khi đó trên thế giới, trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa đang trở thành chiến lược của nhiều quốc gia phát triển. Nước ta lại bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận, hậu quả rất nặng nề, càng làm cho kinh tế, đời sống người dân ngày càng tụt hậu. Cuối năm 1985 đầu năm 1986, nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn do những khuyết điểm trong cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền (9/1985). Đất nước chìm sâu trong khủng hoảng kinh tế - xã hội, tình hình sản xuất trì trệ, các chỉ tiêu kinh tế của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) đều không đạt, nhiều lĩnh vực mức tăng trưởng là âm, lạm phát tăng phi mã có lúc lên đến 700%, đời sống của cán bộ, công chức và nhân dân vô cùng khó khăn, hơn 7 triệu người thiếu đói, dự trữ quốc gia đặc biệt là ngoại tệ cực thấp.

Đảng và nhân dân ta thấy không còn sự lựa chọn nào khác là phải đổi mới, trước hết là đổi mới cách nghĩ, cách làm nhằm xây dựng CNXH một cách có hiệu quả hơn. Trung ương Đảng và Bộ Chính trị thấy rõ thực tế này và quyết tâm tìm đường đi riêng của mình. Trong đó vai trò của đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc ấy là Tổng Bí thư rất quan trọng. Cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền trước đó bộc lộ nhiều khuyết điểm khiến nền kinh tế xuống dốc, cả nước thiếu gạo ăn. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam và Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đều nhận thấy đổi mới thì sống, không đổi mới thì chết. Nhưng đổi mới như thế nào để thắng lợi là những điều khiến các nhà lãnh đạo đất nước trăn trở.

Hình thành đường lối đổi mới

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khẳng định: "Không có con đường nào khác là phải kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, thực hiện phân cấp

quản lý theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế, phát huy vai trò của khoa học kỹ thuật, mở rộng nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại". Trước đó, tháng 6/1986, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu vào Ban Bí thư và được phân công Thường trực Ban Bí thư. Với sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trường Chinh, Bộ Chính trị đã họp tháng 8/1986 và đi tới những kết luận quan trọng, nhấn mạnh đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý và 3 chương trình kinh tế lớn. Từ đó hình thành đường lối đổi mới.

Với tư duy lý luận mới và quá trình khảo nghiệm thực tiễn, Tổng Bí thư Trường Chinh cùng với Thường trực Ban Bí thư Nguyễn Văn Linh và tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa V đã chỉ đạo chặt chẽ xây dựng các văn kiện trình Đại hội VI của Đảng. Đến Đại hội VI (tháng 12/1986), Đảng đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện, trên cơ sở đó lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đạt nhiều thành tựu to lớn và quan trọng. Vấn đề lớn nhất về mặt chính trị là giải quyết một cách tốt nhất cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc. Và chỉ trong vòng vài năm, chúng ta đã làm được bằng nỗ lực ngoại giao bền bỉ, cam go, để ổn định chính trị, phát triển kinh tế, bước vào công cuộc đổi mới. Chính sách Đổi mới được chính thức thi hành từ Đại hội Đảng lần thứ VI, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, vào tháng 12/1986, với mục tiêu xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trên lĩnh vực kinh tế, đổi mới quan trọng trong nhận thức về mô hình kinh tế của thời kỳ quá độ, về quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; về cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế...Trước đổi mới, do chưa thừa nhận sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường, mà xem kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của kinh tế XHCN, coi thị trường chỉ là một công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch, muốn nhanh chóng xóa bỏ sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân. Đến Đại hội VI, Đảng ta đã tuyên bố dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế phi hàng hóa, phi thị trường,

mô hình kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước.

Cương lĩnh (năm 1991) khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Đại hội VIII đưa ra quan niệm mới, rất quan trọng: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng CNXH và cả khi CNXH đã được xây dựng". Đến Đại hội IX, khái niệm "kinh tế thị trường" được chính thức nêu trong văn kiện Đại hội, khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta. Đó không phải là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là kinh tế thị trường XHCN.

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta có nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu.

Để thực hiện được những yêu cầu đó không đơn giản, vì nó rất mới mẻ, bởi thực tiễn chưa có, lý luận đang mò mẫm, nguồn lực thì hạn chế. Để cải cách kinh tế phải làm luật. Từ năm 1987 đến tháng 6/2005, nước ta đã ban hành 145 luật, bộ luật, trong đó có 6 bộ luật lớn, 4 quy chế hoạt động của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đã thông qua và ban hành 149 pháp lệnh. Số bộ luật, luật tăng gấp ba lần so với thời kỳ trước đổi mới, góp phần tạo khung khổ pháp lý để Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Đặc biệt về kinh tế, sự ra đời của Luật Đầu tư nước ngoài (năm 1987) đã tạo môi trường pháp lý cao hơn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Tiếp đó là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 12/6/1999, tạo nền tảng cho kinh tế phát triển toàn diện.

Mở đường đến với thế giới và hội nhập

Về ngoại giao, việc đấu tranh để Mỹ bỏ cấm vận Việt Nam (1994) và quan hệ tốt đẹp với Trung Quốc, bằng đường lối ngoại giao đúng đắn, độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, là bạn tốt, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, ổn định. Thành tựu ngoại giao cực kỳ quan trọng, giúp nước ta hội nhập sâu với thế giới, tận dụng nguồn lực để phát triển nhanh, bền vững. Từ một nước bị bao vậy, cấm vận, đến nay Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 191/193 quốc gia và vùng lãnh thổ, thành viên Liên hợp quốc (LHQ). Trong đó, chúng ta có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện với 30 nước trên thế giới bao gồm tất cả các nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an, những nước quan trọng nhất trên thế giới như Anh, Pháp, Mỹ, Nga, Trung Quốc hay các nước quan trọng khác trong khu vực là Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia...Việt Nam đã mở đường ngoạn mục đến với thế giới, thu hút vốn ODA, đặc biệt trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xuất khẩu... và nhiều hoạt động kinh tế, chính trị xã hội được LHQ và bạn bè quốc tế đánh giá rất cao.

Đường lối đổi mới lịch sử

Đại hội VI của Đảng (12/1986) đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước ta. Đại hội VII của Đảng (6/1991) khẳng định tiếp tục đổi mới đồng bộ, triệt để trên các lĩnh vực với những bước đi, cách làm phù hợp và giữ vững định hướng XHCN. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xác định những quan điểm và phương hướng phát triển đất nước, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Qua hơn 33 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và 38 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, vượt qua khủng hoảng kinh tế đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; đang đẩy mạnh công

nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đại hội XIII của Đảng (02/2021) đã nhận định: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như hiện nay".

Quy mô nền kinh tế tăng nhanh

Trong 38 năm thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế nước ta đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986 - 1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm chỉ đạt 4,4% thì giai đoạn 1991 - 1995, GDP bình quân đã tăng gấp đôi, đạt 8,2%/năm; các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao; giai đoạn 2016 - 2019 đạt mức bình quân 6,8%. Những năm đại dịch Covid-19 hoành hành và hậu Covid-19, dù kinh tế toàn thế giới rất khó khăn nhưng năm 2022, GDP nước ta vẫn tăng trưởng 8,02%, cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Năm 2023, dù vẫn chịu tác động của hậu đại dịch Covid-19, những xung đột địa chính trị làm ảnh hưởng kinh tế toàn cầu, GDP nước ta vẫn tăng 5,05%; GDP bình quân đầu người ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD. Theo số liệu của các tổ chức quốc tế như World Bank, IMF..., tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 được dự báo sẽ cao thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á.

Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên rất nhanh. Năm 1986, Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, GDP Việt Nam chỉ khoảng 8 tỷ USD, xếp thứ 9/10 trong khối ASEAN. Đến năm 2022, GDP Việt Nam đạt khoảng 406,45 tỷ USD, tăng khoảng 50 lần, năm 2023 đạt hơn 430 tỷ USD. Đặc biệt, giai đoạn 1986 - 2022, Việt Nam lọt top 5 nước có quy mô kinh tế tăng nhanh nhất thế giới. Những nỗ lực đổi mới trong 38 năm qua đã giúp cho môi trường đầu tư liên tục được cải thiện, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều hơn vốn đầu tư cho phát triển. Tính riêng năm 2019, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành đạt 2.046,8 nghìn tỷ đồng; tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 38,02 tỷ USD, cao nhất trong vòng 10 năm trước đó. Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Việt Nam vẫn là một điểm đến tin cậy cho các nhà

đầu tư với tổng vốn FDI đạt 28,5 tỷ USD; năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, cao nhất trong 5 năm qua.

Việt Nam đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm để làm động lực cho phát triển kinh tế vùng, miền và cả nước; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển, đồng thời hình thành các vùng chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp... Việt Nam đã hội nhập kinh tế quốc tế ở mức cao, chủ động tham gia và đàm phán các hiệp định thương mại tự do (FTA). Việt Nam hiện đã có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ (trong đó có 4 đối tác chiến lược toàn diện, 17 đối tác chiến lược, 13 đối tác toàn diện); có quan hệ thương mại với 224 đối tác và quan hệ hợp tác với hơn 300 tổ chức quốc tế; đã ký hơn 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư; đàm phán, ký kết và thực thi 19 FTA song phương và đa phương, với hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới; trong đó 16 FTA đã có hiệu lực với hơn 60 đối tác, phủ rộng khắp các châu lục, với tổng GDP chiếm gần 90% GDP toàn cầu; đưa Việt Nam trở thành một trong những nước dẫn đầu khu vực về tham gia các khuôn khổ hợp tác kinh tế song phương và đa phương.

Việc thực thi có hiệu quả các FTA thời gian qua đã giúp mở rộng, đa dạng thị trường, chuỗi cung ứng và sản phẩm xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất, nhập khẩu tăng trưởng mạnh và cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt theo hướng chuyển từ thâm hụt sang thặng dư (năm 2022 là năm thứ 7 liên tiếp ta xuất siêu với mức thặng dư gần 12 tỷ USD. Năm 2023 tiếp tục ghi nhận mức xuất siêu kỷ lục 28 tỷ USD, góp phần nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế). Đây là cũng là minh chứng cho đường lối, chủ trương chính sách hoàn toàn đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua 38 năm đổi mới, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới, đặc biệt là gạo, năm 2023 xuất khẩu đạt mức kỷ lục, vượt 8 triệu tấn, doanh thu đạt 4,8 tỷ USD. Kim ngạch xuất

khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng, đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế.

Tăng trưởng kinh tế gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội

38 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc tăng trưởng kinh tế đã cơ bản gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa, xây dựng con người, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm; từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp, việc gì không vi phạm pháp luật người dân có quyền làm.

Công tác giảm nghèo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng. Tỷ lệ hộ nghèo trên cả nước đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 22% năm 2005; 9,45% năm 2010, 7% năm 2015 và còn dưới 3% năm 2020, năm 2023 là 2,93% (theo chuẩn nghèo đa chiều). Báo cáo "Bước tiến mới: Giảm nghèo và thịnh vượng chung tại Việt Nam" được công bố bởi Ngân hàng Thế giới năm 2022, tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam tiếp tục giảm, đặc biệt là trong các dân tộc thiểu số với tỷ lệ giảm mạnh tới 13%, mức giảm lớn nhất trong thập niên vừa qua.

Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực. Vị thế các trường đại học của Việt Nam đã được nâng lên trong bảng xếp hạng Châu Á và thế giới. Tạp chí Times Higher Education (THE) của Anh công bố bảng xếp hạng đại học (ĐH) thế giới năm 2024, trong đó Việt Nam có 6 đại diện được xếp hạng, đó là ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TPHCM, ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Huế, Trường ĐH Duy Tân và Trường ĐH Tôn Đức Thắng.

Năng lực của hệ thống các cơ sở y tế được củng cố và phát triển, giúp người dân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ y tế hơn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cũng được chú trọng đầu tư, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân... Việt Nam là một trong số ít quốc gia có hệ thống y tế hoàn chỉnh, tổ chức rộng khắp tới tận thôn, bản; làm chủ được nhiều kỹ thuật công nghệ cao mang tầm thế giới như trong ghép tạng; kiểm soát được nhiều dịch bệnh nguy hiểm, trong đó có Covid-19; chủ động sản xuất được nhiều loại vắc-xin phòng bệnh cho người và gia súc, mới đây là vắc-xin dịch tả lợn Châu Phi...

Những thành tựu của 38 năm đổi mới đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại...Theo báo cáo triển vọng kinh tế thế giới thường niên lần thứ 14 của Trung tâm tư vấn CEBR (Anh), Việt Nam là nền kinh tế lớn thứ 34 năm 2023 với quy mô GDP 430 tỷ USD và sẽ đứng vị trí thứ 21 toàn cầu vào năm 2038. Năm 2024 Việt Nam dự kiến ở vị trí 33 trên bảng WELT. Thứ hạng Việt Nam có thể tăng nhanh, đạt vị trí 24 vào năm 2033 trước khi trở thành nền kinh tế lớn thứ 21 thế giới vào năm 2038. Việt Nam có cơ hội vượt qua gần hết các nước trong ASEAN về kinh tế như Singapore, Thái Lan hay Malaysia, và trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045. Tốc độ tăng GDP hàng năm của Việt Nam được CEBR dự báo trung bình đạt 6,7% trong giai đoạn 2024 - 2028 và sẽ là 6,4% trong 9 năm tiếp theo.

Nhìn lại chặng đường lịch sử 38 năm đổi mới, có thể khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước. Sự lãnh đạo ấy được thể hiện qua cương lĩnh, đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, đưa đất nước ta từ một nước nghèo, bị cô lập, trở thành quốc gia hội nhập sâu với thế giới, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, với quy mô nền kinh tế đạt 430 tỷ USD năm 2023. Qua 38 năm đổi mới, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển

có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Bộ mặt đất nước, đời sống của nhân dân thật sự thay đổi; dân chủ XHCN được phát huy và mở rộng. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN được giữ vững; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao...

3. Vai trò của mỗi công dân trong sự nghiệp phát triển chung của Quốc gia, dân tộc

3.1. Vai trò và sức mạnh của nhân dân trong phát triển đất nước

Nhân dân là một khái niệm tập hợp, bao gồm mọi người dân (công dân), mọi liên minh của người dân, mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội và nhân dân nói chung. Do vậy, khi nói về vai trò và sức mạnh nhân dân trong phát triển đất nước là nói về vai trò và sức mạnh của mọi người dân, mọi liên minh của người dân, mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội và của nhân dân nói chung trong phát triển đất nước.

Trước hết, đó là vai trò và sức mạnh của mỗi người dân (công dân) trong phát triển đất nước. Mỗi người dân thể hiện vai trò và sức mạnh của mình thông qua việc thực hiện các quyền và trách nhiệm của mình do Hiến pháp và pháp luật quy định. Ở phương diện này, mỗi người dân là mỗi chủ thể quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ, đều có quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ đối với phát triển đất nước. Vấn đề đặt ra ở đây là làm thế nào để nâng cao năng lực, khả năng của chủ thể quyền và chủ thể trách nhiệm, nghĩa vụ, từ đó phát huy được vai trò và sức mạnh của mỗi người dân đối với phát triển đất nước. Có thể nói một cách khái quát, đó là quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người dân đối với phát triển đất nước hay nói cách khác mỗi người dân Việt Nam đều có quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả đối với phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc. Trong mối quan hệ này, phát huy vai trò và sức mạnh của mỗi người dân là phát huy việc thực hiện đúng đắn, đầy đủ các quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ để phát triển đất nước.

Tiếp đến, đó là vai trò và sức mạnh của mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội trong phát triển đất nước. Mỗi chủ thể nói trên đều có các quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và khi thực hiện các quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ đó, mỗi chủ thể thể hiện vai trò và sức mạnh của mình trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong phát triển đất nước. Ở đây thể hiện mối quan hệ tương tác hai chiều: một chiều từ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chiều khác từ các chủ thể nói trên (mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội trong). Vấn đề đặt ra ở đây là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm làm thế nào để phát huy được năng lực, khả năng, vai trò và sức mạnh của các chủ thể đó trong phát triển đất nước. Đó là: vai trò và sức mạnh chủ thể của giai cấp công nhân; vai trò và sức mạnh chủ thể của giai cấp nông dân; vai trò và sức mạnh chủ thể của đội ngũ trí thức; vai trò và sức mạnh chủ thể của đội ngũ doanh nhân; vai trò và sức mạnh chủ thể của thế hệ trẻ; vai trò và sức mạnh chủ thể của phụ nữ; vai trò và sức mạnh chủ thể của cựu chiến binh, vai trò và sức mạnh chủ thể của công an hưu trí; vai trò và sức mạnh chủ thể của người cao tuổi; vai trò và sức mạnh chủ thể của các tộc người (các dân tộc); vai trò và sức mạnh chủ thể của các tôn giáo; vai trò và sức mạnh chủ thể của người Việt Nam ở nước ngoài trong xây dựng và phát triển đất nước. Vấn đề cơ bản được đặt ra ở đây là vai trò và sức mạnh chủ thể của mỗi chủ thể đó thể hiện ở đâu và làm gì để phát huy vai trò và sức mạnh chủ thể của mỗi chủ thể đó? Chúng tôi cho rằng, vai trò và sức mạnh chủ thể của mỗi chủ thể đó thể hiện trên hai phương diện cơ bản: (1), vai trò và sức mạnh của mỗi chủ thể trong từng lĩnh vực nhất định mà ở đó mỗi chủ thể có vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương ứng để phát triển, phát huy; và (2), vai trò và sức mạnh của nhân dân nói chung trong xây dựng và phát triển đất nước. Để khẳng định và phát huy vai trò và sức mạnh của mỗi chủ thể đó, cần phải có pháp luật và cơ chế pháp lý tương ứng. Do vậy, xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp luật để khẳng định và phát huy vai trò và sức mạnh của các chủ thể đó trong xây dựng và phát triển đất nước là trách nhiệm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chẳng hạn, cần phải có cơ chế pháp lý thuận lợi để phát huy vai trò và sức mạnh của giới tinh hoa, vai trò và sức mạnh của đội ngũ doanh nhân trong phát triển đất nước, trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vai trò của nhân dân và sức mạnh nhân dân nói chung. Có thể gọi cách khác, vai trò và sức mạnh chủ thể của nhân dân nói chung. Vai trò và sức mạnh (vai trò và sức mạnh chủ thể) của nhân dân thể hiện khái quát nhất ở luận điểm nhân dân là chủ nhân của đất nước, của phát triển đất nước, nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ đất nước. Ngoài nhân dân Việt Nam, không một ai có thể là chủ nhân của đất nước Việt Nam, làm chủ đất nước Việt Nam. Nói về vai trò và sức mạnh của nhân dân là nói về vai trò và sức mạnh chủ thể của nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong phát triển đất nước.

3.2. Về vai trò chủ thể của nhân dân trong phát triển đất nước

Vai trò sức mạnh của nhân dân trong phát triển đất nước thể hiện một cách khái quát ở sức mạnh "vai trò chủ thể" của nhân dân trong phát triển đất nước. cụ thể hơn, đó là vai trò chủ thể của mỗi người dân, mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội và của nhân dân nói chung. Mỗi chủ thể đó đều có sức mạnh của mình và sức mạnh của tất cả các chủ thể đó tạo nên sức mạnh của nhân dân nói chung đối với phát triển đất nước. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để phát huy được vai trò chủ thể của nhân dân đối với phát triển đất nước.

Sức mạnh nhân dân là "một chuỗi sức mạnh", được thể hiện từ vai trò của nhân dân trong phát triển đất nước đến việc nhân dân thụ hưởng kết quả của sự phát triển đất nước. Phát huy sức mạnh nhân dân là phát huy chuỗi sức mạnh đó. Sức mạnh nhân dân là "một phạm trù tích hợp", bao gồm ít nhất: sức mạnh khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; sức mạnh trí tuệ của nhân dân; sức mạnh sáng tạo của nhân dân; sức mạnh trách nhiệm của nhân dân; sức mạnh hành động của nhân dân; sức mạnh kiểm tra, giám sát; sức mạnh đại đoàn kết của nhân dân, đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sức mạnh nhân dân đóng vai trò là nguồn lực, động lực trong phát triển đất nước. Đó là nguồn lực vô tận, động lực vĩ đại của sự phát triển đất nước. Phát huy sức mạnh nhân dân trong phát triển đất nước là phát huy nguồn lực vô tận, động lực vĩ đại đó để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Nguồn lực, động lực phát triển đất nước nằm chính trong nhân dân, ở nhân dân. Nhân dân chính là nguồn lực vô tận, động lực trường tồn của sự phát triển đất nước. Đó là nguồn lực, động lực vừa mang tính vật chất vừa mang tính tinh thần, nói cách khác, đó là sức mạnh vật chất và tinh thần vô tận, vĩ đại, càng khai thông, phát huy càng gia tăng. Gia tăng sức mạnh nhân dân sẽ đẩy nhanh phát triển đất nước. Nguồn lực, động lực đó thể hiện ở vai trò chủ thể của nhân dân trong phát triển đất nước.

Nói đến sức mạnh nhân dân trước hết là nói về vai trò chủ thể của nhân dân. Nhân dân Việt Nam là chủ thể đóng vai trò quan trọng, quyết định trong phát triển đất nước. Trong nhận thức người ta thường hiểu nhân dân là đối tượng tác động của Nhà nước, của chính sách, của pháp luật của Nhà nước hơn là chủ thể của Nhà nước, của chính sách, của pháp luật. Tư duy đó nói về vai trò thụ động, vai trò bị chi phối, vai trò bị quản lý, bị điều hành của nhân dân trong Nhà nước và trong xã hội, chứ không nói về vai trò là chủ nhân, vai trò quyết định, vai trò chủ động, vai trò tích cực, vai trò chi phối, vai trò sáng tạo của nhân dân trong Nhà nước. Nhân dân, theo tư duy đó, là đối tượng, khách thể tác động của Nhà nước, của chính sách, của pháp luật do Nhà nước ban hành. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhân dân Việt Nam phải đóng vai trò hoàn toàn khác, xuất phát từ sứ mệnh, vị thế và địa vị của nhân dân Việt Nam trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong phát triển đất nước. Nhân dân trước hết và trên hết là chủ thể trực tiếp hình thành nên Nhà nước, các thiết chế Nhà nước, chính sách, pháp luật, rồi đến lượt mình, mới là đối tượng, khách thể chịu sự tác động của Nhà nước, của chính sách, của pháp luật. Đó là sứ mệnh, vị thế và địa vị toàn quyền của nhân dân Việt Nam trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam, trong phát triển đất nước.

Vai trò chủ thể của nhân dân khẳng định vị thế toàn quyền của nhân dân trong đất nước và trên trường quốc tế. Đã là chủ thể thì có các quyền và trách nhiệm, do vậy, nhân dân có quyền và trách nhiệm đối với sự phát triển đất nước của mình. vai trò chủ thể của nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thể hiện ít nhất ở các vai trò cụ thể sau đây: 1) Vai trò chủ thể của quyền lực (quyền lực nhân dân, chủ quyền nhân dân, quyền lực nhà nước); 2) Vai trò chủ thể của nhân dân trong giám sát, kiểm soát quyền lực, đặc biệt vai trò giám sát, kiểm soát quyền lực được ủy quyền (quyền lực nhà nước); 3) Vai trò chủ thể của nhân dân trong phản biện đối với Nhà nước (chính sách, pháp luật và các quyết định khác của Nhà nước). Vai trò chủ thể của nhân dân được thể hiện ở tất cả các cấp quyền lực, hay nói cách khác theo phân công quyền lực theo chiều ngang và theo phân công quyền lực theo chiều dọc.

Vai trò chủ thể của quyền lực là nói về vai trò của nhân dân trong tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước. Vai trò chủ nhân, vai trò chủ thể hiện trước hết và tập trung nhất ở luận điểm nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực trong đất nước. Tiếp đến, nhân dân là chủ thể duy nhất, thống nhất của toàn bộ quyền lực trên đất nước Việt Nam. Điều đó có nghĩa rằng, nhân dân là chủ thể duy nhất, thống nhất của mọi quyền lực trong đất nước Việt Nam. Vai trò chủ thể của nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện ở luận điểm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; Nhân dân là nguồn gốc của quyền lực nhà nước; Nhân dân thiết lập nên tổ chức và vận hành của quyền lực nhà nước; Nhân dân là chủ thể giám sát quyền lực nhà nước; Nhân dân là chủ thể phản biện đối với mọi chính sách, pháp luật và các quyết định của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra hiện nay là theo tư tưởng tăng cường quyền lực nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, đòi hỏi phải tăng cường vai trò chủ thể của nhân dân trong tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước và hoàn thiện các cơ chế pháp lý để nhân dân làm chủ được việc tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước.

Vai trò chủ thể của nhân dân trong giám sát quyền lực Nhà nước. Nhân dân thực hiện vai trò chủ thể của mình trong lĩnh vực này bằng giám sát trực tiếp của mình hoặc thông qua tổ chức của mình - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Nhân dân trực tiếp thực hiện giám sát quyền lực nhà nước là việc mỗi người dân thực hiện việc theo dõi, xem xét, đánh giá và kiến nghị đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nhân dân thực hiện giám sát quyền lực nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được hiểu là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp thực hiện hoặc do các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc theo dõi, xem xét, đánh giá và kiến nghị đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mục đích giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, theo Khoản 2 Điều 25 của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là: đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mang tính nhân dân, tính xã hội, tính dân chủ xã hội chủ nghĩa và tính xây dựng[2].

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tại Khoản 3 Điều 25 quy định hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau đây: 1/ Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội; 2/ Phát huy dân chủ, sự tham gia của nhân dân, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 3/ Xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân; 4/ Thực hiện dân

chủ, công khai, khách quan, minh bạch, mang tính xây dựng; 5/ Không chồng chéo, không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát[3].

Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để tăng cường giám sát quyền lực nhà nước, nâng cao chất lượng giám sát, giá trị của giám sát từ phía Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là tổ chức đại diện của nhân dân. Để giám sát thực chất, có chất lượng, đòi hỏi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải đổi mới mạnh mẽ về tổ chức và hoạt động, tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng giám sát và trách nhiệm trước nhân dân.

Vai trò chủ thể của nhân dân trong phản biện xã hội. Nhân dân thực hiện vai trò chủ thể của mình trong phản biện xã hội thông qua/bằng phản biện xã hội trực tiếp, hoặc thông qua tổ chức của mình - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nhân dân thực hiện phản biện xã hội trực tiếp là việc mỗi người dân thực hiện việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhân dân thực hiện phản biện xã hội thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, theo Khoản 1 Điều 32 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp thực hiện hoặc đề nghị tổ chức thành viện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án (gọi chung là dự thảo văn bản) của cơ quan nhà nước.

Mục đích phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Điều 32 của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là: góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả của văn bản; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; phát huy dân chủ; tăng cường đồng thuận xã hội. Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là phản biện xã hội có tính xã hội, tính khách quan, tính khoa học, tính xây dựng, thể hiện ở việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị của các lực lượng xã hội đối với dự thảo chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án xã hội liên quan đến tổ chức bộ máy

nhà nước, quyền con người, quyền công dân, quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận, an sinh, phúc lợi xã hội.

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tại Khoản 3 Điều 32 quy định hoạt động phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau đây: 1/ Bảo đảm phát huy dân chủ trong hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 2/ Bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch; 3/ Bảo đảm sự tham gia của thành viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân; 4/ Bảo đảm sự tôn trọng các ý kiến khác nhau nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc.

Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để tăng cường phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là tổ chức đại diện của nhân dân đối với Nhà nước (chính sách, pháp luật, các quyết định khác của Nhà nước). Cũng tương tự như giám sát, ở đây cần phải đổi mới mạnh mẽ về tổ chức và hoạt động, tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng phản biện xã hội.

3.3. Về vị trí trung tâm của nhân dân trong phát triển đất nước

Nhân dân giữ vị trí trung tâm trong phát triển đất nước. Từ nhận thức về vai trò chủ thể của nhân dân, tất yếu, dẫn đến luận điểm khẳng định vị trí trung tâm của nhân dân trong phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều đó có nghĩa rằng, nhân dân là chủ thể trung tâm trong phát triển đất nước; Nhân dân là chủ thể trung tâm trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là luận điểm mới được Đảng ta ghi nhận trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Vị trí trung tâm của nhân dân thể hiện trước hết ở chỗ nhân dân là điểm khởi đầu phát triển đất nước, chủ thể xuyên suốt quá trình phát triển đất nước, là mục tiêu cuối cùng mà phát triển đất nước hướng đến, là lực lượng chủ nhân, là nguồn lực không thể thay thế trong xây dựng và bảo vệ đất nước, là nhân tố quyết định sự thành bại của phát triển đất nước.

Vấn đề đặt ra là vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân được thể hiện như thế nào? Chúng tôi cho rằng, vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân thể hiện ở các phương diện cụ thể sau đây: 1) Tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam; 2) Thiết lập và tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; 3) Tham gia xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; 4) Tham gia xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức; 5) Tham gia phát triển kinh tế; 6) Tham gia quản lý xã hội; 7) Tham gia xây dựng, quản lý, thụ hưởng văn hóa; 8) Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngoại giao nhân dân, thế trận lòng dân; 9) Tham gia xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân.

Từ phân tích trên cho thấy vai trò chủ thể trung tâm bao trùm của nhân dân trong xây dựng và phát triển đất nước. Vấn đề đặt ra cả về mặt lý luận và mặt thực tiễn là làm thế nào để phát huy một cách thực chất, hiệu quả, chất lượng vai trò đó của nhân dân. Cần phải có các cơ chế pháp lý tương ứng để nhân dân tham gia thực hiện các quyền của mình trong các lĩnh vực nói trên. Trên cơ sở đó, Đảng ta chỉ rõ là phải phát huy tối đa tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của nhân dân trong xây dựng và phát triển đất nước, trong xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển đất nước, tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viện, cán bộ, công chức; động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế; góp phần quản lý xã hội thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hoạt động tự quản cộng đồng; xây dựng, quản lý, thụ hưởng văn hóa; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngoại giao nhân dân, thế trận lòng dân. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng **dân chủ**, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân[8].

3.4 .Phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân trong phát triển đất nước

Phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân là một trong những vấn đề mang tính nguyên tắc, cốt lõi của phát triển đất nước, cần phải được làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn để cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật để phát triển đất nước. Vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân, phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân gắn liền với vai trò chủ thể của nhân dân, với chủ quyền nhân dân, quyền làm chủ của nhân dân, dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ nhận thức khái quát về vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân, về bản chất của chủ quyền nhân dân, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân trong phát triển đất nước, cần luận giải về quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân, về thực hiện, phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân trong phát triển đất nước.

Khẳng định vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân, chủ quyền nhân dân, quyền làm chủ của nhân dân và vai trò chủ thể của nhân dân là nhân tố trung tâm, quyết định đối với phát triển đất nước. Để phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân trong phát triển đất nước, trước hết, cần phải hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân trong phát triển đất nước. Cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh nhân dân bao gồm: cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mỗi người dân; cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội; cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân nói chung. Do đó, hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân, đương nhiên, bao gồm: hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mỗi người dân; hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội; hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân nói chung. Cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân bao gồm: thể chế về phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân; thiết chế về phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân; phương thức về phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân. Do đó, ở phương diện này, hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân là hoàn thiện thể

chế, thiết chế, phương thức về phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân.

Hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mỗi người dân trong phát triển đất nước. Phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mỗi người dân trong phát triển đất nước, trước hết là phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh chủ thể của mỗi người dân trong việc thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để phát triển đất nước.

Mỗi người dân là mỗi chủ thể quyền, do đó, phải hoàn thiện cơ chế, tức là hoàn thiện thể chế, thiết chế và phương thức để mỗi người dân thực hiện tốt nhất các quyền của mình để phát triển đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, để phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân, cần phải hoàn thiện cơ chế để mỗi người dân thực hiện tốt, chẳng hạn, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình; quyền bầu cử các cơ quan đại diện quyền lực và các cơ quan đại diện, những người đại diện khác và quyền ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân; tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Để thực hiện được vai trò chủ thể này của mỗi người dân (công dân), một mặt, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải có trách nhiệm công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ các quyền đó và xây dựng các cơ chế pháp lý tương ứng để người dân thực hiện trên thực tế các quyền của mình, mặt khác, người dân phải nâng cao tính tích cực chính trị - xã hội của mình trong đời sống xã hội và đời sống nhà nước để phát triển đất nước là một đòi hỏi cấp bách hiện nay. Điều này nói lên mối quan hệ giữa cá nhân (công dân, người dân) và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong mối quan hệ này, phải đề cao sức mạnh của người dân với tất cả các khía cạnh vai trò của họ, đặc biệt trên phương diện pháp lý.

Hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội trong phát triển đất nước. Mỗi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mỗi thành phần trong xã hội đều có vai trò, vị

trí và sức mạnh của mình trong phát triển đất nước. Vai trò, vị trí và sức mạnh đó thể hiện tập trung nhất ở quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với phát triển đất nước. Mỗi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mỗi thành phần trong xã hội thực hiện với trách nhiệm cao nhất các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ do Hiến pháp và pháp luật quy định là thể hiện tích cực vai trò và sức mạnh của mình đối với phát triển đất nước. Do vậy, để phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của mọi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mọi thành phần trong xã hội trong phát triển đất nước, cần phải hoàn thiện cơ chế, trước hết là hoàn thiện cơ chế pháp lý để mỗi tầng lớp xã hội, giai tầng, giai cấp, mỗi thành phần trong xã hội thực hiện có chất lượng, hiệu quả các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để phát triển đất nước. Đó là: quyền phát triển, quyền đổi mới sáng tạo, quyền huy động và tập hợp lực lượng, quyền tham gia quản lý nhà nước và quản lý xã hội, quyền giám sát, phản biện xã hội, phản biện khoa học đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để phát triển đất nước, quyền tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến phát triển đất nước,...

Hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò, vị trí và sức mạnh của nhân dân nói chung trong phát triển đất nước. Nhân dân, với tư cách là chủ thể toàn quyền trong đất nước, là sức mạnh tổng hợp trong phát triển đất nước. Trong phát triển đất nước, cá nhân, các liên minh cá nhân, nhân dân nói chung, không chỉ là các khách thể của phát triển đất nước, mà trước hết và trên hết là chủ thể của phát triển đất nước.

Nhân dân là một sức mạnh tổng hợp, sức mạnh vĩ đại nhất, là chủ thể có toàn quyền trong phát triển đất nước. Nhân dân thiết lập nên các cơ quan quyền lực nhà nước, ủy quyền một phần quyền lực của mình cho các cơ quan quyền lực nhà nước thực hiện, "để lại" một phần quyền lực để trực tiếp thực hiện bằng các cuộc bầu cử, trưng cầu ý dân, sáng kiến nhân dân, sáng kiến kiến cộng đồng dân cư, hội thẩm nhân dân và các hình thức khác dân chủ trực tiếp khác và thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân

dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước. Hoàn thiện cơ chế phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân tức là hoàn thiện cơ chế tập hợp sức mạnh đó.

Vai trò và sức mạnh của nhân dân thể hiện trước hết ở việc nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp. Đó là sức mạnh trực tiếp của nhân dân. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để phát huy được sức mạnh trực tiếp đó. Về vấn đề này, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn hiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới chỉ rõ phải "Tổng kết việc thực hiện và nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng phát huy tốt hơn các hình thức dân chủ trực tiếp của nhân dân; có cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của nhân dân tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết, phản hồi ý kiến, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Đổi mới cơ chế bầu cử để lựa chọn được những người xứng đáng đại diện cho nhân dân; nghiên cứu việc bỏ phiếu bầu cử của công dân Việt Nam đang ở nước ngoài, làm rõ những trường hợp không được bầu cử".

Nhân dân thể hiện, phát huy vai trò và sức mạnh của mình trước hết là thông qua các cuộc bầu cử. Điều đó có nghĩa rằng, cần phải tổ chức và tiến hành các cuộc bầu cử làm sao để thiết lập nên hệ thống các cơ quan đại diện thực chất, có năng lực, khả năng thực hiện được tốt nhất các quyền lực được nhân dân giao phó, ủy quyền.

Tiếp đến, nhân dân làm chủ bằng thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm tổng quát, toàn diện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Do vậy, vấn đề đặt ra là nhân dân có quyền đòi hỏi, yêu cầu và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có trách nhiệm thiết lập nên cơ chế pháp lý tương ứng để nhân dân thực hiện trên thực tế phương châm tổng quát đó.

Vai trò và sức mạnh trực tiếp của nhân dân thể hiện ở việc nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước. Về vấn đề này, Nghị quyết số 27-NQ/TW chỉ rõ phải "Hoàn thiện cơ chế để nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước;

bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo và các quyền khác của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và các cơ quan báo chí trong giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước".

Nhân dân thể hiện và thực hiện vai trò và sức mạnh của mình một cách gián tiếp bằng việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng các thiết chế đại diện cho mình. Vai trò và sức mạnh của nhân dân thể hiện việc nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thể hiện sự gắn bó mật thiết của Đảng Cộng sản Việt Nam với nhân dân, phục vụ nhân dân. Do đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW chỉ rõ phải "Hoàn thiện cơ chế để phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, các quy định cụ thể để tăng cường và bảo đảm Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình"[12].

Vai trò và sức mạnh của nhân dân thể hiện ở việc nhân dân làm chủ trong việc lựa chọn cơ quan đại diện và giao phó trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình cho cơ quan đó. Bằng việc ghi nhận trong Hiến pháp, nhân dân khẳng định và giao phó cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc[13].

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ. Đây là luận điểm mới, được cụ thể hóa quan điểm của Đảng ta về quyền làm chủ của nhân dân. Vì sao Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ? Để làm được nòng cốt để nhân dân làm chủ thì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phải làm gì để đảm đương được trọng trách đó?

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ là vì, như nói ở trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước hết, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Điều đó thể hiện ở chỗ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, theo Hiến pháp năm 2013, là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài[15]. Mặt trận đóng vai trò điều phối, hiệp thương trong quá trình hình thành nên các cơ quan quyền lực nhà nước thông qua các cuộc bầu cử. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức được nhân dân giao phó làm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thay mặt nhân dân thực hiện giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiến hành hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có khả năng và năng lực tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ và tăng cường dân chủ, đồng thuận xã hội và tăng cường đồng thuận xã hội là giá trị cao quý, sức mạnh mềm tổng hợp của dân tộc Việt Nam. Giá trị và sức mạnh đó dựa trên chủ quyền nhân dân, quyền lực nhân dân, dựa trên các giá trị của dân tộc Việt Nam, xuất phát từ nhân dân và vì nhân dân.

Chính vì vậy, Nghị quyết số 27-NQ/TW chỉ rõ phải "Tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong xây dựng, hoàn thiện

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

- Phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân và trách nhiệm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội). Pháp luật, cơ chế pháp lý để phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân. Phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân, quyền làm chủ của nhân dân và vai trò chủ thể của nhân dân đòi hỏi phải hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm thực hiện, phát huy vai trò, sức mạnh, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân. Điều đó đòi hỏi phải tiến hành nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng điều chỉnh pháp luật về các cơ chế đó và trên cơ sở đó hoàn thiện các cơ chế tương ứng.

Trên phương diện lý luận và cả trên phương diện thực tiễn khi nói về quyền của ai đó đồng thời cũng có nghĩa hàm ý nói về trách nhiệm tương ứng của ai đó mà chủ thể có quyền có mối quan hệ. Trong mối quan hệ này, đó là trách nhiệm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vậy trách nhiệm đó thể hiện ở đâu? Trách nhiệm chính trị? Trách nhiệm pháp lý? Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, thiết lập cơ chế pháp lý để nhân dân làm chủ, phát huy vai trò và sức mạnh của mình. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm thực hiện điều đó, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về điều đó, giải trình về điều đó.

Nhà nước pháp quyền có trách nhiệm thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực cụ thể: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và các lĩnh vực khác của đời sống nhà nước và đời sống xã hội.

Nhà nước pháp quyền có trách nhiệm xây dựng cơ chế pháp lý để nhân dân thực hiện quyền làm chủ nói chung, làm chủ trong mỗi lĩnh vực cụ thể nói riêng theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Nhà nước cùng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp ban hành cơ chế để Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và nhân dân thực hiện có hiệu quả, chất lượng vai trò giám sát và phản biện xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân bằng cách xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân.

Tại Việt Nam, khát vọng phát triển đất nước được Đảng, Nhà nước đề ra trong giai đoạn hiện nay chính là hướng tới quốc gia phồn vinh và hạnh phúc. Để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó, quan trọng nhất vẫn là sức mạnh từ lòng tin của nhân dân - chủ thể của quá trình phát triển. Bài viết tập trung làm rõ vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước được Đảng ta nêu ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định trong cuốn sách *"Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"*.

Một bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu được đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, đó là "trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm "*dân là gốc*"; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối

quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa".

Vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển kinh tế được đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh khi khái quát một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là "phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển

Ngoài các chiến lược xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc nêu trên, vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân còn được thể hiện trong chính sách và hoạt động đối ngoại. Đó là quan điểm xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Những quan điểm về vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chính là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước, thể hiện sự tiếp nối truyền thống "lấy dân là gốc" của dân tộc Việt Nam. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định, phát triển và làm sâu sắc hơn nữa quan điểm "dân là gốc", trong đó vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước được đặc biệt đề cao. Thấm nhuần và thực hành nhuần nhuyễn các nội dung cụ thể được khẳng định tại các Văn kiện Đại hội sẽ khơi dậy sức mạnh và tiềm năng to lớn trong Nhân dân, quy tụ được lòng dân chung sức đồng lòng với Đảng, Nhà nước thực hiện khát vọng phát triển đất nước thịnh vượng và hạnh phúc.

4. Bài học từ sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm của mỗi công dân vì một Việt Nam hùng cường và phát triển trong kỷ nguyên hội nhập và phát triển

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện đã lãnh đạo và đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong suốt 90 năm qua, Đảng ta đã tích luỹ và đúc rút được nhiều bài học kinh nghiệm lớn: Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn

kết toàn dân tộc; Kết hợp nội lực với ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Sử dụng phương pháp cách mạng phù hợp; Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng.

Thứ nhất, bài học về nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung chủ đạo, xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là quan điểm nhất quán của Đảng, là vấn đề có tính chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi thành lập Đảng đến nay, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện với nội dung, hình thức, bước đi phù hợp với đặc điểm mỗi thời kỳ cách mạng, khơi dậy, phát huy sức mạnh của dân tộc và thời đại, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi to lớn của dân tộc Việt Nam.

Trong giai đoạn cách mạng 1930 – 1945, độc lập dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm trước hết, đấu tranh giành độc lập dân tộc là nội dung chủ đạo, được tiến hành theo lập trường của giai cấp vô sản, chủ nghĩa xã hội chưa được đặt ra trực tiếp mà là phương hướng tiến lên. Và để đạt được mục tiêu chủ nghĩa xã hội, trước tiên phải giành độc lập dân tộc. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu chính là quan điểm đúng đắn, sáng tạo, là yếu tố xuyên suốt và có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và đấu tranh giải phóng dân tộc nói chung.

Trong giai đoạn vừa kháng chiến, vừa kiến quốc 1945 – 1954, Đảng ta xác định chiến lược của cách mạng là bảo vệ độc lập dân tộc với tinh thần "Tổ quốc trên hết", "Dân tộc trên hết". Đối với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng chủ trương tiến hành từng bước, sát với tiến trình thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc và phục vụ chống đế quốc. Đảng lãnh đạo nhân dân nhanh chóng xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, chống giặc đói, giặc dốt, không ngừng nâng cao nội lực cách mạng, là cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ chế độ, bảo vệ nền độc lập non trẻ, chuẩn bị kháng chiến.

Trong thời kỳ 1954 – 1975, Đảng chủ trương tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Năm 1975, sau nhiều thập kỷ đấu tranh gian khổ, dân tộc Việt Nam đã giành lại trọn vẹn nền độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, mở ra thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc, thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh mới, những tiềm năng, lợi thế của hai miền đất nước được huy động, tập trung cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng cũng không ít nguy cơ ảnh hưởng đến nền độc lập của dân tộc, nguy cơ xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Do vậy, Đảng ta xác định phải thực hiện song hành độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó, độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc là điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội, tăng cường sức mạnh của chủ nghĩa xã hội để củng cố độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau. Như vậy, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn được Đảng ta xác định là nhiệm vụ quan trọng trong mọi giai đoạn cách mạng. Trong mỗi giai đoạn, tùy vào đặc điểm, tình hình, Đảng ta có thể chủ trương tập trung thực hiện nhiệm vụ độc lập dân tộc hoặc chủ nghĩa xã hội hoặc song hành cả hai.

Hai là, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

Thành công nổi bật của Đảng Cộng sản Việt Nam là đề ra Cương lĩnh, đường lối chính trị đúng đắn vì lợi ích của đất nước và dân tộc. Trên cơ sở đường lối đúng đắn mà tập hợp, đoàn kết lực lượng của toàn dân tộc phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đại đoàn kết là nguồn sức mạnh giúp dân tộc Việt Nam vượt qua những khó khăn, thử thách để dựng nước và giữ nước. Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam xuất phát từ nhận thức ngoài lợi ích của giai cấp, dân tộc và nhân dân, Đảng không có mục đích nào khác. Đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên nền tảng vững chắc là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ

trí thức, đồng thời đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp khác, đoàn kết 54 dân tộc trên đất nước Việt Nam, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết với cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Đại đoàn kết dân tộc dựa trên cơ sở lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, đồng thời bảo đảm lợi ích riêng của mỗi giai cấp, tầng lớp, bộ phận, cá nhân không trái với lợi ích chung của dân tộc, đất nước. Đảng chú trọng xây dựng các hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp đoàn kết rộng rãi mọi thành phần, lực lượng trong dân tộc, xã hội, đa dạng hóa các hình thức tổ chức tập hợp quần chúng, nêu cao vai trò các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng, nghề nghiệp. Đường lối và bài học đại đoàn kết dân tộc của Đảng là sự kế thừa và phát triển truyền thống đoàn kết hình thành trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống gắn kết trong các hình thức cộng đồng, gia đình, dòng họ, làng xã đến cộng đồng dân tộc, quốc gia. Đại đoàn kết dân tộc cũng là nối tiếp truyền thống nhân văn, nhân ái, yêu thương đùm bọc lẫn nhau của dân tộc Việt Nam. Sự kết tinh các giá trị cao cả và sâu sắc đó của chiến lược đại đoàn kết dân tộc trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng và dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thấy động lực cách mạng từ quảng đại quần chúng và xác định nhiệm vụ tổ chức, tập hợp, đoàn kết, coi đây là chiến lược xuyên suốt, nhất quán, là cội nguồn sức mạnh trong mọi thời kỳ cách mạng. Ngay trong Sách lược vắn tắt của Đảng năm 1930 đã ghi rõ: Đảng phải thu phục đại bộ phận và làm cho giai cấp công nhân đóng vai trò lãnh đạo dân chúng, thu phục đại bộ phận và làm cho giai cấp nông dân, đồng thời phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt,… để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Chính đại đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh to lớn góp phần làm nên những thắng lợi vẻ vang của dân tộc, đưa đất nước đến bến bờ độc lập. Trong quá trình đổi mới, xây dựng đất nước "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" theo con đường chủ nghĩa xã hội, đoàn kết vẫn tiếp tục là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, luôn được nhấn mạnh qua các kỳ đại hội. Gần đây nhất, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII khẳng định: "Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách

mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo”[1]

Ba là, kết hợp nội lực với ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Cương lĩnh, đường lối của Đảng ngay từ đầu đã tổ chức và động viên sức mạnh của dân tộc, coi cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ sự ủng hộ của cách mạng thế giới. Trong *Đường cách mệnh* (1927) lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã". Trong cao trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn thể quốc dân hãy đứng lên đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Nhờ phát huy sức mạnh, ý chí tự lực tự cường của cả dân tộc, nên đã chớp được thời cơ thuận lợi dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong các cuộc kháng chiến lâu dài giành độc lập, thống nhất hoàn toàn, Đảng đã triệt để phát triển sức mạnh của dân tộc, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, đồng thời tranh thủ tối đa sự giúp đỡ, ủng hộ quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi.

Công cuộc đổi mới diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào khủng hoảng và dẫn tới sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Điều đó đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, nâng cao bản lĩnh chính trị để đứng vững trước khó khăn, thử thách và kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, động viên cao độ nội lực. Mặt khác, Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường củng cố sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, kiên định lập trường của chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đề ra và thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đảng và Nhà nước cũng tranh thủ tối đa những vấn đề mới của thời đại: Hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa, thành quả của cách mạng khoa học, công nghệ, kinh nghiệm

quản lí của các nước tiên tiến, những vấn đề về kinh tế tri thức… Nội lực và sức mạnh dân tộc bao giờ cũng có ý nghĩa quyết định, song sức mạnh đó được tăng cường khi có sự kết hợp đúng đắn với ngoại lực và sức mạnh của thời đại.

Bốn là, sử dụng phương pháp cách mạng phù hợp với nhiệm vụ cách mạng và điều kiện cụ thể của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phương pháp cách mạng vừa là khoa học lãnh đạo vừa là nghệ thuật lãnh đạo trong việc tổ chức, xây dựng các lực lượng và sử dụng các hình thức đấu tranh. Thực tế lịch sử phong trào cách mạng của thế giới và Việt Nam cho thấy phương pháp cách mạng là yếu tố quan trọng làm nên thắng lợi. Đồng chí Trường Chinh viết: *"Lịch sử phát triển cách mạng thế giới đã cho thấy một phong trào nào đó có khi bế tắc, không có lối ra, thậm chí thất bại không phải vì không có mục tiêu và phương hướng rõ ràng, cũng không phải không tổ chức được lực lượng cách mạng, mà chủ yếu vì thiếu phương pháp cách mạng và hình thức đấu tranh thích hợp".*

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, Đảng ta đã thực hiện phương pháp cách mạng đúng đắn và sáng tạo. Phương pháp cách mạng luôn được thực hiện đúng quy luật, thuận lòng dân và phù hợp thời đại. Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã sử dụng đúng đắn, linh hoạt một số phương pháp cách mạng chủ yếu như sau: *phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng đấu tranh chống bạo lực phản cách mạng; phương pháp thắng từng bước; phương pháp phát huy sức mạnh tổng hợp. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta lựa chọn các phương pháp: Phát huy vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân; Tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi và hình thức thích hợp; Tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, thách thức trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; Phát huy sức mạnh tổng hợp.*

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đến nay, tròn 90 năm Đảng được hợp nhất, thành một tổ chức Đảng lãnh đạo cách mạng. Ngày 3/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản họp ở

bán đảo Cửu Long, thuộc Hồng Kông (Trung Quốc) đã quyết định thống nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta thành một Đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một bước ngoặt lịch sử trọng đại, chấm dứt cuộc khủng hoảng kéo dài về tổ chức và đường lối của cách mạng Việt Nam.

Từ đó đến nay, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đạt được nhiều thắng lợi quan trọng. Đó là thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Là thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt chống đế quốc, thực dân giành độc lập hoàn toàn, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Là thắng lợi của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao vị thế của đất nước, làm sáng tỏ nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã trở thành một quốc gia có quy mô dân số gần 100 triệu người với mức thu nhập bình quân 2.800 USD/người; đã tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế, trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong các hoạt động của cộng đồng quốc tế.

Thực tiễn sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đã minh chứng, nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn, tất cả vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân; có đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là công bộc của nhân dân, tận tụy, hy sinh vì nhân dân, được nhân dân tin theo, mà Đảng ta đã tập hợp, quy tụ, phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân cả về lực lượng và của cải, vật chất và tinh thần, để làm nên thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu" năm 1954 và Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đó là sức mạnh của khối đại đoàn kết

toàn dân tộc, muôn triệu người như một, quyết chí, đồng lòng đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi chế độ áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến. Sự tham gia tích cực, không quản hy sinh, gian khổ, không chịu khuất phục trước bất cứ thế lực xâm lược, áp bức nào của nhân dân bắt nguồn từ truyền thống quý báu được hun đúc từ hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc; đến thời hiện đại trở thành niềm tin to lớn của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, để phát huy sức mạnh của nhân dân, Đảng ta xác định, lấy mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm điểm tương đồng; bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội,... coi đây là các yếu tố quan trọng để củng cố, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, Đảng lãnh đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối phù hợp, hiệu quả; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế ở mỗi cấp, mỗi ngành, trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng để phát triển đất nước. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; kiên quyết chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Tôn trọng và bảo

đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật; đấu tranh và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quyền tự do, dân chủ, tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng "dân chủ", "tín ngưỡng, tôn giáo" làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia - dân tộc và lợi ích của nhân dân. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; nâng cao uy tín, vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia - dân tộc; sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Với chủ trương, giải pháp đồng bộ, Đảng đã phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh toàn dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa nước ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới về kinh tế, tạo bước phát triển vượt bậc. Nhờ đó, "Đất nước đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*"[(4)]. Hiện nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó có 3 nước quan hệ đặc biệt, 6 nước đối tác chiến lược toàn diện, 13 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện[(5)]. Đây là động lực, nguồn lực quan trọng, là cơ sở, niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, gắn bó máu thịt với nhân dân, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, trong gần 80 năm qua, lực lượng quân đội luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động

sản xuất. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ở bất cứ nơi đâu, với tinh thần vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, toàn thể cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đều sẵn sàng hy sinh, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân; làm nòng cốt và cùng nhân dân phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thảm họa môi trường, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, chủ động, tích cực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc,... làm sáng thêm phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" trong thời kỳ mới; qua đó, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, vào quân đội, là cơ sở quan trọng để quy tụ, tập hợp và phát huy sức mạnh của nhân dân.

Trước hết, cần phải khẳng định "Quan điểm về vai trò chủ thể của nhân dân, vai trò trung tâm của nhân dân" là một trong những quan điểm nền tảng của phát triển đất nước. Trong luận đề: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ có các mối quan hệ của nó, hầu như trong thời gian qua chúng ta mới quan tâm nghiên cứu về Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý mà chưa quan tâm đúng mức về nhân dân làm chủ. Trong lúc đó, trong luận đề nói trên, nhân dân là điểm xuất phát, là nền tảng và đồng thời là mục tiêu cuối cùng cần phải hướng tới. Do vậy, tư duy lý luận chính trị, tư duy pháp lý của chúng ta trong thời gian tới cần phải hướng đến làm sáng tỏ một cách sâu sắc, đầy đủ, toàn diện, đúng bản chất về thành tố: nhân dân làm chủ trong định đề nói trên. Điều đó nói lên vai trò chủ thể của nhân dân, vai trò trung tâm của nhân dân, vai trò làm chủ của nhân dân cùng với Đảng và Nhà nước trong xây dựng và phát triển đất nước, trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Phát huy sức mạnh nhân dân vì một Việt Nam giàu mạnh, văn minh, văn hiến anh hùng trong kỷ nguyên hội nhập và phát triển

Trong suốt quá trình xây dựng, trưởng thành và lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quán triệt tư tưởng "nước lấy dân làm gốc", xác định cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày

24-11-2023, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, "Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc", nhấn mạnh: "Trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 đòi hỏi phải đẩy mạnh, phát huy cao độ truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc".

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và kế thừa bài học kinh nghiệm về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, nhân dân là chủ thể của cách mạng, có khả năng sáng tạo vô tận và sức mạnh to lớn. Người chỉ rõ: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"(1), "có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra"(2); "Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại"(3). Trong lịch sử, Nguyễn Trãi, nhà văn hóa lớn thế kỷ XV từng khẳng định: Sức dân như nước, nước có thể đẩy thuyền, cũng có thể lật thuyền. Còn Tả tướng quốc triều đại nhà Hồ, Hồ Nguyên Trừng đã nói, không sợ đánh giặc, chỉ sợ lòng dân không theo. Tất cả điều đó nói lên vai trò, tầm quan trọng của nhân dân trong tiến trình phát triển của dân tộc là rất to lớn, có nhân dân là có tất cả.

"Nhân dân" theo quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh có nội hàm rất rộng, bao gồm mọi người dân Việt Nam yêu nước - một lực lượng đông đảo, có sức mạnh to lớn. Sức mạnh của nhân dân là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là sức mạnh về vật chất, tinh thần, kết tinh từ sức mạnh của mỗi người dân, ở mỗi thành phần dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp xã hội. Nhân dân là lực lượng đông đảo, nhưng nếu mỗi người đứng riêng rẽ, thì không thể tạo thành sức

mạnh; chỉ khi được giác ngộ, được quy tụ trong một khối thống nhất về ý chí và hành động thì mới tạo thành sức mạnh to lớn. Vì vậy, chăm lo xây dựng, không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc là điều kiện quan trọng hàng đầu để phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân.

Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội là những công việc hết sức hệ trọng, chưa có tiền lệ và vô cùng khó khăn, gian khổ, đòi hỏi sự hy sinh, cống hiến to lớn về mọi mặt của cả dân tộc. Sự nghiệp lâu dài, khó khăn, gian khổ đó chỉ có thể thành công khi Đảng ta quy tụ, tập hợp và phát huy được sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, tạo nên lực lượng hùng hậu, có sức mạnh "muôn người như một". Việc quy tụ, tập hợp và phát huy sức mạnh của nhân dân đòi hỏi có phương thức, hình thức phù hợp, trên cơ sở kết hợp hài hòa lợi ích thiết thực của nhân dân; trong đó, Đảng là hạt nhân quy tụ, đoàn kết quần chúng nhân dân.

Thực tiễn sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đã minh chứng, nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn, tất cả vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân; có đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là công bộc của nhân dân, tận tụy, hy sinh vì nhân dân, được nhân dân tin theo, mà Đảng ta đã tập hợp, quy tụ, phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân cả về lực lượng và của cải, vật chất và tinh thần, để làm nên thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu" năm 1954 và Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đó là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, muôn triệu người như một, quyết chí, đồng lòng đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi chế độ áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến. Sự tham gia tích cực, không quản hy sinh, gian khổ, không chịu khuất phục trước bất cứ thế lực xâm lược, áp bức nào của nhân dân bắt nguồn từ truyền thống quý báu được hun đúc từ hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc; đến thời hiện đại trở thành niềm tin to lớn của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, để phát huy sức mạnh của nhân dân, Đảng ta xác định, lấy mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm điểm tương đồng; bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội,... coi đây là các yếu tố quan trọng để củng cố, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, Đảng lãnh đạo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối phù hợp, hiệu quả; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế ở mỗi cấp, mỗi ngành, trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng để phát triển đất nước. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; kiên quyết chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật; đấu tranh và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quyền tự do, dân chủ, tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng "dân chủ", "tín ngưỡng, tôn giáo" làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia - dân tộc và lợi ích của nhân dân. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; nâng cao uy tín, vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia -

dân tộc; sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Với chủ trương, giải pháp đồng bộ, Đảng đã phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh toàn dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa nước ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới về kinh tế, tạo bước phát triển vượt bậc. Nhờ đó, "Đất nước đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*"(4). Hiện nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó có 3 nước quan hệ đặc biệt, 6 nước đối tác chiến lược toàn diện, 13 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện(5). Đây là động lực, nguồn lực quan trọng, là cơ sở, niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, gắn bó máu thịt với nhân dân, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, trong gần 80 năm qua, lực lượng quân đội luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ở bất cứ nơi đâu, với tinh thần vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, toàn thể cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đều sẵn sàng hy sinh, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân; làm nòng cốt và cùng nhân dân phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thảm họa môi trường, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, chủ động, tích cực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc,... làm sáng thêm phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" trong thời kỳ mới; qua đó, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên

trường quốc tế, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, vào quân đội, là cơ sở quan trọng để quy tụ, tập hợp và phát huy sức mạnh của nhân dân.

Thời gian tới, mục tiêu phát triển đất nước được Đảng ta xác định là: "*Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. *Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao"[(6)]. Đây là nhiệm vụ rất to lớn, vẻ vang, song cũng rất nặng nề, phức tạp, đòi hỏi Đảng, Nhà nước ta không chỉ có đường lối đúng đắn, chiến lược, kế hoạch, giải pháp đồng bộ, nâng cao sự quyết tâm của các cấp, ngành, lực lượng và cả hệ thống chính trị, mà còn phải phát huy được sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, trong điều kiện mới, việc phát huy sức mạnh của nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ cách mạng đang đối diện với nhiều vấn đề mới.

Tiếp tục phát huy sức mạnh của nhân dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Một là, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm tin, lý tưởng cách mạng, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của các tầng lớp nhân dân.

Trước hết, cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho nhân dân thấy được giá trị, ý nghĩa của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn duy nhất, phù hợp với xu thế thời đại; bảo đảm cho đất nước được độc lập, phát triển, nhân dân được ấm no, tự do, hạnh phúc. Đẩy mạnh tuyên truyền về thành tựu của công cuộc đổi mới, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước là nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó, làm cho các tầng lớp nhân dân thấy được vai trò, sức mạnh của tinh thần đoàn kết, cộng đồng trách nhiệm, chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thử thách; chỉ có đoàn kết, thống nhất mới tạo sức mạnh để thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, bảo đảm lợi ích của mỗi cá nhân.

Việc tuyên truyền, giáo dục cần được thực hiện thường xuyên, thông qua nhiều hình thức, phương pháp, phù hợp với đối tượng; trong đó, chú trọng tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước - về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Từ đó, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"(7) trong các tầng lớp nhân dân.

Hai là, bảo đảm hài hòa lợi ích của các tầng lớp nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục phát triển, GDP bình quân đầu người được tăng lên, các lĩnh vực xã hội có nhiều thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhu cầu và các quan hệ lợi ích trong xã hội, cũng như lợi ích của các giai tầng, thành phần, lực lượng xã hội được đáp ứng và giải quyết ngày càng hài hòa, thỏa đáng. Các vấn đề xã hội, như lao động, việc làm, tệ nạn xã hội, việc thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội,... được quan tâm giải quyết tốt hơn. Đó là nhân tố tích cực, tạo cơ sở vững chắc để tập hợp, quy tụ, phát huy sức mạnh của nhân dân.

Tuy nhiên, ở nhiều vùng, miền, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, đói nghèo, tái mù chữ vẫn là thách thức lớn. Bên cạnh đó, tình trạng phân hóa giàu - nghèo ngày càng gia tăng, chứa đựng những dấu hiệu phân tầng xã hội ngày càng rõ rệt, làm cho các lợi ích thiết thực nhất của nhân dân không được bảo đảm đầy đủ, nảy sinh những phức tạp trong quan hệ cộng đồng, gia tăng nguy cơ mất ổn định về chính trị - xã hội, phá vỡ sự liên kết, gắn bó giữa các giai tầng, thành phần, lực lượng trong xã hội. Tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường, như tính thực dụng, ích kỷ, đặt lợi ích kinh tế lên trên hết,... làm cho nhiều giá trị xã hội bị đảo lộn, dẫn đến tính cộng đồng bị xem nhẹ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc thiếu sự gắn kết; vì vậy, đòi hỏi Đảng, Nhà nước, các cấp, ngành, từng cơ quan, đơn vị có chủ trương, chính sách, giải pháp bảo đảm hài hòa lợi ích

hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, cả về vật chất và tinh thần. Nêu cao tinh thần, trách nhiệm của mỗi người vì sự nghiệp chung, vì mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đặt lợi ích tập thể, lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, trước hết. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương mỗi bước tăng trưởng kinh tế phải gắn với bảo đảm tốt hơn tiến bộ, công bằng xã hội; đẩy mạnh chủ trương, chính sách xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế,... nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhằm hạn chế ở mức thấp nhất sự gia tăng khoảng cách giàu - nghèo giữa các bộ phận, tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong xã hội.

Ba là, phát huy vai trò của dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường thực hiện dân chủ trực tiếp của nhân dân.

Đảng, Nhà nước tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, mọi công dân có thể trực tiếp thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình một cách bình đẳng, tham gia trực tiếp, tích cực và chủ động vào các hoạt động của Nhà nước trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... Phát huy vai trò tích cực của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức ngày càng vững mạnh,... Trong từng hoạt động, lĩnh vực thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Thực hiện dân chủ đi liền với bảo đảm kỷ cương, kỷ luật; xử lý kịp thời, nghiêm minh tổ chức, cá nhân lợi dụng vấn đề "dân chủ", "nhân quyền" để gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội, hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân.

Bốn là, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hiệu quả của các phong trào thi đua yêu nước.

Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về thành lập, hoạt động của các hội, bảo đảm các hội hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích theo pháp

luật, nhất là hoạt động giúp đỡ nhau trong cuộc sống, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức hội, đội ngũ hội viên; tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó, cần tiếp tục đổi mới, nâng cao vị trí, vai trò, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là trung tâm tập hợp, quy tụ và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Hướng hoạt động nhiều hơn về cơ sở, đến từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; chú trọng bồi dưỡng và hướng dẫn người có uy tín trong cộng đồng tham gia đóng góp cho phong trào chung; phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống, như làng, bản, dòng họ, gia đình; kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc. Đồng thời, có cơ chế, chính sách phù hợp để các đoàn thể nhân dân phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; tích cực tham gia xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường vai trò giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và tu dưỡng của đại biểu dân cử, cán bộ, đảng viên, công chức, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ chức đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, bảo đảm thiết thực, sát với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ từng cấp, ngành, nhu cầu của nhân dân; qua đó, tạo phong trào hành động cách mạng sâu rộng, phong phú để thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân.

Năm là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở, cần gần dân, bám sát tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các nghị quyết, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đồng thời, quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa",...

Chú trọng, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đặt nhiệm vụ phục vụ nhân dân lên trên hết, giải quyết đúng đắn và nhanh chóng các công việc có liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân. Giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức xây dựng và thực hành phong cách "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin"; có thái độ chân thành, tôn trọng nhân dân, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân; thực hiện phương thức dân chủ trong lãnh đạo và quản lý, điều hành, kiên quyết khắc phục lối làm việc mệnh lệnh, hành chính đơn thuần.

Sáu là, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn, hoạt động chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

Hiện nay, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng vấn đề "tự do tư tưởng", "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo"; hạn chế, khuyết điểm của một số cán bộ, đảng viên để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nói xấu lãnh tụ; kích động nhân dân tụ tập khiếu kiện đông người, phản đối chính quyền,... hòng gây mất ổn định chính trị, tạo sự đối lập, chia rẽ mối quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, giữa dân tộc đa số với dân tộc thiểu số, giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau. Vì vậy, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cần nhận thức sâu sắc nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống "diễn biến hòa bình", âm mưu, thủ đoạn chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch. Đây là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ này, cần nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng, thực hiện tốt phương châm: Chủ động, khôn khéo, kiên quyết; kết hợp giữa "xây" và "chống", lấy "xây" là chính, "chống" là thường xuyên. Trước hết, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên, cơ quan truyền thông, báo chí để tập trung đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, những nhận thức lệch lạc, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng ở từng cơ quan, đơn vị. Cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, lực lượng, nhất là lực lượng vũ trang cần nắm chắc đặc điểm tình hình trên từng địa bàn, chú trọng địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, kịp

thời phát hiện, đấu tranh với mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; xử lý kiên quyết, khôn khéo các tình huống, không để hình thành "điểm nóng" kéo dài. Đồng thời, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của hệ thống chính trị, đẩy mạnh xây dựng tiềm lực đất nước vững mạnh, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế,... để làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị./.

SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG CÓ SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM

TS. Phùng Chí Cường

Viện đào tạo Sau đại học

PHẦN MỞ ĐẦU

Sau 45 năm thống nhất đất nước, Việt Nam từ một trong những nước nghèo nhất trên thế giới đã vươn lên mạnh mẽ trở thành quốc gia đạt mức thu nhập trung bình thấp. Trải qua một phần ba thế kỷ thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Việt Nam đã trở thành một mẫu hình thành công của quá trình chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế. Tỷ lệ đói nghèo từ mức quá nửa dân số đã giảm xuống mức dưới 5%, hoàn thành trước mục tiêu thiên niên kỷ về giảm nghèo. Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và nước thu nhập cao vào năm 2045 vào thời điểm kỷ niệm 100 năm thành lập nước.

Từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện và được chứng minh tính đúng đắn trên thực tế khi đã giúp đất nước ta thoát khỏi thời kỳ khó khăn về kinh tế, đạt tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian dài, có lúc thuộc nhóm cao nhất thế giới. Nền kinh tế cũng hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới, đưa Việt Nam trở thành nước có nền kinh tế mở cao, tỷ lệ tổng kim ngạch xuất nhập khẩu/GDP; tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI/GDP xếp vào nhóm hàng đầu châu Á và thế giới. Sự phát triển nhận thức của Đảng về mô hình kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), cũng như mối quan hệ và sự kết hợp giữa Nhà nước với thị trường là cả một quá trình tìm tòi, trải nghiệm, phát triển từ thấp lên cao, ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Trước yêu cầu đổi mới của nền kinh tế Việt Nam để đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, Đảng và Nhà nước đang nghiên cứu, xem xét những vấn đề đặt

ra để hoàn thiện hơn thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong đó, vai trò kiến tạo của Nhà nước, vai trò của các thành phần kinh tế trong nước được nhìn nhận sẽ là những trụ cột, đóng vai trò chủ đạo của sức mạnh kinh tế quốc gia. Nhận diện và chấn chỉnh các biểu hiện chệch hướng trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cũng là vấn đề thường xuyên, không thể xem nhẹ.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phát triển kinh tế và quá trình đổi mới của đất nước, Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra định hướng nền KTTT định hướng XHCN: "Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã – hội…" (*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb. CTQG ST, HN. 2021 tr. 128-129).

Có thể nói, trải qua gần 40 năm đổi mới, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện, trở thành đóng góp lý luận cơ bản và sâu sắc của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để hưởng ứng "Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng Tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng lần thứ Ba, năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội" tôi lựa chọn chủ đề "***Sự cần thiết khách quan phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN ở Việt Nam"*** để tham dự.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

PHẦN NỘI DUNG

1. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

1.1. Kinh tế thị trường

Cơ chế thị trường là tổng thể những mối quan hệ kinh tế, các phạm trù kinh tế và qui luật kinh tế có quan hệ hữu cơ với nhau cùng tác động để điều tiết cung - cầu giá cả cùng những hành vi của người tham gia thị trường nhằm giải quyết ba vấn đề cơ bản: Sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai?

Các mối quan hệ trong cơ chế thị trường chịu sự tác động của các qui luật kinh tế khách quan như qui luật giá trị, qui luật cung cầu, qui luật lưu thông tiền tệ. Động lực của các mối quan hệ này là lợi nhuận trong môi trường cạnh tranh. Cơ chế thị trường là cơ chế có rất nhiều ưu điểm:

- Cơ chế thị trường là cơ chế năng động nhạy cảm có khả năng tự động điều tiết nền sản xuất xã hội tức là sự phân bổ sản xuất vào các khu vực các ngành kinh tế hay sản xuất cái gì như thế nào đều do thị trường quyết định mà không cần bất cứ sự điều khiển nào.

- Cơ chế thị trường đáp ứng được những nhu cầu đa dạng phức tạp của người tiêu dùng, tự động kích thích sự phát triển của sản xuất, tăng cường chuyên môn hoá sản xuất.

- Cơ chế thị trường mang tính hiệu quả cao: Các doanh nghiệp muốn thu được lợi nhuận cao thì đòi hỏi phải tiết kiệm chi phí sản xuất, kích thích tiến bộ của KHKTCN.

- Cơ chế thị trường thúc đẩy sự cạnh tranh làm cho sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao hơn, giá thành các sản phẩm giảm.

Bên cạnh những mặt tích cực trên cơ chế thị trường còn rất nhiều khuyết tật và mâu thuẫn như sau:

- Cơ chế thị trường là cơ chế tự điều tiết chạy theo lợi nhuận, các nhà sản xuất, sản xuất quá nhiều một loại sản phẩm hàng hoá vào đó gây ra ế thừa dẫn đến sự khủng hoảng lãng phí.

- Cơ chế thị trường gây mất cân bằng xã hội. Tính cạnh tranh của cơ chế thị trường làm xã hội phân hoá giàu nghèo, giai cấp.

1.2. Kinh tế thị trường định hướng XHCN

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền KTTT đầy đủ, vận động tuân theo các quy luật thị trường với định hướng xã hội. Do đó nó đảm bảo đồng thời 2 mặt:

- Tuân thủ các qui luật của nền kinh tế thị trường

+ Quy luật giá trị: là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa

+ Quy luật cung - cầu

+ Quy luật cạnh tranh: quy luật này tác động đến các chủ thể tham gia trong nền kinh tế thị trường.

+ Quy luật tỷ suất lợi nhuận có xu hướng giảm dần

+ Quy luật lưu thông tiền tệ:

M = P.Q / V

Trong đó: M: số tiền mặt cần thiết trong lưu thông

P: giả cả của một đơn vị hàng hóa

Q: khối lượng hàng hóa đưa vào lưu thông

V: Số vòng lưu thông của một dơn vị hàng hóa

- Đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường mà trong nó: mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản lý nền kinh tế vừa phải tuân theo các quy luật thị trường, vừa hàm chứa, gắn với và hướng tới những giá trị cơ bản của CNXH.

- Định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường ở nước ta có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN

Thứ hai, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, xác lập quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp để thúc đẩy phát triển mạnh lực lượng sản xuất.

Thứ tư, phát triển nền kinh tế thị trường phải bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

Thứ năm, kết quả của tăng trưởng hướng đến mục tiêu đảm bảo phát triển đồng đều; thành qủa của sự phát triển hướng đến mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội Phát triển đảm bảo cân đối giữa trước mắt với lâu dài; giữa các vùng, các địa phương trong cả nước.

1.3. Đặc trưng của nền Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Về sở hữu và thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế

- Về cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: "Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh"

- Về phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: "Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội".

2. Bối cảnh hình thành, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1. Bối cảnh trong nước

Chuyển đổi mô hình kinh tế trong quá trình phát triển là vấn đề có tính quy luật khi mô hình kinh tế cũ bị giới hạn. Khi chuyển sang giai đoạn lịch sử mới của đất nước, của thời đại, mô hình kinh tế đã có những hạn chế, cản trở đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc thực hiện chuyển đổi mô hình kinh tế là tất yếu khách quan trong quá trình phát triển lịch sử tự nhiên.

Trước sự suy thoái nghiêm trọng viện trợ nước ngoài lại giảm sút đã đặt nền kinh tế nước ta tới sự bức bách phải đổi mới. Tại đại hội VI của Đảng đã chủ chương phát triển kinh tế nhiều thành phần và thực hiện chuyển đổi cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN. Đến Đại hội VII Đảng ta xác định rõ việc đổi mới cơ chế kinh tế ở nước ta là một tất yếu khách quan và trên thực tế đang diễn ra việc đó tức là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Đây là một sự thay đổi về nhận thức có ý nghĩa rất quan trọng trong lý luận cũng như trong thực tế lãnh đạo của Đảng trên mặt trận lầm kinh tế. Việc chuyển đổi trên hoàn toàn đúng đắn. Nó phù hợp với thực tế của nước ta phù hợp với các qui luật kinh tế và xu thế của thời đại.

Do đặc trưng của nền kinh tế tập trung là rất cứng nhắc cái đó chỉ có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Và chỉ có tác dụng phát triển nền kinh tế theo chiều rộng. Nền kinh tế chỉ huy ở nước ta tồn tại quá dài do đó nó không những không còn tác dụng đáng kể trong việc thúc đẩy sản xuất phát triển mà nó còn sinh ra nhiều hiện tượng tiêu cực làm giảm năng xuất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Đại hội Đảng lần thứ VI đã thực hiện cuộc cách mạng - đổi mới đất nước, trước hết là đổi mới tư duy, đặc biệt là tư duy kinh tế mà cốt lõi là chuyển nền kinh tế vận hành theo cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

Có thể chia thời kỳ đổi mới đất nước thành hai giai đoạn:

+ Giai đoạn xây dựng nền tảng của kinh tế thị trường định hướng XHCN (1986-2000).

+ Giai đoạn phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN (2001 đến nay)

Kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu khai thác có hiệu quả những tiềm năng và lợi thế của đất nước để phát triển; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển đất nước

Việt Nam có những tiền đề chính trị - xã hội thuận lợi để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới

Thực tiễn qua 35 năm đổi mới đã chứng minh: phát triển nền kinh tế thị trường là đúng đắn; con đường đi lên CNXH ở nước ta phải kinh qua kinh tế thị trường, không phát triển kinh tế thị trường thì không thể đi tới CNXH:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân khoảng 7%/năm.

+ Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 theo giá thực tế đạt trên 247 tỷ $ (năm 2000: 31,2 tỷ $)

+ GDP bình quân đầu người năm 2018 đạt 2.587 $ (năm 2000: 400 $). Nước ta đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp

Một số hạn chế cần khắc phục:

Phát triển kinh tế - xã hội chưa vững chắc, nợ công còn cao, nợ xấu có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao

Năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Vẫn còn tư duy cũ, vẫn còn những lề thói, cách làm ăn cũ; Vẫn còn cách quản lý kinh tế - xã hội cũ…

Về lực lượng lao động: đông nhưng không mạnh…

Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp nước ta đa phần ở mức trung bình và lạc hậu…

2.2. Bối cảnh quốc tế

Cục diễn thế giới đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn đang điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh mẽ đến cục diễn thế giới và khu vực. Kinh tế thế giới khôi phục chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức. Các quốc gia có xu hướng tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xét về mối quan hệ kinh tế đối ngoại ta thấy nền kinh tế nước ta đang hoà nhập với nền kinh tế thị trường thế giới, sự giao lưu về hàng hoá dịch vụ và đầu tư trực tiếp của nước ngoài làm cho sự vận động của nền kinh tế nước ta gần gũi hơn với nền kinh tế thị trường thế giới. Tương quan giá cả các loại hàng hoá trong nước gần gũi hơn với tương quan giá cả hàng hoá quốc tế.

- Xu hướng chung phát triển kinh tế thế giới là sự phát triển kinh tế của mỗi nước không tách rời sự phát triển và hoà nhập quốc tế, sự cạnh tranh giữa các quốc gia đã thay đổi hẳn về chất không còn là dân số đông, vũ khí nhiều, quân đội mạnh mầ là tiềm lực kinh tế. Mục đích của các chính sách của các quốc gia là tạo được nhiều của cải vật chất trong quốc gia của minhf lầ tốc độ phát triển kinh tế cao, đời sống nhân dân được cải thiện, thất nghiệp thấp, tiềm lực kinh tế đã trở thành thước đo chủ yếu, vai trò và sức mạnh của mỗi dân tộc, là công cụ chủ yếu để bảo vệ uy tín duy trì sức mạnh của các Đảng cầm quyền.

Thực tế kinh tế thị trường đã hình thành và phát triển đạt được những mức phát triển khác nhau ở hầu hết các đô thị và vùng hẻo lánh và đang được mở rộng với thị trường quốc tế. Nhưng thị trường ở nước ta phát triển chưa đồng bộ còn thiếu hẳn thị trường các yếu tố sản xuất như thị trường lao động, thị trường vốn và thị trường đất đai về cơ bản vẫn là thị trường tự do, mức độ ca thiệp của nhà nước còn rất thấp.

Do đó, nền kinh tế thị trường hướng tới ở nước ta sẽ không phải lầ nền kinh tế thị trường thuần tuý. Lý thuyết "để mặc" cho thị trường tự do cạnh tranh là không tồn tại. Ngoài bàn tay "vô hình", vai trò của chính phủ để điều tiết, khắc phục những khuyết tật của thị trường tạo cho nền kinh tế ổn định và phát triển. Đối với nước ta vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường cũng sẽ rất quan trọng.

3. Mục tiêu xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

Đại hội Đảng lần thứ XII khẳng định: "Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam có QHSX tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của LLSX; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều TPKT, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các TPKT bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước

đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội".

3.1. Mục tiêu tổng quát:

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định mục tiêu tổng quát là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"[2]. So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung "năng lực cầm quyền" vào nội dung "nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng"; bổ sung "hệ thống chính trị", "toàn diện", "tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa"; xác định "đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Việc xác định mục tiêu như trên theo cách tiếp cận mới: Trình độ phát triển, trình độ công nghiệp và thu nhập bình quân đầu người. Đây là tổng hợp cách tiếp cận của Đảng ta trong 35 năm đổi mới và phù hợp với cách tiếp cận của thế giới.

Có thể thấy, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đặt ra mục tiêu không phải chỉ cho nhiệm kỳ 2021 - 2025 mà còn tầm nhìn tới 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước và chúng ta gọi đây là khát vọng phồn vinh dân tộc.

4. Điều kiện và giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

4.1. Điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Điều kiện về kinh tế: nguồn lực đầu vào (vốn, lao động, khoa học – công nghệ, đất đai…); thị trường và hạ tầng kinh tế - kỹ thuật (giao thông vận tải, công nghệ thông tin, điện, nước…) là những điều kiện vật chất thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển.

- Điều kiện chính trị, xã hội: sự ổn định chính trị, xã hội. Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở nền tảng liên minh công – nông - trí thức do Đảng lãnh đạo là điều kiện quan trọng nhằm phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo để phát triển nền KTTT định hướng XHCN.

- Điều kiện khu vực và quốc tế: nhằm tranh thủ các điều kiện từ bên ngoài như: nguồn lực về tài chính, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm tổ chức quản lý nền sản xuất lớn và thị trường để mở rộng thương mại quốc tế… và điều kiện khu vực và quốc tế tốt sẽ tạo môi trường hòa bình thuận lợi cho việc phát triển KTTT định hướng XHCN.

4.2. Các giải pháp chủ yếu để phát triển KTTT định hướng XHCN

4.2.1. Tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Để có nhận thức đúng về nền KTTT định hướng XHCN trước hết phải tiếp tục bổ sung, hoàn thiện khung lý luận cơ bản về mô hình kinh tế này. Đồng thời, tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến cập nhật các chủ trương,

chính sách của Đảng và Nhà nước; những kiến thức, thông tin của nền KTTT định hướng XHCN, KTTT của các nước trên thế giới cho mọi đối tượng trong xã hội.

4.2.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ và hiện đại là tiền đề quan trọng thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là một hệ thống khuôn khổ pháp lý, các quy tắc; các tổ chức, các chủ thể tham gia và cơ chế vận hành... Đây là 1 trong 3 khâu đột phá chiến lược do Đại hội XI nêu ra.

- Khái niệm: Thể chế KTTT đh XHCN là hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách, các quy định, quy tắc nhằm điều tiết hành vi của mọi chủ thể, mọi quá trình diễn ra trong nền kinh tế để tạo điều kiện cho sự hình thành, vận động và phát triển nền KTTT đh XHCN. Nó là sản phẩm của sự vận dụng các quy luật kinh tế trong nền KTTT và các nguyên tắc, bản chất của CNXH để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng CNXH Việt Nam.

- Bản chất, vai trò của thể chế KTTT định hướng XHCN:

Thể chế KTTT định hướng XHCN dựa trên nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.

Thể chế KTTT định hướng XHCN bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, của nhân dân, của các chủ thể tham gia nền kinh tế.

Thể chế KTTT định hướng XHCN đảm bảo quyền tự do hoạt động của các chủ thể kinh tế và huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội để phát triển KTXH, bảo vệ môi trường.

Thể chế KTTT định hướng XHCN là công cụ quan trọng định hướng XHCN nên KTTT ở nước ta.

- Nội dung hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN:

+ Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các chủ thể kinh tế.

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách (đặc biệt chính sách đất đai, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ).

+ Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

+ Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

4.2.3. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0:

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình CNH, HĐH trong điều kiện hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu

Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu

4.2.4. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

- Các yếu tố thị trường và các loại thị trường là nhân tố để giải quyết các mối quan hệ trong nền KTTT; đáp ứng yêu cầu đầu vào và đầu ra của nền KT.

- Tạo môi trường (môi trường pháp lý, môi trường kinh tế, môi trường xã hội) để các yếu tố của thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp; xây dựng và thực hiện các quy định về trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, đối với bảo vệ môi trường.

- Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ cả thị trường trong và ngoài nước

- Từng bước mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo cam kết quốc tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động.

- Phát triển thị trường bất động sản làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

4.2.5. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường (trong và ngoài nước)

- Khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực bên ngoàii (như: vốn, KHCN, kinh nghiệm quản lý, tổ chức vận hành nền KTTT hiện đại).

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển lợi thế quốc gia trong kinh tế đối ngoại thích nghi với sự thay đổi xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

- Tìm kiếm và mở rộng các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác lớn.

- Từng bước tham gia phân công lao động quốc tế

4.2.6. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước, đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân:

- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng về kinh tế.

- Nhà nước tạo lập môi trường pháp lý, môi trường kinh tế xã hội (kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, điện, nước, thông tin liên lạc, tài chính, giáo dục, tế và các dịch vụ khác) để thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và thực hiện bình đẳng cho các chủ thể kinh tế tham gia phát triển kinh tế xã hội.

- Cải cách bộ máy và cơ chế điều tiết nền kinh tế của Nhà nước theo hướng tinh, gọn, hiệu quả

- Hoàn thiện và sử dụng có hiệu lực các công cụ điều tiết nền kinh tế của Nhà nước như: luật pháp; chính sách (tiền tệ, tài chính…); các công cụ kinh tế (thuế, lãi suất, tỷ giá hối đoái…) và các công cụ hành chính (khi cần thiết)

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát để điều chỉnh kịp thời sự vận hành của nền kinh tế khi cần thiết.

- Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp của nhân dân trong phát triển KTTT định hướng XHCN

Là một giảng viên của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi thấm nhuần và tin tưởng quan điểm của Đảng về lựa chọn con đường phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Qua đó, thông qua các bài giảng của mình với học viên các hệ đào tạo đại học, tôi cung cấp và phân tích cho người học thấu hiểu cặn kẽ tính tất yếu, sự ưu việt của sự lựa chọn hướng đi này. Qua đó tác động lan tỏa đến người học ý thức, những hành động thiết thực đóng góp cho sự thành công trong thực hiện mục tiêu phát triển đất nước theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra.

KẾT LUẬN

Việc lựa chọn con đường phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN để đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu mang tính tất yếu của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đây không đơn thuần là sự lựa chọn về đường lối phát triển của đất nước trong giai đoạn mới, mà còn thể hiện định hướng phát triển trong dài hạn của đất nước. Quan điểm này là cơ sở để thu hút sự tham gia tập trung của mọi tầng lớp nhân dân, thành phần kinh tế để cho phát triển kinh tế đất nước và có tác động lan tỏa tích cực đến nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo cho sự phát triển ổn định phồn vinh đất nước.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã và đang được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập. Đường lối đổi mới kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất xã hội, thúc đẩy nền kinh tế của nước ta tăng trưởng vượt bậc, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Nhờ vậy, sau 35 năm đổi mới, chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước có thu nhập trung bình; hội nhập mạnh mẽ vào kinh tế khu vực và thế giới, tạo thế và lực mới cho nền kinh tế.

Có thể khẳng định, lý luận và thực tiễn nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp xây

dựng chủ nghĩa xã hội. Mới đây, trong bài viết: "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam", Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới". (Tạp chí Cộng sản số 966, tháng 5-2021). Điều này không chỉ tạo tiền đề xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Việt Nam mà còn góp phần bổ sung, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021): Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-LêNin.

3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021): Giáo trình Triết học Mác-LêNin.

4. Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Tạp chí Cộng sản số 966 (5-2021).

5. NXB Sự thật Hà Nội (1991): Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội.

6. Tạ Ngọc Tấn (2021): Những nhận thức mới về định hướng phát triển trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Tạp chí Cộng sản online. 15:13, ngày 16-05-2021. Đường link:

https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/821908/nhung-nhan-thuc-moi-ve-dinh-huong-phat-trien-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS.TS Vũ Thành Hưởng

Viện Đào tạo Sau đại học

PHẦN MỞ ĐẦU

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Từ khi xuất hiện trên vũ đài chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tỏ rõ là một đảng cách mạng chân chính nhất, có sức hội tụ lớn nhất mọi sức mạnh của dân tộc, của giai cấp, sớm trở thành đội tiên phong của giai cấp và của dân tộc trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, phong kiến. Sau khi giúp dân tộc giành độc lập, Đảng ta đã chứng minh vai trò quyết định trong việc đổi mới, phát triển đất nước theo nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam - chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Ngay từ đầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm đứng ra nhận sứ mệnh lịch sử to lớn mà giai cấp và dân tộc giao phó: Lãnh đạo các tầng lớp nhân dân Việt Nam đấu tranh chống thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc, dân chủ cho nhân dân. Trước sự bế tắc về lý luận cũng như đường lối của các lực lượng cách mạng Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, sự thất bại không tránh khỏi của các phong trào chống Pháp do các sĩ phu yêu nước và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản lúc đó, dân tộc ta đã hướng đến con đường cứu nước mới, khác về chất, con đường mà các thế hệ người Việt Nam yêu nước đã đi. Chính lúc dân tộc Việt Nam cần một đường lối chính trị đúng đắn, một đội tiên phong dẫn đường, một bộ tham mưu lãnh đạo thì Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đáp ứng kịp thời và đầy đủ những đòi hỏi bức thiết của lịch sử.

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn cho thấy được vị thế xứng đáng của Đảng duy nhất cầm quyền. Lịch sử dân tộc Việt Nam trong những năm

1930 và những năm tiếp theo của thế kỷ XX, được đánh dấu bằng những mốc son chói lọi gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) đã giành được những thắng lợi vĩ đại như: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với bản Tuyên ngôn Độc lập lịch sử ngày 2/9/1945, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên mới độc lập, dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội (CNXH). Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra sau 15 năm ngày thành lập Đảng: Từ cao trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ năm 1936-1939, phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945, chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ; chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 và đỉnh cao là chiến thắng mùa xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành công cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đưa cả nước đi lên CNXH, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sau 46 năm đất nước thống nhất, cả nước cùng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, Việt Nam đã trải qua nhiều khó khăn, tuy còn có những sai lầm nhưng những thành tựu, kết quả Đảng lãnh đạo đất nước đạt được là không thể phủ nhận, đặc biệt là những kết quả to lớn có ý nghĩa lịch sử nước ta giành được từ năm 1986 đến nay đã được thế giới công nhận và đánh giá cao.

Để hưởng ứng "Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng Tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng lần thứ Tư, năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội" tôi lựa chọn đề tài ***"Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam"*** để tham dự cuộc thi.

PHẦN NỘI DUNG

1. Những dấu mốc vĩ đại của dân tộc Việt Nam ghi dấu ấn của Đảng

1.1. Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước

Giữa lúc dân tộc ta đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, nhiều nhà yêu nước đương thời tiếp tục con đường cứu nước theo lối cũ thì ngày 5-6-1911 người thanh niên Nguyễn Tất Thành (tức là Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) ra đi tìm đường cứu nước theo phương hướng mới. Người đã đi qua nhiều nước của châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và đã phát hiện ra chân lý: Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc thực dân là cội nguồn mọi đau khổ của công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc cũng như ở các nước thuộc địa.

Năm 1917, Người trở lại nước Pháp, đến Paris và năm 1919 gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6-1919, thay mặt những người yêu nước Việt Nam, với tên gọi mới là Nguyễn Ái Quốc, Người gửi bản yêu sách 8 điểm tới Hội nghị Véc-xây. Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc "Đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin và từ tư tưởng đó, Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp (tháng 12-1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập) và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Đó là một sự kiện lịch sử trọng đại, không những Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến với lý luận cách mạng của thời đại là chủ nghĩa Mác-Lênin, mà còn đánh dấu bước chuyển quan trọng của con đường giải phóng dân tộc Việt Nam: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.

Người đã viết nhiều bài báo, tham gia nhiều tham luận tại các đại hội, hội nghị quốc tế, viết tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" và tổ chức ra các tờ báo Thanh niên, Công nông, Lính cách mệnh, Tiền phong, nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Năm 1927, Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản tác phẩm "Đường cách mệnh" (tập hợp các bài

giảng của Nguyễn Ái Quốc ở lớp huấn luyện chính trị của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên). Đó là sự chuẩn bị về đường lối chính trị tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người khẳng định, muốn thắng lợi thì cách mạng phải có một đảng lãnh đạo, Đảng có vững, cách mạng mới thành công cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy. Trong thời gian này, Người cũng tập trung cho việc chuẩn bị về tổ chức và cán bộ. Người lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (năm 1925), tổ chức nhiều lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu (Trung Quốc) và gửi cán bộ đi học tại trường Đại học Phương Đông (ở Liên Xô trước đây) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Nhờ hoạt động không mệt mỏi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và nhiều đồng chí cách mạng tiền bối mà những điều kiện thành lập Đảng ngày càng chín muồi.

Cuối năm 1929, những người cách mạng Việt Nam trong các tổ chức cộng sản đã nhận thức được sự cần thiết và cấp bách phải thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất, chấm dứt tình trạng chia rẽ phong trào cộng sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã chủ động tổ chức và chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng tại Hương Cảng, Trung Quốc từ ngày 6 tháng 1 đến ngày 7-2-1930. Hội nghị đã quyết định hợp nhất các tổ chức Đảng (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản. Những văn kiện đó do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được Hội nghị hợp nhất Đảng thông qua là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam. Hội nghị thông qua lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến đồng bào, đồng chí trong cả nước nhân dịp thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như là một Đại hội thành lập Đảng. Những văn kiện được thông qua tại Hội nghị hợp nhất do Nguyễn Ái Quốc chủ trì chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ III của Đảng đã quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng. Hội nghị hợp nhất các tổ chức đảng cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam - theo một đường lối chính trị đúng đắn, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta. Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2/1930 đã chấm dứt khủng hoảng về đường lối cứu nước và tổ chức lãnh đạo phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực sự trở thành lãnh đạo, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, từng bước đi lên, làm nên những kỳ tích, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đáp ứng khát vọng của nhân dân Việt Nam và phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt từ sau khi trở thành Đảng cầm quyền, càng thể hiện rõ Đảng luôn vì lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của toàn thể dân tộc là mục tiêu, lý tưởng phấn đấu của Đảng và cũng chính là cội nguồn sức mạnh của Đảng qua các chặng đường lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ khi ra đời đến nay, các cương lĩnh, đường lối của Đảng đã phản ánh được ý chí, nguyện vọng và những lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, đã không ngừng đưa cách mạng Việt Nam theo mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đó của cách mạng Việt Nam đã gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân bằng cả chiều dài lịch sử, không có lực lượng chính trị nào thay thế được.

1.2. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Chỉ sau 15 năm sau khi đi theo đường lối cách mạng của Đảng, dân tộc Việt Nam đã làm nên kỳ tích vĩ đại trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ

nguyên mới – độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại ấy đã khẳng định trên thực tế đường lối đúng đắn, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một mốc son chói lọi trên con đường cách mạng do Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã hoạch định từ đầu năm 1930 và là nền tảng vững chắc cho dân tộc Việt Nam tiếp nối trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi ấy đã mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giành độc lập cho đất nước, đưa nhân dân thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than.

1.3. Thắng lợi mùa Xuân năm 1975, thống nhất đất nước

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) là thành quả vĩ đại nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Trải qua 21 năm chiến đấu, nhân dân Việt Nam đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược kiểu mới của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn Miền Nam, kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị kéo dài hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, hoàn thành về cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, non sông thu về một mối. Chiến thắng này cũng là tiền đề cho quá trình đất nước ổn định, mở ra cho giai đoạn tập trung xây dựng đất nước tiến lên XHCN.

1.4. Đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế và hội nhập quốc tế

Giành độc lập hoàn toàn sau hơn 30 năm chiến tranh, cả nước bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ những buổi đầu giành độc lập, đối diện với nhiều thách thức, khó khăn gay gắt từ trong nước, trong khu vực và trên trường quốc tế. Trong bước thăng trầm ấy, Đảng đã thể hiện bản lĩnh kiên cường của một chính đảng cách mạng dám nhìn thẳng vào sự thật để cùng cả dân tộc khởi xướng sự nghiệp đổi mới đất nước.

Qua hơn 30 năm đổi mới, đất nước đã vượt qua nhiều thử thách hiểm nghèo, phá thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo tiền đề vững chắc để đất nước ngày càng phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh,

dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng trưởng thành và có thêm nhiều kinh nghiệm để lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong hoàn cảnh mới.

Quá trình hoạt động lãnh đạo vô cùng phong phú, năng động của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay đã để lại những bài học có ý nghĩa về lý luận và giá trị thực tiễn sâu sắc. Những quyết định đưa ra thành công là cơ bản bên cạnh một số hạn chế, khiếm khuyết không tránh khỏi trong quá trình lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử, soi chiếu cho cả hiện tại và tương lai.

2. Những yếu tố thể hiện sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng tạo ra tiền đề quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

2.1. Xác định đúng nền tảng tư tưởng, lý luận và chú trọng nâng cao trình độ lý luận của Đảng

2.1.1. Xác định đúng đắn và không ngừng bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng

Chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là hệ tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân, phong trào công nhân mà còn là vũ khí giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng dân tộc, giải phóng toàn xã hội. Trên nền tảng tư tưởng lý luận mang bản chất cách mạng và khoa học, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo vào đặc điểm thực tiễn Việt Nam, tập hợp đông đảo các giai tầng yêu nước Việt Nam, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sự đồng thuận cả nước để làm nên những chiến công oanh liệt trong 15 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, trong 30 năm kháng chiến trường kỳ để có được một Việt Nam hòa bình, thống nhất, cùng quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội sau năm 1975.

Tại Đại hội VII (1991) của Đảng khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đây là một dấu mốc quan trọng, có ý nghĩa to lớn trong lịch sử tư tưởng lý luận của Đảng và trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào

điều kiện cụ thể ở Việt Nam, trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc. Việc xác lập tư tưởng Hồ Chí Minh đã thúc đẩy mạnh mẽ tư duy sáng tạo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện, đặc điểm Việt Nam.

2.1.2. Chú trọng công tác lý luận, thường xuyên nâng cao trình độ lý luận của Đảng trong quá tình lãnh đạo cách mạng

Khi mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã coi trọng nghiên cứu nâng cao trình độ lý luận, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Đảng chú trọng tổng kết thực tiễn để làm rõ những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam: lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc, về chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam; lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đảng cũng chú trọng nâng cao trình độ trí tuệ, nắm vững và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, nâng cao trình độ học vấn của cán bộ, đảng viên, nâng cao hiểu biết về khoa học lãnh đạo, quản lý, tiếp cận những giá trị văn hóa của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng phải không ngừng nâng cao trình độ lý luận, mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập, hiểu biết lý luận cách mạng, lý luận và thực tiễn phải luôn đi đôi với nhau.

Thực tiễn của phong trào cách mạng đã được Đảng tổng kết kịp thời để tiếp tục chỉ đạo phong trào và góp phần làm sáng tỏ lý luận cách mạng, nhất là cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ nhiều khuyết điểm, hạn chế trong thực hiện mục tiêu và trong cơ chế, giải pháp. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, hành chính, bao cấp bên cạnh những yếu tố tích cực đã ngày càng bộc lộ những tiêu cực, cản trở sự phát triển. Cơ chế đó cùng với những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã dẫn đến: Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Để thoát ra khỏi khủng hoảng đó, Đảng, Nhà nước đã trải qua những bước

tìm tòi, khảo nghiệm và từ thực tiễn để đi đến bước đột phá đổi mới tư duy lý luận, khắc phục sự yếu kém, chậm trễ về lý luận.

Trình độ lý luận của Đảng thể hiện trước hết ở nhận thức đúng đắn lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh giá trị văn hóa của nhân loại, là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Điều hết sức quan trọng trong việc nâng cao trình độ lý luận là phải rèn luyện, nâng cao năng lực tư duy. Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc làm cấp bách, đồng thời cũng là việc làm thường xuyên, lâu dài.

Công tác lý luận luôn gắn liền với công tác tư tưởng. Nghiên cứu lý luận làm sáng tỏ những vấn đề của cách mạng, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công cuộc đổi mới ngày càng khẳng định vai trò soi đường, định hướng của lý luận, khẳng định tầm quan trọng của công tác lý luận. Đó là cơ sở để định hướng cho công tác tư tưởng khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng. Những định hướng lớn của công tác tư tưởng là khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

2.2. Đảng luôn đưa ra được đường lối chính trị đúng đắn, thích ứng hiệu quả trong mỗi giai đoạn và tình huống cụ thể

2.2.1. Xác định đường lối chính tị đúng đắn, độc lập, sáng tạo, đáp ứng nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử

Thực tiễn cách mạng thế giới cũng như cách mạng Việt Nam đã chứng minh rằng, khi nào chính đảng lãnh đạo sai lầm về đường lối, cách mạng không những không thành công mà còn gây lên những tổn thất lớn đối với nhân dân, đối với Đảng, đối với dân tộc. Đường lối chính trị đúng đắn có ý nghĩa quyết định hiệu quả và chất lượng lãnh đạo của Đảng. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã coi trọng xây dựng cương lĩnh, đường lối chiến lược gắn liền với rèn luyện bản lĩnh chính trị.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra. Lần đầu tiên, cách mạng Việt Nam có một cương lĩnh chính trị đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách

Sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đại hội XIII của Đảng (2021) xác định mục tiêu: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Mục tiêu cụ thể: "Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao".

Để có được đường lối chính trị đúng đắn, trước hết phải kiên định, trung thành và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam; Cương lĩnh của Đảng luôn luôn xác định đó là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; Cần phải tăng cường nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách căn bản, có hệ thống, sâu sắc; Thường xuyên bám sát thực tiễn, tổng kết lý luận, làm rõ bản chất cách mạng, khoa học và giá trị bền vững của hệ tư tưởng chính trị của

Đảng. Không ngừng bổ sung, phát triển cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng; đồng thời, phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, vì điều đó không chỉ ảnh hưởng đến bản chất cách mạng của Đảng mà còn tác động xấu đến sự phát triển của đất nước và cuộc sống của nhân dân, có thể dẫn tới những tổn thất, làm chậm sự phát triển của cách mạng và đất nước, hoặc đưa cách mạng đi chệch hướng. Để ngăn ngừa cơ sai lầm về đường lối, khi xây dựng đường lối Đảng cần phải nâng tầm trí tuệ để có thể nắm vững và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, nắm vững lý luận và vận dụng sáng tạo lý luận, chống giáo điều, rập khuôn, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài một cách máy móc. Phải xuất phát từ thực tế hoàn cảnh, điều kiện của đất nước, phân tích đặc điểm và hoàn cảnh thực tế một cách tỉ mỉ, sâu sắc để đề ra đường lối, chính sách thích hợp.

Để xây dựng được đường lối chính trị đúng, trước hết chính đảng lãnh đạo phải xuất phát từ nền tảng tư tưởng của Đảng - những nguyên lý cơ bản của học thuyết cách mạng và khoa học - chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng sáng tạo vào đặc điểm thực tiễn của quốc gia, dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử. Đồng thời, đường lối đó phản ánh được nguyện vọng cơ bản, chính đáng của đại đa số các giai tầng trong xã hội và phù hợp với xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới.

2.2.2. Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, không chỉ có đường lối chính trị đúng mà Đảng cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng

Ở những bước ngoặt khó khăn của cách mạng, đứng trước những thách thức Đảng luôn luôn tỏ rõ và nâng cao bản lĩnh chính trị.

Bản lĩnh chính trị của Đảng thể hiện trước hết là sự kiên định con đường cách mạng, bằng nhiệt tình cách mạng và trình độ trí tuệ kiên trì thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Không bi quan, dao động trước những khó khăn thử thách, giữ vững niềm tin vào lý tưởng cách mạng, vào con đường cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Đó là sự kiên định con đường giải phóng dân tộc phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và trước hết, nhiệm vụ chống phong kiến

rải ra từng bước, phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc, thực hiện nhiệm vụ cơ bản, trước mắt của cách mạng. Đó là quyết định vấn đề của từng quốc gia dân tộc phải giải quyết trong phạm vi quốc gia dân tộc mình theo quyền tự quyết của các dân tộc. Đó là quyết định đồng thời tiến hai chiến lược cách mạng ở hai miền trong bối cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt...Đặc biệt, trong bối cảnh những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, trước sự khủng hoảng trầm trọng của CNXH trên thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục kiên định con đường cách mạng mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã nêu: "Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thật sự và tự do hạnh phúc cho nhân dân".

Bản lĩnh chính trị của Đảng thể hiện ở những thời điểm khó khăn, cam go của cách mạng, Đảng đã có những quyết sách sáng suốt, kịp thời, chủ động chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua thách thức. Đó là quyết định lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho cách mạng Việt Nam trước sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước những năm 20 của thế kỷ XX. Đó là những quyết sách tạo thời cơ và chớp thời cơ trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đó là quyết định ra "Thông cáo giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương" ngày 11-11-1945, thực chất là rút vào hoạt động bí mật để bảo vệ Đảng, tiếp tục lãnh đạo cách mạng, củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ khi vận mệnh của dân tộc Việt Nam đứng trước "tình thế như ngàn cân treo sợi tóc".

Bản lĩnh chính trị thể hiện ở sự dũng cảm thừa nhận sai lầm, khuyết điểm và kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, thẳng thắn tự phê bình và phê bình. V. I. Lênin cho rằng "tự phê bình là một việc tuyệt đối cần thiết cho hết thảy mọi chính đảng sống và đầy sức sống". Theo Lênin, một đảng "công khai thừa nhận sai lầm, tìm ra nguyên nhân sai lầm, phân tích hoàn cảnh đã đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm ấy - đó là dấu hiệu chứng tỏ một đảng nghiêm túc, đó là đảng làm tròn những nghĩa vụ của mình". Quán triệt quan điểm của Lênin, Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Người cho rằng: "Khuyết điểm cũng như chứng bệnh.

Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh, không dám uống thuốc. Để đến nỗi bệnh ngày càng nặng, không chết "cũng la lết quả dưa". Và "một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính".

Bản lĩnh chính trị còn là tinh thần đấu tranh để bảo vệ lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch.

Bản lĩnh chính trị chẳng những là cần thiết trong hoạch định đường lối chính sách mà cả trong lãnh đạo và tổ chức thực tiễn. Bản lĩnh chính trị trở thành một nội dung quan trọng trong xây dựng Đảng về chính trị ở các thời kỳ lịch sử trước đây và cũng đặt ra thường xuyên hiện nay.

2.3. Xây dựng hệ thống tổ chức Đảng vững mạnh và đội ngũ cán bộ, đảng viên trung kiên, luôn đổi mới và chỉnh đốn Đảng về mọi mặt:

2.3.1. Xây dựng hệ thống tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở vững mạnh

Quán triệt tinh thần của V. I. Lênin về sức mạnh của tổ chức, trải qua các chặng đường cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức.

Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, dù Đảng phải hoạt động bí mật dưới sự lùng sục, khủng bố gắt gao của chính quyền thực dân phong kiến phản động, nhưng Đảng đã gây dựng được cơ sở cách mạng trong nhân dân, được nhân dân sẵn sàng hy sinh tính mạng để che chở, bảo vệ Đảng.

Từ ngày thành lập đến nay, qua 13 nhiệm kỳ đại hội, Đảng đều luôn chăm lo xây dựng Đảng về tổ chức, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng. Nguyên tắc đó bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức Đảng, phát huy dân chủ trong Đảng. Để bảo đảm thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, đòi hỏi thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp

trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Xây dựng hệ thống tổ chức Đảng phải gắn liền với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức không phải chỉ vì sự tồn tại và sức chiến đấu của bản thân tổ chức Đảng mà còn vì sự nghiệp vận động và tổ chức quần chúng nhân dân thực hiện mục tiêu của cách mạng.

Đặc biệt bước vào thời kỳ đổi mới, các đại hội Đảng luôn nhấn mạnh những nội dung cơ bản trong xây dựng Đảng về tổ chức, bao gồm: Đổi mới tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ và đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý; Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; Kiện toàn, đổi mới hoạt động và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở; Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Từ kinh nghiệm của công tác xây dựng Đảng về tổ chức qua 30 năm đổi mới, Đại hội XIII của Đảng đặt nhiệm vụ cụ thể là hướng mạnh vào tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Sức mạnh và vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện ở sức mạnh của hệ thống tổ chức, tinh thần kỷ luật và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

2.3.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trung kiên, luôn đổi mới và chỉnh đốn Đảng là quy luật phát triển của Đảng:

Những thành quả vĩ đại của dân tộc Việt Nam hơn 90 năm qua gắn liền với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự trưởng thành về mọi mặt của đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Đảng đã chú trọng phát triển đội ngũ đảng viên về cả số lượng và chất lượng.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Người, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh toàn diện, để "thu phục" cho được đông đảo quần chúng tin Đảng và theo Đảng. Đặc biệt trong công cuộc đổi mới, nâng cao toàn diện chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, năng lực lãnh đạocàng được chú trọng và thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng.

2.4. Kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc và truyền thống vẻ vang của Đảng

Là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn luôn kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống, những tinh hoa được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Những truyền thống quý báu của dân tộc: "Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống…".

Trong quá trình hoạt động và lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành những truyền thống vẻ vang: Đó là truyền thống độc lập, tự chủ và sáng tạo trong hoạch định cương lĩnh, đường lối, phương pháp cách mạng. Truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh và điều lệ Đảng. Truyền thống kiên cường, bất khuất hết lòng vì nước, vì dân, vì sự nghiệp cách mạng, vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của các thế hệ cán bộ, đảng viên của Đảng. Truyền thống gắn bó mật thiết giữa Đảng với dân tộc và nhân dân, trưởng thành và phát triển từ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Truyền thống thủy chung, trong sáng với tinh thần quốc tế trong sáng, cao cả "giúp bạn là mình tự giúp mình".

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định, thành tựu của cách mạng có được bắt nguồn từ chỗ Đảng có đường lối chính trị đúng đắn được nhân dân ủng hộ, có đội ngũ cán bộ và đảng viên tiền phong chiến đấu, gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân đã trở thành nguồn sức mạnh và truyền thống vô cùng quý báu của cách mạng Việt Nam. Từ khi Đảng lãnh đạo chính quyền trên phạm vi cả nước, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân bị giảm

sút, có lúc có nơi khá nghiêm trọng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên mang nặng bệnh quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, chuyên quyền độc đoán, ức hiếp nhân dân, tham ô, hối lộ, sống xa hoa, lãng phí. Khắc phục những căn bệnh đó là yêu cầu bức thiết để nâng cao sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân và cũng là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết Đại hội XII coi việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực là một nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng.

Những truyền thống đó được hình thành từ quá trình lịch sử đấu tranh kiên cường và lâu dài của Đảng, từ sự quán triệt sâu sắc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ việc thường xuyên chăm lo xây dựng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Những truyền thống của Đảng làm nên sức chiến đấu của Đảng, góp phần củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trước đây cũng như hiện nay.

Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế tạo cho Việt Nam vị thế mới với những cơ hội lớn, nhưng cũng nhiều khó khăn, thách thức gay gắt khi bước vào thời kỳ cách mạng mới. Bối cảnh đó đòi hỏi Đảng – đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, tiếp tục phát huy thành quả vẻ vang của Đảng đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam gần 90 năm nay đã khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cách mạng chân chính nhất, là đảng cầm quyền, là đảng duy nhất lãnh đạo đất nước. Vai trò, vị trí đó được không ngừng củng cố và phát triển từ thực tiễn lãnh đạo đấu tranh cách mạng của Đảng suốt từ năm 1930 đến nay. Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, hội nhập quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, công tác xây dựng Đảng càng trở nên cấp thiết.

3. Liên hệ

3.1. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong công cuộc xây dựng đất nước ở nước ta hiện nay

Trong thời kỳ ổn định, thống nhất đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, đã làm biến đổi và phát triển đất nước cả về chính trị, kinh tế, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nâng cao và khẳng định vị thế của đất nước trong đời sống chính trị, kinh tế của thế giới.

Trên lĩnh vực kinh tế, đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế -xã hội, kinh tế tăng trưởng tương đối nhanh và ổn định, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm đạt gần 6,5-7% (không tính suy giảm bất thường do dịch bệnh Covid-19). Tái cơ cấu nền kinh tế đạt kết quả bước đầu. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 200 USD năm 1990 lên khoảng 3000 USD năm 2020. Hình thành một số ngành kinh tế mũi nhọn: dầu khí, dệt may, da giày, thủy hải sản, lương thực, cây công nghiệp, sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử... Giải quyết vững chắc vấn đề lương thực. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành. Kinh tế Việt Nam hội nhập mạnh mẽ với khu vực và thế giới. Hiện nay, Việt Nam có quan hệ thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký hiệp định thương mại song phương với hơn 100 nước, trong đó có 20 hiệp định thế hệ mới.

Về văn hóa, xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Chú trọng xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam phát triển toàn diện. Công tác giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo đạt được những kết quả tốt: tỷ lệ nghèo đói giảm từ 53 % năm 1993 xuống còn 5% năm 2020 theo chuẩn mới. Đến nay, Việt Nam đã cơ bản và được coi là hình mẫu trong hoàn thành các mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên Hợp quốc đề ra.

Về xây dựng hệ thống chính trị, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân đã đạt được những kết quả bước đầu. Quốc hội đẩy mạnh xây dựng luật pháp. Nền hành chính quốc gia được cải cách một bước. Quốc hội đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động theo hình thức nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bộ máy Chính phủ và chính quyền địa phương được kiện toàn một bước. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từng bước đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới.

Về đối ngoại, Việt Nam đã phá thế bao vây, cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia. Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (năm 1991), Hoa Kỳ (năm 1995); gia nhập ASEAN (năm 1995); gia nhập WTO (năm 2006); thành viên chủ động, tích cực của các tổ chức Quốc tế như APEC; tham gia nhiều hiệp định thương mại quốc tế như: Việt Nam – EU, Việt Nam – Anh, CP-TPP; mở rộng quan hệ hợp tác với hầu hết các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ và các nước tư bản phát triển: Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức, Ý…; ký kết Hiệp ước chiến lược và Hiệp ước toàn diện với nhiều nước trên thế giới. Từng bước giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ biển, đảo với các nước liên quan. Đồng thời, tăng cường đàm phán, ký kết các Hiệp ước Thương mại tự do với ASEAN, EU, Mỹ…Tranh thủ ODA, thu hút FDI, mở rộng thị trường ngoài nước, chủ động hội nhập quốc tế.

Về quốc phòng - an ninh, thành tựu cơ bản, bao trùm là giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, cơ bản giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ củng cố an ninh, quốc phòng với chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, để gây mất ổn định. Chú trọng xây dựng, phát triển tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng lực lượng vũ trang, đặc biệt là quân đội và công

an theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng được thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Về công tác xây dựng Đảng, trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tấn công toàn diện vào Đảng và chế độ chính trị của đất nước, Đảng vẫn vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từng bước nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thống nhất tư tưởng trên những vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới; đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối đúng đắn; phê phán các quan điểm sai trái đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, dân chủ cực đoan, phủ nhận thành tựu của quá khứ... Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và tầm trí tuệ của Đảng. Đảng lãnh đạo, cầm quyền thông qua Nhà nước và hệ thống chính trị. Hệ thống tổ chức của Đảng và Nhà nước từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm bớt đầu mối trung gian. Tiến hành đổi mới công tác cán bộ trên cơ sở lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất, năng lực của cán bộ; bước đầu đổi mới phương thức lãnh đạo trên cơ sở coi trọng lãnh đạo thể chế hóa nghị quyết, lãnh đạo xây dựng luật và pháp lệnh, khắc phục tình trạng áp đặt, bao biện, làm thay.

Từ thành tựu của công cuộc đổi mới mà nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn. Sáng tỏ hơn về mục tiêu và mô hình của xã hội xã hội chủ nghĩa do nhân dân ta xây dựng. Những vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, con người và chặng đường bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng được thực tiễn làm rõ để nhận thức đúng đắn hơn.

Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, hướng tới mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng trưởng thành và có thêm kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng và bảo vệ đất nước trong hoàn cảnh mới. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau 46

năm thống nhất càng khẳng định vai trò lãnh đạo xuất sắc của Đảng và minh chứng rõ ràng Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

3.2. Liên hệ với công việc và trách nhiệm của bản thân

Là một người đảng viên, một viên chức trong ngành giáo dục, tôi nhận thấy trách nhiệm của mình gắn liền với trách nhiệm của một người đảng viên. Cụ thể đó là:

- Luôn trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm.

- Chia sẻ các nội dung về thành công, thắng lợi của Đảng trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước đến người học, bạn bè và đồng nghiệp, từ đó tạo tác động lan tỏa tích cực cho xã hội. Từ đó giúp đấu tranh, phản bác lại các tư tưởng sai trái, cơ hội trong chống phá sự lãnh đạo của Đảng.

KẾT LUẬN

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn bám sát thực tiễn cách mạng, phân tích sâu sắc thời cuộc, nắm vững mâu thuẫn cơ bản, thấy rõ mâu thuẫn chủ yếu trong mỗi thời kỳ, xác định đúng đắn những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng. Từ khi có Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã trải qua những chặng đường đấu tranh oanh liệt và thắng lợi vẻ vang, từng bước mang lại độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Vận mệnh của Đảng gắn liền với vận mệnh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng nhân dân là nguồn gốc sức mạnh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đảng ta luôn nhạy bén, bám sát tình hình thời cuộc để xác định đúng đắn nhiệm vụ, phương pháp cách mạng phù hợp đưa đất nước tiến lên giành nhiều thắng lợi to lớn. Trong thực tiễn, Đảng luôn kết hợp chặt chẽ giữa kiên trì chuẩn bị lực lượng với nắm vững thời cơ, khi thời cơ đến đã biết chớp lấy, kịp thời tổ chức, động viên nhân dân cả nước đứng lên đấu tranh giành thắng lợi hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, cả trong đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong thời kỳ lãnh đạo đất nước xây dựng CNXH; lãnh đạo đất nước thực hiện đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Từ đó càng củng cố, khẳng định vai trò quan trọng, không thể thay thế của Đảng trong lãnh đạo đất nước giành độc lập trong quá khứ cũng như định hướng phát triển nền kinh tế đất nước trong thời kỳ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.
2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021): Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021): Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-LêNin.
4. NXB Sự thật Hà Nội (1991): Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội.
5. Báo Điện tử Đảng cộng sản Việt Nam (2019): Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong những bước ngoặt lịch sử

Website: https://dangcongsan.vn/tu-lieu-tham-khao-cuoc-thi-trac-nghiem-tim-hieu-90-nam-lich-su-ve-vang-cua-dang-cong-san-viet-nam/tu-lieu-90-nam-lich-su-dang/vai-tro-cua-dang-cong-san-viet-nam-trong-nhung-buoc-ngoat-lich-su-534995.html

6. Tạ Ngọc Tấn (2021): Những nhận thức mới về định hướng phát triển trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Tạp chí Cộng sản online. 15:13, ngày 16-05-2021.

Website: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/821908/nhung-nhan-thuc-moi-ve-dinh-huong-phat-trien-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx.

GÓP PHẦN ĐẤU TRANH BẢO VỆ LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

TS. Dương Thùy Linh

Khoa Khoa học quản lý

Email: linhthuy@neu.edu.vn

Những năm gần đây, nhất là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, các nước Đông Âu rơi vào khủng hoảng sâu sắc và sụp đổ, các thế lực thù địch đã lớn tiếng công kích, phủ nhận chủ nghĩa Mác. Họ tìm mọi cách hòng xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trong hiện thực và thủ tiêu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong ý thức con người; cố tình gán cho C.Mác và Ph.Ăngghen - những nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đủ các tội danh, cho rằng chủ nghĩa xã hội khoa học của các ông "thực chất cũng chỉ là chủ nghĩa xã hội không tưởng mới" mà thôi; sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là vì đi theo một học thuyết sai lầm và đề nghị loại bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, thay vào đó là một thứ "chủ nghĩa dân tộc".

Phải chăng chủ nghĩa xã hội khoa học đã không còn sức sống?

Chúng ta biết rằng: "Hệ tư tưởng của giai cấp vô sản - học thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học, tức là chủ nghĩa Mác" (1) là một khoa học nghiên cứu những quy luật và những vấn đề có tính quy luật xã hội - chính trị của quá trình phát triển xã hội từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cùng những điều kiện, con đường và biện pháp đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để thực hiện quá trình phát triển đó của xã hội.

Trong tiến trình phát triển của các khoa học xã hội và nhân văn, lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học là một khoa học mới mẻ, đang trong quá trình bổ sung, phát triển, chưa có bề dày lịch sử như nhiều môn khoa học xã hội và nhân văn khác, trong đó có nhiều vấn đề còn mang tính chất dự báo cần được thực tiễn kiểm nghiệm. Mặt khác, do tính chính trị - thực tiễn của nó mà ngay từ khi hình thành và trong suốt quá trình phát triển, chủ nghĩa xã hội khoa học luôn bị các thế lực

thù địch phản bác, công kích từ nhiều phía hòng phủ nhận, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Song mọi ý đồ phủ nhận chủ nghĩa xã hội khoa học trước đây đã bị thất bại, đang và sẽ tiếp tục thất bại. Với bản chất cách mạng khoa học, đồng thời mang đậm tính nhân văn sâu sắc, chủ nghĩa xã hội khoa học không thể bị phủ nhận. Trái lại, chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ không ngừng được bổ sung, phát triển ngày càng phong phú hơn, ngày càng có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc hơn. Không thể vì sự sụp đổ của một số mô hình cụ thể trong hiện thực vừa qua mà cho rằng chủ nghĩa xã hội khoa học không còn sức sống. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội trong đời sống chính trị thế giới trước đây là không thể phủ nhận. Những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất quan trọng là nhận thức và vận dụng chưa đúng những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học vào cuộc sống. Về điều này, chính Ph.Ăngghen đã từng nhắc nhở: đáng tiếc là người ta thường hay nghĩ rằng có thể hoàn toàn thấu đáo một lý luận mới và có thể vận dụng lý luận đó không khó khăn gì, một khi đã nắm được những nguyên tắc chủ yếu và điều đó không phải bao giờ cũng đúng. Song không thể chỉ nhìn vào những sai lầm, khuyết điểm đã qua để mà phủ nhận hoàn toàn tính tất yếu, hợp quy luật của chủ nghĩa xã hội, không thể vì những sai lầm chủ quan mà bác bỏ cả chân lý khách quan của thời đại, mà phủ nhận giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Cũng không thể cho rằng các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học là trừu tượng quá, ít có giá trị ứng dụng trong thực tế. Lý luận đó không bao giờ là đáp án có sẵn cho mọi bài toán của lịch sử, mà chỉ đưa ra những dự báo, những quan điểm và phương pháp khoa học để giải những bài toán đó. Chính những người cộng sản và nhân dân lao động ở mỗi nước phải dựa trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin tự mình tìm ra những giải pháp, những đáp án để giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống luôn không ngừng vận động và phát triển. Đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển hoàn thiện những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học trong những điều

kiện lịch sử mới. Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội trong hiện thực, chủ nghĩa xã hội khoa học ngày càng thực sự là khoa học do vận động lịch sử sản sinh ra và tham dự vào quá trình vận động của lịch sử ấy một cách hoàn toàn tự giác và khoa học đã trở thành khoa học cách mạng như C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng khẳng định.

Những sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm vừa qua là một thực tế, làm cho thành quả của chủ nghĩa xã hội bị hạn chế, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hiện thực bị nghi ngờ. Sự tích tụ của những sai lầm đã làm cho chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng và sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu. Như vậy, sự khủng hoảng, đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực không phải bắt nguồn từ bản chất của chủ nghĩa xã hội khoa học. Mà nó bắt nguồn từ những khó khăn trong việc tìm kiếm những hình thức, phương pháp xây dựng xã hội mới chưa từng có trong lịch sử, từ những sai lầm do ấu trĩ, non nớt của các cơ quan lãnh đạo, tổ chức, quản lý; những người lãnh đạo đã vận dụng không đúng đắn, thậm chí vi phạm những nguyên lý, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, của chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực. Sự khủng hoảng, sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực chắc chắn không vô ích, bởi nó sẽ giúp những người cộng sản chân chính rút ra bài học kinh nghiệm về sự tiếp thu, vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước.

Từ tình trạng khủng hoảng, sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, dưới sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thức rõ hơn về đòi hỏi tất yếu phải cải tổ, cải cách, đổi mới trên con đường tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình cải tổ, cải cách và đổi mới, những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội đã được các nước nêu lên và vận dụng trong thực tiễn đã có được những thành công. Quá trình đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội đến nay cho thấy, nước nào biết vận dụng sáng tạo những nguyên tắc, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, của chủ nghĩa xã hội khoa học thì hạn chế dần được những khuyết tật,

giữ vững được chủ nghĩa xã hội, tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc và đạt được những kết quả nhất định trong xây dựng xã hội mới. Ngược lại, nước nào tiếp tục xa rời, đi ngược lại những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, không chịu tiếp thu những bài học đã rút ra từ trong khủng hoảng trước đây, cố đi tìm những giải pháp xa rời thực tiễn, theo những quan điểm cơ hội xét lại, thì ở đó xã hội sẽ ngày càng mất ổn định, khủng hoảng sẽ ngày càng sâu sắc và đưa đến tan vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Với cách mạng Việt Nam, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học để hoạch định đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận Mác - Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng. Trải qua hơn 84 năm đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi vĩ đại trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, vận dụng những nguyên lý, lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn Việt Nam, hoạch định đường lối, chủ trương đúng đắn, độc lập, tự chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta cũng không tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm. Những sai lầm đó đã được Đảng ta phân tích, làm rõ với thái độ nghiêm túc, thẳng thắn chỉ rõ sự thật, tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục có hiệu quả; rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo cách mạng nói chung và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nói riêng. Với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, trong gần 40 năm qua, Đảng ta đã luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Về phương pháp, Đảng ta giữ vững tư duy độc lập, tự chủ trong hoạch định đường lối, chủ trương đổi mới và xác định hình thức, bước đi

phù hợp với đặc điểm tình hình của đất nước. Với tinh thần ấy, Đại hội lần thứ XI của Đảng tiếp tục khẳng định: "Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam… Kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, bảo thủ trì trệ, chủ quan, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc"; "Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và những vấn đề nảy sinh trong quá trình đổi mới, không ngừng phát triển lý luận, đề ra đường lối và chủ trương đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; khắc phục một số mặt lạc hậu, yếu kém của công tác nghiên cứu lý luận" (2).

Trải qua gần 40 năm đổi mới toàn diện đất nước, đến nay chúng ta ngày càng nhận thức rõ ràng và đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những đặc trưng chủ yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, những phương hướng cơ bản trong quá trình xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa được Đảng ta xác định, bảo đảm cho đất nước ta giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mạnh mẽ mọi mặt đời sống, tránh lặp lại những thiếu sót cũ. Nhưng chặng đường của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là rất khó khăn, phức tạp và lâu dài, luôn đặt ra những vấn đề mới đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải không ngừng đổi mới, phát triển tư duy sáng tạo để tìm ra lời giải đáp đúng đắn, chỉ đạo hành động thực tiễn để đi tới thành công.

Với niềm tin có căn cứ khoa học, từ thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước đã và đang đạt được, chúng ta khẳng định, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn của cách mạng Việt Nam. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm độc lập, tự do cho dân tộc và ấm no hạnh phúc thực sự cho nhân dân và mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh" ở nước ta mới được thực hiện. Đó là hiện thực đanh thép chứ không phải là giả định. Công cuộc đổi mới đất nước ta những năm qua sở dĩ đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng bởi vì Đảng ta kiên trì và lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động. Chỉ từng ấy vấn đề cũng đã cho thấy giá trị và sức sống của chủ nghĩa xã hội khoa học đã từng cần thiết cho cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam như thế nào, chứ hoàn toàn không phải "thực chất chỉ là chủ nghĩa xã hội không tưởng mới" như một số người đang cố tình mưu toan hạ thấp, xuyên tạc và phủ nhận./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) V. I. Lênin, *Toàn tập,* tập 6, Nxb, CTQG, H, 2005, tr. 336.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H 2011, tr. 255-256.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG VIỆC TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

TS. Tạ Mạnh Thắng

P.KT&ĐBCLGD

Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã xác định mục tiêu: Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của nhân dân với Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình ổn định, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trên cơ sở mục tiêu đó, Nghị quyết đề ra bảy nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái thù địch. Trọng tâm là tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền,

giáo dục đối với các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, nhằm nâng cao sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; đồng thời đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, thông tin xấu độc, cố tình bôi xấu cán bộ, đảng viên, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ đoàn kết, gây mất niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị xác định rõ: "Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là một nội dung cơ bản, sống còn của công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng tuyên giáo các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị-xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị và của từng cán bộ, đảng viên".

Giảng viên ngoài việc giảng dạy các kiên thức khoa học của bộ môn mình phụ trách thì cần phải tuyên truyền lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiên định đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần quan trọng trong việc định hướng tư tưởng cho đồng nghiệp, học sinh, cha mẹ học sinh và nhân dân để họ có được những nhận thức đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc về nền tảng tư tưởng của Đảng. Khi giảng viên được trang bị đầy đủ những kiến thức cơ bản, từ nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành động đúng, không những biết cách bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà cán bộ, đảng viên và nhân dân còn biết đấu tranh, phản bác chống lại các luận điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch là bảo vệ tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương

của Đảng; bảo vệ Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc… Đây là cuộc đấu tranh rất phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải thực hiện thường xuyên, liên tục, quyết liệt, triệt để. Vì vậy, trong giảng dạy, giảng viên phải tuyên truyền những giá trị chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thành tựu của công cuộc đổi mới để nâng cao nhận thức cho học viên và khả năng nhận diện những thủ đoạn chống phá, đồng thời đề ra những biện pháp đấu tranh, ngăn chặn. Bác Hồ đã viết: "*Trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của người thầy là chăm lo cho con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà*". Bác cũng nhấn mạnh rằng: Nhiệm vụ của người thầy giáo không chỉ là sự truyền bá tri thức, phương pháp, tay nghề cho người học, mà thầy giáo cũng như học trò, tất cả đều phải tham gia vào các công việc xã hội một cách thật tích cực. Nhà trường phải gắn liền với thực tiễn xã hội, gắn liền với đời sống của nhân dân. Đội ngũ giảng viên luôn tiên phong trong mọi hoạt động, là lực lượng nòng cốt, xung kích trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, để bảo vệ, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch. Đây là nội dung cơ bản, vừa là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, vừa là công việc tự giác, thường xuyên của mỗi giảng viên.

Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng ủy Trường đại học Kinh tế Quốc dân đã rất quan tâm lãnh đạo triển khai các nội dung của Nghị quyết trên tất cả các phương diện, đồng thời không ngừng sáng tạo các hình thức, phương pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, từng bước thực hiện Nghị quyết một cách thiết thực, đạt hiệu quả. Nhận thức rõ vai trò nòng cốt, tiên phong của đội ngũ giáo viên trong thực hiện Nghị quyết 35, thời gian qua. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục tư tưởng sâu rộng tới từng chi bộ. Đội ngũ giảng viên trong tất cả các lĩnh vực chính thực hiện bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm lệch lạc, sai trái, thù địch tại Chi bộ.

Để phát huy được vai trò hạt nhân chính trị của giảng viên nhằm góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho giảng viên.

Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, quán triệt, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng ta, về ngành giáo dục,... nhằm thu hút đông đảo giáo viên tham gia. Đây là những quan điểm, tư tưởng đã được C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra trong quá trình hoạt động cách mạng. Đó là những tri thức lý luận có tính cách mạng và khoa học; là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng toàn nhân loại. Vì vậy, việc học tập lý luận chính trị chính giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên, trong đó đặc biệt là giáo viên hiểu đúng bản chất, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam; đồng thời, hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, từng chi bộ chủ động, sáng tạo trong tuyên truyền, vận động giáo viên tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho giáo viên về Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, lý tưởng cách mạng cho giáo viên thật sáng tạo, linh hoạt, sinh động với mục tiêu là giáo dục cho giáo viên sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giúp giáo viên trong việc nhận diện và đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch. Các buổi sinh hoạt của chi bộ tại trường luôn phát huy hiệu quả.

Ba là, phải am hiểu, biết quan sát, phát hiện, tỉnh táo quan sát kỹ để đọc, xem, tìm hiểu về những gì liên quan đến lĩnh vực tư tưởng hiển thị trên hệ thống

mạng xã hội phổ biến ở Việt Nam hiện nay như Facebook, Zalo, Youtube… và biết xử lý vấn đề trong sử dụng mạng xã hội.

Khi phát hiện một tình huống có vấn đề, một nội dung được cộng đồng mạng quan tâm, chia sẻ, bàn luận nhiều thì mở rộng phạm vi đọc, xem ở các bình luận (comment), các bài chia sẻ, đường dẫn liên quan, tự mình đánh giá, nhận xét và dự kiến phương án xử lý (ủng hộ hay phản bác). Điều này, đội ngũ giáo viên làm chủ thông tin mới, rút ra những kết luận, kinh nghiệm cần thiết, vũ trang kiến thức thiết thực trên môi trường mạng để làm vốn kiến thức thực tiễn khi tuyên truyền, giảng dạy đủ năng lực để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, mới đủ sức thuyết phục cư dân mạng, mới đủ trí tuệ, bản lĩnh để phê phán các quan điểm và hành vi sai trái, thù địch.

Bốn là, xây dựng lực lượng nòng cốt trong hội đồng sư phạm nhà trường Kiện toàn đội ngũ giảng viên, tuyên truyền viên; xây dựng nhiều giải pháp thực tế, linh động và sáng tạo nhằm tạo ra sức đề kháng mạnh, đủ sức "miễn dịch" trước âm mưu và thủ đoạn nguy hiểm của các thế lực chống phá.

Với truyền thống xây dựng và phát triển hơn 65 năm, trường đại học Kinh tế Quốc dân luôn là ngôi trường truyền thống, có vị thế và uy tín cao trong xã hội. Trường luôn được các cơ quan Chính phủ, Nhà nước quan tâm, khen thưởng. Tuy nhiên để tiếp tục và phát triển bền vững, nhà trường cần tiếp tục và xây dựng một hệ tư tưởng vững chắc, sự tự hào của từng cá nhân trong quá trình hoạt động của nhà trường. Nhà trường cần đầu tư nghiên cứu các hoạt động để người lao động, đảng viên, hiểu về lịch sử nhà trường, nâng cao giá trị văn hóa sư phạm, phát huy truyền thống cha anh, ngày càng đưa trường phát triển đạt nhiều thành tựu trong nước và quốc tế.

Năm là, phát huy vai trò "nêu gương" của giảng viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Mỗi giảng viên phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tích cực học tập lý luận chính trị để trang bị kiến thức, đủ cơ sở lý luận để đấu tranh, phản bác trước âm mưu, thủ đoạn chống phá

của các thế lực thù địch; xung kích trong công tác tuyên truyền, lan tỏa các thông tin tốt theo phương châm "lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực" trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Tóm lại, chỉ khi từng giảng viên có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm của người đảng viên, của người chiến sỹ cách mạng trên bục giảng; nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có kỹ năng nắm bắt, sàng lọc, xử lý tốt thông tin, có tâm huyết và bản lĩnh chiến đấu của người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, thì mỗi cán bộ, đảng viên mà đặc biệt là đội ngũ giảng viên sẽ không còn thiếu tự tin, đắn đo, e ngại mà luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước sự chống phá của các thế lực thù địch hiện nay./.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

PGS.TS Nguyễn Thị Cẩm Vân

Khoa Toán Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế quốc dân

Email: ncvantkt@neu.edu.vn

Tóm tắt: *Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội có vị trí then chốt trong hệ thống lý luận chính trị của Việt Nam vì nó phản ánh mô hình tổng thể, đặc trưng bản chất của chế độ chính trị gắn với mục tiêu, phương thức, con đường phát triển đất nước. Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang không ngừng bổ sung, phát triển và vận dụng sáng tạo lý luận này qua các thời kỳ cách mạng nhằm đem lại những tư duy, nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đồng thời đẩy nhanh và rút ngắn thời kỳ quá độ để Việt Nam vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.*

Từ khoá: *Chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.*

1. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

1.1. Lý luận về chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội (CNXH) là một trong ba ý thức hệ chính trị lớn được hình thành vào thế kỷ 19. Theo Marx, CNXH là hệ thống kinh tế - xã hội được hình thành sau khi một cuộc cách mạng nổ ra để chuyển quyền điều khiển các phương tiện sản xuất từ tay của thiểu số các nhà tư bản sang tay mọi người dân trong xã hội. Marx và Engels cho rằng, chủ nghĩa cộng sản là chế độ xã hội mới, tiến bộ hơn chủ nghĩa tư bản, trong đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[1]. Theo Engels, trong chế độ xã hội đó, "tất cả các ngành sản xuất sẽ do toàn thể xã hội quản lý, tức là sẽ được tiến hành vì lợi ích chung, theo một kế hoạch chung và với sự tham gia của tất cả mọi thành viên trong xã hội"[2]. Như vậy, chủ nghĩa cộng sản là "một xã hội tổ chức theo nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất"[3].

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, xã hội cộng sản chủ nghĩa được hình thành và phát triển qua hai giai đoạn. Giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là CNXH, nó "không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên những cơ sở của chính nó, mà là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó, là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra"[4]. Trong giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản chủ nghĩa, khi mà sự phụ thuộc có tính chất nô dịch của con người vào sự phân công lao động không còn nữa và sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay cũng không còn nữa; khi mà lao động không những trở thành một phương tiện để sinh sống mà bản thân nó còn là một nhu cầu bậc nhất của đời sống; khi mà cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, sức sản xuất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải xã hội đều tuôn ra dồi dào, chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu"[5].

Phân biệt chủ nghĩa cộng sản và CNXH, Lênin cho rằng: "CNXH là chế độ xã hội trực tiếp phát sinh từ chủ nghĩa tư bản, là hình thức đầu tiên của xã hội mới, còn chủ nghĩa cộng sản là hình thức xã hội cao hơn và chỉ có thể phát triển được sau khi CNXH đã hoàn toàn được củng cố. CNXH có nghĩa là làm việc không có sự giúp đỡ của nhà tư bản, là lao động xã hội dưới sự kiểm kê, kiểm soát và giám sát nghiêm ngặt nhất của đội tiên phong có tổ chức, tức bộ phận tiên tiến của những người lao động; đồng thời phải quy định cả mức độ lao động lẫn thù lao lao động. Chủ nghĩa cộng sản là chế độ trong đó mọi người đều có thói quen thực hiện nghĩa vụ xã hội mà không cần đến những cơ quan cưỡng bức đặc biệt; và lao động không lấy thù lao để phục vụ lợi ích chung trở thành hiện tượng phổ biến. Rõ ràng là đối với những người mới bước vài bước đầu để chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, thì khái niệm "chủ nghĩa cộng sản" là quá xa xôi"[6].

Trong giai đoạn CNXH, chủ nghĩa cộng sản chưa thể hoàn toàn trưởng thành về mặt kinh tế, chưa thể hoàn toàn thoát khỏi những tập tục hay những tàn

tích của chủ nghĩa tư bản, do đó, trình độ phát triển kinh tế mới chỉ tạo ra khả năng thực hiện nguyên tắc: "Làm hết năng lực, hưởng theo lao động", vì vậy dưới CNXH, điều chủ yếu là phải kiểm kê và kiểm soát mức lao động và mức tiêu dùng. Người điều hòa việc phân phối lao động và phân phối sản phẩm giữa các thành viên xã hội dưới CNXH là nhà nước [7].

Mục tiêu của CNXH là giải phóng giai cấp, xã hội và con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện. Tính nhân đạo, nhân văn của CNXH, chủ nghĩa cộng sản thể hiện bản chất ưu việt, quan tâm hàng đầu đến con người. Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Marx và Engels đã khẳng định thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

Các nhà sáng lập CNXH khoa học Marx và Engels đã đưa ra một số phác thảo cơ bản có tính dự báo về đặc trưng của CNXH dựa trên sự phân tích về các hình thái kinh tế - xã hội mà loài người đã trải qua trong lịch sử, đặc biệt là những giới hạn cần phải "bỏ qua" chế độ tư bản chủ nghĩa:

Thứ nhất, về chính trị - xã hội, xã hội xã hội chủ nghĩa (XHCN) là một xã hội dân chủ, Nhà nước XHCN vừa mang bản chất của giai cấp công nhân vừa mang tính nhân dân rộng rãi. Chế độ CNXH là một chế độ dân chủ, quyền lực cao nhất thuộc về nhân dân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện trước hết nó là một công cụ để bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân. Lợi ích của giai cấp công nhân về cơ bản thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động, do vậy, Nhà nước XHCN còn mang tính nhân dân rộng rãi.

Thứ hai, về văn hóa – tư tưởng, xã hội XHCN phải có nền văn hoá phát triển cao; kế thừa và phát huy những giá trị của văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá của nhân loại. Các chế độ chiếm hữu tư nhân sẽ dẫn đến tình trạng tha hóa con người, tha hoá người lao động. Phát triển văn hoá, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho người lao động là nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa đột phá để xây dựng CNXH.

Thứ ba, về quan hệ dân tộc, xã hội XHCN bảo đảm công bằng, bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc. Trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", Marx và Engels đã nêu luận điểm nếu xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ.

Thứ tư, về quan hệ quốc tế, quan hệ giữa dân tộc và quốc tế được giải quyết trên cơ sở kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Marx, Engels và Lênin đều thống nhất luận điểm: chủ nghĩa cộng sản, CNXH có tính chất quốc tế. Chủ nghĩa yêu nước phải kết hợp với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong các phong trào cách mạng, hướng đến CNXH.

Thứ năm, nền kinh tế XHCN có lực lượng sản xuất phát triển cao; chế độ công hữu về tư liệu sản xuất từng bước được xác lập, tổ chức quản lý có hiệu quả; năng suất lao động cao; phân phối theo lao động là chủ yếu. Marx và Engels cho rằng, sự tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa là lực cản lớn nhất, kìm hãm tiến bộ xã hội. Chính vì vậy, cách mạng cộng sản phải xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, xác lập từng bước chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Đó là cơ sở kinh tế để xây dựng một chế độ xã hội đảm bảo công bằng, bình đẳng, tiến bộ, quan hệ tốt đẹp giữa người với người.

Thực tiễn phát triển cho thấy, CNXH về bản chất và mục tiêu là thống nhất, nhưng mô hình phát triển ở thời kỳ quá độ rất đa dạng, phong phú, do bị chế định bởi trình độ phát triển, đặc thù lịch sử, văn hóa của từng quốc gia, dân tộc. Nhất quán với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm CNXH là một học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp vô sản, nhằm xóa bỏ ách thống trị tư bản chủ nghĩa, thực hiện lý tưởng giải phóng giai cấp và giải phóng toàn thể xã hội loài người. CNXH còn được hiểu với tư cách là một chế độ xã hội thuộc hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà việc xây dựng và hoàn thiện nó là một quá trình lịch sử lâu dài để từng bước đạt tới mục tiêu. Trong kho tàng tư tưởng Hồ Chí Minh, CNXH là một chế độ phản ánh chất lượng phát triển mới, trình độ phát triển mới thực sự ưu việt, đầy tính nhân văn cao cả. Người khẳng định: "Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi

ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ XHCN và cộng sản chủ nghĩa" [8].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH thể hiện tính thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và đạo đức. Từ cách tiếp cận đó và thông qua hoạt động lý luận và thực tiễn phong phú của mình, Người đã rút ra những kết luận sâu sắc về bản chất của CNXH với tư cách là một chế độ xã hội có khả năng thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đem lại tự do, ấm no và hạnh phúc cho nhân dân. Mục đích của CNXH là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, động lực quan trọng và quyết định việc xây dựng CNXH chính là nhân tố con người. Do đó, muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có những con người XHCN. Văn hóa là động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp xây dựng CNXH. Người cho rằng, văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi; phải xúc tiến công tác đào tạo con người mới và cán bộ mới. Đó là nguồn vốn, là của cải quý báu nhất của quốc gia. Cùng với động lực tinh thần, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế trong sự nghiệp xây dựng CNXH, nhất là những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có tác dụng giải phóng mọi năng lực sản xuất vì ích nước, lợi nhà.

1.2. Con đường đi lên CNXH

Con đường đi lên CNXH là những biện pháp, tiến trình, lực lượng, động lực… để xây dựng CNXH. Về tiến trình, cách mạng XHCN được thực hiện theo hai bước: Bước thứ nhất, giai cấp công nhân giành lấy chính quyền bằng nhiều biện pháp: bạo lực cách mạng là quy luật phổ biến; biện pháp hòa bình là "hiếm và quý"; Bước thứ hai, xây dựng CNXH, bao gồm: cải tạo và xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH (về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, con người…).

1.2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường đi lên CNXH

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường đi lên CNXH có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, tiến hành cách mạng XHCN nhằm tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần của CNXH.

Thứ hai, xác định rõ thực chất, nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên CNXH. Khi luận giải về quy luật phát triển lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người trải qua các hình thái kinh tế - xã hội, Marx dự báo về sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và xác định tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, thực chất là "thời kỳ quá độ chính trị", nhà nước là nhà nước chuyên chính vô sản.

Thứ ba, không ngừng mở rộng dân chủ XHCN gắn với việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước XHCN, dựa trên nền tảng là liên minh công - nông và các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Từ thực tiễn xây dựng CNXH, Lênin còn đề cao vai trò của tầng lớp trí thức, mở rộng liên minh công - nông thành liên minh công - nông với các tầng lớp lao động khác, nhất là với trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Thứ tư, đi lên CNXH cần kế thừa những giá trị quý báu trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa và của nhân loại. Lênin khẳng định phải tiếp thu toàn bộ khoa học, kỹ thuật, tất cả những kiến thức, tất cả nghệ thuật và kế thừa mọi thành tựu của khoa học kỹ thuật của loài người, coi đó là những viên gạch, những vật liệu quý báu mà những người cộng sản phải biết sử dụng nó vào quá trình xây dựng CNXH.

Thứ năm, con đường đi lên CNXH vừa có tính phổ biến vừa mang nét đặc thù. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định con đường đi lên CNXH là rất đa dạng và mang tính đặc thù của mỗi nước. Không nhận thức rõ vấn đề này thì việc rập khuôn máy móc trong quá trình xây dựng CNXH ở mỗi nước là khó tránh khỏi.

Thứ sáu, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản - nhân tố quyết định thành công của con đường xây dựng CNXH. Trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", Marx và Engels đã chỉ rõ vai trò lãnh đạo của những người cộng sản đối với cuộc cách mạng XHCN. Lênin khẳng định Đảng cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Chỉ có Đảng Cộng sản, nếu nó thực sự là đội tiên phong của giai cấp cách mạng,

nếu nó bao gồm những đại biểu ưu tú nhất của giai cấp đó, nếu nó gồm tất cả những chiến sĩ cộng sản hoàn toàn có ý thức và trung thành, có học vấn và được tôi luyện bằng kinh nghiệm đấu tranh cách mạng bền bỉ, nếu nó biết gắn liền với toàn bộ cuộc sống của giai cấp mình và thông qua giai cấp đó, gắn với tất cả quần chúng bị bóc lột, và biết làm cho giai cấp và quần chúng đó tin tưởng hoàn toàn vào mình - chỉ có một đảng như vậy mới có thể lãnh đạo được giai cấp vô sản, trong cuộc đấu tranh cuối cùng, kiên quyết nhất, thẳng tay chống lại tất cả mọi thế lực của chủ nghĩa tư bản.

1.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam được hình thành từ thập kỷ 20 của thế kỷ 20. Đối với Việt Nam, đi lên CNXH là con đường phát triển tất yếu do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú kết hợp với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận rằng, chỉ có CNXH và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập dân tộc, đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam được thể hiện ở những nội dung sau đây:

Thứ nhất, do điểm xuất phát thấp của một nước nông nghiệp lạc hậu, khoa học - kỹ thuật kém phát triển, tiến thẳng lên CNXH không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nên Việt Nam phải trải qua thời kỳ quá độ lên CNXH. Quá độ lên CNXH là một tất yếu lịch sử, là con đường phát triển phù hợp với quy luật khách quan. Thời kỳ quá độ có thể diễn ra lâu dài, với nhiều con đường, bước đi, với những nội dung, tính chất và đặc điểm khác nhau. Hồ Chí Minh chỉ rõ chúng ta không được chủ quan, nóng vội, duy ý chí; không giáo điều, bảo thủ; không rập

khuôn, máy móc mà phải làm dần dần từng bước, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, tự lực cánh sinh kết hợp với học hỏi sáng tạo kinh nghiệm các nước, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước bạn.

Thứ hai, quá độ lên CNXH là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài chứ không thể một sớm một chiều. Bởi vì, chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ hàng ngàn năm nhằm từng bước xóa bỏ triệt để các tàn tích của chế độ thực dân, phong kiến, đồng thời từng bước gây dựng các mầm mống cho CNXH phát triển. Nếu nhân dân ta mọi người cố gắng, phấn khởi thi đua xây dựng, thì thời kỳ quá độ có thể rút ngắn.

Thứ ba, về nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên CNXH, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định phải tạo ra những điều kiện cần và đủ về cơ sở vật chất, đồng thời, Đảng lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến lên CNXH. Trong đó, nhiệm vụ quan trọng nhất là xây dựng nền tảng vật chất, kỹ thuật của CNXH, công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Thứ tư, nội dung nhiệm vụ cụ thể trong thời kỳ quá độ lên CNXH phải toàn diện trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội. Trên lĩnh vực kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất là vấn đề mấu chốt, tăng năng suất lao động trên cơ sở công nghiệp hoá XHCN, cùng với thiết lập quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, ngành, vùng, lãnh thổ hợp lý trong thời kỳ quá độ. Trên lĩnh vực chính trị, nội dung quan trọng nhất là giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng; củng cố mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, xây dựng nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng và mấu chốt của văn hóa là xây dựng con người có đạo đức cách mạng, con người mới XHCN với đức - tài gắn

bó hữu cơ với nhau, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, trung thành với sự nghiệp cách mạng, xây dựng nền văn hóa mới, lối sống mới. Về xã hội, thực hiện sự phân phối theo lao động, thi hành chính sách xã hội vì toàn dân, bình đẳng, đảm bảo công bằng xã hội hướng vào phát triển con người.

Thứ năm, về bước đi, biện pháp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Hồ Chí Minh khẳng định xây dựng XHCN ở nước ta là phải làm dần dần, đi bước nào vững chắc bước ấy, phải có phương pháp xây dựng CNXH gắn với thực tiễn và lịch sử của Việt Nam. Hồ Chí Minh còn chỉ ra những biện pháp quan trọng để xây dựng CNXH, đó là: cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính; kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng; xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp và quyết tâm. Đặc biệt, Người xác định biện pháp cơ bản, lâu dài quyết định nhất trong xây dựng CNXH ở nước ta là phát huy sức mạnh toàn dân, đem của dân, tài dân, sức dân dưới sự lãnh đạo của Đảng để làm lợi cho dân. Vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối, chính sách nhằm huy động và khai thác các nguồn lực trong dân để phát triển đất nước vì lợi ích của nhân dân.

Như vậy, con đường đi lên CNXH của Việt Nam được xây dựng dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam được phát triển và vận dụng sáng tạo trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

2. Quá trình phát triển lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam có vị trí then chốt, có vai trò bao trùm trong hệ thống lý luận chính trị, phản ánh mô hình tổng thể, bản chất của chế độ chính trị gắn với mục tiêu, phương thức, con đường phát triển đất nước. Quá trình phát triển lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH có ý nghĩa quan trọng trong việc dẫn dắt hoạt động thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam.

2.1. Giai đoạn trước Đổi mới từ năm 1976 đến năm 1986

Về mục tiêu xây dựng CNXH: Đại hội Đảng IV nhấn mạnh xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và XHCN bằng cách thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc, cải tạo XHCN, hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội; đẩy mạnh công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH.

Về con đường đi lên CNXH: Đường lối chung để đạt được mục tiêu đặt ra được Đại hội IV xác định là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (về quan hệ sản xuất, khoa học - kỹ thuật, tư tưởng và văn hóa), trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên CNXH; xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng nền sản xuất lớn XHCN, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới XHCN; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu…; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

Về các mối quan hệ: Đại hội IV xác định Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không làm thay Nhà nước, thông qua hoạt động của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng mà phát huy vai trò chủ động và sáng tạo của nhân dân.

2.2. Giai đoạn sau Đổi mới từ năm 1986 đến năm 2016

Về mô hình XHCN: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được Đại hội VII thông qua xác định 6 đặc trưng của mô hình CNXH ở Việt Nam, đó là: 1- Do nhân dân lao động làm chủ; 2- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; 3- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 4- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; 5- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; 6- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Các Đại hội tiếp theo đều khẳng định và làm rõ, bổ sung thêm nội hàm của

6 đặc trưng. Đại hội X và XI đã có những điều chỉnh, bổ sung, phát triển nhận thức lý luận của Đảng về CNXH. Tại Đại hội XI của Đảng, trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 nêu rõ 8 đặc trưng của CNXH ở Việt Nam: Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. Đây là mô hình CNXH hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội, hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm.

Về phương hướng xây dựng CNXH Việt Nam: Cương lĩnh năm 1991 của Đảng xác định rõ hơn các phương hướng cơ bản: 1- Xây dựng Nhà nước XHCN, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân; 2- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại; không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; 3- Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN; 4- Tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; 5- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; 6- Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng; 7- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ

chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng XHCN ở nước ta. Đến Đại hội XI, trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, Đảng ta đã nêu 8 phương hướng cơ bản, qua đó thể hiện rõ 3 trụ cột: Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho phát triển đất nước; kinh tế thị trường định hướng XHCN là công cụ, phương tiện giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho CNXH ở Việt Nam; Nhà nước pháp quyền XHCN là hình thức tối ưu bảo đảm quyền lực nhà nước của nhân dân và thực thi, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân.

Về con đường đi lên CNXH: Con đường đi lên CNXH của Việt Nam là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Về thời kỳ quá độ: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (năm 1991) xác định: "Quá độ lên CNXH ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của "chặng đường đầu tiên" là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, chuẩn bị tiền đề thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định tinh thần Cương lĩnh năm 1991 và xác định, làm sáng tỏ hơn về những nội dung phát triển trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Đó là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều loại hình sở hữu theo định hướng XHCN. Xây dựng nền văn hóa và con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Về các mối quan hệ lớn: Tại Đại hội VII, Đảng ta đã đề cập đến các mối quan hệ: giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân; giữa phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước… Đại hội XI của Đảng đưa vào Văn kiện và Nghị quyết của Đại hội 8 mối quan hệ lớn: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

Về các lĩnh vực chủ yếu: Các Đại hội VI, VIII, IX, X, XI, XII của Đảng phát triển lý luận về xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; về phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, về vai trò trung tâm của con người trong chiến lược phát triển; về vai trò chủ đạo của Nhà nước và phát huy vai trò của doanh nghiệp/thị trường, các tổ chức xã hội; về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và Nhà nước pháp quyền XHCN; về quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

2.3. Giai đoạn sau Đổi mới từ năm 2016 đến nay

Về đặc trưng của xã hội XHCN: Đại hội XIII của Đảng đã nhận thức rõ hơn về xã hội XHCN mà Việt Nam phấn đấu xây dựng: 1- Một xã hội thịnh vượng, có thu nhập thuộc nhóm trên của các nước thu nhập trung bình cao của thế giới. Nền kinh tế thị trường có năng lực cạnh tranh cao, phát triển năng động, nhanh, bền vững, làm chủ công nghệ và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, nền kinh tế dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. 2- Một xã hội văn minh, hiện đại, trong đó người dân được phát huy sức sáng tạo, khơi dậy được ý chí,

khát vọng phát triển, sức mạnh toàn dân tộc, có xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. 3- Một nhà nước pháp quyền, có cơ chế quản trị hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả, minh bạch và bảo đảm trách nhiệm giải trình; tập trung nhiều hơn quản trị phát triển và quản lý xã hội. 4- Một môi trường bền vững sẽ bảo vệ chất lượng không khí, đất và nguồn nước, tạo khả năng thích ứng và chống chịu nhằm giảm thiểu những rủi ro nghiêm trọng do biến đổi khí hậu; hướng tới phát triển chủ yếu nguồn năng lượng đa dạng, sạch và an toàn.

Về thời kỳ quá độ: quá độ lên CNXH là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố XHCN được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi XHCN, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Các chặng đường của thời kỳ quá độ: Chặng đường đầu tiên có nhiệm vụ tạo trạng thái ổn định vững chắc để chuẩn bị tiền đề thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chặng đường thứ hai nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành một nước công nghiệp; Chặng đường thứ ba "hậu công nghiệp hóa" là phấn đấu trở thành nước phát triển.

Về phương hướng xây dựng CNXH Việt Nam: Cương lĩnh năm 2011 đã được bổ sung, phát triển thành 8 phương hướng: 1- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; 2- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; 3- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; 4- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; 5- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; 6- Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; 7- Xây dựng

Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; 8- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Về các mối quan hệ lớn: Đại hội XII và VIII của Đảng đã tiếp tục có phát triển, bổ sung và điều chỉnh các mối quan hệ lớn tạo thành chỉnh thể 10 mối quan hệ lớn có tính quy luật, đó là: 1- Giữa ổn định, đổi mới và phát triển; 2- Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; 3- Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; 4- Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; 5- Giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; 6- Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; 7- Giữa xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN; 8- Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; 9- Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; 10- Giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Về các lĩnh vực chủ yếu: Đảng ta xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng, mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng XHCN; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; gắn với phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; gắn kết nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài, trong đó phát huy nguồn lực con người; khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước với sự tham gia của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng; tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa được triển khai theo phương thức rút ngắn. Về văn hóa, xã hội và con người, đã bổ sung nội dung mới về tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam cho phát

triển đất nước. Đại hội XIII của Đảng khẳng định quan điểm quản lý phát triển xã hội bền vững là thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Về lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cũng có bước phát triển nhận thức mới, đó là bổ sung nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị cùng với xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối ngoại, Đại hội XII của Đảng phát triển và bổ sung nội dung: ổn định chính trị là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Về xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh, Đảng ta nhấn mạnh: Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Về lĩnh vực đối ngoại, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục bổ sung, phát triển và làm sâu sắc thêm nội dung: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Tóm lại, lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH có nhiều nội dung, mỗi nội dung có quy luật phát triển riêng, gắn với thực tiễn lịch sử từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng của Việt Nam. Sự sáng tạo của Đảng ta trong những nội dung cốt lõi của lý luận về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam đã và đang từng bước góp phần bổ sung, hoàn thiện và làm giàu thêm lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH, tạo cơ sở và niềm tin vào xã hội tương lai.

3. Tiếp tục hoàn thiện lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Kể từ khi đất nước được giải phóng, bằng cách nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn

hơn, sâu sắc hơn về CNXH và con đường đi lên CNXH. Tiếp tục phát triển hoàn thiện lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH là nhiệm vụ quan trọng, là phương thức tốt nhất để xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta nhận định đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất lẫn tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Điều này cho thấy, Đảng ta đã xác định được tính đúng đắn của những quan điểm lý luận làm nền tảng cho quá trình đổi mới đất nước theo mục tiêu CNXH. Tuy nhiên, yêu cầu đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng XHCN đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới, bổ sung và hoàn thiện lý luận để thúc đẩy quá trình hiện thực hóa mục tiêu đã xác định. Đây là cơ sở quan trọng cho việc hình thành đường lối đúng đắn, xác định đặc trưng, phương hướng cũng như phương cách phù hợp để chúng ta tiếp tục xây dựng CNXH trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, Nxb CTQG-ST, H., 1995, t.4, tr.628

[2] C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, Nxb CTQG-ST, H., 1995, t.4, tr.466-467

[3] C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, Nxb CTQG-ST, H., 1995, t.19, tr.33

[4] C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, Nxb CTQG-ST, H., 1995, t.19, tr.33

[5] C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, Nxb CTQG-ST, H., 1995, t.19, tr.35-36

[6] V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006, Tập 40, tr.39-40

[7] V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, Tập 33, tr.116, 119, 121

[8] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 11, tr. 610.

BẢO VỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH NĂM 2024

TS. Phan Thị Thu Hiền

Khoa Đầu tư, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Email: hienpt@neu.edu.vn

Theo xu hướng phổ biến chung trên thế giới, đổi mới sáng tạo được đánh giá là một trong những chỉ số phát triển quan trọng, là yếu tố định hướng trung tâm phát triển của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nằm trong những quốc gia có quyết tâm cao về đổi mới sáng tạo, Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện các yếu tố thúc đẩy đổi mới sáng tạo hiệu quả.

Trải qua hơn 35 năm đổi mới và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tuy vậy, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường; thuận lợi, thời cơ đan xen với khó khăn, thách thức, đặt ra nhiều vấn đề mới, cấp bách đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách, mọi cơ hội xuyên tạc chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc ta, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc nền tảng tư tưởng của Đảng ta hòng làm giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Trước tình hình đó, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa sống còn trong bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trước tình hình đó, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa sống còn

trong bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó là trách nhiệm chính trị, nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị; trong đó người cán bộ quản lý là một trong những lực lượng tiên phong, đi đầu và luôn xác định rõ. Bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là bảo vệ nền tàng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, quyết định sự sống còn của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái, thù địch hiện nay còn gặp không ít những khó khăn và thuận lợi đan xen.

Chống phá cách mạng Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, các thế lực thù địch có sự điều chỉnh về thủ đoạn "diễn biến hòa bình" rất nguy hiểm. Những năm gần đây, các thế lực thù địch hướng trọng tâm vào chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là "mũi đột phá", "cây cầu dẫn vào trận địa" để chống Đảng, chống chế độ ta. Họ ra sức lợi dụng xuyên tạc, công kích, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tất yếu lịch sử vì nó bắt nguồn từ "sự lạc hậu, lỗi thời của bản thân chủ nghĩa Mác - Lênin"; và bởi, "chủ nghĩa xã hội mà Mác nêu ra chỉ là một lý tưởng, một chủ nghĩa xã hội "không tưởng", không bao giờ thực hiện được"; "Chủ nghĩa Mác - Lênin không phù hợp với hiện thực Việt Nam", v.v. Không những thế, họ còn công kích, đối lập chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc con đường phát triển của dân tộc đã được Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta lựa chọn. ,... Chúng cố tình quên rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã giành chính quyền từ tay ngoại xâm để xây dựng một nước Việt Nam mới độc lập, tự chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi qua các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc mà còn cả trong xây dựng đất nước. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới, đời sống của người dân được cải thiện và nâng cao… là minh chứng sinh động nhất cho việc Đảng là đại diện cho ý nguyện và lợi ích của nhân dân. Nhân dân thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng, gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng ta. Do đó, chúng ta phải luôn tỉnh táo, nhận diện đúng, xem xét, phân tích,

để vạch trần bản chất và có biện pháp phòng, chống hiệu quả. Do đó, chúng ta phải tuyệt đối không được lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, dẫn tới bị động, lúng túng trong cuộc chiến "không khói súng" nhưng đầy cam go, quyết liệt này.

Với đường lối đã thống nhất, Đảng ta luôn kiên định và tiếp tục khẳng định việc trung thành với mục tiêu, con đường đã chọn thông qua các bài viết, bài phát biểu chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo, các đối tượng thù địch phát tán nhiều tài liệu có nội dung phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xuyên tạc chủ nghĩa xã hội là học thuyết "lạc đường", đi ngược lại sự phát triển của nhân loại, đã bị hầu hết quốc gia trên thế giới bài trừ. Từ bản chất quy thành hiện tượng, sự việc nhỏ thổi phồng thành sự việc lớn, nhân quyền với tuyệt đối hóa quyền của cá nhân,… là mưu đồ của các thế lực thù địch hòng chống phá nền tảng tư tưởng, làm cho Đảng mất phương hướng lãnh đạo, mục ruỗng từ bên trong để họ dễ bề thực hiện mưu đồ xóa bỏ vai trò cầm quyền, lãnh đạo của Đảng.

Một trong những trọng tâm của chiến lược "Diễn biến hòa bình", chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng là thực hiện mưu đồ "phi chính trị hóa". Về thực chất của mưu đồ này là lôi kéo một số lực lượng cán bộ, công nhân viên, sinh viên xa rời hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và lý tưởng chiến đấu vì độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; dẫn đến một số cán bộ, nhân viên bị tha hóa, biến chất về chính trị, phai nhạt về lý tưởng chiến đấu, mục ruỗng về mặt tổ chức và bị vô hiệu hóa, không còn sức mạnh, công cụ bạo lực trung thành để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc; lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Tổ quốc và Nhân dân. Lý tưởng chiến đấu của người đảng viên là vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân. Đó là lý tưởng chính trị - đạo đức không chỉ mang tính cách mạng và khoa học, mà còn thấm đượm tính nhân văn sâu sắc. Lý tưởng chiến đấu đó, thể

hiện tình cảm sâu nặng và trách nhiệm chính trị - đạo đức cao cả của người đảng viên đối với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân. Lý tưởng đó đã thể hiện cụ thể trong nhiều văn kiện của Đảng trong đó có Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị khóa XII đã khẳng định: *"Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước".*

Đất nước ta trong những năm qua đã thể hiện rõ nét những thành tựu đổi mới, nâng cao đáng kể chất lượng đời sống nhân dân. Những thành quả của tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội đã khẳng định đường lối xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là đúng đắn. Thực tiễn lịch sử phát triển của nhân loại đã cho thấy, không có con đường nào chỉ có thuận lợi mà không có khó khăn, hay nói cách khác - không bao giờ có con đường chỉ đầy hoa hồng. Chính vì vậy, không thể vì những khó khăn trước mắt mà hoài nghi con đường chân chính - đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, nhân dân Việt Nam đã chọn.

Chính trị, xã hội ổn định, dân trí ngày càng cao, các quyền tự do, dân chủ ngày càng được thực hành rộng rãi trong xã hội. Những giá trị này hoàn toàn phù hợp với lý tưởng của Mác, với tâm nguyện của Hồ Chí Minh. Coi trọng tự do và dân chủ, quá trình dân chủ hóa trong Đảng và dân chủ hóa trong xã hội chính là thành công của tất cả cán bộ, đảng viên, của mọi người dân Việt Nam. Đây là nền tảng để có được sự ổn định của đất nước, đại đoàn kết dân tộc, là tiền đề để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Dân tộc Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, thiết tha quan tâm đến tình hình đất nước. Khác với một số xã hội người dân có thể lãnh cảm với chính trị, chỉ quan tâm đến cá nhân mà không quan tâm đến cái chung thì ngược lại, ở Việt Nam trên nhiều phương diện, tinh thần trách nhiệm xã hội của người dân rất cao. Người dân không chỉ biết đến quyền lợi, mà còn thấu hiểu trách nhiệm, nghĩa vụ công dân của mình; không chỉ biết đến cá nhân mà còn biết đến cộng đồng, đến

cái chung; không chỉ quan tâm đến bản thân mình mà còn quan tâm đến người nghèo, người yếu thế trong xã hội.

Quá trình hội nhập quốc tế mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội mới, biết được nhiều kinh nghiệm quốc tế, học được từ nhiều tấm gương của thế giới, tiếp xúc với các hệ giá trị, các tinh hoa văn hóa nhân loại, qua đó vươn lên để khẳng định vị thế Việt Nam. Việt Nam là một quốc gia đa dạng văn hóa, rộng mở, bao dung, truyền thống này rất thích hợp với yêu cầu hội nhập của xã hội hiện đại. Chủ nghĩa Mác - Lênin ăn sâu bám rễ được ở Việt Nam, hòa quyện với văn hóa Việt Nam chính nhờ tinh thần bao dung này

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, đồng thời cũng là nền tảng tư tưởng chỉ đạo mọi hoạt động trong công tác quân sự, quốc phòng, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc luôn đi đúng hướng, sát yêu cầu nhiệm vụ, thực sự trở thành công cụ bạo lực sắc bén để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân, "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Do đó, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng yếu hiện nay, phải thể hiện rõ vai trò là một trong những lực lượng tiên phong, đi đầu trong trận chiến không khói súng này, phải phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, "phi chính trị hóa", người cán bộ quản lý luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, xác định tốt mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, không bị tác động bởi sự chống phá của các thế lực thù địch, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ yêu cầu của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, quan điểm thù địch thì cán bộ, đảng viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã và đang thực hiện các vấn đề sau:

Trước hết, *tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng, đảm bảo cho việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đạt mục đích, yêu cầu đề ra.* Ngay sau khi Bộ Chính trị (khóa XII) ban hành các nghị quyết, kế hoạch[([1])]về tăng cường

bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới,… Bộ Giáo dục đào tạo và Các trường Đại học, trong đó có Trường đại học kinh tế quốc dân đã tổ chức học tập, phổ biến Nghị Quyết này và đồng thời đưa ra giải pháp nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm chỉ đạo thống nhất trong Đảng bộ. Đồng thời, theo dõi, chỉ đạo các cấp ủy Đảng về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng Quy chế, bảo đảm trang thiết bị hoạt động, hoàn thiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục. Cấp ủy các cấp trong Đảng bộ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã quán triệt, ra nghị quyết chuyên đề, xây dựng kế hoạch thực hiện; phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng, tạo mạng lưới sâu rộng đấu tranh kiên quyết với mưu đồ chống phá của các thế lực thù địch. Qua đó, thống nhất về mặt tư tưởng, định hướng hoạt động, xây dựng quyết tâm, chỉ đạo thực tiễn bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống", "xây" là cơ bản, "chống" phải quyết liệt, hiệu quả".

Hai là, Tuyên truyền và vận động tới mọi Đảng viên luôn thực hiện tốt các chủ trường đường lối pháp luật của Đảng, Nhà nước các qui định liên quan.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc xây dựng, tổ chức lực lượng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Tùy theo đặc điểm, tình hình, các cấp ủy tổ chức cơ sở đảng còn có vai trò xây dựng các lực lượng tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; vận động và tập hợp đông đảo quần chúng tham gia; đồng thời đề ra các phương án, cách thức tổ chức phù hợp để phát huy vai trò của từng lực lượng; huy động cơ sở vật chất, các phương tiện kỹ thuật, nhân lực… tham gia nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Vận động, tổ chức để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, sinh viên, các tổ chức và công nhân viên bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái. Với năng lực, trình độ và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên để trực tiếp tham gia vào nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng bằng những hình thức

khác nhau như viết tin bài, chia sẻ thông tin tích cực, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, sinh viên và công nhân viên nhận diện những thông tin có nội dung xấu độc… Từ đó, tạo hiệu ứng tích cực, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu để cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân làm theo. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, sinh viên và công nhân viên tại Trường. Qua việc kiểm tra, giám sát đó, kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm của các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ; tuyên dương, nhân rộng những cách làm hay, những mô hình sáng tạo, hiệu quả.

Ba là, *tổ chức đấu tranh công khai trên báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng, Internet, mạng xã hội.* Bám sát nhiệm vụ chính trị, tình hình thực tiễn tại mỗi khoa, phòng ban, đơn vị phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo, đài Trung ương, địa phương, cộng tác viên trong mọi tầng lớp quần chúng, nhằm đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Chú trọng và biểu dương kịp thời những tấm gương điển hình tiên tiến, những cách làm hay hiệu quả của cá nhân, tập thể khi thực hiện nhiệm vụ này, … tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội, sức "đề kháng", khả năng "tự miễn dịch" của nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Bám sát các sự kiện chính trị, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch để đặt bài viết chuyên sâu, tài liệu chuyên khảo, thông tin định hướng đấu tranh của chuyên gia, nhà khoa học, tổ công tác, cộng tác viên tích cực làm tài liệu tuyên truyền, định hướng đấu tranh trên Internet, mạng xã hội.

Bốn là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhất là Luật An ninh mạng; các quy tắc ứng xử trên môi trường mạng xã hội đối với cán bộ, đảng viên, sinh viên và công nhân viên để nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong chấp hành các quy định của Đảng và Nhà nước về quyền thông tin, phạm vi thông tin khi tham gia các mạng xã hội. Mỗi người phải ý thức được quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia các mạng xã hội để không trở thành "cái loa" không

công hay vô trình trở thành "cộng tác viên", tiếp tay các thế lực phản động, thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta; đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do, dân chủ, đưa tin bịa đặt, sai sự thật.

Năm là, cấp ủy, người đứng đầu tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của đảng viên, công nhân viên, sinh viên để có biện pháp giải quyết kịp thời. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng, dư luận xã hội phải cụ thể, chính xác (về nội dung, đối tượng) để có biện pháp xử lý cụ thể. Tuyệt đối không được dựa vào "tin đồn" theo kiểu "nghe nói" mà không có chủ thể cụ thể. Phát hiện sớm những đối tượng lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để gây ảnh hưởng xấu đến nội bộ cơ quan, tổ chức. Đồng thời, chủ động nắm tình hình, phát hiện sớm hoạt động chống phá của các thế lực phản động, thù địch, phần tử hận thù, bất mãn, cơ hội chính trị, kém hiểu biết ... để đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của chúng. Khi phát hiện các vụ việc, sự kiện "nhạy cảm" có thể trở thành "điểm nóng", cần tích cực, khẩn trương, chỉ đạo thống nhất, đồng loạt công tác đấu tranh phản bác, kể cả trên mạng xã hội và các công cụ truyền thông. Điều quan trọng là phải biết đối tượng chống phá là ai; nội dung, hình thức chống phá của họ là gì; âm mưu, thủ đoạn tiến hành của họ; đối tượng mà họ hướng tới là ai ... Bởi vậy, cần làm tốt công tác quản lý, lãnh đạo, định hướng tư tưởng, cung cấp thông tin, trao đổi nghiệp vụ, đảm bảo công tác tư tưởng phải đi trước một bước. Có như vậy thì chúng ta mới có đối sách đấu tranh phù hợp, hiệu quả.

Sáu là, đối diện với kẻ thù tư tưởng được tổ chức khá chu đáo, được trang bị vũ khí lý luận và tư tưởng, khoa học công nghệ và phương tiện hiện đại, có âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, cần xây dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt, chuyên trách tinh gọn, đủ mạnh, có trình độ hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách, pháp luật, am hiểu tình hình thực tiễn của đất nước, của thế giới, có tâm huyết, bản lĩnh, dũng khí và nghệ thuật đấu tranh, vượt qua mọi cám dỗ để hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng của cả hệ thống chính trị trong thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị./.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Phát huy vai trò của mình. Với tư cách là người Giảng viên, cán bộ quản lý trong trường học tôi luôn chủ động, tiên phong, đi đầu trên mặt trận này, gương mẫu chấp hành tốt các chủ trương, đường lối pháp luật của Đảng, Nhà nước, các qui định của ngành, trường, và nơi cư trú, góp phần làm thất bại mưu đồ chống phá của các thế lực thù địch, xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, tạo điều kiện, tiền đề vững chắc toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, quyết tâm mạnh mẽ hơn để phấn đấu thực hiện mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vững bước đi lên theo định hướng XHCN.

Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chủ động đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Xây dựng một nước Việt Nam đổi mới, dân tộc Việt Nam phát triển sánh vai với các nước trên thế giới theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. Nguyễn Xuân Thắng

Viện đào tạo Sau đại học

Tóm tắt: *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, đòi hỏi sự chung tay góp sức của mỗi cá nhân để bảo vệ thành trì tư tưởng của Đảng, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của Đảng và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thông qua bài viết này, tác giả đã nhấn mạnh vai trò sống còn của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng đối với sự tồn tại và phát triển của Đảng, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bài viết cũng đã phân tích những thách thức gay gắt mà công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đang đối mặt. Trên cơ sở những phân tích bài viết cũng đề xuất các giải pháp đồng bộ, hiệu quả để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.*

Giới Thiệu

Trên con đường cách mạng đầy gian nan, thử thách, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn giữ vững ngọn cờ tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa đất nước ta từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nền tảng tư tưởng của Đảng chính là kim chỉ nam soi sáng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, là nguồn sức mạnh to lớn giúp toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới biến động không ngừng, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, bên cạnh những thành tựu to lớn trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, vẫn còn một số thách thức cần được quan tâm giải quyết. Các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách để xuyên tạc, phủ nhận thành tựu của cách mạng, bôi nhọ hình ảnh của Đảng, gieo rắc hoang mang, chia rẽ trong nội bộ Đảng và nhân dân, kích động bạo loạn, chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay là nhiệm vụ sống còn, là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân. Mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, tích cực tham gia vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân và dân tộc Việt Nam trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc.

Nội Dung

1. Nền tảng tư tưởng

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống những quan điểm, lý luận cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về mục tiêu, con đường và phương pháp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, được Đảng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước. Đây là hệ thống tư tưởng khoa học, đúng đắn, phản ánh quy luật khách quan của lịch sử phát triển xã hội, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, là nền tảng tinh thần vững chắc cho sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

1.1. Các thành phần cơ bản của nền tảng tư tưởng của Đảng

Hệ thống lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin: Là nền tảng tư tưởng chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới, là kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng và nhân dân ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: Là đỉnh cao của trí tuệ Việt Nam, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc, là tinh hoa của văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Kinh nghiệm thực tiễn của cách mạng Việt Nam: Là nguồn quý báu để Đảng rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, là cơ sở để Đảng đề ra đường lối, chính sách đúng đắn, phù hợp với thực tiễn.

1.2. Vai trò của nền tảng tư tưởng của Đảng

Xác định phương hướng, mục tiêu cho sự nghiệp cách mạng: Nền tảng tư tưởng giúp Đảng xác định đúng đắn mục tiêu, lý tưởng của cách mạng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng: Nền tảng tư tưởng soi sáng con đường cho Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến lên, là cơ sở để Đảng đề ra đường lối, chính sách đúng đắn, lãnh đạo nhân dân ta đi lên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn: Nền tảng tư tưởng là động lực tinh thần to lớn, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

• Bảo vệ sự thống nhất trong tư tưởng

Nền tảng tư tưởng của Đảng là nền tảng chung mà mọi Đảng viên cần phải hiểu và tuân theo. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng giúp bảo vệ sự thống nhất trong tư tưởng, hướng dẫn mọi hoạt động của Đảng và nhân dân. Sự thống nhất trong tư tưởng là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự ổn định và phát triển của Đảng, là nền tảng để xây dựng và thực hiện các chính sách, định hướng phát triển của Đảng.

• Đảm bảo sự phát triển bền vững của Đảng và đất nước

Nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của Đảng, mà còn là kim chỉ nam cho sự phát triển của Đảng và đất nước. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng giúp đảm bảo sự phát triển bền vững của Đảng và đất nước. Nền tảng tư tưởng của Đảng là nguồn lực quan trọng để Đảng và nhân dân vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đổi mới, phát triển, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh.

• Phòng chống các quan điểm sai trái, thù địch

Trong quá trình hoạt động, Đảng luôn phải đối mặt với những quan điểm sai trái, thù địch. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng giúp Đảng có cơ sở để phản bác, chống lại những quan điểm này, bảo vệ lợi ích của nhân dân và quy luật phát triển của xã hội. Đảng cần phải đấu tranh mạnh mẽ để phản bác, chống lại những quan điểm sai trái, thù địch, đồng thời giáo dục nhân dân hiểu rõ, tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng.

• Nâng cao ý thức và trách nhiệm của Đảng viên

Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng cũng giúp nâng cao ý thức và trách nhiệm của Đảng viên trong việc tuân thủ, phát huy và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mỗi Đảng viên cần phải nắm vững nền tảng tư tưởng, phải có ý thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần vào sự phát triển chung của Đảng và đất nước.

2. Các thách thức trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn, mang tính tổng thể, phức tạp, gay gắt và tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

2.1. Sự tác động phức tạp của tình hình thế giới và trong nước

- Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- Các giá trị văn hóa, tư tưởng phương Tây, phi truyền thống du nhập mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến nhận thức, hành vi, lối sống của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.
- Các thế lực thù địch, phản động lợi dụng các vấn đề nhạy cảm về chính trị, tư tưởng, tôn giáo, dân tộc để chống phá Đảng, Nhà nước, hòng xóa bỏ niềm tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Hoạt động tuyên truyền, "diễn biến hòa bình", "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" diễn ra tinh vi, xảo quyệt, len lỏi vào mọi ngóc ngách của đời sống xã hội, gây hoang mang, dao động trong nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

2.2. Bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, còn non kém

- Dễ bị tác động bởi các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, đặc biệt trên môi trường mạng.
- Giảm sút niềm tin vào lý tưởng, mục tiêu của Đảng, chủ nghĩa xã hội.

- Có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, xa rời các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2.3. Năng lực tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn hạn chế

- Nội dung, hình thức tuyên truyền chưa đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.
- Chưa chú trọng đến việc tuyên truyền, giáo dục cho các đối tượng cụ thể, nhất là thế hệ trẻ.
- Việc sử dụng các công nghệ thông tin trong tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn hạn chế.

2.4. Sự thiếu hụt về đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng

- Số lượng cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng còn hạn chế.
- Chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng chưa được quan tâm đúng mức về chế độ đãi ngộ, chính sách.

2.5. Bên cạnh những thách thức trên, còn có một số thách thức khác như:

- Ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, ích kỷ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.
- Tình trạng tham nhũng, lãng phí, vi phạm pháp luật còn diễn ra.
- Vấn đề việc làm, an sinh xã hội chưa được giải quyết triệt để.

3. Giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

3.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

- **Tăng cường tuyên truyền, giáo dục:**

➢ Tổ chức các hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về tầm quan trọng, tính cấp bách của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

➢ Sử dụng đa dạng các kênh thông tin như báo chí, truyền hình, mạng xã hội, văn nghệ, giáo dục... để tuyên truyền, giáo dục về vấn đề này.

➢ Lồng ghép nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và các chương trình đào tạo khác.

- **Đẩy mạnh nghiên cứu:**
  - ➢ Nghiên cứu lý luận về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới.
  - ➢ Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên các lĩnh vực khác nhau như chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội...
  - ➢ Nghiên cứu các thủ đoạn, phương thức chống phá của các thế lực thù địch và có giải pháp đối phó hiệu quả.
- **Nâng cao nhận thức của mỗi cá nhân:**

➢ Mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cần nâng cao nhận thức về trách nhiệm của bản thân trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

➢ Mỗi người cần tự giác rèn luyện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, đạo đức, lối sống.

➢ Mỗi người cần tích cực tham gia vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tại cộng đồng nơi mình sinh sống.

3.2. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ

- **Đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, giáo dục:**

o Nội dung tuyên truyền, giáo dục cần bám sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới và đặc điểm của từng đối tượng.

➢ Sử dụng các hình thức tuyên truyền, giáo dục phong phú, đa dạng như hội thảo, tọa đàm, sân khấu, phim ảnh, mạng xã hội...

➢ Tận dụng tối đa hiệu quả của các phương tiện truyền thông đại chúng, đặc biệt là mạng xã hội, để tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng.

- **Chú trọng giáo dục lý tưởng, niềm tin:**

➢ Giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ

trẻ, về lý tưởng, mục tiêu của Đảng, chủ nghĩa xã hội.

➢ Giáo dục cho thế hệ trẻ lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

➢ Giáo dục cho thế hệ trẻ lối sống văn minh, lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

- **Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống:**

➢ Giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về đạo đức, lối sống Hồ Chí Minh.

➢ Giáo dục cho thế hệ trẻ lối sống văn minh, khoa học, phù hợp với giá trị đạo đức truyền thống.

➢ Phê phán những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống trong xã hội.

3.3. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

- **Đảm bảo tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất:** Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cần được xây dựng một cách đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và pháp luật hiện hành.
- **Rõ ràng hóa trách nhiệm:** Cần quy định rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- **Có chế tài xử lý nghiêm minh:** Cần có chế tài xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm về tư tưởng, chính trị, nhất là những hành vi xâm phạm nền tảng tư tưởng của Đảng.

3.4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng

- **Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ:**

➢ Tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng.

➢ Nội dung bồi dưỡng cần tập trung vào các vấn đề như lý luận chính trị, nghiệp vụ tuyên truyền, kỹ năng sử dụng mạng xã hội...

- **Nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận:**
  - ➢ Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận.
  - ➢ Khuyến khích đội ngũ cán bộ tham gia các nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tư tưởng, chính trị.
- **Tạo điều kiện về vật chất, tinh thần:**

➢ Cần có chế độ đãi ngộ thỏa đáng về lương, thưởng, phụ cấp cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng.

➢ Cải thiện điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, tài liệu cần thiết.

3.5. Có giải pháp hiệu quả để xử lý các vi phạm về tư tưởng, chính trị

- **Phát hiện sớm:**

➢ Tăng cường công tác theo dõi, giám sát để phát hiện sớm các hành vi vi phạm về tư tưởng, chính trị.

➢ Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng trong việc phát hiện các hành vi vi phạm về tư tưởng, chính trị.

- **Xử lý kịp thời:**

➢ Khi phát hiện các hành vi vi phạm về tư tưởng, chính trị cần xử lý kịp thời, đúng quy định pháp luật.

➢ Tránh để các hành vi vi phạm kéo dài, lan rộng.

- **Có biện pháp giáo dục, răn đe:**

➢ Đối với các hành vi vi phạm nhẹ cần áp dụng các biện pháp giáo dục, răn đe để nâng cao nhận thức cho người vi phạm.

➢ Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng cần xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật.

3.6. Giải quyết các vấn đề về kinh tế - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

- **Phát triển kinh tế - xã hội:**

➢ Tập trung phát triển kinh tế - xã hội một cách nhanh chóng, bền vững, gắn với tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường.

➢ Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

➢ Giảm nghèo bền vững.

- **Giải quyết tốt các vấn đề về việc làm, an sinh xã hội:**

➢ Tạo ra nhiều việc làm cho người dân, nhất là thanh niên.

➢ Có chính sách bảo trợ xã hội đối với những người có hoàn cảnh khó khăn.

➢ Giảm thiểu các tệ nạn xã hội.

- **Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:**

➢ Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

➢ Chống lại các biểu hiện văn hóa đồi trụy, phản văn hóa.

➢ Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc.

3.7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

- **Huy động toàn Đảng, toàn dân tham gia:**

➢ Cần huy động toàn Đảng, toàn dân tham gia vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

➢ Mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cần ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

➢ Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể tham gia vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- **Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng:**

➢ Các cấp ủy Đảng cần quan tâm, lãnh đạo trực tiếp công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên địa bàn mình.

➢ Ban hành các nghị quyết, chỉ thị về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

➢ Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- **Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể:**

➢ Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cần phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

➢ Chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

➢ Tổ chức các hoạt động chung về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3.8. Sử dụng hiệu quả các công nghệ thông tin trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

- **Xây dựng và quản lý hiệu quả các trang thông tin điện tử, mạng xã hội của Đảng:**

➢ Cần xây dựng và quản lý hiệu quả các trang thông tin điện tử, mạng xã hội của Đảng.

➢ Cung cấp thông tin chính thống về tư tưởng, chính sách của Đảng trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội.

➢ Phản bác kịp thời các thông tin sai trái, thù địch trên mạng xã hội.

- **Tận dụng các công nghệ thông tin để tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng:**

➢ Sử dụng các hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng trực tuyến như hội thảo trực tuyến, bài giảng trực tuyến, video clip...

➢ Tận dụng các mạng xã hội để tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

- **Phát hiện, xử lý các vi phạm trên mạng:**

➢ Tăng cường công tác theo dõi, giám sát trên mạng để phát hiện các vi phạm về tư tưởng, chính trị.

➢ Có biện pháp xử lý kịp thời các vi phạm trên mạng.

3.9. Gắn kết công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với các nhiệm vụ khác của Đảng

- Cần gắn kết công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với các nhiệm vụ khác của Đảng như xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh...
- Bảo đảm công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất với các nhiệm vụ khác của Đảng.

Kết luận

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ sống còn, có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, phát triển của Đảng và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần có sự chung tay góp sức của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân cần ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các cấp ủy Đảng cần quan tâm, lãnh đạo trực tiếp công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên địa bàn mình. Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cần phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Cần sử dụng hiệu quả các công nghệ thông tin trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Gắn kết công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với các nhiệm vụ khác của Đảng.

Bằng sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, tin chắc rằng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng sẽ được thực hiện tốt, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của Đảng và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

PGS.TS Đặng Thị Lệ Xuân

Khoa Kế hoạch và Phát triển

Tóm tắt: *Đã gần 80 năm nước ta được khai sinh, gần 50 năm kể từ khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu lớn trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận người dân chưa đánh giá hết được vai trò của Đảng, một số thế lực chống phá phủ nhận hoặc cố tình nguỵ biện, xuyên tạc vai trò của Đảng. Trong khuôn khổ có hạn, bài viết bàn về vai trò vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam*

Từ khóa: *Đảng, Kinh tế, Kinh tế Việt Nam,*

1. Kinh tế Việt Nam giai đoạn 1955-1974

Sau khi thua trận tại Điện Biên Phủ, nước Pháp đã phải buộc ngồi vào bàn đàm phán và ký kết hiệp định Genève với các nội dung: công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, công nhận chủ quyền của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại cả hai miền Bắc và Nam vỹ tuyến 17, khẳnh định đường ranh giới quân sự tạm thời (vĩ tuyến 17) không thể diễn giải bằng bất cứ cách nào rằng đó là một biên giới phân định về chính trị hay lãnh thổ. Hiệp định bị vi phạm bởi Pháp và Mỹ, chúng dựng lên chế độ tai sai tại miền nam Việt Nam, hình thành chế độ nguỵ quyền Việt Nam cộng hoà.

Có nhiều quan điểm sai trái cho rằng nếu không có sự kiện 30-4-1975, và miền nam vẫn theo chế độ cũ thì họ sẽ phát triển như Hàn Quốc hay Nhật Bản ngày nay. Bài viết trước tiên sẽ thống kê các con số phản ánh bức tranh kinh tế của miền Nam Việt Nam dưới chế độ cũ (gọi tắt là kinh tế Việt Nam cộng hòa) và sau đó sẽ có các bình luận cần thiết.

1.1. Tổng quan về nền kinh tế của Miền Nam dưới chế độ ngụy quyền

Tính chung giai đoạn 1955-1975, kinh tế Việt Nam Cộng hòa phát triển trung bình 3,9%/năm (bình quân đầu người tăng 0,8% mỗi năm), trong khi kinh tế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát triển bình quân 6%/năm (GDP đầu người tăng khoảng 3% mỗi năm). Con số cụ thể được mô tả trong bảng sau:

Bảng 1: Tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Việt Nam Cộng hòa và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn 1955-1975

đơn vị: triệu USD, tính theo thời giá 2015

Năm	1956	1958	1960	1963	1965	1967	1968	1970	1972	1973	1974
Việt Nam Cộng hòa	11.283	12.714	15.274	16.422	13.515	-	-	10.917	9.140	10.030	10.285
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	2.587	-	4.113	4.702	6.000	6.406	6.983	10.689	11.313	11.145	11.422

Nguồn: A.G. Vinogradov

Ở thời điểm 1956, Tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Việt Nam Cộng hòa cao gấp 4,4 lần so với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bởi miền Bắc Việt Nam bị tàn phá nặng nề trong Chiến tranh Đông Dương giữa Việt Minh với liên minh Pháp-Quốc gia Việt Nam, trong khi lãnh thổ miền Nam ít bị chiến tranh tàn phá hơn nhiều. Giai đoạn 1965-1972 các trận ném bom dữ dội của Hoa Kỳ đã làm giảm hiệu suất của kinh tế ở miền Bắc khoảng 3 tới 4 lần. Đến năm 1972 trở về sau thì tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa đã vượt cao hơn so với Việt Nam Cộng hòa.

Giai đoạn 1955-1973, nhìn chung, Việt Nam Cộng hòa có mức GDP bình quân đầu người cao hơn so với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nguyên nhân là từ mức viện trợ kinh tế cực kỳ lớn từ Mỹ. Tuy nhiên, vào năm 1974, khoảng cách GDP bình quân đầu người giữa 2 miền Việt Nam đã biến mất, GDP bình quân đầu người 2 miền đã ở mức ngang nhau vào năm 1974

Bảng 2: GDP bình quân đầu người của Việt Nam Cộng hòa và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn 1955-1975

đơn vị: USD/người/năm

Năm	1956	1958	1960	1962	1964	1966	1968	1970	1972	1974
Việt Nam Cộng hòa	62	88	105	100	118	100	85	81	90	65
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	40	50	51	68	59	60	55	60	60	65

Nguồn (9)

Việt Nam Cộng hòa có nền kinh tế phụ thuộc vào viện trợ, (trong 21 năm, khối lượng viện trợ kinh tế mà Hoa Kỳ cho Việt Nam Cộng Hòa là rất lớn, đạt hơn 10 tỷ USD -thời giá thập niên 1960). Sự phồn vinh ở các đô thị không phải do nội tại nền kinh tế mà là nhờ nguồn viện trợ khổng lồ của Mỹ và chi tiêu của quân viễn chinh Mỹ. Phần lớn viện trợ được Việt Nam Cộng hòa dùng để nuôi bộ máy hành chính và quân đội, nhập khẩu hàng tiêu dùng và nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng chứ không phải để đầu tư phát triển. Do vậy, một số đô thị có bề ngoài phồn vinh, hàng hóa và xe cộ tấp nập, nhưng thật ra hàng hóa đều là nhập khẩu bằng tiền viện trợ Mỹ. Trong khi đó thì ở vùng nông thôn, những người nông dân phải chịu đựng sự tàn phá dưới bom đạn của Mỹ, để lại sự nghèo khổ gần như tuyệt đối cho nông thôn miền Nam. Giai đoạn 1971-1975, lượng viện trợ hàng năm mà Mỹ dành cho Việt Nam Cộng hòa còn lớn hơn tổng số của cải mà nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa làm ra. Sức sản xuất nội tại thì yếu ớt, công nghiệp nhỏ bé (chỉ chiếm khoảng 8-10% GDP). Các mặt hàng quan trọng thì gần như đều phải nhập khẩu chứ không tự làm ra được như xăng, dầu nhớt, dầu khí, dầu diesel, gạo, phân bón, đường, xi măng, sắt thép, máy móc, thiết bị...Các lĩnh vực quan trọng như năng lượng, giao thông rất kém phát triển. Hơn nữa, kinh tế Việt Nam Cộng hòa nằm dưới sự kiểm soát của giới thương nhân người Hoa. Trước năm 1975, ở miền Nam, Hoa kiều kiểm soát gần như toàn bộ các vị trí kinh tế quan trọng, và đặc biệt nắm chắc 3 lĩnh vực quan trọng: sản xuất, phân phối và tín dụng. Đến cuối năm 1974, người Hoa kiểm soát hơn 80% các cơ sở sản xuất của

các ngành công nghiệp thực phẩm, dệt may, hóa chất, luyện kim, điện... và gần như đạt được độc quyền thương mại: 100% bán buôn, hơn 50% bán lẻ và 90% xuất nhập khẩu . Suốt 20 năm tồn tại, Việt Nam Cộng hòa luôn nhập siêu . Tổng cộng trong 20 năm, tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam Cộng hòa vào khoảng 10 tỷ USD. Trong khi đó, giá trị xuất khẩu chỉ đạt 996,6 triệu USD (bằng 1/10 giá trị nhập khẩu). Trung bình mỗi năm, cán cân xuất nhập khẩu bị thâm hụt khoảng 500 triệu USD (tương đương với 50% GDP của cả miền Nam). Nguồn trang trải cho sự thâm hụt này dựa vào viện trợ của Hoa Kỳ.

James M. Carter, giáo sư Đại học Drew nhận xét trong sách Inventing Vietnam: The United States and State Building, 1954-1968: Giới chức bị sốc khi thấy cuộc chiến tàn phá nông thôn, thúc đẩy dòng tị nạn khổng lồ (khoảng bốn triệu trong năm 1968) đổ dồn vào vùng đô thị, vào các trại tị nạn dọc vùng biển.

Sự méo mó kinh tế cũng gây hậu quả khủng khiếp. Sự có mặt mở rộng của Mỹ và chương trình viện trợ quân sự gây sốt lạm phát. Chi phí đời sống tăng 74% vào quý hai năm 1966. Một năm sau, giá cả tăng 190% so với mức của 1965... Lạm phát tiếp tục leo thang, làm hàng hóa và tiền mặt vương vãi trên thị trường chợ đen, và rồi chảy vào kho chứa an toàn từ Nhật, Hong Kong, sang các ngân hàng châu Âu. Một viên chức than rằng chiến tranh đã tạo thành "bản giao hưởng toàn quốc của trộm cắp, tham nhũng và hối lộ".

Chính thể Sài Gòn không thể tự nuôi nổi chính mình; thậm chí không thu đủ lợi tức cho hoạt động hàng ngày. Họ phải phụ thuộc vào viện trợ Mỹ... Từ trước đó, giới chức Mỹ đã thôi nói về xây dựng quốc gia, cải cách ruộng đất, dân chủ, minh bạch. Thay vào đó, họ bàn về một cuộc chiến phải thắng trước những kẻ thù của nhà nước hư cấu "miền Nam Việt Nam" (fictive state).

Quỹ đạo này của chính sách Mỹ khiến người ta gần như không thể nói thực về thành công, thất bại, đặc biệt là với các nhà hoạch định chính sách. Chưa bao giờ Hoa Kỳ đạt tới mục tiêu là chính thể Sài Gòn có thể tự mình tồn tại mà không cần dựa vào viện trợ Mỹ.

Nhà báo Anh David Hotham viết: "Người ta khoe rằng Việt Nam Cộng hòa đã độc lập thật sự, nhưng thật ra không có gì độc lập cả. Một nước làm sao có thể độc lập được khi cả ngân sách của quân đội mình đều do nước ngoài gánh chịu? Một nước làm sao có thể độc lập được khi 80% tiền mua hàng hóa nhập cảng không phải trả bằng tiền bán hàng hóa xuất cảng mà bằng tiền lấy trong ngân khố của Washington".[82] còn James M. Carter, giáo sư Đại học Drew đã nhận xét "Chưa bao giờ "nhà nước hư cấu miền Nam Việt Nam" (fictive state) có thể tự mình tồn tại mà không cần dựa vào viện trợ Mỹ."

Về khía cạnh xã hội: Nhà sử học Stanley I. Kutler viết trong cuốn Encyclopedia of The Vietnam War như sau: Vào năm 1972, có khoảng 800.000 trẻ em mồ côi lang thang trên các vỉa hè trong các đường phố ở Sài Gòn và một số thành phố khác, sống bằng nghề ăn mày, đánh giầy, rửa xe, móc túi và dẫn khách làng chơi về cho chính chị gái và mẹ của chúng. Có vào khoảng 500.000 gái điếm và gái bán bar, trong đó có nhiều người là vợ của quân nhân trong quân đội miền Nam. Họ phải làm cái việc ô nhục này để phụ cho đồng lương chết đói của ông chồng không đủ nuôi cho một người. Ngoài ra, lại còn có khoảng 2 đến 3 triệu người, gồm những người già cả hay thương phế binh của quân đội miền Nam không thể nào tìm được công ăn việc làm.

1.2. Bình luận

Như vậy, từ các con số thống kê trên có thể thấy nền kinh tế của chế độ nguỵ quyền xưa cơ bản là rất yếu ớt, công nghiệp nhỏ bé, cơ sở hạ tầng kém phát triển. Nền kinh tế chủ yếu do người Hoa nắm giữ, tham nhũng tràn lan và họ chủ yếu sống nhờ viện trợ từ Mỹ, đúng như cựu tổng thống nguỵ Nguyễn Văn Thiệu đã thừa nhận “nô lệ viện trợ toàn diện”. Một nền kinh tế “tầm gửi” không có thực lực như thế sao có thể mơ phát triển như Nhật hay Hàn ngày nay. Một chính thể tay sai cho ngoại bang (Pháp và Mỹ), phá huỷ hiệp định Genève, một chính thể phi pháp, vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hiệp định Genève: điều khoản về độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, điều khoản về chủ quyền của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại cả hai miền Bắc và Nam vỹ tuyến 17, điều

khoản về đường ranh giới quân sự tạm thời (vĩ tuyến 17) không thể diễn giải bằng bất cứ cách nào rằng đó là một biên giới phân định về chính trị hay lãnh thổ. Một chính quyền tham nhũng, đàn áp nhân dân, đi ngược lại với lợi ích quốc gia, dân tộc, phá huỷ hoà bình của đất nước, một chính thể không giữ nổi chính quyền lại đi mơ tới việc trở thành các nước phát triển thì cũng nực cười như chuyện xác chết mơ thành hoa hậu.

2. Kinh tế xa hội của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi tắt là Việt Nam) từ năm 1975 đến nay

2.1. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam từ năm 1976 đến nay

Giai đoạn 1976-1985

Đây là giai đoạn đất nước vừa thống nhất, thực hiện hai kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội là Kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980) và Kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981-1985), nhân dân Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng: Khắc phục từng bước những hậu quả nặng nề của chiến tranh; Khôi phục phần lớn những cơ sở công nghiệp, nông nghiệp, giao thông ở miền Bắc và xây dựng lại các vùng nông thôn ở miền Nam bị chiến tranh tàn phá. Tổng sản phẩm trong nước bình quân mỗi năm trong giai đoạn 1977-1985 tăng 4,65%, trong đó: nông, lâm nghiệp tăng 4,49%/năm; công nghiệp tăng 5,54%/năm và xây dựng tăng 2,18%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội bình quân thời kỳ này tăng 61,6%/năm.

Chính phủ tập trung xóa nạn mù chữ và đẩy mạnh bổ túc văn hóa. Đầu năm 1978, tất cả các tỉnh và thành phố miền Nam đã căn bản xoá nạn mù chữ. Trong tổng số 1.405,9 nghìn người được xác định không biết chữ, có 1.323,7 nghìn người thoát nạn mù chữ. Công tác dạy nghề phát triển cũng mạnh mẽ. Năm 1977, trên cả nước chỉ có 260 trường trung học chuyên nghiệp, hơn 117 nghìn sinh viên và 7,8 nghìn giáo viên. Đến năm 1985, số trường trung học chuyên nghiệp là 314 trường, với quy mô 128,5 nghìn sinh viên và 11,4 nghìn giáo viên (tăng 9% về số sinh viên và 44,9% về số giáo viên so với năm 1977).

Tuy nhiên, nhiều khó khăn vẫn chồng chất, có những giai đoạn tốc độ phát triển âm (xem hình)

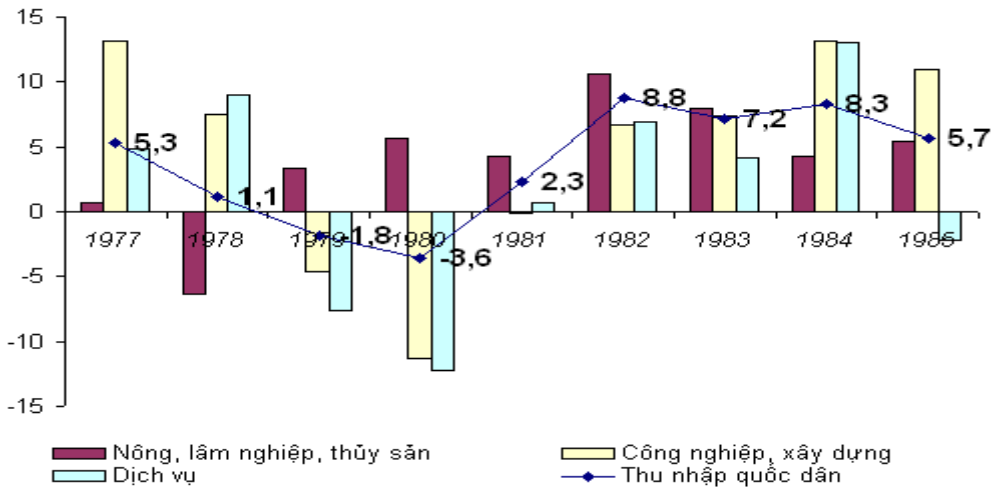

Hình 1: Tốc độ phát triển các ngành giai đoạn 1976-1985

Giai đoạn 1986-2000

Trong thời kỳ này, nước ta đã thực hiện đường lối đổi mới, chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và định hướng xã hội chủ nghĩa. Giai đoạn 1986-2000, tổng sản phẩm trong nước bình quân mỗi năm tăng 6,51%; Năm 2000, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 34,5 triệu tấn, gấp 2,1 lần năm 1986; xuất khẩu gạo đạt 3.477 nghìn tấn, gấp hơn 26 lần.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế và các lĩnh vực xã hội khác được củng cố và tăng cường. Sau 10 năm nỗ lực phấn đấu, đến giữa năm 2000, cả nước hoàn thành chương trình mục tiêu chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Chính sách cải cách tiền lương trong thời kỳ này đã thúc đẩy phát triển sản xuất làm cho đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân đầu người một tháng của dân cư tăng từ khoảng 1.600 đồng năm 1986 lên đến 295.000 đồng năm 1999. Thu nhập tăng nhanh góp phần làm cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của nước ta trong giai đoạn này đạt được những kết quả đáng kể. Nếu như năm 1993, tỷ lệ nghèo chung của Việt Nam tính theo phương pháp của Ngân hàng Thế giới là 58,1%, thì đến năm 1998 tỷ lệ nghèo này giảm xuống còn 37,4%.

Giai đoạn 2001-nay

Trong thời kỳ này, đất nước ta thực hiện hai chiến lược phát triển kinh tế – xã hội là Chiến lược 2001-2010 và Chiến lược 2011-2020 nhằm xây dựng nước

Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Trong thời kỳ này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia Xoá đói giảm nghèo và Việc làm giai đoạn 2001-2005; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo giai đoạn 2006-2010; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Điều này đã góp phần quan trọng giúp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của nước ta trong thời kỳ này đạt được nhiều kỳ tích. Tỷ lệ nghèo chung của Việt Nam tính theo phương pháp của Ngân hàng Thế giới năm 2002 đang ở mức là 28,9%, đến năm 2023 đã giảm xuống 5,71%.

Kinh tế nước ta đã có những biến đổi quan trọng, đạt được nhiều thành tựu to lớn. Kinh tế liên tục tăng trưởng đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp. Quy mô tổng sản phẩm quốc dân là 403 tỷ USD với GDP bình quân đầu người là 4285,5 USD.

Một cách khái quát, sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn vừa qua được mô tả qua hai đồ thị về GDP và GDP/đầu người qua các năm như sau:

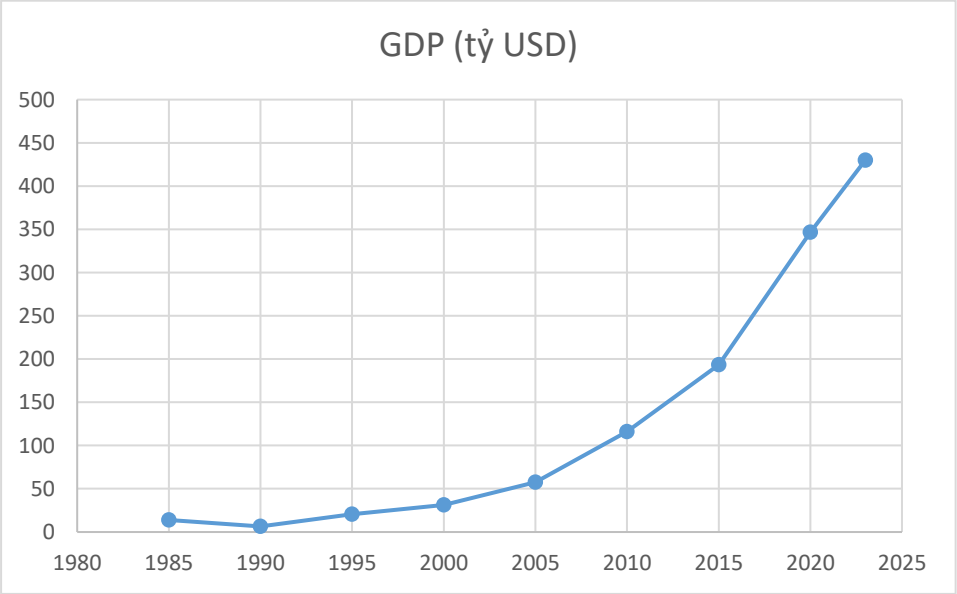

Hình 2: GDP Việt Nam từ 1986 đến nay

Nguồn:Vẽ theo số liệu của ngân hàng thế giới

So vơi năm 1990, GDP hiện nay (2023) đã tăng hơn 66 lần, và từ năm 2015 tới nay thì tốc độ tăng khá lớn. Đi kèm với sự lớn mạnh không ngừng của GDP là GDP bình quân đầu người cũng tăng rất nhanh

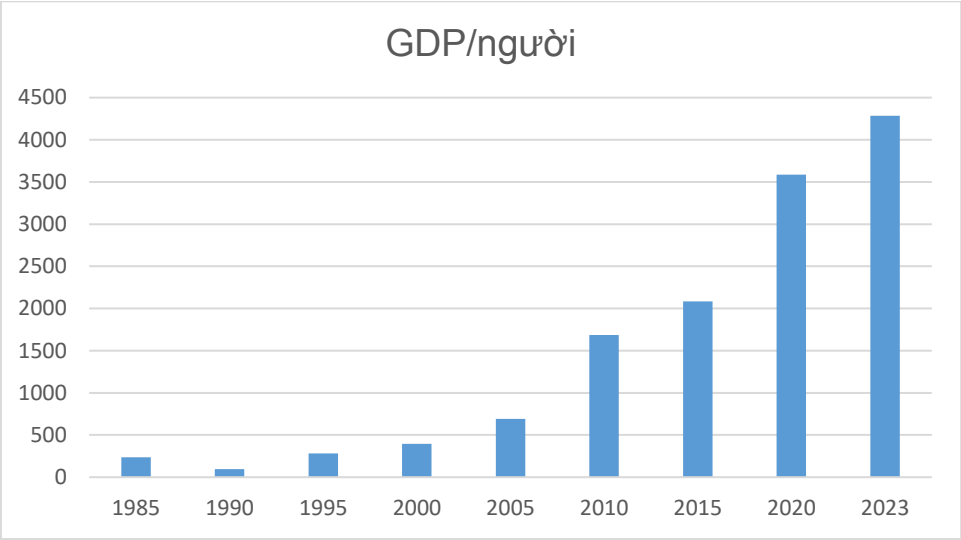

Hình 3: GDP bình quân đầu người của Việt Nam từ 1986 đến nay

Nguồn:Vẽ theo số liệu của ngân hàng thế giới

So với 1990, GDP/người tăng hơn 44 lần (2023), một bước tăng trưởng ngoạn mục

2.2. Đánh giá chung

Trước năm 1945, nước ta dưới sự đô hộ của thực dân Pháp, thân phận người dân nô lệ, đói khổ với gần 2 triệu người chết đói năm 1945, 95% dân số mù chữ, tuổi thọ bình quân chỉ khoảng 32-38 tuổi. Hiện nay, tuổi thọ bình quân người dân trên 73 tuổi, chỉ số phát triển con người *HDI của Việt Nam* năm 2022 là 0,726, đứng thứ 107 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ. Quy mô nền kinh tế Việt Nam hiện đứng thứ 35 trên thế giới, xét trên *quy mô, xuất khẩu của Việt Nam* năm 2021 xếp thứ 23 và nhập khẩu xếp thứ 20 thế giới, xếp hạng thứ 25 thế giới về hấp dẫn vốn FDI. Tính đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 quốc gia trên thế giới. Những dấu ấn trong sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta kể từ năm 1945 khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng toàn diện trên phương diện kinh tế, xã hội, ngoại giao để Việt Nam được thế giới "biết mặt, biết tên", để người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

3. Kết luận

Tuy đất nước còn muôn vàn khó khăn trên con đường bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc 5 châu như Bác Hồ mong ước, vẫn còn nhiều hạn chế trong quá trình phát triển, nhưng nước ta đã đạt được những dấu ấn to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử trên các mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.. làm thay đổi căn bản bộ mặt của đất nước. Từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã chuyển đổi mô hình, hoàn thiện môi trường thể chế, kinh doanh, hội nhập kinh tế sâu rộng, đến nay nền kinh tế nước ta từng bước gia tăng về quy mô; được xếp vào hàng ngũ các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao trên thế giới; trở thành một nước có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục hoàn thiện đường lối xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Không một thể chế nào, một đảng phái nào, một mô hình phát triển nào có thể làm hài lòng mọi người dân bởi lợi ích các cá nhân là khác nhau, nhiều khi mâu thuẫn nhau. Và cũng không cần thiết phải đáp ứng mong muốn nguyện vọng của những đối tượng có lợi ích đi ngược lại với lợi ích của số đông, lợi ích của quốc gia, dân tộc. Đảng ta lãnh đạo đất nước đấu tranh giành lấy độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ, đã mang lại đời sống ấm no hạnh phúc hơn cho tuyệt đại đa số người dân, đặc biệt là dân nghèo, công nhân, nông dân và các đối tượng yếm thế. Bất cứ ai muốn đánh giá về điều gì cần dựa trên thông tin xác thực, cần khách quan chứ không thể dưới góc nhìn chủ quan và hẹp hòi vì lợi ích cá nhân mà phủ nhận những vấn đề mang tính toàn diện của quốc gia dân tộc. Quá trình phát triển nào cũng đầy chông gai chứ không trải hoa hồng. Xuất phát điểm của nước ta rất thấp, địa chính trị phức tạp khiến thù trong giặc ngoài luôn rình rập. Cần nhìn nhận vấn đề một cách sáng suốt để không bị diễn biến hoà bình nhấn chìm hay bị dắt mũi. Nhiệm vụ của mỗi đảng viên chúng ta là làm cho quần chúng hiểu đúng những vấn đề của lịch sử, của hiện tại để đoàn kết cùng chung tay xây dựng đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.G. Vinogradov : Economic growth around the world from ancient times to the present day: Statistical Tables, Phần 1.. WP IPGEB. Trang 88-89
2. Đặng Phong (1991), 21 năm viện trợ Mỹ ở Việt Nam, Nhà xuất bản Viện Nghiên cứu khoa học thị trường giá cả, Hà Nội
3. Encyclopedia of The Vietnam War (New York: Simon & Schuster McMillan: 1996)
4. "Geneva agreement on the cessation of hostilities in viet-nam, ngày 20 tháng 7 năm 1954". Bản gốc *lưu trữ ngày 29 tháng 11 năm 2011*. Truy cập ngày 7 tháng 2 năm 2024.
5. International Socialist Review Issue 33, January–February 2004. From the overthrow of Diem to the Tet Offensive. Vietnam: The war the U.S. lost
6. Những chuyện chưa biết về Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè, Tạp chí Công thương, 16/09/2013
7. Nguyễn Thị Hương (2020), Những dấu ấn quan trọng về kinh tế xã hội trong hành trình 75 năm thành lập và phát triển đất nước qua số liệu thống kế, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 25/2020
8. Phạm Thị Hồng Hà(2012) Kinh Tế Việt Nam Cộng Hòa Dưới Tác Động Của Viện Trợ Hoa Kỳ (1955 - 1975). ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - Đại học Khoa học xã hội & nhân văn 2012.
9. Vuong Quan Hoang: Fledgling Financial Markets in Vietnam's Transition Economy, 1986-2003.
10. Wiest, Andrew. America and the Vietnam War. New York: Routledge, 2010. tr 29.